

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**NGUYỄN THỊ TÍNH**

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN  
Ở TỈNH ĐẮK LẮK TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI, 2015**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**NGUYỄN THỊ TỈNH**

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN  
Ở TỈNH ĐẮK LẮK TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật**

**Mã số: 62 38 01 01**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. Hoàng Thị Kim Quế**

**HÀ NỘI, 2015**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Nội dung và các trích dẫn nêu trong luận án là trung thực.*

Tác giả luận án

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

XHCN  
PBGDPL

Xã hội chủ nghĩa  
Phổ biến giáo dục pháp luật

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| LỜI CAM ĐOAN .....  | 3  |
| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....  | 4  |
| MỞ ĐẦU.....   | 1  |
| CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC - NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU .....  | 6  |
| 1.1 Tình hình nghiên cứu về đề tài ở trong nước.....  | 6  |
| 1.1.1 Nhóm các công trình về giáo dục pháp luật nói chung.....  | 6  |
| 1.1.2 Nhóm các công trình về giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng xã hội cụ thể, địa bàn cụ thể.....         | 10 |
| 1.1.3 Nhóm các công trình về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung..... | 13 |
| 1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài về những vấn đề có liên quan đến đề tài...                                 | 17 |
| 1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu đề tài và các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.....                     | 22 |
| 1.3.1. Đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu.....  | 22 |
| 1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong Luận án.....  | 25 |
| Kết luận Chương 1 .....   | 27 |
| CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN TỈNH ĐẮK LẮK.....                                     | 28 |
| 2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk .                                | 28 |
| 2.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk .....   | 38 |
| 2.2. Đặc trưng của giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk .....  | 41 |
| 2.2.1. Mục tiêu giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.....  | 41 |
| 2.2.1.3. Các mục tiêu giáo dục pháp luật đặc thù cho người dân Đắk Lắk.....                                       | 47 |
| 2.2.2. Nguyên tắc giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.....  | 49 |
| 2.2.3. Chủ thể giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.....   | 54 |
| 2.2.4. Đối tượng giáo dục pháp luật.....  | 60 |
| 2.2.5. Nội dung giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.....  | 66 |

|   |            |
|---|------------|
| 2.2.6. Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắc Lắc.....  | 74         |
| 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắc Lắc.....  | 80         |
| 2.3.1. Ảnh hưởng của yếu tố tự nhiên đến hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắc Lắc.....                                      | 80         |
| 2.3.2. Ảnh hưởng của yếu tố xã hội đến hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắc Lắc.....  | 83         |
| Kết luận Chương 2 .....   | 95         |
| <b>CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG HIỂU BIẾT PHÁP LUẬT VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN TỈNH ĐẮC LẮK.....</b>                       | <b>97</b>  |
| 3.1. Đặc điểm cấu trúc của hiểu biết và nhận thức về pháp luật của người dân Đắc Lắc.....   | 97         |
| 3.1.1. Sự cộng hưởng của nhận thức người dân dưới tác động của pháp luật và luật tục bản địa.....                                     | 97         |
| 3.1.2. Thực trạng hiểu biết pháp luật của người dân Đắc Lắc.....  | 102        |
| 3.2. Thực trạng giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắc Lắc .....   | 106        |
| 3.2.1. Đánh giá về những kết quả đã đạt được.....   | 106        |
| 3.2.2. Đánh giá về những tồn tại, hạn chế.....  | 116        |
| 3.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.....  | 120        |
| Kết luận Chương 3 .....   | 122        |
| <b>CHƯƠNG 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN TỈNH ĐẮC LẮK HIỆN NAY .....</b>                       | <b>124</b> |
| 4.1. Bối cảnh thực tiễn phát triển đất nước và tỉnh Đắc Lắc đòi hỏi phải tăng cường giáo dục pháp luật cho người dân trong tỉnh ..... | 124        |
| 4.1.1. Nhà nước pháp quyền XHCN và những vấn đề đặt ra đối với hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắc Lắc .....          | 124        |
| 4.1.2. Nền kinh tế thị trường và những vấn đề đặt ra đối với hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắc Lắc.....             | 130        |

|  |     |
|--|-----|
| 4.1.3. Chủ trương tích cực, chủ động hội nhập quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.....  | 132 |
| 4.1.4. Định hướng phát triển vùng Tây Nguyên và tỉnh Đắk Lắk và vấn đề đặt ra đối với giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk .....  | 132 |
| 4.1.5. Hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải được thực hiện theo chủ trương xã hội hoá giáo dục pháp luật của nhà nước.....   | 133 |
| 4.2. Quan điểm tăng cường giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk ....   | 134 |
| 4.2.1. Giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk cần gắn kết để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh đối với khu vực Tây Nguyên và tỉnh Đắk Lắk.....                         | 134 |
| 4.2.2. Đa dạng hóa các hình thức giáo dục pháp luật, kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức, luật tục, giáo dục gia đình, nhà trường và cộng đồng.....  | 134 |
| 4.2.3. Dựa trên nhu cầu, phù hợp với đặc điểm cư dân, đặc thù địa bàn, trình độ dân trí của tỉnh Đắk Lắk.....  | 135 |
| 4.2.4. Tham khảo kinh nghiệm các nước trong khu vực ASEAN và một số nước trên thế giới về giáo dục pháp luật cho người dân .....   | 135 |
| 4.2.5. Xác định người dân đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số bản địa, và người dân nhập cư sinh sống trên địa bàn tỉnh làm trung tâm khi xây dựng, thực hiện các chính sách và triển khai các hoạt động giáo dục pháp luật..... | 136 |
| 4.2.6. Gắn kết giữa giáo dục pháp luật và giáo dục luật tục bản địa (Ê Đê, M'ông).....   | 137 |
| 4.3 Các giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.  | 139 |
| 4.3.1. Nâng cao nhận thức lý luận và tổng kết thực tiễn về giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk.....   | 139 |
| 4.3.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk.....   | 142 |
| 4.3.3. Xã hội hoá hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk.....  | 145 |
| 4.3.4. Đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk.....  | 148 |

|   |            |
|---|------------|
| <i>4.3.5. Tăng cường nguồn lực bảo đảm thực hiện tốt hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk .....</i>      | <i>150</i> |
| <i>4.3.6. Thay đổi phương thức giáo dục pháp luật cho người dân, có chính sách hợp lý về đất đai cho người bản địa.....</i> | <i>151</i> |
| Kết luận Chương 4 .....   | 154        |
| KẾT LUẬN .....  | 155        |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....   | 163        |



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết phải nghiên cứu đề tài

Những năm qua, trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và chủ động hội nhập quốc tế, Trong các kỳ đại hội gần đây Đảng ta đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường công tác tổ chức thực hiện pháp luật, đưa nhanh pháp luật vào cuộc sống. Trong bối cảnh đó, công tác giáo dục pháp luật nói chung, trên từng lĩnh vực, địa bàn, nhóm đối tượng cụ thể nói riêng được quan tâm, chú trọng, với nhiều chủ trương, chính sách được ban hành mà điểm nhấn là việc Nhà nước ta ban hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như các Chương trình, Đề án về PBGDPL. Đến nay, thể chế, chính sách về PBGDPL về cơ bản đã hoàn thiện, tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất, đồng bộ xác định rõ quyền được thông tin pháp luật của người dân cũng như trách nhiệm của các cấp, các ngành, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác tổ chức thực thi pháp luật, gắn kết với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống; nâng cao nhận thức pháp luật, dân trí pháp lý, từng bước bảo đảm quyền được thông tin pháp luật của công dân, xây dựng lối sống tuân thủ, chấp hành Hiến pháp và pháp luật trong mỗi người dân. Công tác PBGDPL được triển khai bài bản, hiệu quả và thực chất hơn, nội dung và hình thức phong phú hơn, bám sát nhu cầu của người dân và yêu cầu của việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của các Bộ, ngành, địa phương; gắn với những vấn đề dư luận xã hội quan tâm, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng, thi hành với bảo vệ pháp luật. Những kết quả mang lại từ thực tiễn đã khẳng định vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác PBGDPL trong đời sống pháp luật, không chỉ nâng cao nhận thức pháp luật, văn hóa pháp lý của người dân mà còn góp phần vào việc đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật, bảo vệ pháp luật khỏi các hành vi xâm hại.

Tuy nhiên, xuất phát từ vị trí địa chính trị, địa kinh tế - văn hóa và xã hội của tỉnh Đắk Lắk và tính chất, đặc điểm tâm lý, tư tưởng đặc thù của dân cư sinh sống trên địa bàn tỉnh, công tác giáo dục pháp luật cho người dân theo mô hình lý luận về giáo dục pháp luật chung trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và nhu cầu của người dân. Nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể về vị trí, vai trò, ý nghĩa của giáo dục pháp luật có lúc, có thời điểm chưa đầy đủ. Nhận thức pháp luật của người dân không đồng đều, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số còn rất hạn chế. Nội dung, hình thức giáo dục pháp luật chưa phù hợp với đặc điểm, địa bàn và người dân trong tỉnh; chưa làm rõ những yếu tố ảnh hưởng và mối quan hệ giữa giáo dục pháp luật với giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phong tục, tập quán, nhất là trong mối quan hệ với giáo dục luật tục của đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh. Cơ chế phối hợp và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong triển khai hoạt động giáo dục pháp luật còn chưa rõ. Nguồn lực bảo đảm cho công tác giáo dục pháp luật còn hạn chế, chưa tương xứng với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ (cả về nhân lực và kinh phí, cơ sở vật chất), chưa bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền được thông tin pháp luật của người dân. Đặc biệt giáo dục pháp luật ở Đắk Lắk thời gian qua chưa được đặt trong mối quan hệ hài hoà với giáo dục luật tục của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa. Tình trạng đó dẫn đến xung đột giữa pháp luật và luật tục, tranh chấp đất đai giữa người nhập cư và người dân tộc thiểu số bản địa kéo dài trong nhiều năm, tạo điều kiện cho thế lực thù địch lợi dụng kích động chống phá chính quyền, phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và nhà nước ta. Thực tế đã có thế lực lợi dụng tình trạng này để tuyên bố thành lập nhà nước ĐEGA độc lập trên địa bàn Đắk Lắk và lan rộng ra các tỉnh Tây Nguyên.

Vì vậy, cần phải có một mô hình lý luận đặc thù về giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk nên việc lựa chọn nghiên cứu đề tài "***Giáo dục pháp luật cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay***" trong khuôn khổ một Luận án tiến sĩ luật học là thực sự cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực.

## **2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

*Đối tượng nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

*Phạm vi nghiên cứu:* Trong Luận án, phạm vi người dân tập trung vào hai nhóm người chính đó là nhóm người dân tộc thiểu số bản địa Ê Đê, M'ông và nhóm dân nhập cư trong giai đoạn đổi mới đất nước từ 2000 - 2015; khái niệm pháp luật được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm hệ thống pháp luật thực định và các tri thức văn hoá pháp luật trong đời sống. Phạm vi nghiên cứu của Luận án là bám sát yêu cầu, của thực tiễn phát triển đất nước trong mối quan hệ với phát triển vùng Tây Nguyên và địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Thực trạng vấn đề nghiên cứu được đánh giá tập trung vào giai đoạn 2005 - 2015.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài**

Mục đích của Luận án là nghiên cứu toàn diện, có hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, đề xuất mục tiêu, quan điểm và giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk trong những thời gian tới.

Để đạt được mục đích trên, Luận án có các nhiệm vụ:

- Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu về đề tài giáo dục pháp luật nói chung và cho người dân tỉnh Đắk Lắk nói riêng; chỉ ra những kết quả đã đạt được và dự kiến những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

- Nghiên cứu, làm sáng tỏ mô hình lý luận đặc thù về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk, bao gồm: Khái niệm, vai trò, đặc trưng, hiệu quả và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.

- Nghiên cứu, làm sáng tỏ cơ sở thực tiễn giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk hiện nay bám sát các đặc trưng của giáo dục pháp luật và điều kiện thực tiễn của tỉnh Đắk Lắk, nhất là sự tác động của các nhân tố khách quan và chủ quan đến thực trạng giáo dục pháp luật cho người dân sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh.

- Dựa trên các vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận án xác định mục tiêu, xây dựng các quan điểm và đề xuất các giải pháp đổi mới giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, về chính sách dân tộc đối với

đồng bào dân tộc thiểu số; lý luận về pháp luật và giáo dục pháp luật; chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục pháp luật; lý luận về điều chỉnh pháp luật và điều chỉnh xã hội, về dân chủ và thực hành dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, tiếp tục hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thực thi pháp luật, phát huy nhân tố con người; bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Phương pháp luận được sử dụng trong Luận án là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác – Lênin được vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam và điều kiện đặc thù của tỉnh Đắk Lắk.

Phương pháp nghiên cứu: Luận án sử dụng phương pháp logic - lịch sử để nghiên cứu chương 1, 2 và 3; phương pháp hệ thống - cấu trúc, quy nạp, diễn dịch để nghiên cứu chương 2, 3 và 4; phương pháp phân tích tổng hợp tại tất cả các chương; khái quát hóa trừu tượng hóa tại chương 2, 3; luật học so sánh tại chương 1 và 2, phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích thực tiễn và các phương pháp của xã hội học pháp luật được sử dụng tại chương 1, 2 và 3 của Luận án. Ngoài ra, các phương pháp nghiên cứu khoa học hiện đại cũng được lồng ghép trong quá trình nghiên cứu luận án.

## **5. Những đóng góp mới về khoa học của Luận án**

Luận án là tài liệu chuyên khảo đầu tiên ở nước ta nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk một cách toàn diện, có hệ thống và có các điểm mới sau:

*Một là*, Đánh giá khái quát tình hình nghiên cứu đề tài, chỉ ra những kết quả đã được nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

*Hai là*, Xây dựng mô hình lý luận khoa học đặc thù về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk như: Khái niệm, vai trò, đặc trưng và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.

*Ba là*, Lần đầu tiên thực trạng giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk được phân tích, đánh giá một cách khoa học dưới tác động của nhân tố khách quan, chủ quan (kết quả đã đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân) làm tiền đề thực tiễn để xác định mục tiêu, quan điểm, giải pháp đổi mới.

*Bốn là*, Luận án xác định rõ mục tiêu, quan điểm và đề xuất một số giải pháp đổi mới giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án**

- Luận án là công trình khoa học đầu tiên ở nước ta nghiên cứu tương đối toàn diện, có hệ thống về cơ sở lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, Luận án góp phần bổ sung vào hệ thống lý luận về giáo dục pháp luật nói chung, cho nhóm đối tượng, địa bàn đặc thù nói riêng. Đây là tài liệu có ý nghĩa tham khảo về phương diện lý luận và thực tiễn cho quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật cũng như cơ chế tổ chức, triển khai thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk và các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh.

- Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật; giáo dục pháp luật đối với các địa bàn, đối tượng đặc thù. Luận án có thể là tài liệu tham khảo trong quá trình giảng dạy môn học Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; giáo dục pháp luật trong các nhà trường, cơ sở nghiên cứu; trong các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL cũng như chương trình trung cấp luật.

## **7. Bố cục của Luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Luận án gồm 4 chương, được chia thành 11 tiết.

## CHƯƠNG 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC - NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

Để có cái nhìn khách quan, toàn diện về vấn đề nghiên cứu, tìm ra yếu tố có thể kế thừa, bổ sung và phát triển, Chương 1 của Luận án sẽ tìm hiểu tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk đã được công bố ở trong nước và ngoài nước.

#### 1.1 Tình hình nghiên cứu về đề tài ở trong nước

##### 1.1.1 Nhóm các công trình về giáo dục pháp luật nói chung

Có thể khẳng định rằng giáo dục pháp luật là đề tài được quan tâm nghiên cứu khá sớm ở Việt Nam và được khai thác trên nhiều bình diện rộng, hẹp khác nhau. Trong nhóm công trình thuộc lý luận chung về giáo dục pháp luật các nhà nghiên cứu tiếp cận chủ yếu các vấn đề về ý thức pháp luật, văn hóa pháp luật và lối sống tuân theo pháp luật.

Nghiên cứu lý luận về ý thức pháp luật, văn hóa pháp luật và lối sống tuân theo pháp luật là hướng nghiên cứu có tác dụng làm căn cứ cho việc nắm bắt về thực trạng và nhu cầu xã hội đối với việc giáo dục pháp luật cho nhân dân nói chung và nói riêng là cho các đối tượng, dân cư, cán bộ cụ thể, đồng thời, ý thức pháp luật chính là mục tiêu cần đạt được của công tác giáo dục pháp luật. Vì vậy, có thể nói rằng, hầu hết các nghiên cứu về giáo dục pháp luật, phổ biến pháp luật đều bắt đầu từ việc nghiên cứu, đánh giá về thực trạng ý thức pháp luật, cấu trúc của ý thức pháp luật và ảnh hưởng của ý thức pháp luật đối với việc xây dựng chương trình và xác định hình thức, phương thức giáo dục pháp luật.

Các luận án Phó tiến sĩ: “Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật ở Việt Nam” của Nguyễn Đình Lộc thực hiện năm 1978 tại Trường ĐHTH Matxcova” [77]; “Ý thức pháp luật và pháp chế XHCN ở Việt Nam” của Vũ Đức Khiển thực hiện năm 1982 tại VHL KHXH thuộc BCHTW Đảng Cộng sản Liên Xô [72]; Đề tài cấp Nhà nước, mã số KX 07-17 “Xây dựng ý thức và lối sống tuân theo pháp luật” do

GS.TSKH Đào Trí Úc làm chủ nhiệm (1995) có thể được coi là những công trình nghiên cứu sớm nhất về ý thức pháp luật, mở ra một hướng nghiên cứu cơ bản trong khoa học pháp lý Việt Nam. Kế đó là các công trình nghiên cứu nhiều mặt về ý thức pháp luật của tác giả Hoàng Thị Kim Quế “Bàn về ý thức pháp luật” Tạp chí Luật học số 1/2003, Vũ Minh Giang “Xây dựng lối sống theo pháp luật – nhìn từ góc độ lịch sử truyền thống” Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 1/1993. Với cách tiếp cận đó, hầu hết các nghiên cứu về giáo dục pháp luật, phổ biến pháp luật đều bắt đầu từ việc nghiên cứu, đánh giá về thực trạng ý thức pháp luật, cấu trúc của ý thức pháp luật và ảnh hưởng của ý thức pháp luật đối với việc xây dựng chương trình và xác định hình thức, phương thức giáo dục pháp luật.

Cũng từ hướng tiếp cận trên, GS.TSKH Đào Trí Úc đã công bố hai chuyên khảo rất có giá trị, cả về mặt lý luận và thực tiễn: “*Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật*” [133] và “*Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*” [134]. Trong các chuyên khảo này, tác giả đã làm rõ các kênh phổ biến pháp luật, đặt phổ biến pháp luật trong quan hệ với xây dựng ý thức, lối sống tuân theo pháp luật và nhấn mạnh sự hiểu biết pháp luật của nhân dân là yếu tố đầu tiên để hình thành ý thức pháp luật; pháp luật phải qua nhiều hình thức khác nhau mới đến được với người dân và trở thành sự hiểu biết về pháp luật, tri thức pháp luật [134, tr.633].

Ngoài hướng tiếp cận trên trong một số công trình nghiên cứu, bài viết ở chừng mực nhất định cũng đề cập đến vị trí, vai trò của ý thức pháp luật cũng như nhận diện về nó từ góc độ cấu trúc nội dung, nguồn gốc, cơ sở xã hội của quá trình hình thành và phát triển ý thức pháp luật ở Việt Nam qua đó làm rõ những yếu tố hợp thành ý thức pháp luật của cá nhân như hiểu biết pháp luật, nhận thức về pháp luật, tình cảm và thái độ đối với pháp luật [49]. Một trong những nội dung quan trọng về ý thức pháp luật được các tác giả đề cập đến trong các công trình của mình là hiện tượng coi thường pháp luật hay còn gọi là tư tưởng “hư vô pháp luật” và nguồn gốc, nguyên nhân của nó trong xã hội nước ta. Theo các tác giả, hiện tượng đó bắt nguồn từ nhiều phía: do các yếu tố lịch sử: sự áp bức của thực dân - phong kiến đã tạo nên sự phủ nhận những gì đi liền với sự áp bức đó, là công cụ cho sự áp

bức đó, trong đó có pháp luật; tâm lý của những người dân “sống sau lũy tre xanh” coi trọng lệ làng hơn phép nước; sự tồn tại quá lâu của cơ chế hành chính, quan liêu, bao cấp trong đời sống xã hội, trong quản lý kinh tế v.v... [49, 66, 77, 134].

Các tác giả Vũ Minh Giang, Nguyễn Đình Lộc còn xem xét hiện tượng coi thường pháp luật như một xu hướng tư tưởng chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi học thuyết Nho giáo với cách nhìn tiêu cực về các giá trị của pháp luật [49, tr.11-21]; [77, tr.49-61]; còn các tác giả Lê Minh Tâm, Nguyễn Thị Việt Hương lại nhìn nhận vấn đề này từ đặc điểm của dân chủ làng xã cổ truyền Việt Nam trước đây [66, 118]. Một số công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật còn đặt trong mối quan hệ với văn hóa pháp luật và đi đến khẳng định giáo dục pháp luật phải đạt được mục tiêu cuối cùng là sự tôn trọng pháp luật và có “hành vi, thói quen ứng xử phù hợp với pháp luật trong mọi tình huống. Nói cách khác, theo hướng nghiên cứu này, xây dựng ý thức pháp luật phải gắn liền với yêu cầu hình thành văn hóa pháp luật, đưa hiểu biết và nhận thức đúng đắn về pháp luật lên thành nếp sống và thói quen ứng xử và hành động theo những hướng tích cực nhất, ổn định nhất [110, 106, 134].

Nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật phải nói đến đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ do Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý và Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp phối hợp thực hiện: *"Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phổ biến, giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới"* [159]. Từ kết quả nghiên cứu của đề tài trên, Bộ Tư pháp đã xuất bản số chuyên đề rất có giá trị: *"Tuyên truyền giáo dục pháp luật"* [155]. Theo ấn phẩm này, các vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục pháp luật đã được nghiên cứu tương đối toàn diện và có hệ thống như bản chất, mục đích, vai trò, chủ thể, khách thể, đối tượng của giáo dục pháp luật. Ấn phẩm này cũng đã nhận diện và làm rõ nội dung, hình thức, phương tiện, phương pháp và hiệu quả của giáo dục pháp luật. Kế thừa hướng nghiên cứu của đề tài trên đây, cuốn sách chuyên khảo: *"Bàn về giáo dục pháp luật"* của Trần Ngọc Đường và Dương Thanh Mai đã đề cập và giải quyết hầu hết những vấn đề cơ bản của lý luận về giáo dục pháp luật như: bản chất của giáo dục pháp luật, quan hệ giữa giáo dục pháp luật với giáo dục tư tưởng, đạo đức, chính trị; làm rõ mục đích, vai



trò của giáo dục pháp luật, chủ thể, khách thể, đối tượng, nội dung, phương tiện, hình thức, phương pháp; hiệu quả của giáo dục pháp luật...[47].

Một nguồn tài liệu nghiên cứu về giáo dục pháp luật cần phải nói đến đó là hệ thống giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật trong nước đều đề cập và làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục pháp luật, gắn với xây dựng, hình thành ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý. Các vấn đề đã được nghiên cứu, nhận diện và làm rõ bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và quá trình giáo dục pháp luật; những yếu tố tác động; thậm chí có công trình nghiên cứu còn đề ra một số biện pháp để thực hiện tốt hơn công tác này cả trước mắt và lâu dài [106, tr.452-454]; [119, tr.447-449]; một số nghiên cứu cũng đã làm rõ mục đích của giáo dục pháp luật và đề ra những biện pháp cụ thể để công tác giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân đạt kết quả [132, tr.430-434]. Ngoài ra, một số chuyên khảo còn nghiên cứu về giáo dục pháp luật gắn với quá trình hình thành nhân cách; phân tích, làm rõ nội dung, nguyên tắc và hình thức giáo dục pháp luật, từ đó đi vào làm rõ các vấn đề về giáo dục pháp luật đối với người chưa thành niên [80].

Tác giả Trần Ngọc Dũng lại nghiên cứu về giáo dục pháp luật gắn với quá trình thi hành hiến chương Asean để làm rõ các vấn đề như vai trò của giáo dục pháp luật trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường hội nhập toàn diện của Việt Nam trong phạm vi Asean và quốc tế; phân tích, đánh giá chính sách của Nhà nước Việt Nam về giáo dục pháp luật; làm rõ hệ thống và chương trình giáo dục pháp luật của Việt Nam; chỉ ra những thành tựu, những khiếm khuyết, bất cập của sự nghiệp giáo dục pháp luật Việt Nam trong những năm qua [21].

Trong khuôn khổ một số bài viết, tác giả Hoàng Thị Kim Quế còn nhận diện và làm rõ hơn về hiệu quả của PBGDPL ở nước ta hiện nay [107]; tác giả Nguyễn Thu Thủy còn phân tích, làm rõ các vấn đề liên quan đến chất lượng giáo dục pháp luật và các tiêu chí đánh giá [126]. Có thể khẳng định các nghiên cứu này đã góp phần bổ sung những thiếu hụt trong các nghiên cứu lý luận trước đây về giáo dục pháp luật.

### ***1.1.2 Nhóm các công trình về giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng xã hội cụ thể, địa bàn cụ thể***

Qua khảo sát các nghiên cứu, có thể điểm qua một số Luận án tiến sĩ và bài viết trên các tạp chí chuyên ngành luật có liên quan đến đề tài giáo dục pháp luật trên một số đối tượng, địa bàn, lĩnh vực cụ thể đáng kể sau đây:

Hướng nghiên cứu về giáo dục pháp luật gắn với từng nhóm đối tượng cụ thể là hướng nghiên cứu được nhiều đề tài luận án quan tâm cụ thể là:

- Luận án Tiến sĩ Luật học của Đinh Xuân Thảo: "*Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay*" [120]. Luận án đã nghiên cứu và làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong các trường đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề từ góc độ đánh giá, phân tích thực trạng, rút ra những bài học kinh nghiệm làm cơ sở cho việc đề xuất các phương hướng và giải pháp thực hiện tốt hơn công tác này.

- Luận án tiến sĩ Luật học: "*Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam*" của Phan Hồng Dương [24]. Luận án đã phân tích, làm rõ cơ sở lý luận của giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam. Từ những vấn đề lý luận, luận án còn phân tích, đánh giá và làm rõ thực trạng, xây dựng các quan điểm và đề xuất các giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án tiến sĩ Luật học: "*Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam*" của Trần Thị Sáu [112]. Luận án đã nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giáo dục pháp luật cho học sinh trong các trường trung học phổ thông ở Việt Nam theo hình thức giáo dục cơ bản từ năm 2000 đến nay và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho học sinh trong các trường trung học phổ thông trong thời gian tới.

- Luận án tiến sĩ xã hội học: "*Vai trò giáo dục pháp luật đối với phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam thuộc Bộ Công an (Nghiên cứu trường hợp trại giam Nam Hà)*" của Dương Văn Đại [25] đã nhận diện và làm rõ nhiều vấn đề lý

luận và thực tiễn về vai trò giáo dục pháp luật đối với phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam từ góc nhìn xã hội học.

- Luận án Phó tiến sĩ Luật học: "*Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam (bằng thực tiễn của tòa án và luật sư)*" của Dương Thị Thanh Mai [82]. Luận án đã nghiên cứu và làm rõ vị trí, vai trò của giáo dục pháp luật trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam; phân tích, làm rõ những đặc trưng của công tác giáo dục pháp luật, từ đó đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp.

Ngoài hướng tiếp cận từ góc độ luật học, một số luận án, công trình nghiên cứu còn tiếp cận giáo dục pháp luật từ góc độ xã hội học gắn với từng lĩnh vực, địa bàn cụ thể, đáng kể là một số công trình nghiên cứu sau đây:

- Luận án tiến sĩ xã hội học: "*Giáo dục pháp luật cho con cái trong gia đình hiện nay*" của Đoàn Thị Thanh Huyền [64]. Luận án đã hệ thống hóa các khái niệm, lý thuyết sử dụng trong nghiên cứu; tìm hiểu tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật tại tỉnh Quảng Ninh hiện nay; nhận diện thực trạng giáo dục pháp luật cho con cái lứa tuổi trung học cơ sở, trung học phổ thông trong các gia đình tại tỉnh Quảng Ninh thông qua nghiên cứu nhận thức của các bậc cha mẹ; nội dung, phương pháp giáo dục; hiệu quả của giáo dục pháp luật trong gia đình; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật cho con cái trong gia đình ở Quảng Ninh hiện nay; đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của giáo dục pháp luật cho con cái trong gia đình.

Ngoài các Luận án tiến sĩ luật học, có thể kể đến một số đề tài khoa học cấp Bộ của Khoa Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh như "*Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta hiện nay*" hoặc trong một số chuyên khảo của Nguyễn Đình Đăng Lục như cuốn sách: "*Giáo dục pháp luật trong nhà trường*" [79]; "*Vai trò của pháp luật trong quá trình hình thành nhân cách*" [80] đã dành một dung lượng đáng kể để nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù là người chưa thành niên, đặc biệt là trẻ em. Cuốn sách chuyên khảo "*Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại*

giam ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam" của Ngô Văn Trù cũng đã phân tích cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam, khảo sát tình hình phạm nhân, đánh giá thực trạng công tác giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở các tỉnh miền núi phía Bắc [129]. Cuốn sách: "*Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*" của Dương Thành Trung đã phân tích và làm rõ một số vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và thực trạng công tác giáo dục pháp luật. Từ đó đề xuất các quan điểm và giải pháp tăng cường nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu [9130].

- Công trình nghiên cứu: "*Một số biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật của một số đối tượng bị thiệt thòi trong xã hội*" của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp) [162] cũng đã nhận diện và làm rõ bối cảnh và hạn chế trong tiếp cận hệ thống pháp luật của một số nhóm đối tượng bị thiệt thòi; khái quát, đánh giá về hoạt động nâng cao hiểu biết pháp luật; PBGDPL, nghiên cứu so sánh về hiệu quả của các biện pháp nâng cao hiểu biết pháp luật của nhóm đối tượng này...

Hướng nghiên cứu giáo dục pháp luật trên từng địa bàn cụ thể cũng có nhiều đề tài, công trình nghiên cứu được triển khai thực hiện, cụ thể là:

- Cuốn sách: "*Một số vấn đề giáo dục pháp luật ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số*" [9] đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá và làm rõ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giáo dục pháp luật theo địa bàn với những cách thức tiến hành cụ thể; làm rõ hiệu quả của các hoạt động thực tiễn với những số liệu khá phong phú của các địa phương như Hà Nội, Thanh Hóa v.v.

- Một số luận văn thạc sĩ luật học được bảo vệ thành công trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật đã nghiên cứu đề tài giáo dục pháp luật tại một số địa bàn, đối tượng cụ thể như: Trần Văn Trâm: "*Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Bình Định*" (2002); Quách Văn Trang: "*Tăng cường công tác giáo dục pháp luật cho cán bộ chính quyền cơ sở tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn hiện nay*" (2002); Hoàng Trung Thành: "*Giáo dục pháp luật cho nông dân tỉnh Thái*

*Bình trong giai đoạn hiện nay*” (2004); Lê Thị Xuân Hương: “*Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức cấp xã ở các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa*” (2009); Đinh Thị Loan: “*Giáo dục pháp luật cho đồng bào thiểu số ở tỉnh Hà Giang*” (2010); Đặng Quang Tuân: “*Phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực giao thông-qua thực tiễn tỉnh Quảng Bình*” (2012); Đỗ Hồng Kỳ: “*Phổ biến, giáo dục pháp luật của xã, phường trên địa bàn thành phố Thanh Hóa*” (2012); Nguyễn Thị Kim Ngân: “*Phổ biến, giáo dục pháp luật ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội*” (2013); Nguyễn Thị Kim Nhung: “*Phòng chống tham nhũng từ phương diện phổ biến, giáo dục pháp luật đối với cán bộ, công chức bộ máy hành chính nhà nước*” (2014) ..v.v..Các công trình này cũng đã nghiên cứu, phân tích làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trên những địa bàn, đối tượng, lĩnh vực cụ thể và đề ra một số giải pháp đổi mới.

Từ các công trình nghiên cứu trên đây có thể khẳng định, các tác giả Việt Nam đã vận dụng khá nhuần nhuyễn các vấn đề lý luận chung về giáo dục pháp luật để giải quyết các vấn đề cụ thể, gắn với nhóm đối tượng, địa bàn và trên các lĩnh vực cụ thể mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ. Các công trình đó đã vận dụng một cách sáng tạo, nhuần nhuyễn những vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật để đi sâu giải quyết các vấn đề chuyên ngành của lĩnh vực này, hướng đến nhóm các đối tượng, địa bàn cụ thể để tìm ra những tương đồng, khác biệt trong hoạt động giáo dục pháp luật.

### ***1.1.3 Nhóm các công trình về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung***

#### ***1.1.3.1. Nhóm công trình nghiên cứu về Tây Nguyên nói chung***

- Đề tài TN3/X18: “*Vai trò của một số nhóm xã hội các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững Tây Nguyên*” do TS Bùi Văn Đạo làm Chủ nhiệm [166]. Đề tài hướng đến mục tiêu điều tra, khảo sát, nghiên cứu, làm sáng tỏ vai trò, vị trí của các nhóm xã hội đặc thù, gồm già làng, trí thức và phụ nữ các tộc người thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên trong 25 năm đổi mới, rút ra các bài học kinh nghiệm, đề xuất quan điểm, kiến nghị, giải pháp phù hợp, khả thi, làm cơ sở khoa

học cho việc xây dựng chính sách nhằm kế thừa, phát huy hiệu quả vai trò của già làng, trí thức và phụ nữ các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững Tây Nguyên.

- Đề tài TN3/X09: "*Xây dựng luận cứ khoa học cho việc bổ sung và đổi mới hệ thống thể chế phát triển bền vững Tây Nguyên*" do PGS.TS Hà Huy Thành làm Chủ nhiệm [131]. Đề tài đã phân tích, đánh giá tiến trình cải cách và thực trạng hệ thống thể chế phát triển vùng Tây Nguyên từ 1986 đến nay; từ đó chỉ ra các vấn đề thách thức trong việc hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, nguyên nhân và các bài học kinh nghiệm về xây dựng và cải cách hệ thống thể chế phát triển bền vững vùng Tây Nguyên. Đề tài cũng đề xuất và luận giải nhiều quan điểm, định hướng và hệ giải pháp có tính khả thi nhằm bổ sung và đổi mới hệ thống thể chế phát triển bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030.

Một số bài viết, chuyên đề khác cũng khẳng định Đắk Lắk chính là cái nôi của văn hóa Tây Nguyên [194]; ngành văn hoá tỉnh Đắk Lắk cũng đã tiến hành điều tra, nghiên cứu, thực hiện nhiều đề tài như: Văn hoá dân gian Ê-đê; văn hoá dân gian Mnông; các Luật tục, nghi lễ, lễ hội...; sưu tầm được hệ thống sử thi Tây Nguyên (gồm 165 sử thi Ê-đê, 92 sử thi Mnông, 35 sử thi Jrai). Rất nhiều trong số sử thi, truyện cổ, luật tục nói trên đã được biên soạn, xuất bản và phát hành rộng rãi, bổ sung vào kho tàng văn học dân gian phong phú của cả nước, tiêu biểu như sử thi Đam San; Truyện thần N'Tôn bị đánh; nàng Ji Dết L'Nghê; Quả bầu vàng; Sự tích cây Kơ Nia... Tất cả những sử thi, truyện cổ, luật tục đã sưu tầm được đều gắn chặt với cuộc sống, với buôn làng Tây Nguyên, đó là kho tàng tri thức vô giá của đồng bào.

- Một số công trình nghiên cứu về hệ thống chính trị Tây Nguyên, văn hóa, luật tục Tây Nguyên là những tài liệu có giá trị định hướng nghiên cứu rất quan trọng và không thể thiếu được cho việc nghiên cứu về giáo dục pháp luật ở Đắk Lắk. Có thể kể đến những công trình nghiên cứu của GS. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên): "*Tây Nguyên trên đường phát triển*" [144]; cuốn sách do PGS.TS Phạm Hào và TS. Trương Minh Dục đồng chủ biên: "*Một số vấn đề về xây dựng hệ thống chính trị ở Tây Nguyên*" [52] hoặc nghiên cứu của GS.TS Ngô Đức Thịnh: "*Các giá trị*

*luật tục ở Tây Nguyên*” [124]; bài viết của TS Nguyễn Thị Việt Hương: “*Giá trị của luật tục từ góc nhìn pháp lý*” [67].

Qua đánh giá các công trình nghiên cứu trên đây cho thấy luật tục ở Tây Nguyên cũng như luật tục ở các khu vực khác, vừa mang một số yếu tố của pháp luật theo cách hiểu hiện đại về pháp luật, vừa mang tính chất của lệ tục, phong tục, các quy ước, lời răn dạy mang tính đạo đức, có giá trị hướng dẫn hành vi cá nhân, tạo dư luận xã hội để điều chỉnh các hành vi ấy [124, tr.115]. Luật tục là hình thức phát triển cao của các phong tục, tập quán, tục lệ, nhiều quy định trong luật tục cũng được thể hiện trong pháp luật, nói cách khác, luật tục cũng là hình thức phát triển pháp luật; một bộ phận cấu thành cơ chế điều chỉnh xã hội và hỗ trợ, ảnh hưởng trực tiếp đến giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk. Đặc biệt, khi nghiên cứu về Tây Nguyên nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng, cần phải thấy rằng các thiết chế xã hội cổ truyền vẫn tiếp tục tồn tại và hoạt động bên cạnh hệ thống các thiết chế chính thống với tính hợp lý của nó. Trên thực tế một số yếu tố cổ truyền vẫn được sử dụng để điều chỉnh hành vi xã hội và quản lý cộng đồng, có tác dụng hỗ trợ trực tiếp cho việc thực thi pháp luật. Thực tiễn cũng cho thấy trong công tác quản lý, phân đông các làng, buôn người dân tộc thiểu số bản địa ở Đắk Lắk vẫn mang nặng tính tự quản, cuộc sống của người dân vẫn cơ bản diễn ra xung quanh luật tục, theo tập tục cổ truyền với chế độ mẫu hệ mà vai trò của người phụ nữ trong gia đình, dòng họ và các già làng, chủ làng, chủ đất, thầy kiện, thầy cúng, trưởng tộc vẫn có ảnh hưởng quyết định những yếu tố của hình thức tòa án phong tục tồn tại lâu đời ở Đắk Lắk vẫn tiếp tục phát huy tác dụng [52, tr.85], vì vậy, tình trạng thiếu tương đồng giữa pháp luật của Nhà nước và luật tục của các dân tộc thiểu số vẫn còn tồn tại và tác động đến hành vi, ý thức của mỗi người. Do am hiểu không đầy đủ phong tục, tập quán và luật tục hoặc do tư duy pháp lý máy móc, quan liêu mà nhiều nơi, nhiều lúc chính quyền địa phương và đoàn thể xã hội đã không chú ý đến công tác vận động quần chúng, coi thường các tập tục của đồng bào bản địa, các thiết chế xã hội truyền thống, kể cả trong hoạt động giáo dục pháp luật cũng không được chỉ đạo đặt trong mối quan hệ hài hoà với luật tục tiến bộ nên dẫn đến những hệ quả ngoài

mong muốn. Đây là một vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận rất quan trọng trong quá trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho người dân ở Đắk Lắk hiện nay, bảo đảm giải quyết thỏa đáng mối quan hệ hài hoà giữa tri thức pháp luật với tri thức luật tục tiến bộ của người dân tộc thiểu số bản địa.

Ngoài ra, cũng có một số công trình nghiên cứu cụ thể về các khía cạnh của tâm lý dân tộc trong mấy năm gần đây, chẳng hạn, “*Những yếu tố tâm lý dân tộc ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển ở Tây Nguyên hiện nay*” (dự án điều tra cơ bản từ tháng 6/2002 đến 6/2004 do GS.TS Vũ Dũng làm chủ nhiệm), “*Những đặc điểm tâm lý cơ bản của cộng đồng người ở Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và ảnh hưởng của chúng đến sự phát triển kinh tế xã hội ở các khu vực này*” (đề tài NCKH cấp Nhà nước từ 2004 đến 2005 do GS. TS Vũ Dũng làm chủ nhiệm)... Những công trình này đã đề cập tới các yếu tố tâm lý dân tộc như: nhận thức của các dân tộc, tri giác giữa các dân tộc, tính cách dân tộc, tâm trạng và tâm tư nguyện vọng của các dân tộc...

#### *1.1.3.2. Nhóm công trình nghiên cứu về Đắk Lắk*

- Cuốn sách chuyên khảo: "*Tăng cường giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk*" của tập thể tác giả do Nguyễn Quốc Sửu (ch.b.) [117]. Đây là một nghiên cứu đầu tiên về giáo dục pháp luật cho nhóm đối tượng đặc thù là cán bộ, công chức hành chính của tỉnh. Cuốn sách đã trình bày cơ sở lí luận về tăng cường giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk và nêu lên thực trạng, quan điểm, giải pháp tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho đội ngũ này trong giai đoạn hiện nay. Theo hướng tiếp cận này có thể kể đến Luận văn thạc sĩ luật học của Đỗ Văn Dương: "*Giáo dục pháp luật cho cán bộ chính quyền cấp xã ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay*" (2002). Luận văn đã đi sâu phân tích về giáo dục pháp luật đối với nhóm đối tượng đặc thù là đội ngũ cán bộ chính quyền cấp xã ở tỉnh Đắk Lắk.

Đặc biệt, từ thực tiễn triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh cũng có một số bài viết được đăng tải trên các phương tiện truyền thông báo chí như bài "*Tăng cường củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ tư pháp và công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*" của tác giả Việt Cường trên Báo Đắk Lắk điện tử ngày 23-3-2014,



bài: “*Những giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở Đắk Lắk*” của tác giả Phạm Văn Chung - Báo Đắk Lắk ngày 01/3/2014 bài: “*Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật ngoại khóa cho học sinh, sinh viên phải phong phú, kịp thời*” của tác giả Nguyễn Hoa, Báo Đắk Lắk ngày 27/2/2014; bài: “*Giáo dục pháp luật trong hoạt động tố tụng tại Tòa án ở tỉnh Đắk Lắk*” (bài tham gia dự thi về giáo dục pháp luật của Nguyễn Thị Tĩnh năm 2012). Luận văn thạc sỹ luật học: “*Mối quan hệ giữa pháp luật và luật tục Ê Đê – qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk*” của Nguyễn Thị Tĩnh (2007) và một số công trình nghiên cứu có giá trị khác.

Gần đây nhất nghiên cứu về mối quan hệ giữa luật tục và luật pháp trong quản lý xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải kể đến Luận án tiến sĩ xã hội học: “*Mối quan hệ giữa luật tục và luật pháp trong quản lý xã hội (nghiên cứu trường hợp luật tục Ê Đê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*” của Trương Thị Hiền [54]. Luận án đã chỉ ra khả năng vận dụng các tiếp cận nhân học luật pháp, tiếp cận xã hội học luật pháp trong việc đặt luật tục vào trong một môi trường văn hóa mà nó nảy sinh, tồn tại nhằm giải thích sự biến đổi của nó gắn liền với sự phát triển xã hội. Luận án đã tìm ra các minh chứng cho thấy quan hệ giữa luật tục Ê Đê và luật pháp hiện nay có sự pha trộn giữa những yếu tố mang tính duy lý và những yếu tố của kiểu tư pháp khadi. Từ đó nhấn mạnh sự cần thiết của việc nhìn nhận vấn đề “đa dạng luật” ở các cộng đồng dân tộc thiểu số theo hướng nhìn công bằng hơn về vai trò của cả luật tục và luật pháp. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu của luận án còn chỉ ra việc thấu hiểu mối tương tác giữa các chuẩn mực xã hội trong phạm vi một cộng đồng và nhấn mạnh luật pháp chỉ như một trong nhiều chuẩn mực xã hội tác động tới mô hình hành vi ứng xử của con người là những điểm trọng tâm trong quá trình vận dụng luật tục trong quản lý xã hội ở cộng đồng người dân tộc thiểu số.

## **1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài về những vấn đề có liên quan đến đề tài**

Chủ đề giáo dục pháp luật luôn luôn là một trong những chủ đề được quan tâm giới thiệu, phân tích, nghiên cứu trong sách báo pháp lý các nước, là đối tượng nghiên cứu của nhiều công trình, đề tài khoa học, nhiều giáo trình, sách chuyên

khảo nước ngoài, đặc biệt là các nhà khoa học pháp lý Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu trước đây.

Ở Liên bang Nga, giáo dục pháp luật luôn được nghiên cứu gắn với ý thức pháp luật và văn hóa pháp luật. Có thể kể đến một số Luận án Tiến sĩ: “Tình hình được thông tin về pháp luật với việc hình thành văn hóa pháp luật của cá nhân” của V.M. Bô-erô [152]; “Ý thức pháp luật với tính cách là một yếu tố của văn hóa pháp luật - Văn hóa pháp luật và các vấn đề giáo dục pháp luật” của V.I.Kaminskaja, A.P.Rachinov [145]; “Ý thức pháp luật và tiềm thức pháp luật ở nước Nga” của R.C.Bainiazov [109]; “Đào tạo pháp luật trong bối cảnh văn hóa pháp luật Nga” của V.N.Siniukov [153]..v.v... Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế - xã hội, ở nước Nga có xu hướng nghiên cứu về chủ nghĩa hư vô pháp luật như một vấn đề đặc thù để xem xét, rút ra các bài học bổ ích cho việc xây dựng ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật trong một bộ phận dân cư và công chức nhà nước ở nước ta. Có thể nêu một số công trình đáng chú ý như: “Chủ nghĩa hư vô pháp luật với tính cách là một hiện tượng xã hội” (Lý luận Nhà nước và pháp luật, Nxb Zerkalo, 1998, tr400-415); S.Frank: “Đạo lý của chủ nghĩa hư vô pháp luật” (Matxcova, 1991)..v.v... Theo đó, các nhà nghiên cứu ở Nga đã phác họa bức tranh về tính phổ biến của hiện tượng coi thường pháp luật hiện nay ở Nga với nguồn gốc không chỉ có từ trong tiềm thức xa xưa mà còn nằm ngay trong những điều kiện phát triển của chủ nghĩa tư bản hoang dã hiện nay, nhất là khi nước Nga đang trong quá trình thay đổi về cơ chế, các đảo lộn về giá trị xã hội. Vì vậy, việc giáo dục và đào tạo pháp luật, phổ biến pháp luật cần được đặt trong hệ thống các giải pháp chính trị, kinh tế, xã hội và luôn phải tính đến những khía cạnh tâm lý và tiềm thức của người Nga hiện nay.

Dưới góc nhìn luật học so sánh, các nhà nghiên cứu ở Mỹ, Anh, Châu Âu, Nhật Bản đều coi giáo dục pháp luật và đào tạo pháp luật là đề tài không thể thiếu trong các công trình giới thiệu về hệ thống pháp luật của nước họ. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, theo họ, việc tìm hiểu các công trình tiêu biểu về hệ thống pháp luật của các nước trên thế giới sẽ cung cấp cho người đọc nhiều thông tin bổ ích cho việc nghiên cứu về giáo dục pháp luật. Theo hướng tiếp cận này, có thể kể đến

nghiên cứu của René David: “Các hệ thống pháp luật lớn của thời đại” (Lê Grand Systèmes de Droit Contemporains), Nxb Dalos, Paris, 1978); E.Allan Farnsworth: “Giới thiệu; về hệ thống pháp luật Hoa Kỳ” (Introduction to the Legal System of the United States), Nxb Oceana, London-Rome-NewYork, 1991; Pond. R: “Tinh thần của Thông luật” (The Spirit of Common Law), Boston, 2001; Glendon M., Gordon M., Osakwe C: Các truyền thống so sánh pháp luật (Comparative Legal Traditions), Washington Univ, Press, 1994 v.v..

Đặc biệt, trong các nghiên cứu của mình, các nhà nghiên cứu luật học so sánh của Nhật Bản cũng đặc biệt quan tâm đến giáo dục pháp luật và mối liên hệ của nó với đặc điểm của ý thức pháp luật và truyền thống tư duy pháp lý của người Nhật. Trong cuốn: “Tìm hiểu pháp luật Nhật Bản” (đã được dịch ra tiếng Việt) của Nxb Khoa học xã hội, 1993, GS. Tsuneo Inako đã phác họa về khái niệm “tâm thế pháp lý” của người Nhật vừa hết sức coi trọng pháp luật, vừa không thích cứng nhắc trong hành xử, từ đó, tác giả đã phân tích sâu về phương pháp đào tạo pháp luật cho các chuyên gia pháp luật, cách thức giáo dục pháp luật cho các nhà kinh doanh Nhật Bản.

Ngoài ra còn có công trình nghiên cứu làm rõ một số yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật, gắn với thực thi pháp luật như bài viết: “Những yếu tố tâm lý xã hội trong thực thi pháp luật” [51] của PGS.TS.Gorshunov D.N. Bài viết đã làm rõ những yếu tố tâm lý xã hội trong thực thi pháp luật như: i) Tâm lý và lợi ích cá nhân; ii) Nhận thức cá nhân và sự trợ giúp; iii) Mục tiêu đồng thuận với mục đích cá nhân; iv) Nền tảng và truyền thống

Từ góc độ thực tiễn chính trị - pháp lý quốc tế, giáo dục pháp luật cũng là đề tài được đề cập nhiều trên các diễn đàn pháp lý quốc tế và khu vực, cả song phương, đa phương và ngày càng có ý nghĩa toàn cầu, hướng đến những chuẩn mực, nhận thức chung. Tháng 6 năm 2006 tại Paris đã diễn ra Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Hội luật gia dân chủ quốc tế và trong khuôn khổ Hội nghị đó đã có 01 cuộc Hội thảo với chủ đề: “*Giáo dục pháp luật trong thời đại toàn cầu hóa*” (Legal Education in the Age of Globalization) thu hút sự tham gia của hàng trăm tổ chức luật gia từ nhiều nước trên thế giới [60]. Trong khuôn khổ Đại hội lần thứ X được tổ chức từ

14-18 tháng 10 năm 2009 tại Hà Nội, Hội Luật gia ASEAN (ALA), một cuộc Hội thảo lớn với chủ đề: “*Hiến chương ASEAN - đưa ASEAN lên những tầm cao mới*” cũng đã đề cập nhiều đến vấn đề về giáo dục pháp luật [59]. Trong hợp phần đầu tiên của Hội thảo: “*Tác động của Hiến chương ASEAN tới hệ thống giáo dục pháp luật các nước ASEAN*” đã có một loạt các báo cáo nghiên cứu về tình hình giáo dục pháp luật và đào tạo pháp luật ở các nước ASEAN. Các học giả đều có nhất trí cho rằng, các trường luật, khoa luật không chỉ phải đào tạo ra các luật gia giỏi mà còn phải làm cho họ trở thành các nhà chuyên môn có khả năng giải quyết các vấn đề xã hội và con người bằng con đường pháp luật và họ phải là tác nhân của sự thay đổi một cách hòa bình: Mọi người phải cảm nhận được nguyên tắc pháp quyền bắt đầu từ việc đào tạo sinh viên luật về các vấn đề cơ bản nhằm tạo các hình thức thích hợp để bênh vực quyền lợi của người dân, bảo đảm khả năng tiếp cận công lý cho họ với chi phí thấp nhất. Nội dung “trợ giúp pháp lý cho người nghèo” có thể được đưa vào chương trình đào tạo cho những khóa học nhằm tạo cho người học hiểu biết thấu đáo về ý nghĩa của việc giúp đỡ pháp lý cho những ai đang ở bên lề xã hội của đất nước mình. Tương tự, các vấn đề khác như quyền của những người lao động di trú tự do, vấn đề về nạn buôn bán người v.v...cũng cần đưa vào nội dung giáo dục pháp luật ở các nước ASEAN. Các nhà luật học thế giới cũng như khu vực ASEAN đều có một nhận định chung về sứ mệnh của giáo dục pháp luật là “nhằm thúc đẩy xây dựng một thị trường ổn định, thịnh vượng, có năng lực cạnh tranh và liên kết kinh tế cao, tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư, bao gồm dòng chảy của hàng hóa, dịch vụ và dòng đầu tư, di chuyển thuận lợi của các doanh nhân, của những người có chuyên môn cao, có tài năng và của lực lượng lao động, sự tự do chu chuyển của các dòng vốn”, “góp phần nâng cao phúc lợi và đời sống nhân dân thông qua việc tạo cơ sở pháp lý cho sự tiếp cận bình đẳng các cơ hội về phát triển con người, phúc lợi và công bằng xã hội”. Ngoài các Hội thảo trên đây, một số hội thảo quốc tế khác cũng đã diễn ra về đề tài giáo dục pháp luật theo hướng quan tâm đến việc gắn mục đích và nội dung giáo dục pháp luật với cải cách kinh tế và cải cách tư pháp trong bối cảnh toàn cầu hóa. Chẳng hạn, Hội thảo quốc tế “*Giáo dục*

*pháp luật ở các nước châu Á trong bối cảnh toàn cầu hóa và nhà nước pháp quyền*” đã được tổ chức trong các ngày 25-27 tháng 10 năm 2012 tại Seoul, Hàn Quốc.

Nghiên cứu nội dung các hội thảo quốc tế nêu trên có thể thấy rõ chức năng và ý nghĩa quan trọng của giáo dục pháp luật đối với những quá trình chính trị, kinh tế, xã hội đang diễn ra ở hầu hết các nước trên thế giới. Bối cảnh đó đã đặt ra hàng loạt các vấn đề về nội dung giáo dục và đào tạo pháp luật như đối với việc cải cách phương pháp và hình thức đào tạo, giáo dục pháp luật, với những định hướng ưu tiên mới, với nhu cầu hợp tác giữa giáo dục với hoạt động thực tiễn nhằm khắc phục sự cứng nhắc và bảo thủ, lạc hậu của các chương trình và phương pháp giáo dục pháp luật.

Đối với các công trình nghiên cứu ngoài nước liên quan đến giáo dục pháp luật cho đối tượng cụ thể và địa bàn cụ thể có Luận án tiến sĩ Luật học: "*Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào*" của Súc Ni Lăn Đon Kun Lạ Vông [116]. Luận án đã nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào; phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

Hiện nay, nghiên cứu về giáo dục pháp luật các học giả nước ngoài còn có một số xu hướng nghiên cứu mới, nhất là khi nói về sự giao thoa giữa pháp luật và tục lệ pháp lý, nhiều học giả nước ngoài, đặc biệt là các học giả châu Âu và Nga, đều cho thấy một xu hướng tiếp cận khá rõ nét của các hệ thống pháp luật đối với loại nguồn pháp luật quan trọng này. Từ đó, họ đặt ra vấn đề về nhu cầu tăng cường giảng dạy, phổ biến những kiến thức và kinh nghiệm về sử dụng luật tục cũng như các tập quán pháp lý trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý nảy sinh trong đời sống xã hội, trong hoạt động kinh doanh và giải quyết tranh chấp thương mại hiện nay. Đó là cách nhìn khá phổ biến hiện nay, thể hiện trong các công trình nghiên cứu của các tác giả như Bederman D.J trong cuốn sách: “Sự phục hồi kỳ lạ của các tập quán: một bên bờ mong đợi và sự thu hoạch của ngành tư pháp” (The Curious resurrection of Custom Beach access and Judicial takings//Columbia Law Review,

1996 No10); R.M.Zumbuligze: “Luật tục với tính cách là một nguồn của Dân luật” (Customary Law as a source of Civil law). Với cách nhìn nhận của trào lưu tư duy pháp lý mới ở phương Tây về nhận thức pháp luật và nhận thức về giáo dục pháp luật trong mối liên hệ giao thoa giữa pháp luật với tập quán pháp lý rất gần gũi với yêu cầu về nhận thức pháp luật, phổ biến và giáo dục cho cư dân ở khu vực Tây Nguyên nói riêng và các khu vực nhiều nước ở Việt Nam.

Một hướng nghiên cứu mới cần quan tâm gần đây là hướng nghiên cứu về vị trí, vai trò của các thể chế hiện đại trong mối quan hệ với sự giàu có hay thất bại của các quốc gia dân tộc cũng như trong điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, theo hướng nghiên cứu này có thể kể đến chuyên khảo: “Tại sao các quốc gia thất bại” của hai tác giả người Mỹ Daron Acemoglu và James A. Robinson [14]. Hai tác giả lập luận rằng những quốc gia thất bại là những đất nước bị cai trị bởi một nhóm quyền thế tập trung và những nhóm này đã tổ chức xã hội để phục vụ cho quyền lợi riêng của họ trong khi đại đa số quần chúng nhân dân phải trả giá. Thế lực chính trị bị tập trung trong một nhóm nhỏ, được sử dụng để tạo ra tài sản khổng lồ cho những người nắm giữ quyền lực, trong khi đó, những nước trở nên giàu có là vì người dân nước đó lật đổ giới quyền thế, những người kiểm soát quyền lực và tạo ra một xã hội trong đó các quyền chính trị được phân phối rộng rãi, trong đó chính phủ có trách nhiệm giải trình và phải đáp ứng trước công dân, và trong đó đại đa số quần chúng có thể tranh thủ các cơ hội kinh tế. Từ đó hai tác giả đi đến khẳng định thể chế nào có những điều chỉnh, cải cách để dung hợp được các lợi ích kinh tế - chính trị và tạo điều kiện cho người dân làm ăn sinh sống được tốt nhất sẽ thành công, mang lại sự thịnh vượng cho quốc gia, dân tộc.

### **1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu đề tài và các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu**

#### **1.3.1. Đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu**

Từ kết quả của các công trình nghiên cứu đã khảo sát trên đây, có thể rút ra một số nhận xét, đánh giá có giá trị tham khảo cho đề tài Luận án như sau:

Các Luận án, bài viết trên nghiên cứu về giáo dục pháp luật ở các góc độ luật học, xã hội học, trong quan hệ với xây dựng và bảo vệ pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật, gắn với tăng cường pháp chế hoặc đặt trong quan hệ giữa xây dựng với tổ chức thực hiện pháp luật... Qua đó đã làm rõ nhiều luận cứ khoa học và thực tiễn về giáo dục pháp luật, vận dụng khá sáng tạo lý luận để xử lý, đánh giá thực tiễn gắn với tổ chức thực hiện pháp luật trên từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng cụ thể và đề ra một số giải pháp bảo đảm; khẳng định vị trí, vai trò cũng như hiệu quả của giáo dục pháp luật, cụ thể là:

*Thứ nhất*, về mặt lý luận, đóng góp quan trọng nhất của các nghiên cứu là góp phần hình thành cấu trúc lý luận cho việc tiếp cận, phân tích và đánh giá hiệu quả của giáo dục pháp luật. Cấu trúc đó bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản như khái niệm, mục đích, chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, phương tiện, hiệu quả và các yếu tố bảo đảm, cụ thể là:

- Phân tích, làm rõ các thuộc tính cấu thành nội hàm của khái niệm giáo dục pháp luật ở nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, qua đó cũng cho thấy tính chất phong phú, đa dạng, nhiều chiều trong tiếp cận về khái niệm này.

- Phân tích, làm rõ mục đích của giáo dục pháp luật trong mối quan hệ với xây dựng ý thức pháp luật, lối sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, xây dựng, bồi đắp nền văn hóa pháp lý, với những thang bậc, cấp độ nhận thức khác nhau, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, từ biết ít đến biết nhiều, từ bộ phận đến hiểu biết toàn diện, trong chính thể, có tính hệ thống, cả pháp luật thực định và pháp luật trong cuộc sống.

- Phân tích, làm rõ chủ thể thực hiện giáo dục pháp luật rất phong phú và đa dạng nhằm huy động tất cả các nguồn lực xã hội tham gia, trong đó xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước và sự tham gia, hỗ trợ của các thiết chế xã hội, nhất là sự tham gia, vào cuộc của các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, phát thanh, truyền hình, những người có kiến thức hiểu biết pháp luật cũng như vai trò, tính tích cực, chủ động của bản thân từng người dân.

- Phân tích, định hình đối tượng giáo dục pháp luật, bao gồm công dân nói chung, nhóm cư dân cụ thể nói riêng gắn với từng đơn vị hành chính - lãnh thổ nhất

định hoặc địa bàn đặc biệt (dân tộc thiểu số, khu công nghiệp, hải đảo v.v..) hoặc thuộc các nhóm nghề nghiệp, công tác khác nhau như cán bộ, công chức, nông dân, học sinh sinh viên, bộ đội v.v... Từ đó rút ra những nhận định mang tính phương pháp luận là ngoài sự tương đồng vẫn còn có những khác biệt trong giáo dục pháp luật cho từng nhóm đối tượng cụ thể.

- Phân tích, làm rõ nội dung giáo dục pháp luật, không chỉ bao hàm nội dung của pháp luật thực định mà còn bao hàm cả sự thấm thấu của pháp luật trong đời sống, gắn với những vấn đề có liên quan trực tiếp đến các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, với nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân và việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của các chủ thể.

- Phân tích, làm rõ các phương pháp và hình thức giáo dục pháp luật, bao gồm các phương pháp giáo dục, thuyết phục, vận động, cưỡng bức, bắt buộc, dẫn dắt; các hình thức giáo dục pháp luật gắn với hệ thống nhà trường trong các cấp học; các trường chuyên luật, không chuyên luật, các hoạt động giáo dục pháp luật chính khóa và ngoại khóa và các hình thức đặc thù khác...

*Thứ hai*, về mặt thực tiễn, các nghiên cứu đã gắn với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong mối liên hệ với công tác tổ chức thực hiện pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống. Nhiều nghiên cứu đã dành thời lượng thỏa đáng cho việc phân tích, đánh giá thực trạng nhu cầu về giáo dục pháp luật của nhân dân; thực trạng thực thi chính sách, pháp luật về giáo dục pháp luật, nhất là trong quá trình triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW ngày 19/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”, Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như các Đề án, Chương trình về PBGDPL, nhất là tại các Bộ, ngành, địa phương, trong đó có các cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh Đắk Lắk.

*Thứ ba*, các công trình nghiên cứu đã vận dụng khá nhuần nhuyễn các vấn đề lý luận chung về giáo dục pháp luật vào nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể, gắn với đặc điểm của từng địa bàn, khu vực (trong cả nước hoặc từng khu vực, từng tỉnh, địa bàn cấp huyện, cấp xã...), nhóm đối tượng (đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh, sinh



viên, người chưa thành niên, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ...), lĩnh vực hoạt động cụ thể với những phạm vi thang bậc, cấp độ khác nhau, cả về lý luận và thực tiễn.

Nghiên cứu tổng quan về giáo dục pháp luật tác giả nhận thấy, mặc dù mô hình lý luận về giáo dục pháp luật đã được các nhà khoa học xây dựng gần như hoàn thiện và đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn với những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên từ trước đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu và xây dựng mô hình lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk. Thực tiễn giáo dục pháp luật cho thấy đối với địa bàn có tính đặc thù như Đắk Lắk việc áp dụng mô hình lý luận chung về giáo dục pháp luật trong cả nước là chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân nên cần có một mô hình lý luận đặc thù về giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk như là một bộ phận của hệ thống lý luận về giáo dục pháp luật chung trong cả nước, làm phong phú thêm hệ thống lý luận về giáo dục pháp luật nói chung và lý luận giáo dục pháp luật cho đối tượng cụ thể và địa bàn cụ thể.

### ***1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong Luận án***

Kế thừa chọn lọc các kết quả nghiên cứu trên đây, Luận án nghiên cứu giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk một cách sâu sắc, đầy đủ và toàn diện bảo đảm tính khoa học và tính hệ thống, với những vấn đề sau:

*Một là*, về lý luận, Luận án phải tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ:

- Khái niệm, vai trò và các đặc trưng của giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk và các yếu tố tác động, ảnh hưởng, cả nhân tố khách quan và chủ quan. Đây là những vấn đề hoàn toàn mới, chưa được nghiên cứu, trong bất kỳ một công trình nghiên cứu nào, cả trong nước và ngoài nước.

- Mô hình lý luận về giáo dục pháp luật đặc thù cho người dân tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Mục tiêu, nguyên tắc, chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức giáo dục pháp luật, vai trò; các bảo đảm, yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật cho người dân trong tỉnh, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm có thể kế thừa trong quá trình hoàn thiện mô hình giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.

*Hai là*, về thực tiễn, Luận án cần tập trung làm rõ các vấn đề sau đây:

- Khái quát những đặc điểm tự nhiên, xã hội của tỉnh Đắk Lắk như là cơ sở tự nhiên, xã hội, đặc thù dân cư, cấu trúc nhận thức, tư tưởng chi phối giáo dục pháp luật với tư cách là các yếu tố địa chính trị, địa kinh tế - văn hóa, xã hội, tâm lý – tư tưởng; phân tích, đánh giá thực trạng chính sách pháp luật và hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk và rút ra một số bài học kinh nghiệm.

- Phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện và có hệ thống về thực trạng giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk bám sát các vấn đề lý luận được làm rõ trong Luận án và rút ra bài học kinh nghiệm.

*Ba là*, từ mô hình lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk, Luận án dựa trên quan điểm lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta để xác định các quan điểm và đề xuất giải pháp đổi mới giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk, bảo đảm tính khả thi, sát với thực tiễn Việt Nam.

Đặc biệt, hướng tiếp cận của luận án mang tính liên ngành, liên lĩnh vực (luật học, xã hội học, giáo dục học, văn hóa học...), đa chủ thể, đặt hoạt động giáo dục pháp luật trong mối quan hệ với hoạt động giáo dục tri thức tinh hoa tiến bộ của luật tục bản địa Ê Đê và M'ông và giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, với giáo dục các giá trị truyền thống của gia đình, cộng đồng người dân sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đây là hướng tiếp cận rất mới, chưa có nhiều tiền lệ và mang những nét chấm phá ban đầu, đặt tiền đề cho những hướng nghiên cứu tiếp theo, với kết quả đạt được cao hơn.

Như vậy, với những vấn đề dự kiến nghiên cứu trên đây, Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu toàn diện, có hệ thống lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk. Những vấn đề lý luận và thực tiễn cần tiếp tục nghiên cứu trong Luận án là rất mới mẻ, được tiếp cận từ những góc độ mới, bám sát yêu cầu của thực tiễn phát triển đất nước nói chung, vùng Tây Nguyên nói riêng, đặc biệt là bám sát những yêu cầu cấp thiết trong đường hướng lý luận đặc thù đối với hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.

## **Kết luận Chương 1**

1. Giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật trên một số lĩnh vực, địa bàn, đối tượng nói riêng được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu từ rất sớm. Đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu, cả từ góc độ lý luận và thực tiễn, cả ở trong nước và nước ngoài với nhiều hướng tiếp cận khác nhau, nội dung, hình thức nghiên cứu khá đa dạng. Những điểm đặc thù về cơ cấu xã hội, nhân khẩu, chính trị, xã hội – văn hóa của tỉnh Đắk Lắk cũng là đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà khoa học. Đến nay, hầu hết các vấn đề lý luận như khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục pháp luật đã được làm rõ trên nhiều phương diện; một số nghiên cứu đã đề xuất được các giải pháp tối ưu để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục pháp luật.

2. Qua nghiên cứu tổng quan, đánh giá kết quả nghiên cứu lý luận về giáo dục pháp luật trong và ngoài nước cho thấy ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống, cả về lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk, đặc biệt là lý luận về giáo dục pháp luật được đặt trong mối quan hệ hài hòa với giáo dục tri thức tiên bộ của luật tục bản địa. Vì thế, việc nghiên cứu, làm sáng tỏ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng để kế thừa những thành tựu, kết quả đã đạt được; khắc phục tồn tại, hạn chế, làm rõ nguyên nhân; đề xuất quan điểm và giải pháp tăng cường hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk là thực sự cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực.

3. Kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ bổ sung các luận cứ khoa học và thực tiễn nhằm hoàn thiện thêm hệ thống lý luận về giáo dục pháp luật chung trong cả nước; hình thành mô hình lý luận đặc thù về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk. Kết quả của Luận án được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học pháp lý và trong giảng dạy tại các cơ sở đào tạo luật; có ý nghĩa lý luận, thực tiễn trong quá trình hoàn thiện chính sách pháp luật về giáo dục pháp luật và tăng cường giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số bản địa Ê Đê, M'ông và có thể áp dụng cho các địa bàn đặc thù tương tự như Đắk Lắk, để đưa pháp luật vào cuộc sống, bảo đảm quyền được thông tin pháp luật của người dân.

## CHƯƠNG 2

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

#### **2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk**

##### ***2.1.1. Khái niệm giáo dục và giáo dục pháp luật chung***

Để hiểu biết sâu sắc, toàn diện và đầy đủ hơn về khái niệm giáo dục pháp luật nói chung và cho người dân tỉnh Đắk Lắk nói riêng, trước hết cần phải trở lại những vấn đề nhận thức cơ bản về giáo dục, đặt giáo dục pháp luật trong mối quan hệ với hoạt động giáo dục. Trong tiếng Anh, từ “giáo dục” được biết đến với từ “education” - một từ gốc Latin được ghép bởi hai từ là “Ex” và “Ducere” – “Ex-Ducere”. Thuật ngữ này có nghĩa là dẫn (“Ducere”) con người vượt ra khỏi (“Ex”) hiện tại của họ để vươn tới những gì hoàn thiện, tốt lành hơn và hạnh phúc hơn. Qua khảo sát các công trình nghiên cứu cơ bản về lý luận giáo dục cho thấy về cơ bản, các giáo trình về giáo dục học ở Việt Nam đều coi giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt, bản chất của nó là sự truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội của các thế hệ loài người, đồng thời các giáo trình còn nhấn mạnh đến yếu tố dạy học, tuy nhiên, điểm hạn chế là họ lại chưa đề cập đến mục đích sâu xa hơn, mục đích cuối cùng của việc đó. Theo Từ điển Bách khoa, giáo dục là “quá trình đào tạo con người một cách có mục đích, nhằm chuẩn bị cho con người tham gia đời sống xã hội, tham gia lao động sản xuất, được thực hiện bằng cách tổ chức việc truyền thụ và lĩnh hội những kinh nghiệm lịch sử - xã hội của loài người” [58, tr.120]. Từ điển Tiếng Việt thì định nghĩa: Giáo dục là tác động có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của con người, để họ dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra [170, tr.734]. Theo Việt-Nam Tự-Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức, Trung-Bắc Tân-Văn (1931), "giáo" có nghĩa là dạy, "dục" có nghĩa là nuôi (không dùng một mình); "giáo dục" là "dạy dỗ gây nuôi đủ cả trí-dục, đức-dục, thể-dục". Như vậy, giáo dục là một “quá trình”, thể hiện ở tính mục đích, tính thường xuyên và có hệ thống để “dần dần” có được những phẩm chất và năng lực cần thiết.

Quá trình đó được diễn đạt trong hai phạm trù cơ bản là “tổ chức truyền thụ” và “lĩnh hội”; hoạt động “tổ chức truyền thụ” là quá trình không chỉ đơn thuần chuyển tải các kiến thức, các thông tin cần thiết cho ai đó mà là cả một quy trình tác động có chủ đích, có phương pháp để những thông tin đó, kiến thức đó đến được với người được truyền thụ và điều quan trọng nhất là để những kiến thức và thông tin đó tác động đến hiểu biết và nhận thức của đối tượng, làm thay đổi, từ chỗ chưa biết đến biết, từ chỗ biết ít hơn đến chỗ biết nhiều hơn và khác hơn so với hiểu biết trước đây trong kiến thức và nhận thức, trong lối sống văn hoá pháp lý của người được truyền thụ. Do vậy, giáo dục là hoạt động kiên trì, bền bỉ, có hệ thống. Nó khác với hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức ở mức độ của những tính chất này, mặc dù các hoạt động đó có mối quan hệ gần gũi với nhau về mục đích. Chẳng hạn, theo Luật giáo dục thì giáo dục tiểu học là bậc học bắt buộc đối với mọi trẻ em từ 6 đến 14 tuổi, được thực hiện trong 5 năm, từ lớp một đến lớp năm. Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở. Hoặc giáo dục thẩm mỹ, với tính cách là một bộ phận của giáo dục, có nhiệm vụ phát triển ở học sinh những tình cảm, thị hiếu, năng khiếu và lí tưởng thẩm mỹ trong cảm thụ và lĩnh hội cái đẹp trong nghệ thuật và trong cuộc sống; nắm được những quan niệm chuẩn mực về thẩm mỹ, hình thành niềm tin thẩm mỹ, phát triển năng lực phán đoán và đánh giá thẩm mỹ, năng lực sáng tạo nghệ thuật, mong muốn đem cái đẹp vào cuộc sống, vào trong lao động và trong quan hệ ứng xử, có thái độ và cách xử lý những cái xấu, phản cảm về thẩm mỹ. Giáo dục sức khỏe lại là một quá trình cung cấp cho con người những kiến thức y học thường thức cần thiết để bỏ các thói quen có hại cho sức khỏe như hút thuốc lá, nghiện rượu v...v..., thực hiện nếp sống lành mạnh, có khoa học, phù hợp với hoàn cảnh, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho bản thân, gia đình và người xung quanh. Như vậy, giáo dục chính là một quá trình tác động qua lại giữa hai yếu tố “truyền thụ” – chuyển tải có hệ thống, có bài bản và “lĩnh hội” – tức là sự tiếp nhận những gì được truyền thụ nhằm tạo ra những giá trị mới trong con người với tư cách là đối tượng của giáo dục nhằm

bồi đắp, hình thành ở con người những tri thức hiểu biết mới, cả về trí lực, thể lực và thẩm mỹ để hình thành con người phát triển toàn diện.

Ngoài lý luận về giáo dục, cũng cần nhận thức cơ bản về pháp luật trước khi nghiên cứu lý luận về giáo dục pháp luật. Dưới góc độ lý luận chung có thể hiểu Pháp luật là những quy tắc xử sự, những chuẩn mực xã hội đặc biệt, là khuôn mẫu, quy tắc hành vi do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và có giá trị bắt buộc đối với các thành viên trong xã hội (các chủ thể có nghĩa vụ phải tuân thủ, chấp hành), được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước và là nhân tố điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phù hợp với ý chí, lợi ích của Nhà nước và mong muốn của toàn xã hội. Vì vậy, đứng trước pháp luật hoặc khi tham gia vào đời sống Nhà nước và pháp luật, các chủ thể đều phải có tri thức hiểu biết về pháp luật, biết được giới hạn hành vi mà pháp luật cho phép, giới hạn của tự do ý chí, tự do hành động để thực hiện cho đúng, đồng thời các chủ thể còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình, không ai được lấy lý do không biết pháp luật để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc thoái thác trách nhiệm pháp lý đối với các hậu quả do hành vi của mình gây ra. Đã là pháp luật thì phải công bằng, khách quan và áp dụng bình đẳng đối với tất cả mọi người, không có sự phân biệt, đối xử; trách nhiệm của mỗi người dân là chủ động, tự giác học tập, tìm hiểu và nắm vững các quy định của pháp luật, vận hành tự do và trách nhiệm của mình trong khuôn khổ pháp luật. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước là phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; vận động, giáo dục, thuyết phục, giải thích để người dân có được tri thức hiểu biết pháp luật, biết sử dụng pháp luật để thực thi các quyền, nghĩa vụ pháp lý; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, không vi phạm pháp luật, không thực hiện các hành vi xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác cũng như lợi ích của Nhà nước và của toàn xã hội. Có thể nói, hệ thống pháp luật, tri thức pháp luật trong đời sống chính là hành lang pháp lý, là giới hạn của tự do và trách nhiệm để mọi người vận hành và thực hiện hành vi của mình phù hợp với những đòi hỏi của pháp luật.

Giáo dục pháp luật là sự tác động một cách có hệ thống, có mục đích và thường xuyên tới nhận thức của con người nhằm trang bị cho họ một trình độ tri thức pháp lý nhất định để từ đó có ý thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật.

Giáo dục pháp luật là sự truyền tải thông tin không chỉ có tính chất thời sự, trước mắt mà là một quá trình tác động lâu dài bền bỉ phụ thuộc vào năng lực các loại chủ thể, nội dung, hình thức giáo dục... và còn chịu sự chi phối đa chiều của nhiều yếu tố như: điều kiện tự nhiên, mặt bằng kinh tế, xã hội, dân trí và dân trí pháp lý, phong tục, tập quán...

Thực tiễn cho thấy trong lịch sử Nhà nước và pháp luật nói chung và lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, việc truyền bá các tư tưởng, các quan niệm về pháp luật và về trật tự pháp luật, về các giá trị của pháp luật luôn được coi là công việc không thể thiếu của Nhà nước và xã hội. Thông qua mọi phương tiện, phương thức có thể được, từ văn học nghệ thuật, trường học, nhà thờ, nhà chùa, đội ngũ cán bộ, công chức đến các phương tiện hiện đại của truyền thông, truyền hình, báo chí, giáo dục pháp luật được thực hiện một cách có hệ thống và đầy đủ trong chương trình đào tạo của các trường chuyên về luật, được đưa vào chương trình giáo dục trong nhà trường ở tất cả các cấp, bậc và trình độ đào tạo.

Ở một số nước trên thế giới, giáo dục pháp luật còn được xác định là một bộ phận quan trọng của công tác chính trị, tư tưởng của Đảng cầm quyền, gắn với giáo dục ý thức trách nhiệm công dân và trở thành một trong những vấn đề lý luận quan trọng của khoa học lý luận chung về Nhà nước và pháp luật. Theo kết quả nghiên cứu trong một số chuyên khảo ở Liên bang Nga, giáo dục pháp luật được hiểu là hoạt động có mục đích, có hệ thống của Nhà nước, của các cơ quan và công chức nhà nước, của các tổ chức xã hội, các tập thể lao động nhằm xây dựng, củng cố và nâng cao ý thức pháp luật và văn hóa pháp luật của người dân. Theo hướng tiếp cận này, xây dựng và nâng cao ý thức pháp luật, văn hóa pháp luật là mục tiêu của giáo dục pháp luật, còn chủ thể của giáo dục pháp luật là Nhà nước, xã hội và những người có trách nhiệm trong các tập thể, cộng đồng [109, 145, 152, 153].

Ở Việt Nam, từ góc độ thuật ngữ, Từ điển bách khoa Việt Nam định nghĩa: "Giáo dục pháp luật là sự tác động định hướng của tổ hợp các quá trình xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật, tuyên truyền, giải thích pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật"[58, tr.124]. Theo Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật của một số cơ sở nghiên cứu và đào tạo luật trong nước giáo dục pháp luật được định nghĩa là: "Sự tác động một cách có hệ thống, có mục đích và thường xuyên tới nhận thức của con người nhằm trang bị cho mỗi người một trình độ kiến thức pháp lý nhất định để từ đó có ý thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật" [132, tr.431] hoặc "là hoạt động có định hướng, có mục đích trang bị kiến thức pháp luật, nhằm hình thành ở đối tượng được giáo dục những tình cảm pháp lý và hành vi phù hợp với yêu cầu của pháp luật" [106, tr.452]. Như vậy, hai hướng tiếp cận này có điểm chung khi xác định mục tiêu của giáo dục pháp luật nói chung và cho người dân Đăk Lăk nói riêng là nhằm trang bị kiến thức pháp luật thực định và tri thức pháp luật trong đời sống cho người dân để từ đó họ có ý thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật, nói cách khác, từ nhận thức pháp luật chuyển tải thành hành vi pháp luật và tình cảm đối với pháp luật, thể hiện ở thái độ ứng xử đối với pháp luật và cao hơn là xây dựng đời sống văn hoá pháp luật bền vững

Nghiên cứu lý luận về giáo dục pháp luật, theo GS.TS Phạm Hồng Thái và PGS.TS Đinh Văn Mậu, đó là hoạt động có mục đích, có hệ thống và có định hướng của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và các tập thể lao động để hình thành và nâng cao ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý cho mọi công dân và những người có chức vụ. Từ đó, hai tác giả này khẳng định giáo dục pháp luật được chia thành các giai đoạn: i) Tuyên truyền pháp luật; ii) Dạy pháp luật; iii) Hoạt động thực tế pháp lý; iv) Tự giáo dục pháp luật của nhân dân lao động [119, tr.447-448]. Tác giả Nguyễn Đình Đăng Lục lại quan niệm "đó là sự tác động một cách có tổ chức theo một hệ thống và có mục đích rõ rệt lên mỗi thành viên của xã hội, nhằm hình thành một cách bền vững ý thức pháp luật và những thói quen tích cực trong mọi hành vi xử thế của con người trong đời sống cộng đồng"[80, tr.143-144]. Tác giả Nguyễn



Quốc Sứ lại cho rằng: “Giáo dục pháp luật theo nghĩa hẹp là quá trình tác động (hoạt động) có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch của nhà giáo dục (chủ thể giáo dục pháp luật) để chuyển tải, truyền đạt những nội dung (thông tin, tri thức về các bộ luật, đạo luật...) thông qua các phương pháp giáo dục khoa học và hình thức giáo dục phù hợp tới đối tượng tiếp nhận giáo dục pháp luật nhằm đạt được những mục tiêu, hiệu quả giáo dục nhất định”[117, tr.71-72]. Tác giả Trần Ngọc Dũng lại tiếp cận giáo dục pháp luật theo hai nghĩa hẹp và rộng, theo nghĩa hẹp, đó là hoạt động có định hướng của các cơ quan Nhà nước, của các tổ chức xã hội nhằm mục đích tạo lập và nâng cao ý thức pháp luật của các công dân, cơ quan và tổ chức, làm cho nó trở thành lòng tin, mục đích, động cơ và thói quen của mỗi công dân; còn theo nghĩa rộng, giáo dục pháp luật là quá trình tác động của các nhân tố chủ quan và khách quan đến việc xây dựng và nâng cao ý thức pháp luật của các công dân; nhân tố khách quan là chế độ chính trị - xã hội, điều kiện kinh tế, môi trường sống của mỗi công dân; nhân tố chủ quan là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có hệ thống của các thể chế trong Nhà nước và xã hội. Theo đó, giáo dục pháp luật không chỉ là việc dạy pháp luật, giảng giải kiến thức pháp luật cho học sinh phổ thông các cấp học mà còn bao gồm việc đào tạo kiến thức pháp luật chung, kiến thức pháp luật chuyên ngành ở cấp độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ trong các trường đại học, viện nghiên cứu. Đó còn là việc phổ biến, tuyên truyền, giải thích pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư, trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội...Đó cũng còn là việc trang bị kiến thức lý luận và kỹ năng thực hành cho các cán bộ pháp luật chuyên nghiệp [21, tr.9]. Như vậy, tuy thể hiện dưới dạng ngôn từ khác nhau, xong về cơ bản, các quan niệm trên đều thống nhất nhận thức về chủ thể, mục tiêu của giáo dục pháp luật và đều xác định đây là một hoạt động có mục đích, có định hướng của chủ thể lên đối tượng nhằm đạt mục đích là nâng cao ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý - Đây là những nhận thức rất đúng đắn về khái niệm giáo dục pháp luật, thể hiện khá đầy đủ, toàn diện các thuộc tính của nó.

## **2.1.2. Khái niệm, đặc điểm của giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

### **2.1.2.1. Khái niệm giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

Vận dụng lý luận về giáo dục pháp luật chung vào nghiên cứu lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk cho thấy lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk là một bộ phận cấu thành của hệ thống lý luận về giáo dục pháp luật, đó là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, cái toàn thể và cái bộ phận. Trong đó, lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk là cái riêng, cái bộ phận. Vì vậy việc nghiên cứu lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk được dựa trên nền móng của hệ thống lý luận chung về nhà nước và pháp luật; kế thừa và phát triển những quan niệm, quan điểm của các nhà khoa học tiền bối về lĩnh vực giáo dục pháp luật trong và ngoài nước, đồng thời dựa vào tính đặc thù của địa phương Đắk Lắk, tác giả rút ra định nghĩa: ***Giáo dục pháp luật cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có mục đích của chủ thể giáo dục pháp luật (Nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội và các chủ thể khác) tác động lên các đối tượng giáo dục pháp luật (người dân) nhằm hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm đối với pháp luật, hành vi xử sự phù hợp pháp luật, góp phần hình thành lối sống văn hoá pháp luật, áp dụng kết hợp các giá trị nhân văn, tiến bộ của luật tục bản địa.***

### **2.1.2.2. Đặc điểm của giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

#### **a. Những đặc điểm chung**

*Thứ nhất*, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk là hoạt động có mục đích nhằm hình thành ở đối tượng giáo dục những tri thức hiểu biết về Nhà nước và pháp luật cũng như tình cảm và thói quen xử sự phù hợp với quy định của pháp luật. Thông qua giáo dục pháp luật giúp các chủ thể nhận thức đúng đắn, đầy đủ và toàn diện về những chuẩn mực xã hội, những hành vi được làm, những hành vi không được làm, những hành vi bị nghiêm cấm và giới hạn các quyền, nghĩa vụ của mình và của các chủ thể khác được pháp luật bảo vệ và cơ chế để tổ chức thực thi các quyền và nghĩa vụ, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp.

*Thứ hai*, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk là hoạt động có định hướng nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể theo những chuẩn mực mà pháp

luật đặt ra. Đó cũng chính là quá trình chuyển tải các tri thức của nhân loại nói chung, của một Nhà nước, một chính thể nói riêng về hiện tượng Nhà nước và pháp luật để hình thành ở đối tượng giáo dục tri thức hiểu biết đúng đắn về Nhà nước và pháp luật. Thông qua hiểu biết pháp luật, các chủ thể biết tự mình điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với những chuẩn mực, quy tắc, đòi hỏi của pháp luật. Sự hiểu biết pháp luật của các chủ thể càng sâu sắc, càng đầy đủ, chính xác thì tính hợp pháp trong hành động của họ càng được bảo đảm và hạn chế được các hành vi vi phạm pháp luật do không hiểu biết pháp luật. Thông qua giáo dục pháp luật còn giúp các chủ thể định hướng hành vi đúng đắn phù hợp với pháp luật, biết sử dụng tri thức pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, từng bước xây dựng và hình thành thói quen suy nghĩ và hành động hợp pháp và cao hơn là xây dựng lối sống văn hoá pháp luật.

*Thứ ba*, giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk còn là hoạt động có tổ chức, đó là sự tác động của chủ thể giáo dục pháp luật lên đối tượng giáo dục pháp luật theo những nguyên tắc, yêu cầu cụ thể, với những nội dung, hình thức, phương pháp nhất định phù hợp với đặc thù của đối tượng giáo dục nhằm đạt được các mục tiêu mà chủ thể giáo dục đề ra. Trong quá trình hoạt động có tổ chức đó, trách nhiệm trước hết và chủ yếu thuộc về Nhà nước; Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức thực hiện và huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia để đạt được các mục tiêu đề ra bởi lẽ, chính nhà nước ban hành Hiến pháp và pháp luật nên có trách nhiệm tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật mà khâu đầu tiên là giáo dục pháp luật đến với nhân dân và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tổ chức thực thi pháp luật.

*Thứ tư*, giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk là hoạt động thường xuyên, liên tục, lâu dài, đặt trong mối quan hệ với quá trình giáo dục toàn diện các tri thức tinh hoa pháp luật trong đời sống xã hội, quy tắc xã hội; là quá trình giáo dục kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục gia đình với giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội và giáo dục có định hướng của Nhà nước. Đặc biệt, do mục tiêu hướng đến là tri thức hiểu biết pháp luật, xây dựng tình cảm lối sống và cao hơn là văn hoá pháp luật, vì vậy người thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật phải là người có tri thức hiểu biết pháp luật, không chỉ nắm vững tri thức pháp luật ở góc độ tính hệ thống, mà còn

phải có kỹ năng truyền tải các tri thức, quy định pháp luật đó đến với các chủ thể một cách rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, đồng thời là tấm gương sáng, là hình mẫu trong việc tuân thủ và chấp hành pháp luật.

*Thứ năm*, đối tượng giáo dục pháp luật với tư cách là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các thông tin pháp luật, trực tiếp tiếp nhận các thông tin pháp luật, vì thế, năng lực, trình độ hiểu biết pháp luật cũng như các yếu tố nhân thân khác là yếu tố tác động trực tiếp ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu tri thức hiểu biết pháp luật từ phía chủ thể giáo dục. Mục tiêu cao nhất của giáo dục pháp luật là nhằm truyền đạt thông tin, nội dung pháp luật, tri thức pháp luật trong đời sống đến với đối tượng, giúp đối tượng giáo dục pháp luật có được những hiểu biết về pháp luật góp phần nâng cao ý thức pháp luật; hình thành lòng tin, tình cảm vào pháp luật, hình thành nhân cách hành vi và xây dựng đời sống văn hoá pháp luật.

*Thứ sáu*, ngoài sự tác động có chủ định của các chủ thể giáo dục lên đối tượng giáo dục, một thuộc tính quan trọng khác trong hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk đó là nghĩa vụ học tập, tiếp cận tri thức pháp luật của người dân thể hiện ở tính tích cực, chủ động tự giác của mỗi cá nhân trong việc tự mình nâng cao tri thức hiểu biết pháp luật cũng như vận dụng tri thức hiểu biết pháp luật vào quá trình thực hiện các hành vi của mình. Lý luận về giáo dục đã khẳng định tự giáo dục là một bộ phận của quá trình giáo dục, đó là hoạt động có ý thức, có mục đích của mỗi cá nhân để tự hoàn thiện những phẩm chất nhân cách của bản thân theo những định hướng giá trị nhất định. Nhu cầu tự giáo dục nảy sinh theo từng giai đoạn phát triển của cá nhân [86, tr.23]. Ở mỗi lứa tuổi, nghề nghiệp, dân tộc, giới tính, vùng miền, địa bàn khác nhau, mỗi chủ thể có nhu cầu tự giáo dục khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu tri thức hiểu biết nhất định khi tham gia vào các quan hệ xã hội cụ thể. Ngoài ra, một hoạt động giáo dục pháp luật rất quan trọng khác là hoạt động giáo dục lại, đó là “hoạt động tổ chức giáo dục nhằm uốn nắn, sửa chữa, điều chỉnh làm thay đổi những quan điểm, tình cảm, thái độ, lối sống...đặc biệt là những thói quen, hành vi không đúng, không tốt đã hình thành ở học sinh trong quá trình sống. Giáo dục lại được xem là một quá trình giáo dục đối với những cá nhân có những biểu hiện lệch chuẩn để họ trở thành những con người có

ích cho xã hội, biết sống theo những yêu cầu, chuẩn mực của xã hội”[94, tr.25] - Đây là một loại hoạt động giáo dục rất quan trọng trong giáo dục pháp luật mà thời gian qua rất ít được nghiên cứu và hầu như chưa được phân tích và đánh giá từ góc độ nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn.

*b. Những đặc điểm riêng của giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk*

*Thứ nhất:* Giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải được đặt trong mối quan hệ hài hoà với giáo dục các tri thức tinh hoa của luật tục bản địa Ê Đê và M'ông. Thực tiễn cho thấy dù chưa được công nhận là nguồn của pháp luật nhưng luật tục của cư dân bản địa ở Đắk Lắk vẫn tồn tại với tính hợp lý của nó, cùng tham gia điều chỉnh các quan hệ xã hội đặc biệt là trong đời sống dân sự. Trong hệ tư tưởng pháp luật của cư dân nhập cư trên địa bàn Tây Nguyên nói chung và ở tỉnh Đắk Lắk nói riêng hiện nay đã có sự ảnh hưởng của tư tưởng luật tục và ngược lại, làm hình thành những thói quen ứng xử hỗn hợp. Trong những năm gần đây một số phong tục tập quán tốt đẹp lâu đời trong luật tục của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa Đắk Lắk đã được cộng đồng dân nhập cư tiếp nhận sử dụng như một phương tiện điều chỉnh quan hệ dân sự trong đời sống hàng ngày, đó là các tập quán về bảo vệ rừng, bảo vệ cây trồng, vật nuôi trong gia đình; các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, hôn nhân một vợ một chồng vv... Các phong tục tập quán này cũng đã được chính quyền tỉnh Đắk Lắk thừa nhận và áp dụng đồng thời với pháp luật (trừ hình phạt mất một đền ba trong luật tục), trường hợp này, luật tục bản địa là môi trường cho sự phát sinh, tồn tại và phát triển của pháp luật, là chất liệu tạo nên sự mềm dẻo của pháp luật, làm cho nội dung của pháp luật trở nên phong phú hơn, sát với thực tế hơn và đặc biệt là được cộng đồng người dân tộc bản địa tự nguyện thi hành. Mặt khác trong tập quán sinh hoạt của người bản địa mặc dù chưa phổ biến nhưng đã xuất hiện tư tưởng pháp luật, Vì vậy giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk không đặt song song với giáo dục tri thức luật tục là thực chất mới chỉ giáo dục một nửa.

*Thứ hai,* giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk có đối tượng (đối tượng giáo dục pháp luật) là hai nhóm người cụ thể gồm nhóm cư dân người dân tộc thiểu số

bản địa Ê Đê và M'ông và nhóm dân nhập cư trong thời kỳ đổi mới đất nước từ năm 2000-2015. Trong đó bao gồm: Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân; đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội, cán bộ hoạt động ở cơ sở, già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong cộng đồng, nông dân và đồng bào các dân tộc (bao gồm dân nhập cư, đồng bào dân tộc thiểu số Ê Đê và M'ông) hiện đang sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh. Đặc thù của các đối tượng này là trong những điều kiện cụ thể nhất định họ có thể là đối tượng giáo dục pháp luật và cũng có thể là chủ thể giáo dục pháp luật. Quá trình sống ở địa bàn Đăk Lăk họ chịu sự tác động, ảnh hưởng trực tiếp bởi các yếu tố địa chính trị, địa kinh tế - văn hóa, xã hội, của tỉnh Đăk Lăk, từ đó, hình thành nên tâm lý, đặc điểm, thói quen đặc thù của người dân tỉnh Đăk Lăk, vừa chứa đựng những yếu tố thuộc về nền văn hóa bản địa, vừa tác động bởi các yếu tố của nền văn hóa hỗn hợp, được mang đến từ những vùng, miền khác nhau.

*Thứ ba*, giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk không chỉ đơn thuần là một hoạt động truyền tải tiếp nhận thông thường giữa chủ thể giáo dục pháp luật và đối tượng giáo dục pháp luật mà là một quá trình kiên trì bền bỉ của một đội ngũ đông đảo các chủ thể giáo dục pháp luật trong việc minh chứng về sự công bằng minh bạch về giá trị bảo vệ quyền và lợi ích cho người dân không gì thay thế được của luật pháp. Sự minh chứng này phải được thể hiện thông qua những tấm gương sáng người thật việc thật hết sức cụ thể về lao động, về xây dựng mô hình kinh tế, về đạo đức lối sống và đặc biệt là về quan hệ gia đình và xã hội. Quá trình này còn được coi như quá trình lấy con người mẫu mực trong đời sống thực tế làm điểm sáng để cải tạo, cảm hoá từng bước nhận thức pháp luật của người dân. Thực tiễn cho thấy mọi sự áp đặt, mọi kế hoạch “đội từ trên xuống” trong giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk đều không mang lại hiệu quả

### ***2.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk***

#### ***2.1.3.1. Các vai trò chung***

*Một là*, quá trình giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk giúp cho các cơ quan Nhà nước ở địa phương nơi đây, nhất là các cơ quan, đội ngũ cán bộ, công chức biết sử dụng công cụ pháp luật để quản lý nhà nước và xã hội, đồng thời giúp

mỗi người dân biết sử dụng công cụ pháp luật để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, qua hoạt động giáo dục pháp luật còn góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật. Lý luận và thực tiễn đã khẳng định, trong quản lý xã hội, pháp luật là phương tiện, công cụ có vị trí, vai trò quan trọng, hàng đầu trong hệ thống các công cụ điều chỉnh xã hội, trực tiếp được Nhà nước sử dụng trong quản lý nhà nước và xã hội, định hướng hành vi đúng đắn, phù hợp với trật tự chung, qua đó buộc các chủ thể phải tuân thủ để xã hội duy trì trong vòng trật tự. Những tri thức pháp lý, tình cảm pháp luật đúng đắn và hành vi hợp pháp chiếm vị trí hàng đầu trong việc sử dụng quyền lực nhà nước, tăng cường pháp chế, phát huy dân chủ, mở rộng quyền và tự do của mỗi người. Giáo dục pháp luật tạo ra khả năng đổi mới các quan hệ xã hội trong môi trường quản lý nhà nước, khắc phục sự bảo thủ của những tư tưởng ích kỷ, hẹp hòi và cục bộ, kích thích các hành vi tích cực, tự giác và xây dựng. Giáo dục pháp luật còn tạo ra khả năng hình thành các điều kiện và nhân tố thuận lợi cho quá trình thực thi quyền lực nhà nước, quản lý xã hội, làm xuất hiện và củng cố những phẩm chất tích cực của ý thức và của hành vi quản lý, mặt khác, tạo ra khả năng không tiếp nhận những hiện tượng tiêu cực, chống đối pháp luật diễn ra trong quá trình quản lý.

*Hai là*, giáo dục pháp luật giúp người dân tỉnh Đắk Lắk có được tri thức đời sống pháp luật, hiểu được pháp luật là hiện thân của công lý và công bằng xã hội, là công cụ bảo vệ hữu hiệu nhất quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân không một chế định nào có thể thay thế được. Pháp luật không chỉ đơn thuần là công cụ nặng về tính chất trừng trị mà còn là kim chỉ nam định hướng hành vi, định hướng lối sống và là công cụ hữu ích để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi cá nhân. Từ đó các chủ thể pháp luật xây dựng, hình thành cho mình tình cảm, thái độ pháp luật đúng đắn và chuyển biến thành hành vi tích cực, tự giác, phù hợp với những đòi hỏi, yêu cầu của pháp luật; chủ động, tự giác, tích cực vận dụng pháp luật để thực hiện quyền, nghĩa vụ pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp được pháp luật quy định, tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tôn trọng trật tự chung, tôn trọng quyền, lợi ích của chủ thể khác, phòng ngừa, đấu tranh và chống hành vi vi phạm pháp luật.

*Ba là*, giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk làm hình thành những quan điểm, niềm tin, giá trị, động cơ, thái độ, hành vi, thói quen phù hợp với chuẩn mực chính trị, đạo đức, pháp luật, thẩm mỹ, văn hóa pháp luật; nâng cao ý thức pháp luật, văn hóa pháp lý của công dân, hỗ trợ trực tiếp cho quá trình thực thi dân chủ gắn với tăng cường pháp chế, hỗ trợ tích cực cho hoạt động xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và bảo vệ pháp luật. Có thể nói, khẩu hiệu sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật chỉ có thể trở thành hiện thực khi mà trình độ văn hóa pháp lý của xã hội nói chung và mỗi người dân nói riêng được nâng cao. Văn hóa pháp lý của xã hội nói chung, của mỗi người dân nói riêng quy định trình độ ý thức pháp luật của một xã hội, trực tiếp tác động và ảnh hưởng đến chất lượng của hệ thống pháp luật hiện hành, nhất là tính ổn định của trật tự pháp luật trong nước. Văn hóa pháp lý của một người là sự thống nhất giữa tri thức, tình cảm và hành vi của một người đối với pháp luật. Văn hóa pháp lý đóng vai trò hình thành bầu không khí pháp luật của xã hội mà trong đó dân chủ được thực hiện và phát triển; bầu không khí pháp luật được tạo lập trước hết phụ thuộc vào tính tích cực pháp luật và sự phối hợp tính tích cực đó của mọi thành viên trong xã hội.

#### *2.1.3.2. Các vai trò đặc thù của giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk*

*Một là*, quá trình giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk, ngoài các chủ thể truyền thống còn làm hình thành một đội ngũ chủ thể giáo dục pháp luật đồng đảo mang sắc thái xã hội hoá bao gồm: Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội trong tỉnh; đội ngũ già làng, trưởng buôn; những người có uy tín trong các dòng họ ở các thôn, buôn của dân nhập cư và người dân tộc thiểu số bản địa; đội ngũ thanh niên tình nguyện và nhiều chủ doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh là những tấm gương điển hình tiên tiến đi đầu trong lĩnh vực kinh tế, am hiểu luật tục bản địa và các thiết chế cộng đồng hỗn hợp của cư dân nhập cư trên địa bàn Đắk Lắk, làm điểm sáng thu hút dân bản địa và dân nhập cư cùng tham gia lao động, học tập tích lũy tri thức pháp luật, tri thức luật tục và tri thức về xây dựng kinh tế, làm giàu trên mảnh đất Đắk Lắk và Tây Nguyên.

*Hai là*, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk được đặt trong mối quan hệ hài hoà với giáo dục tri thức tiến bộ của luật tục bản địa, giải quyết hợp lý



sự xung đột giữa pháp luật và luật tục, làm dung hoà quan hệ giữa cư dân nhập cư và cư dân bản địa; giúp người dân trong tỉnh xây dựng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, nhất là các giá trị tinh hoa của luật tục phù hợp với xu hướng vận động, biến đổi và phát triển của các giá trị văn hóa tiến bộ được nhân loại thừa nhận trong mối quan hệ với các giá trị tiến bộ mà pháp luật mang lại. Thông qua hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk giúp các chủ thể nhận thức đầy đủ hơn về những giá trị văn hóa, các quy định tiến bộ trong luật tục bản địa đã được thực tiễn kiểm nghiệm tính đúng đắn cần được kế thừa, phát triển; mặt khác, hạn chế và tiến tới loại bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, phản tiến bộ, không còn phù hợp với các giá trị văn hóa đương đại.

## **2.2. Đặc trưng của giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

### **2.2.1. Mục tiêu giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

#### *2.2.1.1. Các mục tiêu chung:*

Một là, về mục tiêu giáo dục: chuẩn bị cho người dân Đắk Lắk một lượng kiến thức, tri thức đời sống nhất định để tham gia đời sống xã hội, tham gia lao động sản xuất, được thực hiện bằng cách tổ chức việc truyền thụ, lĩnh hội những kiến thức và những kinh nghiệm thực tiễn của cuộc sống. Giáo dục là một quá trình tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội, một trong những nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy xã hội phát triển. Giáo dục có tính lịch sử, cụ thể; tính chất, mục đích, nội dung của giáo dục, phương pháp giáo dục thay đổi theo các giai đoạn phát triển của xã hội, theo các chế độ chính trị, kinh tế của xã hội. Giáo dục là một quá trình có mục đích chung và tổng quát là nhằm chuẩn bị, tạo nền tảng hiểu biết và nhận thức cho con người để sống, để hoạt động – quá trình truyền thụ các tri thức và rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo tương ứng. Trong giáo dục thì yếu tố “học”, tức là sự tiếp nhận kiến thức và hiểu biết, là yếu tố quyết định; học để làm gì, tức là mục đích của giáo dục là gì? Năm 1996, Chủ tịch Ủy ban UNESCO về Giáo dục cho thế kỷ XXI (UNESCO Commission on Education for the Twelty-First Century) Jacques Delors đã công bố bản báo cáo có tiêu đề: *Learning: The Treasure Within*, dịch sang tiếng Việt là “*Học tập: Một tài sản tiềm ẩn*”, trong đó xác định “*Bốn trụ cột*”: “*Học để*

biết; Học để làm; Học để tồn tại; và Học để chung sống” (Learning to know, Learning to do, Learning to be and Learning to live together) mà theo Vũ Cao Đàm, đây là một tuyên ngôn triết lý về giáo dục thế kỷ XXI, nó chứa đựng triết lý về mục đích của sự học, về bản thân sự học, triết lý về bản chất hệ thống giáo dục, từ tiểu học đến đại học và hệ thống giáo dục trong môi trường xã hội [204]. Theo đó, mục đích của giáo dục là nhằm hình thành nhân cách; hình thành lối sống và hành vi ứng xử; xây dựng nhận thức, tình cảm, thái độ, hiểu biết để tham gia vào các hoạt động xã hội, lao động sản xuất, kinh doanh, quản lý, điều hành... Mục đích cao nhất của giáo dục là để hình thành, tạo nên những nhân cách con người sống chuẩn mực trong cộng đồng và xã hội, hướng tới những giá trị tiến bộ và tích cực qua việc truyền thụ những kiến thức, biến kiến thức thành nhận thức, tình cảm, thái độ, niềm tin, quyết định để từ đó các cá nhân có được những hành vi phù hợp, chủ động tham gia các hoạt động thực tiễn. Luật Giáo dục của Việt Nam xác định mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (Điều 2).

*Hai là, về mục tiêu giáo dục pháp luật:* Đây là cái đích cần hướng tới của hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk, bắt đầu từ hoạt động truyền tải, tiếp nhận kiến thức pháp luật đến hình thành nhận thức, thái độ và tình cảm pháp luật, tiến tới hình thành nhân cách hành vi con người và cao hơn là hình thành lối sống văn hoá pháp luật bền vững. Mức độ rõ ràng, cụ thể của mục tiêu giáo dục pháp luật được xác định thông qua những thông số cụ thể như dung lượng và mức độ của kiến thức pháp luật cần được truyền thụ cho đối tượng sau khi hoàn thành chương trình giáo dục; tiến độ thời gian của chương trình. Trong trường hợp giáo dục pháp luật được thực hiện thông qua chương trình đào tạo thì tính cụ thể đó càng được biểu thị rõ ràng hơn như loại hình đào tạo; khối lượng kiến thức, kỹ năng; trình độ chuyên môn cần đạt được; tính chất của văn bằng tốt nghiệp v...v... Thiếu những thông số đó hoặc nếu những thông số đó thiếu sát thực, thiếu cụ thể hoặc

không phù hợp thì sẽ không thể thực hiện được chương trình đào tạo, giáo dục pháp luật. Trong khi đó, mặc dù mục tiêu truyền thụ kiến thức, hiểu biết pháp luật cũng được đặt ra, nhưng các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật thường đặt ra những chỉ tiêu về số lượng như số các văn bản được phổ biến, số người được phổ biến, mà không quan tâm nhiều đến nội dung văn bản; tính chất đại trà thường chiếm ưu thế trong các hoạt động này.

Khi nghiên cứu về vấn đề này, có ý kiến cho rằng mục tiêu của giáo dục pháp luật bao gồm: i) Mục đích nhận thức (hình thành, làm sâu sắc và mở rộng hệ thống tri thức pháp luật của công dân); ii) Mục đích cảm xúc (hình thành tình cảm và lòng tin đối với pháp luật); iii) Mục đích hành vi (hình thành động cơ, hành vi và thói quen xử sự hợp pháp, tích cực; iv) Mục đích xây dựng lối sống văn hoá pháp luật bền vững (mục đích lối sống) bốn mục đích này có mối quan hệ qua lại, thống nhất với nhau từ nhận thức đến tự giác, từ tự giác đến tích cực và từ tích cực đến thói quen xử sự hợp pháp và cao hơn là lối sống văn hoá pháp luật[132, tr.431].

#### *2.2.1.2. Các mục tiêu cụ thể*

*Một là*, trang bị, cung cấp, bồi dưỡng và nâng cao tri thức pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk với phương châm học để biết nhằm từng bước mở rộng và làm sâu sắc tri thức hiểu biết pháp luật; am hiểu thấu đáo pháp luật và biết cách đánh giá một cách đúng đắn các hành vi pháp lý. Các yếu tố này xuất phát từ đòi hỏi của các đối tượng giáo dục khác nhau phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể nhằm hình thành lòng tin vào sự cần thiết đối với pháp luật nói chung và lợi ích xã hội của các quy phạm pháp luật nói riêng từ đó mỗi chủ thể đạt được sự đồng cảm đối với pháp luật. Đây là mục tiêu đầu tiên của giáo dục pháp luật vì sự am hiểu pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự phát triển ý thức pháp luật, tư duy pháp lý, nhân cách hành vi và văn hoá pháp luật ở con người. Sự am hiểu xã hội nói chung, pháp luật nói riêng là điều kiện cần thiết, mà thiếu nó không nên nói về chính trị. Người mù chữ thì đứng ngoài chính trị, người không hiểu biết pháp luật thì càng mù về chính trị, vì vậy, trước khi mở rộng và nâng cao tri thức pháp lý thì phải nói về việc thông qua giáo dục pháp luật mà trang bị cho con người những tri thức cơ bản

về pháp luật như giá trị xã hội của pháp luật và vai trò điều chỉnh của nó. Kiến thức pháp luật cần được chuyển tải, truyền thụ này là hết sức đa dạng, bắt đầu từ những quy định pháp luật, những văn bản pháp luật cụ thể cho đến các nguyên tắc, nguyên lý, tri thức pháp luật nói chung cũng như của các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành, từ kiến thức pháp luật phổ cập, đại cương cho đến các kiến thức giáo dục pháp luật chuyên nghiệp (đối với Thẩm phán, Luật sư, Điều tra viên, Kiểm sát viên v.v.). Đây là quá trình chuyên hóa thông tin pháp luật - hạt nhân quan trọng nhất của giáo dục pháp luật - những thông tin có định hướng, có tính phân hóa cụ thể cho từng đối tượng, từ đó, hình thành nhận thức về pháp luật với tư cách là những nhận thức pháp lý, thái độ, tình cảm và niềm tin pháp lý phù hợp của cá nhân. Mục đích của giáo dục pháp luật là làm cho những kiến thức pháp luật từ yếu tố ngoại lai đối với cá nhân trở thành yếu tố nội sinh, để đối tượng giáo dục cảm nhận được rằng những kiến thức đó đã trở thành nhận thức của mình, là “cái của mình” - Đây là mức cao hơn của mục tiêu “học để biết”. Quá trình này được hỗ trợ bởi các yếu tố được tích hợp trong quá trình xã hội hóa cá nhân, hình thành nhân cách để rồi, cùng với những hiểu biết pháp luật, một nhân cách pháp lý được hình thành, củng cố. Vì vậy, một nhân cách có thể hình thành, phát triển mà không nhất thiết phải hiểu biết pháp luật, nhưng bản thân pháp luật khi đã trở thành yếu tố nội sinh của cá nhân thì nó có vai trò hỗ trợ cho nhân cách đó phát triển đúng hướng, bền vững. Biểu hiện của một nhân cách pháp lý là sự độc lập của cá nhân trong việc đánh giá được đầy đủ các giá trị của pháp luật, đồng tình hay không đồng tình với nội dung quy định của pháp luật; nhận thức được nhu cầu phải hành động phù hợp với pháp luật hay “bỏ qua” nó, tức là coi thường hoặc thậm chí vi phạm. Tuy nhiên, để đạt tới mục đích cảm xúc về pháp luật còn phụ thuộc rất nhiều vào trình độ tri thức pháp luật, về quy phạm, về nguyên tắc pháp lý, về sự am hiểu trong việc đánh giá các sự kiện pháp lý. Tri thức pháp luật càng đầy đủ thì tình cảm pháp luật càng mạnh mẽ; nó tạo nên cơ sở của sự định hướng lòng tin ổn định vào các giá trị của pháp luật, đồng thời giúp cho con người tổ chức một cách có ý thức hành vi của mình và tự kiểm tra hành vi từ các quan điểm, chuẩn mực pháp lý. Tri thức pháp luật phải là sự am hiểu có hệ

thống với những nhận thức thấu đáo về nội dung, ý nghĩa của pháp luật, biết đánh giá một cách tin tưởng các sự kiện pháp lý với hành vi này hay hành vi kia là hợp pháp hay không hợp pháp, hợp lý hay không hợp lý [47, tr.28-29].

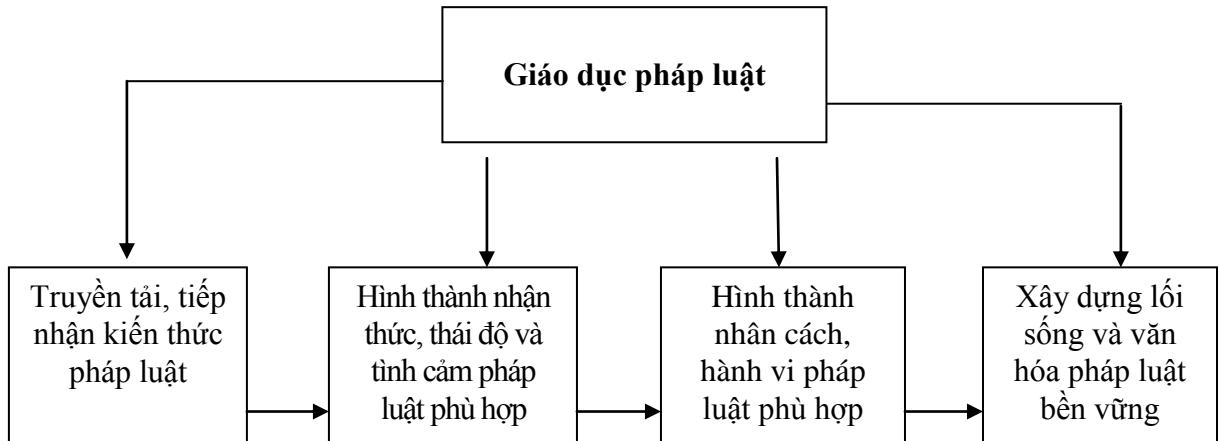
*Hai là*, hình thành lòng tin vào pháp luật – Mục đích cảm xúc: Sự hình thành lòng tin vững chắc của công dân vào pháp luật, vào sự cần thiết phải tuân theo những quy phạm pháp luật có ý nghĩa rất quan trọng. Tri thức pháp luật mà thiếu tình cảm tôn trọng đối với pháp luật thì không dự đoán và đảm bảo hành vi hợp pháp, không giữ vững được những nhiệm vụ đặt ra. Con người nếu thiếu lòng tin đối với pháp luật thì hành vi của họ thường lệch khỏi các chuẩn mực pháp luật. Lòng tin vững chắc vào pháp luật là cơ sở để hình thành động cơ của hành vi hợp pháp, nó bao gồm giáo dục tình cảm công bằng (biết đánh giá các quy phạm pháp luật, biết cách xác định các tiêu chuẩn đánh giá về tính công bằng của pháp luật, biết quan hệ với người khác và với chính mình bằng các quy phạm pháp luật); tình cảm trách nhiệm (ý thức về nghĩa vụ pháp lý cơ bản của mình, thực hiện những mệnh lệnh pháp luật, hoàn thành không điều kiện những nghĩa vụ pháp lý trong các mối quan hệ pháp luật với các chủ thể khác), tình cảm không khoan nhượng (đối với những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm) và tình cảm pháp chế (hình thành ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật) [47, tr.30].

*Ba là*, xây dựng thói quen vững chắc xử sự theo những đòi hỏi của pháp luật, từ đó hình thành động cơ và hành vi tích cực và văn hóa pháp luật phù hợp. Cung cấp tri thức, giáo dục lòng tin sâu sắc vào sự cần thiết phải tuân theo một cách tự nguyện những mệnh lệnh của pháp luật là những yếu tố rất quan trọng nhằm hình thành động cơ và hành vi hợp pháp. Những tình cảm công bằng, bình đẳng, ý thức trách nhiệm và không khoan dung đối với các vi phạm pháp luật là những yếu tố tâm lý, tư tưởng không tách rời với việc hình thành hành vi hợp pháp, tự giác và tích cực. Nhờ vào những thôi thúc nội tâm, những tình cảm và lòng tin vững chắc vào pháp luật ở con người mới hình thành được động cơ và hành vi hợp pháp, tự nguyện và tích cực. Con đường đúng đắn để đạt được mục đích hình thành động cơ và hành vi hợp pháp, tích cực của pháp luật chỉ có thể nhờ vào quá trình giáo dục

một cách kiên trì bằng nhiều hình thức và phương tiện để mọi người hiểu biết một cách sâu sắc về sự cần thiết, hợp lý và lợi ích của các mệnh lệnh pháp luật đối với xã hội nói chung cũng như đối với tất cả các thành viên trong xã hội.

*Bốn là*, mục đích cao nhất và lâu dài, ổn định nhất của giáo dục pháp luật là nhằm góp phần thúc đẩy quá trình hình thành hành vi ứng xử theo pháp luật và xây dựng lối sống văn hoá pháp luật bền vững. Hành vi pháp luật là sự lựa chọn, sự quyết định cuối cùng của cá nhân trong quá trình xã hội hóa với tư cách là một thực thể pháp lý. Đó còn là biểu hiện khách quan của nhận thức, tình cảm chủ quan, vì thế, đó cũng còn là sự kết hợp của các yếu tố khách quan và chủ quan được biểu hiện bằng một quyết định của cá nhân trong những tình huống cụ thể. Hành vi được thể hiện bằng việc tuân theo pháp luật (hành vi hợp pháp), hay không tuân theo pháp luật (hành vi không hợp pháp) hoặc chống đối, thờ ơ, bàng quan, vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng, hành vi nói chung và hành vi pháp luật nói riêng là tổ hợp của các yếu tố chủ quan và khách quan. Vì vậy, để giáo dục pháp luật đạt được mục tiêu tác động đến quá trình xây dựng và củng cố hành vi pháp luật thì nội dung, phương pháp giáo dục đó phải được đặt ra sao cho phù hợp với các yếu tố khách quan và chủ quan đó. Đó chính là lý do vì sao việc giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk phải vừa đảm bảo tính chính xác, tính khoa học, lại vừa phải cụ thể, được cá thể hóa cao về đối tượng, về nhu cầu, về điều kiện địa lý kinh tế, xã hội, trình độ dân trí, khả năng của người học v.v... Mục tiêu giáo dục pháp luật nhằm góp phần hình thành hành vi pháp luật đúng đắn và phù hợp chính là biểu hiện của mục tiêu “học để làm” và “học để cùng chung sống”. Tổng hợp kết quả của quá trình hình thành nhân cách pháp luật và hành vi pháp luật đúng đắn là văn hóa pháp luật, khi những hiểu biết, những hành vi đã trở thành thói quen, thành quy phạm nội tại có khả năng điều tiết thái độ và hành vi con người trong những mối quan hệ, những môi trường và hoàn cảnh nhất định. Đó cũng chính là biểu hiện của phương châm “học để biết chung sống với mọi người”, biết chấp nhận sự tương đồng và khác biệt.

Lô-gíc các mục tiêu giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk được diễn đạt theo sơ đồ sau:



Lô-gíc các mục tiêu của giáo dục pháp luật cho thấy rằng, các mục tiêu đó được đặt ra theo đúng quy luật của giáo dục, theo đó, việc đạt được mục tiêu chuyển tải và tiếp nhận các kiến thức pháp luật là tiền đề để hướng đến mục tiêu hình thành nhận thức, thái độ và tình cảm pháp luật. Đến lượt nó, những mức độ đạt được của quá trình “học để biết” này lại làm tiền đề cho việc hình thành tính tích cực về pháp lý của cá nhân, cho dù cá nhân đó là người dân thường hay cán bộ quản lý, lãnh đạo hoặc thậm chí là các chức danh nghề nghiệp như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Luật sư, cán bộ cơ quan thi hành án, Trợ giúp viên pháp lý. Cuối cùng, không thể có được văn hóa pháp luật, tức là thói quen, tâm thức hành xử phù hợp với pháp luật nếu không tạo ra được ở mỗi con người và trong toàn xã hội ý thức tôn trọng pháp luật, sự am hiểu và nhận thức đúng đắn về pháp luật và các giá trị của nó, nếu không có điều kiện cho sự thể hiện những hành vi pháp luật phù hợp và tích cực, chẳng hạn như những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, của chủ thể

### 2.2.1.3. Các mục tiêu giáo dục pháp luật đặc thù cho người dân Đắk Lắk

Một là, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk hướng đến mục tiêu giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa pháp luật với luật tục của dân tộc thiểu số bản địa (Ê Đê và M’ông) trong điều chỉnh các mối quan hệ xã hội; giải quyết hợp lý

những vấn đề xung đột giữa quy định của pháp luật với các quy định của luật tục, góp phần giải quyết xung đột giữa người nhập cư với người dân tộc thiểu số bản địa; dung hoà giá trị tinh hoa của luật tục bản địa vào tri thức pháp luật trong đời sống dân sự của người dân Đắk Lắk; đưa các giá trị tinh hoa của luật tục đến gần hơn những giá trị của pháp luật đồng thời làm hoà tan, thấm sâu các tri thức pháp luật vào đời sống các dân tộc bản địa bằng chính cầu nối của luật tục, hướng đến một cơ chế bảo vệ hài hoà các giá trị pháp luật và giá trị tinh hoa của luật tục nhằm mục đích sâu xa là bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, không xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của Nhà nước và của cộng đồng, phù hợp với trật tự chung được cộng đồng thừa nhận.

*Hai là*, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk hướng đến mục tiêu dung hợp những giá trị tiến bộ của luật tục vào tri thức pháp luật, đặc biệt là trong ý thức pháp luật của cư dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, khắc phục nỗi trăn trở thường trực của cư dân người dân tộc thiểu số bản địa về sự thay thế, bài trừ luật tục bản địa của pháp luật; đồng thời giúp cư dân các dân tộc thiểu số thấy được những giá trị tiến bộ mà pháp luật mang lại không có một chế định nào có thể thay thế được, tiến tới từng bước hạn chế áp dụng luật tục lạc hậu điều chỉnh quan hệ xã hội trong đời sống và cuối cùng là xoá bỏ trong ý thức của họ những hành vi thói quen tuân thủ và chấp hành các quy định của luật tục lạc hậu, phản tiến bộ, đồng thời tích cực tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật, tham gia vào đời sống pháp luật, hạn chế các hành vi chống đối pháp luật hay bàng quan, thờ ơ đối với pháp luật.

*Ba là*, mục tiêu sâu xa nhất mà giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk hướng đến là nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, bồi đắp năng lực làm chủ cho mỗi người dân; bồi đắp tri thức pháp luật để tự tin trong kinh doanh, khai thác tiềm năng đất đai trừ phú màu mỡ của tỉnh, làm giàu cho mỗi cá nhân, tiến tới làm giàu cho xã hội; gìn giữ môi trường, bảo vệ tài nguyên; góp phần duy trì và giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, duy trì và đẩy mạnh khối đại đoàn kết toàn



dân tộc, củng cố vững chắc niềm tin của đồng bào các dân tộc trong tỉnh với chủ trương, chính sách của Đảng pháp luật của Nhà nước.

### **2.2.2. Nguyên tắc giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

#### **2.2.2.1. Các nguyên tắc chung về giáo dục:**

Giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk được xác định là một bộ phận của hoạt động giáo dục nên cần phải tuân thủ các nguyên tắc chung về giáo dục đó là những luận điểm cơ bản có tính quy luật của lý luận giáo dục, có tác dụng chỉ đạo việc lựa chọn và vận dụng nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục nhằm thực hiện tối ưu mục đích và nhiệm vụ giáo dục. Là một bộ phận cấu thành hoạt động giáo dục, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải phù hợp với tính chất, nguyên lý giáo dục trong Luật giáo dục, theo đó, nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Hoạt động giáo dục phải được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội (Điều 3). Ngoài ra, nó còn tuân thủ các nguyên tắc khác của quá trình giáo dục như sau:

*Thứ nhất*, nguyên tắc thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục: Đây là một nguyên tắc rất quan trọng của hoạt động giáo dục; Tính khoa học thể hiện qua khối lượng kiến thức trong bài giảng phải đảm bảo tính chính xác, trung thực và khoa học. Điều này đòi hỏi chủ thể giáo dục không chỉ uyên bác về lĩnh vực chuyên môn mà mình phụ trách giảng dạy mà cần có những tri thức hiểu biết rộng về các môn khoa học có liên quan để là nguồn cung cấp tri thức chính xác và trung thực cho đối tượng giáo dục; bổ sung những tri thức hỗ trợ cần thiết để có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về vấn đề giảng dạy. Để đáp ứng yêu cầu này, người thầy phải thường xuyên nghiên cứu tài liệu, đọc nhiều sách và cập nhật thông tin do kiến thức phải thường xuyên được cập nhật mới, phải có tính hiện đại vì đôi khi kiến thức hiểu biết chỉ đúng tại một thời điểm nào đó. Tính giáo dục bao hàm tính không phân giáo dục, không đi ngược với lợi ích dân tộc, lợi ích nhân dân và không ủng hộ cái xấu, cái ác, hướng đến các giá trị chân, thiện, mỹ - Đây là tính chất rất quan trọng vì

nó giúp định hình nhân cách và đạo đức cho người học sau này khi bước vào đời. Với mục tiêu của nền giáo dục nước ta là đào tạo ra nguồn nhân lực vừa hồng vừa chuyên phục vụ công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, con người được đào tạo ra phải có phẩm chất đạo đức cách mạng tốt và trình độ chuyên môn tốt vì thế tính giáo dục cần được đề cao trong quá trình dạy học. Hơn nữa, giáo dục làm nhiệm vụ chuyển giao những tinh hoa văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ của nhân loại cho thế hệ sau, là cơ sở giúp các thế hệ sau nối tiếp nhau sáng tạo, nâng cao và phát huy để làm phong phú kho tàng văn hóa nhân loại. Vì thế, tính thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục cần phải được đảm bảo vì nó chính là nguyên tắc giúp chủ thể giáo dục chọn lựa tri thức phù hợp với đối tượng giảng dạy: Năng lực người học, độ tuổi, văn hóa, phù hợp với yêu cầu của xã hội và thực tế địa phương mà vẫn đảm bảo tính khoa học cơ bản của ngành học - Nội dung bài giảng và ví dụ thực tế phải vừa đảm bảo tính chính xác và trung thực của môn học, vừa đảm bảo giáo dục cho đối tượng giáo dục về chân, thiện, mỹ và những phẩm chất đạo đức của con người trong thời đại mới, gắn giáo dục với quá trình hình thành nhân cách. Để thực hiện tốt nguyên tắc này, chủ thể giáo dục cần có kiến thức sâu sắc về môn học mình phụ trách, nghiệp vụ sư phạm và phương pháp dạy học tích cực, tiên tiến, có kiến thức chuyên môn tốt để xây dựng kết cấu bài giảng với nội dung phù hợp, có tính khoa học. Bên cạnh đó, chủ thể giáo dục còn phải là tấm gương sáng về đạo đức lối sống, tình yêu lao động, tình yêu đất nước, yêu con người Việt Nam XHCN, vì vậy, việc giáo dục tư tưởng đạo đức cho người học qua bài giảng của người dạy là chưa đủ mà cần được chứng minh qua hành động và việc làm cụ thể, thực tế của người giáo viên.

*Thứ hai*, nguyên tắc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, học đi đôi với hành: Đây là một nguyên tắc rất quan trọng trong hoạt động giáo dục. nguyên tắc này đòi hỏi đối tượng giáo dục phải nắm vững tri thức ở góc độ tính hệ thống và tri thức đó có thể vận dụng trong thực tiễn. Học là tiếp thu kiến thức đã được đúc kết trong các bộ môn khoa học, đồng thời tiếp nhận những kinh nghiệm của lớp người đi trước. Hành là thực hành, ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống; học và hành là hai mặt của một quá trình thống nhất, nó không thể tách rời nhau mà phải luôn gắn chặt với nhau làm một; “hành” vừa là mục đích vừa là phương pháp học tập; hành là để củng cố, nắm vững

kiến thức đã học và để vận dụng vào cuộc sống. Phải biết vận dụng sáng tạo những kiến thức thầy cô truyền thụ vào bài tập thực hành, có như vậy hiệu quả học tập mới được nâng cao. Một khi đã nắm vững kiến thức, đã tiếp thu lý thuyết mà ta không vận dụng vào thực tiễn, thì học chẳng để làm gì cả.

Ngoài ra, một số nguyên tắc khác cũng cần được chú ý như đảm bảo tính hệ thống và tính tuần tự; sự thống nhất giữa tính tích cực, tự giác, tính độc lập, sáng tạo của đối tượng giáo dục và vai trò chủ đạo của chủ thể giáo dục; sự thống nhất giữa tính trực quan với sự phát triển tư duy lý thuyết; đảm bảo tính vững chắc của tri thức và sự phát triển năng lực nhận thức...

#### *2.2.2.2. Các nguyên tắc chung về giáo dục pháp luật:*

Là bộ phận cấu thành của lý luận về giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải tuân thủ các nguyên tắc chung của giáo dục pháp luật. Đó là những tư tưởng cơ bản chỉ đạo có tính chất nền tảng, định hướng, xuyên suốt quá trình giáo dục pháp luật, nhờ đó toàn bộ hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk được vận hành và phát triển theo đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng cầm quyền và hệ thống pháp luật của Nhà nước, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của nhân dân, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của đối tượng giáo dục và phù hợp với quy luật vận động khách quan của đời sống nhà nước và pháp luật. Các nguyên tắc giáo dục pháp luật được quy định trong Điều 3 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật bao gồm:

*Thứ nhất*, nguyên tắc chính xác, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực: Nguyên tắc này đòi hỏi nội dung giáo dục pháp luật phải chính xác, theo đúng các quy định của pháp luật, bao gồm cả nội dung, tinh thần của quy định pháp luật, không được cắt xén, quá chú trọng vào các quyền mà xem nhẹ các nghĩa vụ; quá chú trọng nội dung pháp luật mà xem nhẹ trình tự, thủ tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ; phải công khai, minh bạch, dễ hiểu, phù hợp với đặc thù và khả năng nhận thức của đối tượng, bám sát những vấn đề mà đối tượng quan tâm, thiết thực với người dân và với xã hội.

*Thứ hai*, nguyên tắc kịp thời, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm: Do các quy định pháp luật rất phong phú và đa dạng, được áp dụng trong nhiều tình huống, hoàn cảnh và phụ thuộc vào tính tích cực và mức độ tham gia các quan hệ xã hội

của các chủ thể, vì vậy, nguyên tắc này đòi hỏi giáo dục pháp luật phải kịp thời, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, không quá dàn trải theo phương châm mưa lâu thấm đất, bám sát nhu cầu của người dân.

*Thứ ba*, nguyên tắc phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, tổ chức, gia đình và xã hội: Đây là nguyên tắc rất quan trọng, bảo đảm tính hệ thống của hoạt động giáo dục pháp luật bởi lẽ mục tiêu giáo dục pháp luật rất toàn diện, việc giáo dục không chỉ diễn ra trong môi trường nhà trường mà còn diễn ra trong môi trường gia đình và xã hội, vì thế, nguyên tắc này đòi hỏi hoạt động giáo dục pháp luật phải bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục gia đình và giáo dục trong nhà trường và ngoài xã hội để bảo đảm kết hợp nhiều hình thức giáo dục khác nhau.

*Thứ tư*, nguyên tắc đa dạng các hình thức phổ biến giáo dục pháp luật phù hợp với địa bàn, dân cư, nhu cầu lứa tuổi trình độ của đối tượng được phổ biến giáo dục pháp luật và truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc; nguyên tắc gắn với việc thi hành pháp luật thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, của địa phương và đời sống hằng ngày của người dân.

*Thứ năm*, nguyên tắc dân chủ: Nguyên tắc này đòi hỏi công tác giáo dục pháp luật phải là công việc của quần chúng, của nhân dân. Nhân dân vừa là đối tượng, vừa là chủ thể trực tiếp tham gia giáo dục, vì vậy, phải huy động mọi nguồn lực trong xã hội tham gia, coi giáo dục pháp luật là công việc của nhân dân để mỗi người đều thấy rằng mình phải có bổn phận và trách nhiệm trong việc tham gia xây dựng, thi hành và thực thi pháp luật, tích cực tham gia kiểm tra, giám sát, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, từ đó nâng cao tính tích cực, tự giác, không chỉ miễn cưỡng tuân thủ, chấp hành pháp luật mà còn tích cực, tự giác tuân thủ; hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong tham gia xây dựng, thực thi pháp luật và bảo vệ pháp luật.

*Thứ sáu*, Giáo dục pháp luật không thể tách rời với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, nghĩa là phải đặt giáo dục pháp luật trong mối quan hệ với việc giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức dân tộc nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm cho các thế hệ công dân trước vận mệnh và sự phát triển trường tồn của đất nước, hướng đến bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc. Phải biết kết hợp chặt chẽ giữa nâng cao tri thức hiểu biết pháp

luật với việc bồi dưỡng, rèn luyện ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật; gắn với việc nâng cao trình độ dân trí, văn hóa pháp lý tạo nền tảng để xây dựng đời sống văn hóa mới mà trọng tâm là tuân thủ, chấp hành pháp luật.

### 2.2.2.3. Các nguyên tắc giáo dục pháp luật đặc thù cho người dân Đắk Lắk

*Một là*, do đặc thù địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện vẫn song song tồn tại hai chế định cùng điều chỉnh các quan hệ xã hội của người dân đó là pháp luật và luật tục bản địa, nên quá trình giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk phải khẳng định được pháp luật là công cụ quản lý nhà nước, quản lý xã hội mà không một chế định nào có thể thay thế được; tri thức tiến bộ của luật tục bản địa Ê Đê và M'ông là công cụ bổ trợ đắc lực cho pháp luật về việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong đời sống dân sự của cư dân Đắk Lắk.

*Hai là*, nguyên tắc sử dụng luật tục làm cầu nối cho pháp luật đi vào đời sống của người dân các dân tộc bản địa và ngược lại: Đây là một nguyên tắc rất đặc thù bởi lẽ nó phù hợp với đặc trưng riêng có của người dân tỉnh Đắk Lắk so với người dân sinh sống trên các địa bàn khác. Nguyên tắc này đòi hỏi hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số bản địa cần lồng ghép các phong tục tập quán địa phương vào pháp luật, thay bằng viện dẫn pháp luật thì viện dẫn luật tục, phong tục tập quán trong trường hợp giữa chúng với pháp luật không mâu thuẫn, xung đột nhau, đồng thời thay thế các khái niệm chuyên môn được thể hiện trong các quy định của pháp luật, trong tri thức pháp luật bằng ngôn ngữ dân gian, tự nhiên dễ hiểu phù hợp với đặc trưng của người dân tộc thiểu số bản địa tỉnh Đắk Lắk. Có như vậy, pháp luật mới thực sự thấm sâu trong tiềm thức của mỗi người dân, hình thành thói quen chấp hành pháp luật, giống như thói quen chấp hành luật tục của họ từ xưa tới nay.

*Ba là*, nguyên tắc mỗi nhóm dân cư, địa bàn, vùng miền khác nhau có mục tiêu, yêu cầu, nội dung, hình thức giáo dục pháp luật khác nhau: Đây là nguyên tắc phân hoá trong giáo dục pháp luật. Đối với địa bàn có những đặc trưng riêng về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng và văn hoá xã hội như Đắk Lắk đòi hỏi ngoài những mục tiêu, yêu cầu, nội dung, hình thức giáo dục pháp luật chung cho mọi

người dân cần phải tính đến những điểm đặc thù của từng nhóm đối tượng, từng địa bàn, vùng miền thậm chí là từng tôn giáo khác nhau để xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cho phù hợp có như thế mới bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổng thể các giải pháp giáo dục pháp luật cho người dân nói chung, người dân tỉnh Đắk Lắk nói riêng.

### **2.2.3. Chủ thể giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

#### **2.2.3.1. Chủ thể giáo dục pháp luật chung**

Nghiên cứu lý luận về giáo dục pháp luật nói chung cho thấy đa số các tác giả đều khẳng định chủ thể giáo dục pháp luật là các pháp nhân và thể nhân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân; các chủ thể này bao gồm: Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam nói chung và các cơ quan nhà nước cấu thành bộ máy nhà nước nói riêng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân; cơ quan thông tin, truyền thông đại chúng và các chủ thể khác. Lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk với tư cách là một bộ phận của hệ thống lý luận giáo dục pháp luật nên có các chủ thể chung như sau:

*Thứ nhất*, Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trong đó Hội đồng nhân dân, UBND, các cơ quan nhà nước, các sở, ban ngành tỉnh Đắk Lắk là chủ thể đặc biệt, chịu trách nhiệm chính, giữ vai trò nòng cốt trong hoạt động giáo dục pháp luật của tỉnh bởi lẽ Nhà nước vừa đại diện cho xã hội, có chức năng xã hội là xây dựng, thực hiện và bảo vệ pháp luật. Trong hoạt động giáo dục pháp luật, Nhà nước có trách nhiệm: i) Ban hành chính sách, pháp luật để tạo lập khuôn khổ pháp lý và điều kiện như nhau cho các chủ thể phát huy khả năng của mình trong hoạt động giáo dục pháp luật; ii) Thiết lập cơ chế và biện pháp bảo đảm tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật nhằm đưa pháp luật vào cuộc sống, đến với các chủ thể, làm cho công bằng xã hội trở thành hiện thực và là động lực của sự phát triển (bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất để duy trì các hoạt động giáo dục pháp luật; thiết lập mạng lưới tổ chức bộ máy, lựa chọn và bố trí đội ngũ cán bộ; thiết lập cơ chế phối hợp trong giáo dục pháp luật; khuyến khích, huy động các nguồn lực, đoàn thể nhân dân và cá nhân tham gia đóng góp, hỗ trợ các hoạt động giáo dục pháp luật...); iii) Ban hành tiêu chuẩn chất lượng giáo dục pháp luật; thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát nhà nước và hỗ

trợ, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và cá nhân giám sát, phản biện xã hội (để pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất; nâng cao chất lượng thực thi công vụ, tránh tùy tiện, lạm dụng quyền lực để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể; phòng ngừa, đấu tranh và chống hành vi vi phạm pháp luật); iv) Thể hiện tính gương mẫu trong giáo dục pháp luật; v) Phát huy vai trò là công cụ quản lý, điều hành và ổn định kinh tế vĩ mô, cân đối chính sách; kiểm chế lạm phát, ngăn chặn suy giảm kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề xã hội để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển ổn định, bền vững; vi) Thiết lập cơ chế giáo dục pháp luật có hiệu quả để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các chủ thể, khuyến khích, huy động các chủ thể tham gia vào đời sống nhà nước và pháp luật; hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót, vi phạm pháp luật do không hiểu biết.

*Thứ hai*, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk; Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh; đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể nhân dân trong tỉnh là chủ thể có vai trò quan trọng trong hoạt động giáo dục pháp luật: Các chủ thể này có trách nhiệm: i) Tập hợp, phản ánh nhu cầu xã hội, lợi ích của các nhóm, giai tầng xã hội về giáo dục pháp luật; tham gia xây dựng, giám sát, phản biện chủ trương, chính sách và thực tiễn tổ chức thực hiện chúng; tham gia giáo dục pháp luật cho thành viên, Hội viên; ii) Tuyên truyền, phổ biến, vận động Hội viên, thành viên và nhân dân để họ hiểu biết và nâng cao nhận thức pháp luật, nghiêm chỉnh tuân thủ, chấp hành pháp luật, thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật, kịp thời phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật; nâng cao chất lượng hoạt động thực thi pháp luật của cơ quan, cán bộ, công chức; iii) Huy động các nguồn lực xã hội cùng Nhà nước tổ chức thực hiện pháp luật và bảo đảm thực hiện pháp luật; phát huy vai trò, thế mạnh của từng tổ chức trong giáo dục pháp luật; phê phán, lên án tạo dư luận xã hội đồng tình hay phản đối trong giáo dục pháp luật của các chủ thể.

*Thứ ba*, các cơ quan thông tin, truyền thông báo chí tỉnh Đắk Lắk là chủ thể quan trọng trong hoạt động giáo dục pháp luật. Các chủ thể này có chức năng tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật, các vụ việc nảy sinh trong thực tiễn và hoạt động áp dụng, thi hành pháp luật; thông tin, phản ánh thái độ, tình cảm, ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật từ phía các chủ thể. Qua hoạt động của mình,

các cơ quan này thực hiện việc nêu gương điển hình, người tốt, việc tốt hoặc phê phán thói hư, tật xấu; phát hiện, công bố rộng rãi thông tin về vướng mắc, bất cập của pháp luật và vấn đề nổi cộm trong thực hiện chính sách pháp luật, tạo dư luận xã hội, phát hiện kịp thời, phân tích hạn chế, bất cập trong các chính sách, quyết định của cơ quan có trách nhiệm. Bằng hoạt động của mình, các cơ quan này còn phản ánh kịp thời ý chí, nguyện vọng, nhu cầu của xã hội và nhân dân để giúp Đảng và Nhà nước tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật; đề xuất giải pháp nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế, không ngừng nâng cao hiệu lực của pháp luật và hiệu quả kinh tế, xã hội của các cơ chế chính sách. Họ còn tham gia tích cực, có trách nhiệm và thực sự trở thành vũ khí sắc bén của xã hội, công cụ của Đảng, Nhà nước và nhân dân trong cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống các hành vi vi phạm pháp luật. Đặc biệt, các chủ thể này còn có vai trò trong hướng dẫn nhận thức xã hội, đấu tranh chống lại âm mưu, thủ đoạn và luận điệu sai trái của thế lực thù địch lợi dụng giáo dục pháp luật để gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Qua hoạt động của mình, các chủ thể này góp phần nâng cao và bồi dưỡng năng lực làm chủ cho các chủ thể; tích cực tham gia các hoạt động xã hội, vận động đóng góp tiền của, vật chất ủng hộ, giúp đỡ người khó khăn; phát huy vai trò là người đưa đường chỉ lối để nhân dân, nhất là người nghèo đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế...

*Thứ tư*, các nhà trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân và đội ngũ nhà giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là những chủ thể đặc biệt, trực tiếp được giao đảm nhận chức năng giáo dục pháp luật cho người dân trong tỉnh thông qua giảng dạy các chương trình chính khóa và tổ chức giáo dục pháp luật thông qua các hoạt động ngoại khóa. Đây là một lực lượng quan trọng, có mặt ở hầu khắp các địa bàn, hàng ngày, hàng giờ gắn bó với học sinh, sinh viên, là hạt nhân tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật trong nhà trường để định hướng hành vi, nhân cách cho các em; xây dựng, bồi dưỡng thế hệ tương lai của đất nước.



*Thứ năm*, đối với chủ thể là người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, phải chủ động tự học tập, tự tìm hiểu tri thức pháp luật, tri thức về quyền con người, quyền công dân và các quy định của pháp luật, họ phải tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tích cực tham gia thực hiện pháp luật, phát hiện, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung thay thế quy định có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tế; vận động, tập hợp các chủ thể tham gia thực hiện pháp luật. Họ phải tôn trọng, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể, hỗ trợ các chủ thể thực hiện quyền, nghĩa vụ; hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho giáo dục pháp luật; tích cực tham gia phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật; khắc phục kịp thời hậu quả bất lợi gây ra thiệt hại cho các chủ thể; tạo điều kiện, giúp đỡ để các chủ thể tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

#### *2.2.3.2. Chủ thể giáo dục pháp luật đặc thù của hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk*

Xuất phát từ địa chính trị, địa kinh tế, văn hoá-xã hội, điều kiện tự nhiên và đặc thù dân cư hỗn hợp của tỉnh Đắk Lắk, ngoài chủ thể giáo dục pháp luật nói chung đã phân tích trên đây, giáo dục pháp luật cho người dân nơi đây còn có các chủ thể đặc thù mang bản sắc xã hội hoá hoạt động giáo dục pháp luật như sau:

*Thứ nhất*, Toàn thể đội ngũ cán bộ công chức làm việc tại các cơ quan, ban ngành trong tỉnh trong đó có hệ thống báo cáo viên pháp luật hơn 3000 người từ cấp tỉnh đến cấp xã phường, với hơn 2.500 người là báo cáo viên pháp luật không chuyên, là công chức làm việc ở nhiều cơ quan trong tỉnh với những ngành nghề khác nhau; họ vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của hoạt động giáo dục pháp luật tùy theo từng điều kiện hoàn cảnh cụ thể. Ngoài hoạt động chuyên môn, đội ngũ công chức tích cực tự học tập tích lũy tri thức pháp luật đời sống, học tiếng dân tộc thiểu số và tri thức luật tục bản địa để phục vụ cho hoạt động giáo dục pháp luật. Họ được coi là lực lượng nòng cốt của hình thức giáo dục pháp luật trực tiếp tại cơ sở; là đội quân tiên phong dẫn đầu luân phiên nhau xuống cơ sở cùng sống, cùng lao động với cư dân nhập cư vùng sâu, vùng xa và cư dân người dân tộc thiểu số bản địa để phối hợp xây dựng mô hình kinh tế mẫu và thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật phối

hợp giáo dục tri thức tinh hoa của luật tục bản địa, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Họ cũng là đội ngũ chia sẻ với ngân sách nhà nước của tỉnh về kinh phí phục vụ cho hoạt động kết nghĩa thôn buôn và hoạt động giáo dục pháp luật, bằng việc mỗi tháng mỗi người tự nguyện góp một nửa ngày lương, thường xuyên liên tục trong nhiều năm nay.

*Thứ hai*, Hệ thống già làng trưởng buôn và những người đứng đầu dòng họ có uy tín trong buôn làng là chủ thể trực tiếp trong hoạt động giáo dục pháp luật và giáo dục luật tục tiến bộ cho cư dân bản địa, đồng thời họ là “kho tàng sống” cung cấp giá trị tinh hoa của luật tục bản địa cho báo cáo viên pháp luật và người dân nhập cư. Đội ngũ này cần được từng bước trẻ hoá và được chọn lọc để bồi dưỡng tri thức pháp luật, tri thức khoa học, công nghệ, tri thức kinh doanh, thương mại, du lịch cộng đồng... và tạo điều kiện về cơ sở vật chất để họ làm mô hình kinh tế mẫu; nhằm biến họ trở thành tầng lớp tiên phong trong buôn bản về việc tiếp nhận tri thức pháp luật và là điểm sáng có sức ảnh hưởng lan toả to lớn trong đời sống cộng đồng người dân nhập cư và cư dân người dân tộc bản địa; Trong mấy năm gần đây chính quyền địa phương Đắk Lắk coi hệ thống già làng trưởng buôn và những người có uy tín trong các dòng họ là cầu nối cho pháp luật đi vào cuộc sống của cư dân bản địa nên đã chú trọng bồi dưỡng kiến thức pháp luật thực định, tri thức pháp luật, tri thức đời sống và kiến thức về nông, lâm nghiệp, kinh doanh trang trại; chế biến nông sản, du lịch cộng đồng và tri thức tiến bộ của luật tục bản địa cho hệ thống chức sắc này, biến họ thành hạt nhân của các buôn làng và trở thành hệ thống chủ thể giáo dục pháp luật đặc thù riêng có ở Đắk Lắk.

*Thứ ba*, đội ngũ đoàn viên, thanh niên tình nguyện, là các chủ thể hỗ trợ đắc lực trong hoạt động giáo dục pháp luật; thanh niên tình nguyện là đội ngũ trẻ, có sức khoẻ, có nhiệt huyết được trang bị kiến thức văn hoá, xã hội bài bản trong nhà trường; trong đội ngũ này có nhiều cá nhân được học các chương trình trung cấp, đại học luật và học các ngành nông lâm nghiệp, kinh tế, công nghệ, y tế, an ninh vv... Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có hai trường đại học (Đại học Tây Nguyên và Đại học Buôn Ma Thuột) và bảy trường trung cấp với các ngành nghề khác nhau và

với hàng chục ngàn sinh viên đều tập trung ở thành phố Buôn Ma Thuột; Chính quyền địa phương cần phối hợp với tinh đoàn Đắk Lắk, ban giám hiệu nhà trường và ban chấp hành đoàn trường có chủ trương phát động phong trào thanh niên tình nguyện phối hợp với báo cáo viên pháp luật để có chương trình giáo dục pháp luật cụ thể cho từng cụm thôn buôn bằng hình thức trực tiếp cùng lao động, phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hoặc lồng ghép hoạt động giáo dục tri thức pháp luật đời sống cho dân nhập cư và dân bản địa trong thời gian tham gia lễ hội vào các buổi tối ở các thôn, buôn.

*Thứ tư*, các chủ doanh nghiệp và các chủ hộ kinh doanh, chủ trang trại cà phê, cao su... trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là chủ thể giáo dục pháp luật cần phải được nhà nước mở rộng cơ chế để khai thác một cách triệt để và toàn diện trong chương trình xã hội hoá giáo dục pháp luật. Đội ngũ này có thể mạnh tài chính, có kinh nghiệm kinh doanh, có tri thức pháp luật về kinh doanh; tri thức tiến bộ của luật tục bản địa và tri thức pháp luật đời sống. Trong các năm gần đây có một số chủ trang trại, doanh nghiệp du lịch thương mại, các đại lý chuyên thu mua cà phê nông sản đã tự bỏ chi phí đào tạo dạy nghề, dạy luật tục bản địa, pháp luật và tập quán kinh doanh cho thanh niên nhập cư và thanh niên dân tộc thiểu số bản địa tại chỗ để sử dụng cho doanh nghiệp và một phần làm từ thiện; Đặc biệt có những doanh nghiệp ở thành phố Buôn Ma Thuột, mà điển hình là Công ty cổ phần du lịch cộng đồng Kotam đã tự bỏ kinh phí phát động các cuộc thi tìm hiểu luật tục Ê Đê, M'ông, thi điêu khắc gỗ dân tộc bản địa để lấy tác phẩm điêu khắc trưng bày trong khu du lịch của công ty; đồng thời thường xuyên tổ chức hội cồng chiêng, đốt lửa trại quy mô nhỏ và vừa cho đồng bào dân tộc bản địa, dân nhập cư và khách du lịch cùng sinh hoạt văn hoá chung; để tận dụng các hoạt động này chính quyền địa phương Đắk Lắk cần cử báo cáo viên pháp luật lập các chương trình nội dung giáo dục pháp luật thực định và tri thức pháp luật đời sống phù hợp với tình hình thực tế quy mô và thời gian lễ hội, phối hợp với các chủ doanh nghiệp, chủ trang trại để lồng ghép hoạt động giáo dục pháp luật vào các hoạt động này, từng bước đưa giáo dục pháp luật và giáo dục tinh hoa luật tục trở thành hoạt động của toàn dân trong tỉnh.

#### **2.2.4. Đối tượng giáo dục pháp luật**

##### **2.2.4.1. Đối tượng người dân trong giáo dục pháp luật ở Đắk Lắk**

Nghiên cứu về đối tượng người dân trong giáo dục pháp luật ở địa bàn Đắk Lắk có thể thấy nổi lên hai nhóm đối tượng dân cư cần thiết được tiếp nhận tri thức pháp luật và tri thức luật tục tiến bộ dưới sự tác động của các hoạt động giáo dục pháp luật và giáo dục luật tục bản địa, đó là nhóm cư dân người dân tộc thiểu số bản địa Ê Đê, M'ông và nhóm dân nhập cư vào địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời kỳ đổi mới đất nước (2000-2015). Sự cần thiết được tiếp nhận tri thức pháp luật và tri thức luật tục tiến bộ dưới sự tác động của các hoạt động giáo dục pháp luật và giáo dục luật tục của hai nhóm đối tượng này thể hiện cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, nhóm cư dân đồng bào dân tộc thiểu số bản địa khoảng 298.534 người Ê Đê chiếm 90,2% tổng số người Ê Đê tại Việt Nam; chiếm 17,2% dân số Đắk Lắk và 40.344 người M'ông chiếm 39,3% tổng số người M'ông tại Việt Nam (thống kê dân số 2009) là nhóm dân cư bản địa chủ yếu có mặt lâu đời trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp chủ yếu là nông nghiệp và săn bắt; họ có thể được coi là những người “khai thiên lập địa” ở nơi đây; nhóm cư dân này có tiếng nói, chữ viết và luật tục riêng; có thói quen lâu đời về ứng xử theo luật tục bản địa kể cả luật tục được coi là trái pháp luật, phản tiến bộ. Đây là đối tượng nhạy cảm khi sự hiện diện của pháp luật tham gia điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong đời sống của họ, phá vỡ thói quen ứng xử theo luật tục của họ đã tồn tại từ bao đời nay. Dưới góc nhìn khoa học họ là đối tượng mơ hồ về pháp luật, luôn mang trong mình tâm lý lo ngại pháp luật sẽ xoá bỏ và thay thế luật tục bản địa. Khi cơ chế thị trường phát triển, cư dân từ các miền ồ ạt đổ về Đắk Lắk phá rừng làm rẫy mở trang trại trồng cà phê, cao su. Có những nhóm người từ miền núi phía bắc nhập cư vào Đắk Lắk ngoài sự kiểm soát của chính quyền địa phương, tự lập làng khai hoang lấn chiếm đất đai của người bản địa, gây ra tranh chấp; mặt khác cùng với sự phát triển của cơ chế thị trường, ngành thủy điện phát triển đồng loạt thiếu quy hoạch, các dòng suối tự nhiên bị chặn dòng để lấy nguồn nước phát điện, người bản địa lùi dần vào vùng sâu, vùng xa, những buôn của người bản địa còn lại ở gần thành phố Buôn

Ma Thuật và ở gần thôn của người nhập cư bị phá vỡ một số thiết chế buôn làng truyền thống, tâm lý lo ngại của người bản địa về sự hiện diện của pháp luật lại càng có môi trường phát triển; thêm vào đó là quan điểm pháp luật hoá của chính quyền sở tại trong những năm đầu đổi mới dẫn đến sự xung đột giữa luật tục bản địa và pháp luật của Nhà nước; xung đột giữa người nhập cư với người bản địa xảy ra; một bộ phận người bản địa đứng lên đòi thành lập nhà nước ĐêGa độc lập ở Đăk Lăk và lan rộng ra khắp vùng Tây Nguyên.

*Thứ hai*, nhóm dân nhập cư vào Đăk Lăk từ 2000 đến 2015. Đây là nhóm dân cư hỗn hợp từ khắp nơi trên cả nước đổ về Đăk Lăk sinh sống, nhiều nhất là cư dân miền núi phía bắc, miền trung, và đồng bằng bắc bộ. Theo thống kê dân số tỉnh Đăk Lăk năm 1995 dân số Đăk Lăk mới chỉ có hơn 1,3 triệu người; năm 2001 tăng đột biến do dân di cư tự do lên 1,9 triệu người và giảm xuống do tách tỉnh Đăk Nông đến năm 2011 chỉ còn hơn 1,7 triệu người. Theo khảo sát của UBND tỉnh Đăk Lăk đối với dân nhập cư ngoài kế hoạch giai đoạn từ 1976 đến 1999 về cơ bản đời sống đã ổn định, chỉ còn giai đoạn 2000 đến 2015 là chưa đi vào ổn định. Dân nhập cư đến Đăk Lăk mang theo nguồn nhân lực lao động làm nghề nông nghiệp dôi dào và cũng mang theo nhiều hệ lụy như hộ nghèo gia tăng, nhiều người phạm tội ở miền bắc trà trộn theo người nhập cư vào Đăk Lăk; rừng bị tàn phá; tình trạng tranh chấp đất đai xảy ra; nhiều thiết chế cộng đồng hỗn hợp của các vùng miền được áp dụng cùng một địa phương; thêm vào đó là thiết chế luật tục của người bản địa, tạo thành sự thiếu ổn định của cộng đồng dân nhập cư giai đoạn 2000-2015 ở Đăk Lăk.

Để pháp luật giữ được vai trò chủ đạo trong điều chỉnh các quan hệ xã hội và phát huy, kế thừa được tinh hoa tiến bộ của luật tục bản địa, hài hoà được mối quan hệ giữa người nhập cư và người dân bản địa nhằm ổn định cuộc sống người dân tiến tới ổn định xã hội ở Đăk Lăk; hoạt động đầu tiên cần được chú trọng đó là hoạt động đưa pháp luật vào đời sống cư dân bằng nhiều hình thức đặt trong mối quan hệ hài hoà với tri thức tiến bộ của luật tục bản địa. Đối tượng giáo dục pháp luật ở Đăk Lăk cần ưu tiên nhằm đến là hai nhóm dân cư cơ bản đã phân tích trên đây. Đây là hai nhóm cư dân đặc thù trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk phải được chú trọng truyền tải,

bồi dưỡng, xây dựng ý thức pháp luật và những thói quen, nếp sống, ứng xử hợp pháp đặt trong sự hài hoà mối quan hệ giữa tri thức pháp luật và tri thức tinh hoa tiến bộ của luật tục bản địa; phát huy thế mạnh điều chỉnh xã hội của hai thiết chế này; hoà nhập hai nhóm dân cư hỗn hợp này thành một khối đại đoàn kết thống nhất trong tỉnh.

#### *2.2.4.2. Phân loại đối tượng trong hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk*

Do đối tượng người dân trong giáo dục pháp luật ở Đắk Lắk là quá rộng, đa thành phần; nên cần có sự phân loại đối tượng một cách khoa học thì hoạt động giáo dục pháp luật mới phát huy được hiệu quả tối đa. Nhân tố cơ bản làm điểm xuất phát cho việc phân loại đối tượng giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk là trạng thái, địa vị công dân của đối tượng giáo dục pháp luật, theo đó, phải định vị địa vị pháp lý của công dân trong từng quan hệ pháp luật cụ thể. Từ đó, các chủ thể giáo dục pháp luật sẽ lựa chọn các nội dung, hình thức giáo dục pháp luật phù hợp nhằm trang bị cho từng đối tượng những tri thức cần thiết để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ tương xứng với địa vị pháp lý công dân của họ trong từng quan hệ pháp luật cụ thể. Trong quá trình tham gia vào các quan hệ xã hội, công dân có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo hai cách chủ yếu sau: i) Căn cứ vào các quy định của pháp luật, công dân tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ chủ thể; ii) Dưới tác động trực tiếp, tích cực của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội và các chủ thể khác công dân mới có thể thực hiện được các quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình.

Đặc biệt, để xác định nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk phù hợp đối với từng nhóm đối tượng, cần làm rõ các vấn đề sau đây:

- Đặc điểm các điều kiện tự nhiên, cấu trúc nhận thức của dân cư, địa kinh tế, địa chính trị, văn hoá – xã hội của tỉnh Đắk Lắk ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi xử sự của đối tượng trong quan hệ với pháp luật; thực trạng hiểu biết pháp luật, vi phạm pháp luật, tôn trọng pháp luật.

- Lợi ích, nhu cầu, mối quan tâm tới pháp luật và giáo dục pháp luật của từng loại đối tượng;

- Điều kiện, khả năng tiếp nhận giáo dục pháp luật và duy trì, phát huy hay hạn chế kết quả giáo dục pháp luật;

Trên cơ sở nền tảng lý luận trên đây cho thấy, giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk có đối tượng tương đối rộng, mỗi nhóm đối tượng giáo dục có đặc điểm tâm sinh lý và khả năng, năng lực nhận thức pháp luật khác nhau nên việc xác định nội dung, hình thức giáo dục pháp luật phải tính đến đặc thù của đối tượng. Đối tượng giáo dục pháp luật ở Đắk Lắk vừa là công dân, vừa là những chủ thể đặc biệt khi ở vào những vị trí đặc biệt hoặc tham gia vào các quan hệ xã hội cụ thể, vì vậy, có thể phân đối tượng giáo dục theo vị trí xã hội mà họ đảm nhận hoặc tư cách độc lập của họ trong quan hệ với các chủ thể khác. Đối với đặc thù dân cư và địa bàn Đắk Lắk, việc xác định nội dung, hình thức giáo dục pháp luật phải được xây dựng dưới góc độ của sự phân hóa về đối tượng, xuất phát từ nhu cầu của từng nhóm đối tượng (khu vực dân cư, nhóm công chức, nhóm nghề nghiệp, giới tính, lứa tuổi v.v.), không thể xây dựng chương trình, nội dung, hình thức giáo dục pháp luật chung rồi đem áp dụng cho mọi đối tượng, mọi lứa tuổi, mọi nhóm dân cư trên địa bàn tỉnh, mà cần có sự phân hoá cụ thể như sau:

*a. Đối với đối tượng dân nhập cư là nông dân:*

Đắk Lắk là một tỉnh mà nông nghiệp, nông dân, nông thôn là vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; do đất đai rộng và màu mỡ nên người nhập cư ở một số tỉnh trong cả nước đổ về Đắk Lắk làm nghề nông nghiệp là chủ yếu, tạo nên tính đa dạng về dân tộc, về tôn giáo và thói quen, kinh nghiệm sản xuất v.v. Từ góc nhìn kinh tế, sự đa dạng này tạo nên nền nông nghiệp phát triển với nhiều ngành nghề như trồng cây công nghiệp, chế biến cà phê, cao su, nông sản; chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; trồng lúa nước; trồng và chăm sóc rừng...; khai thác được tiềm năng về đất đai, khí hậu của tỉnh. Tuy nhiên sự đa dạng này làm phát sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp; đặc biệt đối với nhóm dân nhập cư vào Đắk Lắk trong thời kỳ đổi mới đất nước 2000-2015 chủ yếu là người dân miền núi phía bắc, họ lập làng lân cận quanh vùng người bản địa sinh sống, thậm chí có những nhóm người mua đất và sống chung với người dân tộc thiểu số bản địa làm nảy sinh sự bất đồng, xung đột trong phong tục tập quán và lối sống. Đối với nhóm nông dân này nội dung giáo dục pháp luật cần hướng đến là pháp luật về đất đai,

trước hết là hiểu biết các quy định về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển đổi, cho thuê, thế chấp quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải tỏa, đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất; giải quyết tranh chấp đất đai; khiếu nại, tố cáo trong hoạt động quản lý đất đai; tri thức pháp luật về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với người có công với cách mạng; các quy định về hộ khẩu, hộ tịch; tri thức pháp luật về di dịch cư và đặc biệt là các tri thức văn hoá và tri thức tiến bộ của luật tục bản địa v.v.

*b. Đối với đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số bản địa:*

Đối với đối tượng này, công tác giáo dục pháp luật cần tập trung vào chuyển tải kiến thức, tri thức pháp luật về các quyền của đồng bào dân tộc thiểu số như quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ (Điều 42 Hiến pháp), quyền được sử dụng tiếng mẹ đẻ khi tham gia các thủ tục tố tụng về dân sự, kinh tế, lao động, hôn nhân và gia đình, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự, đặc biệt, đối tượng là người dân tộc sinh sống ở các vùng sâu, vùng xa cần nắm được đầy đủ các kiến thức pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, trình tự, thủ tục giao đất rừng, giao khoán rừng và đất lâm nghiệp, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bảo vệ biên giới lãnh thổ, tài nguyên nước, hôn nhân gia đình, tôn giáo v.v.. Về hình thức giáo dục pháp luật nhất thiết phải gắn liền với hình thức lồng ghép hoạt động lễ hội hoặc hình thức trực tiếp tại cơ sở theo nguyên tắc giáo dục pháp luật phải đặt trong mối quan hệ hài hoà với tinh hoa luật tục bản địa.

*c. Đối với phụ nữ:*

Các quy định về quyền bình đẳng giới, quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình; pháp luật về chống buôn bán người (phụ nữ và trẻ em), bảo vệ và chăm sóc trẻ em là những nội dung cần được ưu tiên trong giáo dục pháp luật. Riêng phụ nữ người dân tộc thiểu số bản địa cần kiến thức về quyền thừa kế; về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để hài hoà các quy định này với quy định bảo vệ chế độ mẫu hệ của luật tục bản địa.

*d. Đối với các nhà doanh nghiệp:*

Đối tượng này, trước hết cần ưu tiên nội dung giáo dục liên quan đến các quy định pháp luật về kinh doanh như Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật phá sản,



Luật trọng tài, pháp luật về thuế; tri thức luật tục bản địa. Đặc biệt, cần chú ý đến nội dung pháp luật về lao động, về công đoàn, về giải quyết tranh chấp kinh doanh, giải quyết tranh chấp về hợp đồng lao động v.v. Thực tế cho thấy tình hình vi phạm từ phía người sử dụng lao động đối với các lợi ích hợp pháp của người lao động đang rất phổ biến trong các vấn đề như biển thủ tiền bảo hiểm của người lao động, luồn lách pháp luật để trốn đóng bảo hiểm xã hội, không trả lương cho việc làm ngoài giờ, các vi phạm về an toàn lao động, sa thải công nhân bất hợp pháp. Do đó, nội dung thiết thực nhất cần trang bị cho các chủ doanh nghiệp là các quy định pháp luật về những vấn đề nêu trên. Đối với những người lao động tại các doanh nghiệp thì ngoài các thông tin, hiểu biết pháp luật cần thiết như đối với một công dân khác thì họ cần nắm bắt được những quy định pháp luật về các quyền của người lao động để tránh các vi phạm không đáng có do không nắm được các quyền đó.

*d. Đối với cán bộ công chức làm việc tại các cơ quan nhà nước trong tỉnh*

Đối tượng hoạt động trong khu vực công quyền của tỉnh Đắk Lắk yêu cầu về tri thức pháp luật và luật tục cao hơn các đối tượng khác bởi lẽ họ vừa là đối tượng giáo dục pháp luật vừa là lực lượng nòng cốt trong đội ngũ chủ thể của hoạt động giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh; họ cần phải được học tập kiến thức nhất định về luật tục, tiếng nói, chữ viết của người bản địa; đồng thời họ có nhu cầu được lĩnh hội, tiếp nhận các kiến thức về quản trị công, về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, thẩm quyền cụ thể của các cấp chính quyền và cấp hành chính. Lý luận về giáo dục pháp luật đã xác định trong Nhà nước pháp quyền XHCN phải từng bước hình thành cho được nhận thức của từng cán bộ trong bộ máy Nhà nước về nguyên tắc “công chức chỉ được làm những gì pháp luật quy định”, với những thủ tục pháp lý chặt chẽ. Tác giả Nguyễn Quốc Sửu đã rất có lý khi cho rằng, “Cán bộ, công chức trước hết phải có sự hiểu biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phải thi hành nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật. Cán bộ, công chức chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của mình. Cán bộ, công chức giữ chức vụ

lãnh đạo còn phải chịu trách nhiệm về việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật”; “Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức phải luôn luôn gắn bó mật thiết với giáo dục chính trị, tư tưởng, bởi cán bộ, công chức là hiện thân cho đường lối chính sách của Đảng, uy tín của Đảng, là nhân tố quan trọng của công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”[117, tr.77].

#### *e. Đối với cán bộ trong hệ thống các chức danh tư pháp*

Đối tượng này vừa là đối tượng giáo dục pháp luật, vừa là chủ thể quan trọng trong hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk, đa số họ là báo cáo viên pháp luật nên cần được trang bị những kiến thức vừa có hệ thống, vừa chuyên sâu trong từng lĩnh vực pháp luật; đồng thời họ cần được trang bị tri thức luật tục tiến bộ để thực hiện tốt nhiệm vụ của chủ thể giáo dục pháp luật. Các chức danh tư pháp như Thẩm phán, Điều tra viên, Công tố viên cũng như các chức danh hỗ trợ tư pháp như Luật sư, Công chứng viên không thể máy móc áp dụng các quy định của pháp luật trên lời văn của điều luật mà còn phải nắm được cả tinh thần của điều luật đó, phải đặt các quy định pháp luật trong mối liên quan, so sánh với nhau và trên cơ sở các nguyên tắc pháp lý phổ biến. Đó là mối liên hệ giữa cái chung và cái riêng, cái phổ biến và cái đặc thù, giữa điều luật với yêu cầu, nguyên tắc áp dụng pháp luật. Vì vậy, việc giáo dục pháp luật cho đối tượng này chỉ có thể đặt ra dưới hình thức đào tạo và đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn theo đúng yêu cầu về tính chuyên nghiệp của những chức danh tương ứng.

### **2.2.5. Nội dung giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đăk Lăk**

#### *2.2.5.1. Hệ thống pháp luật thực định*

Hệ thống pháp luật thực định là nội dung cơ bản nhất của quá trình giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk nói riêng. Nội dung giáo dục pháp luật được cấu thành trước hết và chủ yếu bởi nhu cầu về nhận thức pháp luật của mỗi công dân và yêu cầu của quá trình phát triển xã hội. Vấn đề đầu tiên trong nội dung giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật cho

người dân tỉnh Đắk Lắk nói riêng không thể bỏ qua việc hình thành và bồi dưỡng những kiến thức cơ bản trong hệ thống pháp luật thực định cho người dân trong tỉnh; bảo đảm cho mọi công dân đạt được một trình độ hiểu biết nhất định đối với pháp luật, qua đó họ tự điều chỉnh hành vi và cách ứng xử của mình khi tham gia vào các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh. Giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải nhằm giúp cho người dân nhận thức một cách có cơ sở khoa học rằng pháp luật chính là công cụ có hiệu lực, sắc bén, trực tiếp bảo vệ quyền lợi của chính mỗi thành viên trong xã hội khỏi sự xâm hại của mọi hành vi phạm tội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Đó chính là quá trình giáo dục ý thức làm chủ của nhân dân đối với xã hội thông qua sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, là xây dựng ý thức về quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân đối với quốc gia, đối với cộng đồng và đối với bản thân mình. Nội dung của giáo dục pháp luật đòi hỏi phải làm sáng tỏ quan điểm của Đảng, đó là pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật [80, tr.193-195]. Nội dung giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk có thể được hiểu theo quy định tại Điều 10, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, bao gồm:

*Thứ nhất*, quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành - Đây chính là các quy định của pháp luật thực định liên quan trực tiếp đến công dân, bao gồm một số nội dung cụ thể như sau:

- Thông tin cơ bản về tổ chức bộ máy Nhà nước thực thi pháp luật, đặc biệt là cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

- Các quyền và nghĩa vụ pháp lý cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản luật cụ thể; các chế độ, chính sách được thể hiện trong các văn bản dưới luật mà các chủ thể được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ khi thuộc những trường hợp, hoàn cảnh cụ thể được xác định trong văn bản.

- Một số thủ tục, trình tự pháp lý để công dân thực hiện các quyền, nghĩa vụ pháp lý được pháp luật quy định hoặc để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi các quyền và lợi ích đó bị xâm hại hoặc đe dọa xâm hại.

Ngoài những tri thức, kiến thức hiểu biết cơ bản trên đây, xuất phát từ nhu cầu, địa vị khác nhau của mỗi người nên nhu cầu hiểu biết và kỹ năng sử dụng các phương tiện pháp luật của mỗi người cũng khác nhau gắn với định hướng nghề nghiệp cụ thể của mình, theo đó, nội dung giáo dục pháp luật của nhóm các chủ thể này thường bao gồm những vấn đề sau:

- Hệ thống khái niệm cơ bản của khoa học pháp lý thường gặp trong cuộc sống (bản chất, vị trí, vai trò, chức năng của Nhà nước và pháp luật, các nguồn, hình thức pháp luật, các vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật...).

- Một số quy định của hệ thống pháp luật thực định liên quan đến ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động của đối tượng giáo dục mà họ thường xuyên tiếp xúc hoặc gắn bó trong quá trình hoạt động nghề nghiệp của mình.

- Các quyền và nghĩa vụ cụ thể của công dân trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động nghề nghiệp; quá trình xử lý, giải quyết các tranh chấp, xung đột, các biện pháp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp khi bị xâm hại.

Ngoài ra, đối với những người hành nghề pháp luật, họ vừa là đối tượng vừa là chủ thể của hoạt động giáo dục pháp luật, nội dung giáo dục pháp luật thường gắn với chuyên ngành mà họ đảm nhận, với những tri thức hiểu biết sâu sắc về hiện tượng Nhà nước và pháp luật – Quá trình giáo dục nghề nghiệp pháp luật. Đây là cấp độ cao nhất của hoạt động giáo dục pháp luật thực định bởi vì những hiểu biết và thái độ, tình cảm cũng như kỹ năng sử dụng pháp luật của những người hành nghề pháp luật phải là chuẩn mực của ý thức và hành vi tuân thủ, chấp hành pháp luật. Sự hiểu biết (tri thức pháp luật) của đối tượng này bao gồm cả những quan điểm, những học thuyết về Nhà nước và pháp luật trong lịch sử và hiện tại, hiểu biết tương đối toàn diện về các hệ thống pháp luật quốc tế và hệ thống pháp luật trong nước trong lĩnh vực chuyên sâu của từng người. Kỹ năng của họ không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ, chấp hành pháp luật mà chủ yếu là vận dụng, áp dụng chính xác các

quy định pháp luật cho những sự kiện, tình huống pháp luật cụ thể, gắn với những quan hệ pháp luật cụ thể. Họ còn phải có đầy đủ tư duy pháp lý, biết vận dụng sáng tạo tri thức, kiến thức hiểu biết pháp luật vào các vụ việc cụ thể (cụ thể hóa các mô hình hành vi) để từ đó tham gia xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với quy luật vận động khách quan của nó trước những yêu cầu phát triển của thực tiễn đất nước.

Đối với hoạt động giáo dục pháp luật trong nhà trường ở địa bàn Đăk Lăk cần đưa nội dung giáo dục pháp luật quy định tại Điều 23, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, nội dung giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân được xây dựng phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo, phù hợp với mục tiêu giáo dục, ngành nghề đào tạo, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phổ thông, cơ bản, thiết thực và có hệ thống, cụ thể như sau:

- Nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục mầm non và tiểu học được lồng ghép thông qua nội dung giáo dục đạo đức, hình thành thói quen phù hợp với chuẩn mực đạo đức của xã hội, ý thức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tinh thần tự giác, tạo tiền đề hình thành ý thức pháp luật;

- Nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông trang bị kiến thức ban đầu về quyền, nghĩa vụ của công dân, rèn luyện thói quen, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật;

- Nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trang bị kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, kiến thức pháp luật liên quan đến ngành, nghề đào tạo.

*Thứ hai*, các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế khác. Đây cũng là một trong những nguồn pháp luật thực định cần phải đưa vào nội dung giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk nhằm đáp ứng nhu cầu được thông tin pháp luật của người dân trong thời đại hội nhập và toàn cầu hoá; Đặc biệt là các nội dung điều ước quốc tế về bảo vệ quyền trẻ em, quyền con người, bảo vệ chủ quyền biên giới lãnh thổ vv..

#### 2.2.5.2. Hệ thống tri thức pháp luật trong đời sống dân sự

Nhìn nhận từ góc độ pháp luật thực định, hệ thống pháp luật này luôn hàm chứa tính không ổn định, nội dung giáo dục pháp luật tương đối hẹp. Để xây dựng mô hình lý luận toàn diện về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk cần phải làm rõ nội dung giáo dục pháp luật từ góc nhìn khoa học, xuất phát từ mục đích, nhiệm vụ của giáo dục pháp luật; gắn giáo dục pháp luật với việc bảo đảm quyền được được thông tin về pháp luật của công dân và trách nhiệm tích cực, chủ động và tìm hiểu, học tập tri thức pháp luật trong đời sống của công dân theo Điều 2, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật. Với cách tiếp cận đó, ngoài hệ thống pháp luật thực định nội dung giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk còn bao gồm hệ thống tri thức pháp luật trong đời sống người dân với các vấn đề cụ thể sau:

*Một là*, các tri thức pháp luật về hiện tượng Nhà nước và pháp luật ở Việt Nam và thế giới với tư cách là những công cụ nền tảng khi tiếp cận hiện tượng Nhà nước và pháp luật - Đây là những tri thức hiểu biết pháp luật rất cơ bản, đặt nền tảng cho việc hình thành ý thức pháp luật của mỗi chủ thể.

*Hai là*, các tri thức về việc thực hiện pháp luật, về quyền và nghĩa vụ cơ bản của người dân; về tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm, về việc điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật - Đây là những thông tin, tri thức về quá trình thâm thấu của các quy định pháp luật trong đời sống, gắn với khoảng không gian, thời gian cụ thể, với vụ việc, con người, với những sự kiện pháp lý cụ thể.

*Ba là*, các tri thức về kết quả nghiên cứu, điều tra xã hội học về thực hiện, áp dụng pháp luật, về vị trí, tác động của văn bản pháp luật đối với đời sống kinh tế - xã hội, đối với từng đối tượng, đồng thời phản ánh những nhu cầu, yêu cầu, đề xuất của các tầng lớp nhân dân, các chuyên gia pháp luật và các ngành khác về quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật.

*Bốn là*, các tri thức hướng dẫn hành vi pháp luật cụ thể của công dân (quyền và nghĩa vụ pháp lý, các quy trình, thủ tục để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể pháp luật).

*Năm là, các tri thức pháp luật về cơ chế thị trường, về quyền tự do kinh doanh những ngành nghề pháp luật không cấm; quyền thể hiện tài năng và quyền sử dụng năng lực của mình làm ra của cải vật chất cho bản thân và làm giàu cho xã hội; tri thức về xã hội hoá lĩnh vực giáo dục, về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ giá trị văn hoá truyền thống của người dân bản địa, của người Việt Nam và nền văn hoá nhân loại nói chung.*

Khi được cung cấp, trang bị thường xuyên những loại thông tin trên, đối tượng giáo dục sẽ có được một hệ thống những tri thức cần thiết về pháp luật và thực tiễn pháp luật, có khả năng sử dụng những tri thức đó để phân tích, lý giải một cách khoa học, có căn cứ về những vấn đề thực tế mà họ gặp hay chứng kiến, từ đó định hướng cho hành vi của mình. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, do những đặc điểm tâm sinh lý, năng lực và nhu cầu khác nhau nên nội dung giáo dục pháp luật cho từng loại đối tượng là không đồng nhất. Có những nội dung giáo dục pháp luật cơ bản, phổ cập và áp dụng chung cho tất cả mọi đối tượng nhưng cũng có những nội dung giáo dục pháp luật theo nhu cầu ngành nghề hoặc yêu cầu về tính chất chuyên sâu của nghề nghiệp pháp luật.

Như vậy, nội dung giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk là rất phong phú và đa dạng nhằm trang bị một cách có hệ thống những kiến thức cần thiết về Nhà nước và pháp luật cho đối tượng giáo dục, qua đó, trực tiếp góp phần hình thành và phát triển thói quen hành động trong khuôn khổ pháp luật quy định; xây dựng thái độ tôn trọng đối với Nhà nước và pháp luật, tôn trọng mọi nguyên tắc, thể chế của pháp luật và các quy tắc của đời sống xã hội; giáo dục tính tích cực của công dân và nghĩa vụ đấu tranh chống những biểu hiện vi phạm pháp luật.

#### *2.2.5.3 Hệ thống tri thức chi phối trực tiếp đến đời sống của người dân Đăk Lăk*

*Một là, Hệ thống các tri thức tiên bộ của luật tục bản địa (Ê Đê và M'ông); các tri thức về bảo tồn, bảo tàng các di sản văn hóa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống đặc biệt là văn hóa công chiêng vì đây chính là sợi dây liên kết các thành viên trong cộng đồng người dân Đăk Lăk, tạo nên sự thống nhất trong thành phần dân cư đa dạng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên thế vững chắc, ổn định của Tây Nguyên, để đồng bào thêm gắn bó với buôn làng, giữ làng, giữ đất, giữ rừng, giữ vững những nơi hiểm yếu. Nhận xét về văn hóa công chiêng, Giáo sư*

Trần Văn Khê cho rằng: "Cồng chiêng Tây Nguyên có những nét độc đáo, dựa trên triết lý sống, tư duy của các dân tộc Tây Nguyên. Đó là sự đa dạng, linh hoạt trong diễn tấu, trong biên chế của dàn cồng, không căn cứ vào độ cao và chức năng của mỗi loại cồng trong khi biểu diễn mà có liên quan tới tổ chức xã hội: có cồng mẹ, cồng cha, cồng con, cồng cháu... Cách gõ cồng cũng đặc biệt, hết sức linh hoạt: dùng làm bằng gỗ cứng, gỗ mềm, bọc da, gõ bằng tay phải hay tay trái, trong khi gõ, tay có thể bóp vành cồng tạo nên âm thanh khác nhau. Trong dàn cồng chiêng, vị trí của mỗi cá nhân cũng hết sức đặc biệt: đối tượng quan trọng nhất bao giờ cũng ở giữa, dàn cồng đi vòng quanh đối tượng từ phải sang trái, ngược chiều kim đồng hồ, với ý nghĩa ngược thời gian trở về dĩ vãng, từ bên ngoài vào trong tim... Không chỉ là một nhạc cụ, cồng chiêng còn có chức năng như một sợi dây linh thiêng, nối liền giữa con người với thần linh. Cồng chiêng có mặt trong mọi giai đoạn sống của con người: từ khi sinh ra, trưởng thành cho đến khi già biệt cõi đời, cũng như có mặt trong mọi hoạt động cộng đồng của người Tây Nguyên: mừng lúa mới, cưới hỏi hay ma chay..."

*Hai là*, do Đắk Lắk là tỉnh có hơn 70km đường biên giới giáp Campuchia với nhiều vấn đề nhạy cảm nên trong nội dung giáo dục pháp luật cần các tri thức pháp luật về chủ quyền quốc gia để bảo đảm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; Tri thức pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; tri thức pháp luật về khu vực biên giới, về xuất, nhập cảnh; Tri thức pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; về dân chủ, dân tộc và chính sách dân tộc, tri thức pháp luật về di dịch cư, về hộ tịch, hộ khẩu; các vấn đề về âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch và ý thức, trách nhiệm của công dân trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, cảnh giác, phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm nhằm giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là những nội dung giáo dục pháp luật chịu sự tác động trực tiếp của yếu tố địa chính trị quan trọng của tỉnh thời gian qua, đồng thời cũng là những vấn đề mà những năm qua các thế lực thù địch luôn tìm cách xuyên tạc, bịa đặt hoặc lợi dụng để tấn công ta trên mặt trận tư tưởng văn hóa, gây nên những bất ổn ở Đắk Lắk.



*Ba là, các tri thức pháp luật về bảo vệ môi trường; pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng; pháp luật về bảo vệ tài nguyên đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước. Đây là những nội dung giáo dục pháp luật gắn liền với tính chất đặc thù của yếu tố địa kinh tế - văn hóa của Đắk Lắk – cái nôi của nền văn minh nương rẫy, gắn với núi rừng, rừng vừa là không gian văn hóa, sinh tồn của cộng đồng các dân tộc thiểu số Đắk Lắk, vừa có vai trò chi phối rất lớn đến nguồn nước, môi trường sinh thái và phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đông Bắc Campuchia và Nam Lào (các hiện tượng như hạn hán, lũ lụt, ô nhiễm nguồn nước đối với hạ lưu...đang có xu hướng gia tăng trên địa bàn tỉnh thời gian qua). Mất rừng hoặc cạn kiệt tài nguyên rừng, đồng bào dân tộc thiểu số Đắk Lắk không còn không gian sinh tồn "Muốn Tây Nguyên (ND nhấn mạnh: nói chung, Đắk Lắk nói riêng) phát triển bền vững, phải quan tâm đến môi trường sống cho đồng bào các dân tộc, vì môi trường sống là cái gốc làm nên văn hóa. Đối với đồng bào Tây Nguyên, môi trường ấy chính là rừng, là đất rừng, là hồn làng..." (Trích lời GS.Tô Ngọc Thanh, Chủ tịch Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, tại tọa đàm khoa học với chủ đề "Văn hóa với phát triển bền vững ở Tây Nguyên ngày 10/11/2014 tại Phú Yên".*

*Bốn là, các tri thức pháp luật về xóa đói, giảm nghèo, thực hiện các chính sách an sinh xã hội mà trọng tâm là các chính sách giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết 80; Chương trình giảm nghèo bền vững đối với các huyện nghèo và chính sách phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng sâu, vùng xa (Chương trình 135); Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đây là những chính sách hỗ trợ có mục tiêu của Đảng và Nhà nước tập trung đầu tư cho các địa bàn có nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, người nghèo, hộ nghèo để đồng bào ổn định cuộc sống, yên tâm lao động sản xuất vươn lên tự mình thoát khỏi đói nghèo. Biết được các chủ trương, chính sách đó, đồng bào không chỉ thụ hưởng các giá trị mang lại từ chính sách mà còn tham gia thực hiện các chính sách, tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện, biết tận dụng các cơ hội để vươn lên thoát nghèo, bám làng, bám bản, củng cố niềm tin, gắn bó máu thịt hơn với Đảng và Nhà nước, cả trong chiến tranh và trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.*

*Năm là*, các tri thức pháp luật về phát triển nền kinh tế thị trường, gắn với các tập quán thương mại hàng hóa trong nước và quốc tế; phát triển công nghiệp chế biến cà phê, nông sản; khai thông thị trường xuất nhập khẩu hàng nông sản, cà phê đã tinh chế; phòng ngừa các rủi ro khi người dân Đắk Lắk tham gia vào các quan hệ thị trường để biết tự mình phòng ngừa các hành vi xâm hại, biết tự bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp khi các quyền đó bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại từ phía các chủ thể khác. Thực tiễn đã cho thấy, Đắk Lắk là một địa bàn kinh tế năng động, có tiềm năng về đất đai, gắn với nhiều ngành nông nghiệp mũi nhọn như trồng cà phê, tiêu, điều - với tư cách là các cây công nghiệp mang lại những giá trị kinh tế rất cao cho người dân nơi đây, đòi hỏi phát phát triển và mở rộng thị trường gắn với bảo vệ quyền lợi người sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phòng ngừa những rủi ro.

*Sáu là*, các tri thức pháp luật liên quan đến đời sống hàng ngày của đồng bào các dân tộc thiểu số bản địa phù hợp với những chuẩn mực, quy tắc được quy định trong luật tục bản địa và được đồng bào thừa nhận, tự nguyện, tự giác thi hành. Ngoài ra trong điều kiện dân trí pháp lý của tỉnh không đồng đều, vì thế, nội dung giáo dục pháp luật còn phải gắn với quá trình tổ chức để các chủ thể tự học tập, tự trau dồi, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức hiểu biết pháp luật, tạo thuận lợi và hỗ trợ các chủ thể trong quá trình thực hiện trên thực tế các quyền, lợi ích hợp pháp và thực hiện nghĩa vụ của công dân mà pháp luật quy định.

## ***2.2.6. Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk***

### ***2.2.6.1. Hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật chung***

Lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk là bộ phận không tách rời của hệ thống lý luận về giáo dục pháp luật nói chung. Vì vậy hình thức giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk cũng bao hàm tất cả các hình thức giáo dục pháp luật nói chung, đó là các dạng hoạt động cụ thể để tổ chức quá trình giáo dục pháp luật, để thể hiện nội dung giáo dục pháp luật, xuất phát từ mục tiêu và nội dung giáo dục pháp luật đòi hỏi phải có những hình thức giáo dục pháp luật phù hợp. Từ góc độ pháp luật thực định, theo Điều 11, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, các hình thức giáo dục pháp luật gồm: họp báo, thông cáo báo chí; phổ biến

pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật ; thông qua hoạt động tổ tụng tại Toà án nhân dân các cấp, hoạt động xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể , câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở; thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; ngoài ra còn có một số hình thức khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng để bảo đảm cho hoạt động giáo dục pháp luật đem lại hiệu quả.

Có thể nói, các hình thức giáo dục pháp luật được quy định trong Luật phổ biến, giáo dục pháp luật là rất phong phú và đa dạng; việc xác định hình thức giáo dục pháp luật nào cho người dân Đắk Lắk phải dựa trên cơ sở nội dung giáo dục pháp luật và tính chất, đặc điểm của đối tượng, địa bàn, đặc thù dân cư trong từng thời điểm để vận dụng cho phù hợp.

Đặc biệt, tại Điều 24, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật quy định các hình thức giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm giáo dục chính khóa, giáo dục ngoại khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Trong đó, giáo dục chính khóa thông qua việc lồng ghép trong các hoạt động giáo dục ở cấp mầm non; môn học đạo đức ở cấp tiểu học; môn học giáo dục công dân ở cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; môn học pháp luật, pháp luật đại cương, pháp luật chuyên ngành tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học; các môn học trong cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân.

Dưới góc nhìn khoa học, có thể chia hình thức giáo dục pháp luật thành các loại như giáo dục tri thức pháp luật; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thực

định chung cho mọi người; các hoạt động giáo dục pháp luật chuyên biệt cho những đối tượng chuyên biệt và các hoạt động giáo dục pháp luật theo những nhóm đối tượng đặc biệt và các hoạt động giáo dục pháp luật trong nhà trường. Việc xác định các hình thức giáo dục pháp luật cụ thể cần phải căn cứ vào nội dung giáo dục pháp luật và đặc thù của đối tượng giáo dục và nhu cầu, sở thích cho phù hợp.

#### *2.2.6.2. Các hình thức và phương pháp đặc thù của hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk*

##### *a. Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật trực tiếp tại cơ sở*

Đây là hình thức giáo dục pháp luật mới ở Đắk Lắk, bằng việc cử các công chức, báo cáo viên pháp luật đang làm việc tại các cơ quan, các sở, ban, ngành trong tỉnh luân phiên xuống buôn, làng cùng sống, cùng sinh hoạt, cùng lao động với dân nhập cư và dân tộc thiểu số bản địa để xây dựng mô hình kinh tế mẫu và kết hợp giáo dục pháp luật, với phương châm “mưa dầm thấm lâu” mỗi đợt có thời gian tối thiểu là một tháng, tối đa là ba tháng tùy thuộc vào chương trình, nội dung giáo dục pháp luật và trình độ dân trí của dân cư nơi đặt cơ sở giáo dục pháp luật; các đợt tổ chức cán bộ xuống cơ sở cách nhau không quá hai tháng; bảo đảm cứ trong khoảng thời gian ba năm mỗi công chức làm việc tại Đắk Lắk phải xuống cơ sở một tháng. Hình thức giáo dục pháp luật này đòi hỏi công chức làm việc tại các sở, ban, ngành trong tỉnh không những phải có tri thức pháp luật về nhiều lĩnh vực mà còn phải biết tiếng Ê Đê và M’Nông và đặc biệt là phải có tri thức luật tục bản địa nhất định. Việc sắp xếp cán bộ xuống cơ sở thực hiện hình thức giáo dục pháp luật này phải được thực hiện luân phiên đan xen giữa báo cáo viên pháp luật, chuyên gia nông, lâm nghiệp, cán bộ phụ nữ, cán bộ lực lượng vũ trang mặc thường phục xuống buôn làng phối hợp với các chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, chủ trang trại cà phê, cao su tự nguyện đặt cơ sở kinh doanh tại vùng sâu, vùng xa nơi có người bản địa sinh sống đồng thời phối hợp các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong thôn, buôn; người phụ nữ lớn tuổi trong dòng họ để tiếp cận người dân một cách tự nhiên theo từng khoảng thời gian hợp lý, nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục pháp luật và phát

triển kinh tế. Đây là hình thức giáo dục pháp luật hiệu quả nhất đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn tại địa bàn Đắk Lắk từ năm 2003 đến nay.

*b. Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật thông qua lồng ghép, kết hợp với các hoạt động của Nhà nước và các tổ chức xã hội*

Triết lý của sự lồng ghép, kết nối, kết hợp giáo dục pháp luật vào trong các hoạt động khác của Nhà nước và của xã hội là ở chỗ, nhiều kiến thức pháp luật có cùng tính chất với các kiến thức xã hội và cuộc sống, do đó, nội hàm các hoạt động xã hội đã hàm chứa trong đó hoạt động giáo dục pháp luật. Khả năng kết hợp nội dung và mục đích giáo dục pháp luật với nhiều cuộc vận động và phong trào với nhiều loại hình văn hóa, lễ hội truyền thống là rất lớn. Chẳng hạn như thông qua hoạt động văn hoá lễ hội của người bản địa, việc xây dựng, thảo luận, ban hành và phổ biến các hương ước, các quy tắc văn hóa – xã hội, nội dung của các quy chế dân chủ ở cơ sở, các phiên toà xét xử lưu động tại các địa phương, vẫn có thể chuyển tải nội dung và yêu cầu của pháp luật. Mặt khác, các hoạt động này thường mang tính chất quần chúng rộng rãi, thu hút nhiều người tham gia trên cơ sở tự nguyện và tự giác thực hiện dưới sức ép và vai trò của dư luận xã hội. Sau đây là những hình thức hoạt động phổ biến nhất với sự lồng ghép kết hợp nội dung và mục đích giáo dục pháp luật mang lại hiệu quả cao ở Đắk Lắk trong thời gian qua:

*Một là*, lồng ghép hoạt động giáo dục pháp luật vào hoạt động lễ hội; dựa vào đặc tính tâm lý chung của người dân tộc thiểu số bản địa là yêu thích lễ hội, họ có thể tổ chức lễ hội từng nhóm người, từng buôn bản ở mọi lúc, mọi nơi như đốt lửa trại, uống rượu cần, hội cồng chiêng, hoặc chỉ đốt lửa, nhảy múa theo nhạc dân gian suốt đêm mà không cần nhiều khoản phí tổn theo cách tổ chức sự kiện của người kinh ở các thành phố lớn. Ngoài ra thời gian gần đây có một số doanh nghiệp hoạt động du lịch cộng đồng thường xuyên tổ chức hoạt động lễ hội cồng chiêng, đốt lửa trại, ca múa nhạc uống rượu cần phối hợp âm thực dân tộc bản địa với quy mô nhỏ và vừa để thu hút người dân tộc thiểu số bản địa, người nhập cư và khách du lịch. Vì vậy chính quyền địa phương Đắk Lắk cần tận dụng hoạt động lễ hội tự nhiên này, cử báo cáo viên pháp luật xây dựng chương trình giáo dục pháp luật phù hợp với hoạt động này để lồng ghép vào

chương trình lễ hội; tổ chức cho thanh niên tình nguyện, người nhập cư cùng tham gia lễ hội, mở rộng phạm vi cho người dân tộc thiểu số bản địa tiếp cận với người nhập cư, khách du lịch trong và ngoài nước, tiếp nhận sự ảnh hưởng luồng tri thức pháp luật đời sống phong phú ở các đối tượng này; đồng thời tạo điều kiện cho thanh niên tình nguyện và người nhập cư tiếp cận luật tục, tiếp nhận tri thức văn hoá tự nhiên của người bản địa, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao tri thức pháp luật và hoà nhập với tri thức tinh hoa của luật tục bản địa.

*Hai là*, lồng ghép hoạt động giáo dục pháp luật vào hoạt động kết nghĩa giữa cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội với các buôn của người dân tộc thiểu số bản địa và thôn của người nhập cư. Đây là hoạt động kết nghĩa thường xuyên và lâu dài giữa các cơ quan sở, ban, ngành, các tổ chức xã hội trong tỉnh với thôn của dân nhập cư và buôn của người dân tộc thiểu số bản địa và hoạt động kết nghĩa giữa các thôn của người nhập cư với buôn của người bản địa thông qua các già làng trưởng bản, trưởng thôn, những người làm kinh tế giỏi trong các thôn, buôn. Từ hoạt động này hạt nhân làm công tác giáo dục pháp luật của nhà nước giữ vai trò định hướng cho điểm sáng tri thức pháp luật cộng hưởng với điểm sáng của trí thức tinh hoa luật tục bản địa toả khắp trong đời sống người dân tỉnh Đắk Lắk một cách tự nhiên và cởi mở; các tri thức, kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh của dân nhập cư lan dần sang người bản địa và ngược lại; tinh đoàn kết dân tộc cũng từ đó được nhân lên. Kinh phí cho hình thức giáo dục pháp luật này lấy từ nguồn của cán bộ công chức, viên chức tại các cơ quan, sở, ban, ngành trong tỉnh, cụ thể: mỗi công chức và viên chức hưởng lương tự nguyện góp mỗi tháng một nửa ngày lương gọi là “quỹ tình nghĩa” để mua hàng tiêu dùng thiết yếu, sách vở học sinh, các loại cây và con giống dành tặng cho các thôn, buôn kết nghĩa và phục vụ các hoạt động giáo dục pháp luật lồng ghép với hoạt động kết nghĩa giữa các thôn buôn với nhau. Hình thức giáo dục pháp luật lồng ghép hoạt động kết nghĩa này đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn tại địa bàn Đắk Lắk từ 2003 đến nay đạt được những kết quả tương đối khả quan.

*Ba là, lồng ghép hoạt động giáo dục pháp luật vào hoạt động xét xử lưu động của Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Khi đánh giá về dung lượng của giáo dục pháp luật và hiệu quả của giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử của Tòa án cần phân biệt hai mức độ khác nhau tùy thuộc vào đối tượng có liên quan.*

Ở trường hợp thứ nhất, đối với công dân, hoạt động xét xử của Tòa án nói riêng và tổ tụng tư pháp nói chung là con đường tự giáo dục pháp luật thông qua thực tiễn cụ thể nhất, thiết thực nhất, dù vai trò của người dân nói ở đây có thể là khác nhau: Bào chữa viên nhân dân, Hội thẩm nhân dân, Tư vấn viên pháp luật hoặc Trợ giúp viên pháp lý. Trong những vai trò đó, việc lĩnh hội các kiến thức pháp luật được hiện thực hóa thông qua quá trình tìm hiểu các tình tiết của vụ án (dân sự hoặc hình sự), tìm hiểu các quy định, các nguyên tắc của pháp luật điều chỉnh những vấn đề liên quan đến vụ án nhằm bảo đảm để sự bào chữa hay việc trợ giúp pháp lý và nói chung là vai trò, nhiệm vụ của từng chủ thể đó đạt được hiệu quả đối với người được bào chữa, được trợ giúp pháp lý. Rõ ràng, đây phải là một quá trình tự nghiên cứu, trao đổi, học tập nghiêm túc của cá nhân người có vai trò đó.

Ở trường hợp thứ hai, khi người dân rơi vào hoàn cảnh là bên nguyên đơn hay bị đơn trong một vụ tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh tế - thương mại hoặc tranh chấp lao động, hoặc là một bên trong vụ giải quyết ly hôn v.v. và đặc biệt là khi cá nhân đó là bị cáo và người thân của bị cáo thì việc tìm hiểu pháp luật không chỉ còn là vấn đề “học để biết”, mà đã trở thành nhu cầu bức thiết của cá nhân để bảo vệ quyền và lợi ích của mình với tư cách là đương sự trong tranh chấp pháp lý hoặc là người bị buộc tội trong quá trình tổ tụng tư pháp tương ứng.

Trong trường hợp thứ ba, khi chứng kiến các thủ tục xét xử của Tòa án, nhất là trong các trường hợp Tòa án tổ chức phiên tòa xét xử lưu động, thì sự lĩnh hội của công chúng về các kiến thức pháp luật có tính thụ động hơn trong khi mục đích giáo dục pháp luật cho người dân được chính Tòa án chủ động đặt ra. So với hai trường hợp trên thì mức độ chủ động của cá nhân công dân có những hạn chế nhất định, nhưng tác dụng giáo dục pháp luật cũng có thể đạt được nhờ con đường nhận thức thông qua “trực quan sinh động” đối với những vấn đề được xét xử, được giải quyết tại phiên tòa công khai.

Áp dụng hình thức giáo dục pháp luật này ở địa bàn Đắk Lắk cần lưu ý lựa chọn đưa vào kế hoạch xét xử lưu động các vụ kiện tranh chấp đất đai, hôn nhân gia đình, thừa kế và các vụ án hình sự đối với các nhóm tội bạo loạn cố ý phá hoại chính sách đoàn kết, tội phạm về môi trường, về xâm phạm tính mạng, sức khoẻ vv... có tính chất điển hình nhằm khẳng định pháp luật không khoan nhượng đối với những hành vi phá hoại chính sách đoàn kết của Đảng và nhà nước ta; xâm phạm tính mạng, sức khoẻ; quyền sở hữu... của mọi người dân và đồng thời khẳng định pháp luật cũng rất khoan hồng đối với những người biết ăn năn hối cải sửa chữa lỗi lầm trở về làm người lương thiện. Hoạt động này nhằm mục đích trực tiếp giáo dục, răn đe, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của cộng đồng dân nhập cư và cư dân bản địa trong tỉnh. Một điểm lưu ý đối với hình thức giáo dục pháp luật này là nên chọn những vụ án mà bị cáo, nguyên đơn, bị đơn không cư trú tại địa điểm xét xử lưu động, tránh tình trạng gây tổn thương tinh thần cho người trong gia đình có bị cáo phải chịu hình phạt tù và làm kích động người trong gia đình, dòng họ có người bị thua kiện. Đặc biệt những vụ án có bị cáo bị Tòa án tuyên tước đoạt sinh mạng (án tử hình) không nên đưa vào chương trình xét xử lưu động.

### **2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

#### ***2.3.1. Ảnh hưởng của yếu tố tự nhiên đến hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk.***

##### ***2.3.1.1. Ảnh hưởng của vị trí địa lý***

Tỉnh Đắk nằm ở trung tâm Tây Nguyên, đầu nguồn của hệ thống sông Sêrêpôk và một phần của sông Ba, trong tọa độ từ 107o28'57" đến 108o59'37" độ kinh Đông và từ 12o9'45" đến 13o25'06" độ vĩ Bắc, có độ cao trung bình 400-800 m so với mực nước biển; cách Hà Nội 1.410 km và cách Thành phố Hồ Chí Minh 350 km; phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà; phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng và Đắk Nông; phía Tây giáp Campuchia. Với vị trí địa lý này Đắk Lắk trở thành vị trí quan trọng, mang ý nghĩa chiến lược không chỉ với Tây Nguyên, mà còn với vùng tam giác phát triển Campuchia - Việt Nam - Lào. Thành



phố Buôn Ma Thuột, thủ phủ của Đắk Lắk, là đầu mối thông thương của Tây Nguyên với các vùng phát triển năng động ở duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ, nhất là với thành phố Hồ Chí Minh thông qua các hành lang kinh tế dọc theo trục Quốc lộ 76 (của Campuchia) và 16, 18 (của Lào), qua các Quốc lộ 14, 19, 24, 49 (của Việt Nam) nối khu vực này với hệ thống cảng biển Việt Nam; qua trục Quốc lộ 7 (Campuchia), Quốc lộ 13 (Lào) nối khu vực này với Phnom Pênh và Viên Chăn; nối Hà Nội với thành phố Hồ Chí Minh qua quốc lộ 14. Cũng từ vị trí chiến lược này Đắk Lắk trở thành địa điểm giao thương của cư dân các tỉnh và các nước lân cận, là môi trường cho các tri thức pháp luật thương mại; tri thức sản xuất nông nghiệp, kinh doanh, chế biến nông sản, cà phê xuất khẩu và đặc biệt là tạo điều kiện cho tri thức văn hoá của nhiều vùng miền xâm nhập vào Đắk Lắk, nâng cao tầm nhận thức người dân; đồng thời với vị trí này Đắk Lắk chịu áp lực về tình trạng di dân tự do, mất tài nguyên rừng, tài nguyên nước và có cả tệ nạn xã hội như ma tuý và tội phạm hình sự phát sinh; dân cư đến Đắk Lắk không ổn định khó khăn trong việc lập chương trình kế hoạch, nội dung và chọn hình thức giáo dục pháp luật, nên hiệu quả của hoạt động giáo dục pháp luật thấp.

#### *2.3.1.2. Ảnh hưởng của yếu tố diện tích, địa hình và khí hậu*

Tỉnh Đắk Lắk có diện tích 13.125,37 km<sup>2</sup>, rộng so với nhiều tỉnh trong cả nước; địa hình đa dạng, nằm ở phía Tây cuối dãy Trường Sơn, là một cao nguyên rộng lớn, địa hình dốc thoải, lượn sóng, khá bằng phẳng xen kẽ với đồng bằng thấp ven theo các sông chính. Địa hình có hướng thấp dần từ Đông Nam sang Tây Bắc. Khí hậu toàn tỉnh được chia thành hai tiểu vùng: Vùng phía Tây Bắc có khí hậu nắng nóng, khô hanh về mùa khô; vùng phía Đông và phía Nam có khí hậu mát mẻ, ôn hoà. Khí hậu sinh thái nông nghiệp của tỉnh được chia ra thành 6 tiểu vùng: Tiểu vùng bình nguyên Ea Súp (chiếm 28,43%); tiểu vùng cao nguyên Buôn Ma Thuột – Ea H’Leo (chiếm 16,17%); tiểu vùng đồi núi và cao nguyên M’Đrắk (chiếm 15,82%); tiểu vùng đất ven sông Krông Ana – Sêrêpôk (chiếm 14,51%); tiểu vùng núi cao Chư Yang Sin (chiếm 3,98%) và tiểu vùng núi Rlang Dja (chiếm 3,88%). Nhìn chung khí hậu khác nhau giữa các dạng địa hình và giảm dần theo độ cao:

vùng dưới 300 m quanh năm nắng nóng, từ 400 - 800 m khí hậu nóng ẩm và trên 800 m khí hậu mát. Khí hậu Đắk Lắk có 02 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 10, tập trung 90% lượng mưa hàng năm; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa không đáng kể. Mùa khô nắng cháy xém da, cỏ cây trụi lá, thiếu nước, mùa mưa, mưa ngút ngàn, các con sông, con suối trở nên hung dữ gây lở đất, lở đá, lũ quét. Gần đây, khí hậu Đắk Lắk thay đổi theo hướng xấu, lũ lụt xuất hiện ở nhiều vùng như huyện Krông Bông, Lắk và một số xã cục bộ ở các huyện có sông suối chảy qua do rừng đầu nguồn bị tàn phá nghiêm trọng. Do rừng bị tàn phá làm cho nguồn sinh thủy giảm sút nghiêm trọng. Về mùa mưa, lưu lượng lũ trên các sông, suối tăng lên, ngược lại mùa khô lại giảm đáng kể, lượng nước ngầm bị giảm sút do rừng bị khai thác quá mức nên càng nhanh chóng cạn kiệt, hạn hán liên tiếp xảy ra làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân. Do địa hình hiểm trở, núi rừng trùng điệp, hoang vu, giao thông vận tải đi lại khó khăn; hạn hán lũ lụt làm cho các thôn, buôn vùng sâu, vùng xa bị tách biệt với bên ngoài, mặt khác, chế độ mưa theo mùa là một hạn chế đối với phát triển sản xuất nông sản hàng hoá, hạn chế giao lưu văn hoá, khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và buôn bán giao thương với bên ngoài, nên đời sống kinh tế, xã hội trì trệ, đời sống văn hóa tinh thần thấp kém; nhận thức xã hội nói chung và nhận thức pháp luật nói riêng của dân cư các vùng xa thành phố Buôn Ma Thuột có nhiều hạn chế. Sự phân vùng, phân loại đối tượng và phân bổ nội dung cho hoạt động giáo dục pháp luật cũng gặp nhiều khó khăn; các hoạt động giáo dục pháp luật lồng ghép với hoạt động văn hoá, lễ hội và hoạt động giáo dục pháp luật theo hình thức trực tiếp tại cơ sở ở những buôn làng vùng sâu vùng xa bị hạn chế, giảm hẳn vào mùa mưa nên thiếu tính thường xuyên, liên tục; nhiều chương trình, kế hoạch giáo dục pháp luật của tỉnh đề ra nhưng không thực hiện được do mùa mưa kéo dài, giao thông không thuận lợi, các buôn, làng ở cách xa nhau, khó khăn trong việc tiếp cận và tập trung dân cư để thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật.

### ***2.3.2. Ảnh hưởng của yếu tố xã hội đến hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk***

#### ***2.3.2.1. Ảnh hưởng của yếu tố dân số và thành phần dân tộc***

Dân số toàn tỉnh Đắk Lắk tính đến năm 2012 là 1.796.666 người, (Hiện nay gần 2 triệu người) mật độ dân số hơn 137 người/km<sup>2</sup>. Trong đó, dân số sống tại thành thị 432.458 người, dân số sống tại nông thôn 1.364.208 người; nam 906.619 người, nữ 890.047 người. Đắk Lắk gồm 47 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó, người Kinh chiếm trên 70%; các dân tộc thiểu số như Ê Đê, M'Nông, Thái, Tày, Nùng... chiếm gần 30% dân số toàn tỉnh. Mật độ dân cư trong tỉnh phân bố không đều trên địa bàn các huyện, tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột, thị trấn, huyện lỵ, ven các trục Quốc lộ 14, 26, 27 chạy qua như Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Ana. Các huyện có mật độ dân số thấp chủ yếu là các huyện đặc biệt khó khăn như Ea Súp, Buôn Đôn, Lắk, Krông Bông, M'Đrăk, Ea Hleo v.v... Trên địa bàn tỉnh, ngoài các dân tộc bản địa Ê Đê, M'Nông tại chỗ còn có số đông khác là dân di cư từ các tỉnh phía Bắc và miền Trung đến Đắk Lắk sinh cơ lập nghiệp. Từ năm 2000 đến nay, dân số của Đắk Lắk có biến động mạnh do tăng cơ học, chủ yếu là dân di cư tự do, điều này đã gây nên sức ép lớn cho tỉnh về giải quyết đất ở, đất sản xuất và các vấn đề đời sống xã hội, an ninh trật tự và môi trường sinh thái và phân vùng, phân loại đối tượng để thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật.

Về thành phần dân tộc, Đắk Lắk là tỉnh có nhiều dân tộc cùng chung sống, mỗi dân tộc có những nét đẹp văn hoá riêng. Đặc biệt là văn hoá truyền thống của các dân tộc bản địa Ê Đê, M'Nông... với những lễ hội cồng chiêng, đua voi mùa xuân; kiến trúc nhà sàn, nhà rông; các nhạc cụ lâu đời nổi tiếng như các bộ cồng chiêng, đàn đá, đàn T'rung; các bản trường ca Tây Nguyên... là những sản phẩm văn hoá vật thể và phi vật thể quý giá, trong đó “Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên” đã được tổ chức UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Tất cả các truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc tạo nên sự đa dạng, phong phú về văn hóa của Đắk Lắk. Dân tộc Ê Đê thuộc ngữ hệ Malayô - Pôlinêdiêng, địa bàn cư trú chủ yếu là các huyện phía Bắc và phía

Nam: từ Ea Hleo, Buôn Hồ xuống M'Đrăk và kéo dài lên Buôn Ma Thuột; dân tộc M'nông thuộc ngữ hệ Môn-Khome, địa bàn cư trú chủ yếu là các huyện phía Nam và dọc biên giới Tây Nam. Tỉnh có 15 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 01 thị xã và 13 huyện); 184 đơn vị hành chính cấp xã (152 xã, 20 phường và 12 thị trấn). Với điều kiện dân số tăng nhanh cơ học do di cư tự do, thành phần dân cư đa dạng, đa dân tộc làm cho Đắk Lắk trở thành một tỉnh có nét đặc thù riêng, với nhiều thiết chế cộng đồng, nhiều phong tục tập quán vùng miền cùng tồn tại và đặc biệt là có hệ thống luật tục bản địa Ê Đê, M'nông cùng song hành với pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên địa bàn tỉnh. Với thành phần dân cư hỗn hợp, thiết chế điều chỉnh xã hội đa dạng đòi hỏi hoạt động giáo dục pháp luật ở tỉnh Đắk Lắk cần phải năng động hơn để phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế. Việc giáo dục pháp luật phải đặt trong mối quan hệ hài hoà với luật tục bản địa; vì vậy hoạt động này cần nhiều chủ thể đặc thù cùng tham gia theo mô hình xã hội hoá với nhiều nguồn lực tập trung mới có thể thành công như mong muốn.

#### *2.3.2.2. Ảnh hưởng của địa chính trị*

Đắk Lắk giữ vị trí chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng đối với địa bàn Tây Nguyên và cả nước (tỉnh có 04 xã biên giới, gồm Krông Na, Ia Rvê, Ia Lốp, Ea Bung (Ea Súp) tiếp giáp với Campuchia với 70 km đường biên giới). Vị trí chiến lược của Đắk Lắk xuất phát từ vị trí chiến lược của Tây Nguyên đối với cả nước và vị trí của Đắk Lắk đối với Tây Nguyên, cả trong chiến tranh giải phóng dân tộc và trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Trong chiến tranh giải phóng dân tộc, Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng giữ vị trí địa chính trị đặc biệt quan trọng. Đại Tướng Võ Nguyên Giáp trong cuốn Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng từng nhận xét: “Tây Nguyên nằm ở Nam Trung Bộ, nối liền 2 miền Bắc Nam của đất nước, tiếp giáp với Hạ Lào và Bắc Campuchia, có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất trên chiến trường Đông Dương. Nếu còn tham vọng chiếm Đông Dương, địch không thể để mất địa bàn chiến lược cực kỳ lợi hại này”; “Nhiều nhà quân sự, cả ta và địch, đều nói nắm được Tây Nguyên là khống chế được toàn bộ chiến trường miền nam Đông Dương. Đây

là mái nhà của địa bàn miền nam Đông Dương”[50, tr.125]. Đại tướng viết: "Trong một buổi làm việc, anh Hoàng Minh Thảo, với nhãn quan của một nhà nghiên cứu khoa học quân sự đã nêu ý kiến: khi đã chọn hướng chiến lược là Tây Nguyên thì trước hết nên đánh Buôn Ma Thuột, vì đây là thị xã lớn nhất, là nơi hiểm yếu và cũng là nơi địch sơ hở nhất. Khó khăn phải vượt qua để tiến công trên hướng này là thiếu đường hành quân và thiếu nước. Tôi rất tán thành"[50, tr.126]. Về vị trí của Buôn Ma Thuột, Đại tướng còn viết: "Buôn Ma Thuột, tỉnh lỵ tỉnh Đắk Lắk, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của Tây Nguyên, có vị trí quan trọng về quân sự. Thị xã nằm trên ngã ba đường chiến lược số 21 nối với đường số 1 đi Nha Trang và đường số 14, phía bắc lên Plâyku, phía nam xuống miền Đông Nam Bộ...Chọn mục tiêu tấn công chủ yếu là Buôn Ma Thuột, Bộ thống soái tối cao dự kiến sẽ làm đảo lộn hoàn toàn thế phòng ngự của địch ở Tây Nguyên, rung chuyển toàn chiến trường miền Nam bằng một đòn điểm huyệt"[50, tr.192-193]. Đặc biệt, trong Hồi ký của mình, Thượng tướng, Giáo sư Hoàng Minh Thảo – Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên (1975) nhận xét: “Tây Nguyên có thế rất cao so với các khu vực tiếp giáp với nó. Từ trên cao này, Tây Nguyên có thể khống chế hầu như toàn bộ khu vực xung quanh. Đây là một thế đứng vô cùng lợi hại. Thêm vào đó, Tây Nguyên có thế rộng lớn cả về bề rộng, về chiều sâu và sự kín đáo; lại có thể dài liên tục, từng khu vực địa hình có giá trị được núi rừng bao quanh, nhưng lại nối tiếp với nhau, khu vực này có thể hỗ trợ cho khu vực kia, tạo nên một thế liên hoàn vững chắc. Tây Nguyên vừa có rừng núi, vừa có cao nguyên; có dung lượng chiến trường lớn, có thể tác chiến hợp đồng binh chủng. Có thể nói Tây Nguyên là “mái nhà” của Đông Dương và vì vậy người Pháp khi phát hiện ra Tây Nguyên đã từng đánh giá: “Ai làm chủ Tây Nguyên, sẽ làm chủ Đông Dương!”. Còn khi phân tích về vị trí chiến lược của Đắk Lắk, Thượng tướng, Giáo sư đánh giá: “Buôn Ma Thuột giữ một khoảng cách khá đều với bắc Tây Nguyên, đồng bằng Nam Trung Bộ và miền Đông Nam Bộ - Sài Gòn, một trung tâm của chiến trường vượt ra ngoài phạm vi Tây Nguyên hướng tới toàn cục”[121, tr.160]. Sau này, người Pháp, người Mỹ cũng

nhận thức được vị trí chiến lược của Tây Nguyên, coi nơi đây là vị trí “yết hầu”, “tử huyệt” của cả nước, là “mái nhà của Đông Dương”.

Sau ngày miền Nam và Tây Nguyên được giải phóng và trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay, tỉnh Đắk Lắk vẫn là một trong những địa bàn chiến lược mà các thế lực thù địch thường lợi dụng vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền” để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Trong nhiều văn kiện, Đảng ta đều khẳng định vị trí địa chiến lược của Tây Nguyên và của tỉnh Đắk Lắk, đồng thời xác định nhiệm vụ số một là phải đảm bảo sự ổn định chính trị, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Có thể thấy điều này qua ý kiến phát biểu của bà Tòng Thị Phóng - ủy viên Bộ Chính trị, phó chủ tịch Quốc hội, tại kỳ họp thứ 9 ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VIII: “Trước khi tôi về đây dự kỳ họp này, có trao đổi ý kiến với đồng chí tổng bí thư, đồng chí chủ tịch Quốc hội. Các đồng chí căn dặn đối với Đắk Lắk, nhiệm vụ số 1 phải đảm bảo sự ổn định chính trị, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, góp phần thành công chung xây dựng Tây Nguyên giàu mạnh”.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách đặc thù với Tây Nguyên nói chung và Đắk Lắk nói riêng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt lĩnh vực giáo dục pháp luật là rất quan trọng và cần thiết, phải được tiến hành thường xuyên, liên tục và lâu dài theo phương châm mưa lâu thấm đất. Bài học quan trọng nhất cho hoạt động giáo dục pháp luật ở đây là bài học về việc tôn trọng, kế thừa và phát huy những yếu tố truyền thống của các dân tộc, đặc biệt là của các dân tộc bản địa, kết hợp đúng đắn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội với giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội với việc bảo lưu những giá trị văn hóa dân tộc truyền thống trong hoạch định chính sách, thực thi pháp luật, trong quản lý và điều hành phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trong tỉnh Đắk Lắk.

#### *2.3.2.3. Ảnh hưởng của địa kinh tế - xã hội*

Đắk Lắk có vị trí địa kinh tế quan trọng ở khu vực Tây Nguyên và cả nước, là cầu nối Bắc – Nam, Đông – Tây của tam giác phát triển kinh tế Việt – Lào –

Campuchia. Về cơ cấu kinh tế của tỉnh hiện là nền kinh tế đan xen giữa những nhân tố của kinh tế thị trường được phát triển ở khu vực thành thị với nền kinh tế tự nhiên, mang nặng tính chất tự cung, tự cấp ở khu vực nông thôn, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Chính sự đan xen này tạo nên tính chất phức tạp trong việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế trong toàn tỉnh và khó khăn trong việc lập đề án, chương trình cho hoạt động giáo dục pháp luật. Những năm qua quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh còn chậm, thiếu đồng đều giữa các vùng miền, dân tộc, giữa người Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số; khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng miền, trong các giai tầng xã hội ngày càng bị phân hoá và có xu hướng gia tăng sự cách biệt. Đặc biệt, quá trình di dịch cư tự do của một bộ phận các dân tộc thiểu số phía Bắc vào Đắk Lắk đã gây nên không ít các tiêu cực, ảnh hưởng đến ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, trong đó, phải kể đến một số yếu tố của truyền thống văn hoá, thiết chế xã hội cũ, tốt đẹp bị xáo trộn, pha lẫn với lối sống mới chưa được chọn lọc, nếu không giải quyết tốt sẽ tiềm ẩn những nguy cơ về xung đột tôn giáo, dân tộc làm ảnh hưởng đến chính sách xóa đói, giảm nghèo, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, cả trước mắt và lâu dài, không bảo đảm phát triển bền vững.

Đặc biệt, sau giải phóng, tài nguyên thiên nhiên của Tây Nguyên nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng bị khai thác cạn kiệt, bị sử dụng lãng phí và bị mất mát nghiêm trọng do bàn tay phá hoại của con người. Rừng bị mất và xuống cấp nghiêm trọng do quá trình khai thác bừa bãi. Nếu năm 1975 Tây Nguyên có 3,5 triệu ha rừng, thì đến năm 1993 chỉ còn 2,5 triệu ha và tiếp tục bị tàn phá, bình quân mỗi năm mất 8.793 ha; từ năm 1992 đến nay tốc độ mất rừng có giảm nhưng bình quân mỗi năm cũng mất từ 3.000 đến 5.000 ha. Nền kinh tế nông nghiệp nương rẫy lạc hậu biểu hiện trên những đặc trưng như sản xuất mang tính tự nhiên, tự cung tự cấp, dựa trên một nền sản xuất nông nghiệp du canh, du cư hái lượm săn bắn, lực lượng sản xuất thấp, công cụ sản xuất thô sơ (gậy, dao). Kỹ thuật canh tác lạc hậu (chọc lỗ, tía hạt) lao động chân tay là chủ yếu. Năng suất và hiệu quả lao động thấp và bấp bênh. Phân công lao động chưa phát triển. Phân công lao động có tính chất tự nhiên

theo giới tính. Nghề chăn nuôi, thủ công nghiệp chưa trở thành một ngành độc lập tách khỏi trồng trọt và có thời gian lao động nhàn rỗi lớn, mỗi năm khoảng 6 tháng. Sản xuất hàng hóa nhỏ chưa xuất hiện; quan hệ hàng hóa tiền tệ chưa phát triển, thậm chí còn nhỏ lẻ, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; những yếu tố của sản xuất hàng hóa gắn với quá trình du nhập chủ nghĩa tư bản từ bên ngoài vào, chủ yếu tập trung ở thành phố, thị xã, thị trấn; kinh tế tư bản chủ nghĩa chưa đủ sức thay thế kinh tế tự nhiên. Chính những đặc điểm kinh tế - xã hội đó đã tạo lập nền tảng, là cơ sở xã hội để hình thành các thiết chế xã hội của cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống tại đây dưới hình thức công xã nông thôn điển hình kiểu phương Đông như Mác từng nhận xét. Hình thái tổ chức xã hội của đồng bào là các buôn, play - Đó là tổ chức xã hội cao nhất tương đối hoàn chỉnh, tương đối độc lập và tách biệt khép kín về khu vực canh tác, khu vực cư trú với thiết chế xã hội hạn chế: Ranh giới lãnh thổ, quyền sử dụng đất riêng được xác định, các luật tục, lễ thức gắn liền với buôn, play - Đây là các thiết chế xã hội rất thiêng liêng, tồn tại bất chấp những tác động bên ngoài dưới thời thực dân cũ và mới; bên cạnh những thiết chế xã hội được áp đặt lên bởi chính quyền thực dân. Hiện nay các thiết chế cổ truyền đó vẫn tồn tại song song với pháp luật của nhà nước, nhất là trong cộng đồng các dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tuy không trọn vẹn, không chính thức dưới chính thể xã hội chủ nghĩa, nhưng với uy tín của các già làng, các trưởng bản với sức mạnh của luật tục bên cạnh pháp luật nhà nước, với những ý thức hệ, tâm lý xã hội, nếp sống lễ thức trong phạm vi công xã, gia đình không thể bỏ qua và vẫn còn tác động, tồn tại dai dẳng trong cộng đồng các dân tộc và là một vấn đề cần hết sức lưu ý trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống người dân nơi đây.

Ở tỉnh Đắk Lắk, chế độ mẫu hệ tồn tại điển hình ở người Ê Đê và M'ông; hình thức gia đình nhỏ mẫu hệ tồn tại phần lớn đều được tách ra từ cộng đồng kinh tế chung của gia đình lớn và vẫn cư trú chung dưới một mái nhà dài hoặc làm riêng một ngôi nhà bên cạnh ngôi nhà chính của gia đình lớn nên truyền thống và tập quán của gia đình lớn, mẫu hệ vẫn còn ảnh hưởng đậm nét đến nếp sống gia đình



nhỏ. Sự giải thể gia đình lớn mẫu hệ thành các gia đình nhỏ đi dần từng bước từ chỗ sản xuất tập thể, những sản phẩm làm ra lại chia cho từng cặp vợ chồng nấu ăn riêng, tiếp đến chia ruộng, rẫy sản xuất riêng, chăn nuôi, hoa lợi để lại kho riêng là xu thế tất yếu của lịch sử, là bước tiến bộ, từng bước giải phóng sức lao động, thúc đẩy kinh tế tư hữu của gia đình nhỏ phát triển. Đây chính là cuộc cách mạng trong lĩnh vực kinh tế, xã hội ở Tây Nguyên nói chung và Đăk Lăk nói riêng trong quá trình hội nhập cùng cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Trong lịch sử và cả trong hiện tại, người đồng bào dân tộc thiểu số bản địa tỉnh Đăk Lăk đều sống thành từng làng tự quản, giữa các làng gần nhau thường có quan hệ giao hảo, hôn nhân. Thẳng hoặc xưa kia nếu có mâu thuẫn không giải quyết được giữa họ với nhau thì xảy ra chiến tranh nhưng chỉ trong một thời gian nào đó. Nếu như ở xã hội người Kinh, làng gắn với nước để thành “làng nước”, còn ở Đăk Lăk trước đây làng cũng là nước, nước cũng là làng, gắn bó với làng là gắn bó với nước, bảo vệ nước là bảo vệ làng. Về cơ cấu kinh tế của mỗi làng người dân tộc bản địa cổ truyền: Đất trồng trọt, tức nương rẫy, vì được chu chuyển từ cánh rừng này qua cánh rừng kia trên khu canh tác của làng, nên bao đời về cơ bản vẫn là đất chung của làng, không bị phụ thuộc vào quyền sở hữu tư nhân của một ai, dù người ấy là “già làng” hay người đứng đầu làng. Trong bối cảnh kinh tế đó, cơ cấu xã hội của từng làng lặp lại cách tổ chức rất dân chủ của thiết chế mà Ph.Ăngghen trước đây từng gọi là “công xã nông thôn” hay “công xã nông nghiệp”. Có thể biểu hiện cơ cấu đó bằng một hình vẽ gồm ba vòng tròn đồng tâm: vòng nhỏ nhất ở trung tâm là tù trưởng làng, hay nói như người Kinh ở Tây Nguyên là “chủ làng”; vòng giữa bọc sát vòng nhỏ nhất là tập thể các “già làng” – một thứ hội đồng, có thể nói là hội đồng bộ lão; vòng ngoài là toàn dân làng, trong đa số các trường hợp là những đại diện của mọi gia đình. Có thể có những khác biệt nhất định giữa dân tộc này và dân tộc kia, giữa các ngành khác nhau của một dân tộc. “Chủ làng” ở dân tộc này có thể do các “già làng” chỉ định giữa họ với nhau, khi chủ làng cũ vừa qua đời, hoặc do cả làng cử lên, nhưng ở dân tộc khác lại theo kiểu cha truyền con nối. Dù là gì, dù có uy tín đến mấy “chủ làng” nói chung không phải là người độc quyền, chuyên

quyền đối với mọi việc to nhỏ của làng, bởi trên danh nghĩa ông là người đôn đốc mọi nhà trong làng thực hiện những quyết định của tập thể các “già làng”. Trong thời gian Pháp thuộc, cơ cấu đó cơ bản vẫn được bảo lưu, mặc dù từng làng không còn hoàn toàn tự trị như xưa nữa, mà bắt đầu bị chi phối bởi các cấp hành chính do người Pháp áp đặt trên làng. Sau khi miền Nam được giải phóng, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, cơ cấu nói trên bị giải thể, hòa chung cùng tính thống nhất của nền hành chính quốc gia. Về hành chính, từng làng không còn là một chỉnh thể nữa mà đã trở thành yếu tố cấu thành của đơn vị hành chính thuộc cấp thấp nhất là xã; mỗi làng cũ trở thành một thôn hoặc buôn, nằm trong xã mới, chịu sự điều hành và lãnh đạo của tổ chức đảng và chính quyền xã; “Chủ làng” trước đây nhường chỗ cho trưởng thôn, trưởng buôn. Tuy nhiên, nếu như “chủ làng” xưa thường là một “già làng” đầy uy tín và có vai trò quản lý, đôn đốc thực sự sâu sát dân làng thực hiện những quyết định của tập thể các “già làng”, trong một số trường hợp là của dân làng, thì trái lại thôn trưởng ngày nay thường là người truyền đạt ý kiến của xã, cùng dân làng (hay dân thôn) thi hành những quyết định của xã. Đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vẫn chủ yếu sống trong làng cũ, đường đi đến các khu vực trung tâm dễ đi hơn xưa, nhưng cuộc sống hàng ngày của phần đông người nông dân chưa thay đổi là bao; đồng bào vẫn hướng về những người cao niên, mà trong thâm tâm lẫn qua lời nói họ vẫn được tín nhiệm, được xem là “già làng”. Liên quan đến già làng và cuộc họp của các già làng trong một buôn làng – có thể gọi là “hội đồng già làng” để giải quyết mọi công việc của buôn làng, còn có tòa án phong tục – một nét văn hóa độc đáo, một thiết chế xã hội rất quan trọng bắt nguồn từ xã hội nguyên thủy. Tòa án phong tục hoạt động theo luật tục, hay còn gọi là tập quán pháp, nghĩa là hình thức luật không thành văn của xã hội chưa có chữ viết, được truyền miệng từ đời trước sang đời sau, để điều chỉnh mọi quan hệ trong một cộng đồng nhất định: quan hệ giữa con người và con người, giữa con người và thiên nhiên, môi trường, giữa con người đang sống với nhau, giữa con người với thế giới thần linh, giữa con người trong một tộc và giữa con người thuộc các tộc khác nhau. Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk, luật tục có sức mạnh xã hội to

lớn, buộc mọi người trong cộng đồng phải tuân thủ nghiêm ngặt và không phải cách giải quyết nào của luật tục cũng nặng về trừng phạt mà vừa có cưỡng chế, có trừng phạt, đồng thời còn thiên về hòa giải, bảo đảm đoàn kết, hữu nghị, duy trì sự ổn định để cộng đồng tiếp tục phát triển. Trước năm 1975 trong vùng bị địch tạm chiếm ở Đăk Lăk hình thức tòa án phong tục có được phục hồi trong một mức độ nhất định, tuy nhiên dưới chế độ thực dân mới, nó không thể hoàn thành được sứ mạng của nó một cách đầy đủ và nguyên vẹn như trong xã hội cổ truyền. Từ sau năm 1975 có lúc chính quyền sở tại đã coi nhẹ đặc điểm này. Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, di sản văn hóa này của các dân tộc bản địa ở Đăk Lăk dường như bị lãng quên, thậm chí có người cho luật tục bản địa là lạc hậu, là lực cản, là không thể dung hòa được với pháp luật hiện đại. Tuy nhiên, trên thực tế ở địa bàn tỉnh Đăk Lăk dường như vẫn diễn ra một tình trạng song song tồn tại của hai thiết chế cùng điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong đời sống cộng đồng cư dân bản địa và lan cả sang những cư dân nhập cư sống gần buôn làng của người bản địa đó là: pháp luật Nhà nước cứ ban hành, nhưng ở cấp buôn làng, sinh hoạt của người dân vẫn trên một mức độ nhất định được điều hành theo luật tục cổ truyền, và không ít trường hợp điều chỉnh quan hệ xã hội không phải là luật pháp, là tòa án và các vị chánh án do Nhà nước bổ nhiệm, mà các già làng do dân cử ra theo nguyên tắc dân chủ kiểu nguyên thủy. Như vậy, chỉ có con đường duy nhất cải tạo điều kiện sống của người dân nơi đây là đưa nhanh pháp luật vào đời sống của dân cư bản địa. Tuy nhiên việc báo cáo viên pháp luật tiếp cận đời sống cư dân bản địa để thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật không phải là đơn giản mà phải thông qua hệ thống cầu nối là các vị chức sắc già làng, trưởng buôn, người phụ nữ đứng đầu dòng họ, người có uy tín trong buôn làng và hành động thông minh nhất của hoạt động giáo dục pháp luật cho cư dân bản địa hiện nay là để các tri thức tinh hoa tiến bộ của luật tục trở thành một bộ phận cấu thành của luật pháp thì các tri thức luật pháp mới thật sự đi vào cuộc sống của nhân dân các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk. Đó là vấn đề thực tế cần được tính toán cẩn trọng trong quá trình

giáo dục pháp luật ở Đăk Lăk. Đây cũng là những thách thức lớn trong hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk.

#### 2.3.2.4. Ảnh hưởng của địa văn hóa – tư tưởng

Đăk Lăk là tỉnh có nền văn hoá hỗn hợp; đó là nền văn hoá vùng miền của dân nhập cư và nền văn hoá lâu đời của người dân bản địa. Nền văn hoá có sức ảnh hưởng lớn và chi phối hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk đó là nền văn hoá bản địa; một vùng văn hoá hình thành và phát triển chủ yếu trên cơ sở của nền văn minh nương rẫy - nền văn hóa buôn làng, trong đó, cồng chiêng là đại diện, được sử dụng trong nhiều nghi lễ, tín ngưỡng quan trọng. Cồng chiêng được xem là ngôn ngữ giao tiếp hàng đầu của con người với thần thánh và thế giới siêu nhiên. Chiêng được sử dụng trong lễ hội "thôi tai"; khi làm đám cưới, làm nhà mới, làm rẫy, đưa người chết ra mồ và cả khi bỏ nhà mồ; chiêng đem cái thiêng vào cuộc sống, khiến con người cảm thấy được sống trong một không gian thanh cao, tâm linh, huyền ảo. Tiếng cồng chiêng hoà nhịp âm vang gọi cho người nghe như thấy được cả không gian săn bắn, không gian làm rẫy, không gian lễ hội...của con người nơi đây; và cũng chính cồng chiêng đã đem đến cho đời sống của người dân Đăk Lăk sự lãng mạn, trở thành nguồn gốc của những áng sử thi, thơ ca đi vào lòng người. Đặc biệt, sử thi, văn hoá nhà mồ, các loại luật tục khác đã trở thành những đặc trưng, nét độc đáo duy nhất, thể hiện tính thống nhất của vùng văn hoá Tây Nguyên. Trong nền văn hóa đó, vai trò của già làng, trưởng bản và những người có uy tín trong cộng đồng dân cư; các sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng rất cao, thu hút sự tham gia đông đảo của đồng bào. Đặc biệt, tỉnh Đăk Lăk còn là tỉnh đa dân tộc, tôn giáo; xen kẽ giữa dân bản địa với dân di cư, giằng co giữa tiếp thu những yếu tố mới với những thói quen, cách làm, lối sống cũ. Hiện nay, ở Đăk Lăk một số buôn làng của đồng bào các dân tộc thiểu số không còn nhà rông (chính quyền một số nơi đang tổ chức khôi phục lại); một số sinh hoạt văn hóa và các vật dụng văn hóa truyền thống cũng mai một dần (như cồng, chiêng, ché... bị đem bán, đổi chác, hoặc thất lạc gây nên hiện tượng “chảy máu cồng chiêng”); nhiều thanh niên dân tộc không còn thiết tha với các hoạt động văn hóa truyền thống (đánh cồng

chiêng, múa xoan, mặc trang phục truyền thống, thậm chí ngại nói tiếng mẹ đẻ). Trong đời sống xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số còn tồn tại nhiều tập tục lạc hậu như tệ nạn hút thuốc phiện; trình độ sản xuất của 13 dân tộc bản địa ở Đắk Lắk như Gié – Triêng, Xơ đăng, Gia Rai, Bana, Ê đê, Brâu, Rơ Măm, Mnông, Cơ ho, Mạ, Hrê, Raglai, Churu... rất khác nhau và còn thấp hơn nhiều so với người Kinh. Trong xã hội các dân tộc thiểu số ở Đắk Lắk, những tàn dư của chế độ công xã nông thôn phương Đông đang tồn tại một cách dai dẳng như chủ nghĩa bình quân cào bằng và có một số tập tục không phù hợp với pháp luật của Nhà nước. Một số tộc người ở Đắk Lắk còn tồn tại chế độ mẫu hệ, tuy đã có nhiều thay đổi dưới áp lực của những điều kiện mới nhưng vẫn lưu giữ nhiều nét đặc trưng của chế độ này. Một thách thức đặt ra cho hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân ở Đắk Lắk là phải bảo tồn và phát triển nền văn hoá tự nhiên của người bản địa bằng những chế định pháp luật hiện đại; yêu cầu này đặt lên vai chính quyền sở tại trách nhiệm giải quyết được đáp án làm sao đưa được người dân tộc thiểu số bản địa vào guồng quay của cơ chế thị trường với hệ thống tri thức pháp luật thương mại, dân sự, lao động và các tri thức khoa học, công nghệ, môi trường...vv mà vẫn bảo tồn được tinh hoa văn hoá tự nhiên của người bản địa. Giải quyết tốt vấn đề này hay không tùy thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có yếu tố đặc biệt quan trọng đó là yếu tố giáo dục pháp luật cho người dân trong tỉnh.

#### *2.3.2.5. Ảnh hưởng của yếu tố dân trí*

Trình độ dân trí cũng là một trong những yếu tố quan trọng có tác động ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk, thể hiện ở chỗ, nếu trình độ dân trí cao hoạt động giáo dục pháp luật sẽ được tiến hành thuận lợi và ngược lại; ở địa bàn dân trí cao các hoạt động truyền tải và tiếp nhận tri thức pháp luật sẽ trở nên đơn giản; mức độ tiếp thu các tri thức pháp luật của đối tượng tham gia hoạt động giáo dục pháp luật cao; mục tiêu của hoạt động giáo dục pháp luật đạt được cao và rút ngắn thời gian so với với thời lượng truyền tải kiến thức pháp luật. Thực tiễn hoạt động giáo dục pháp luật ở tỉnh Đắk Lắk cho thấy trình độ dân trí của cư dân Đắk Lắk không đồng đều, giữa thành thị và nông thôn; đối với địa bàn thành

phố Buôn Ma Thuột và một số huyện lỵ dân cư tập trung đông chịu ảnh hưởng của nền văn minh đô thị nên trình độ dân trí cao; số còn lại một số địa bàn vùng sâu, vùng xa và địa bàn nông thôn trình độ dân trí còn rất thấp, nhất là ở vùng miền núi, vùng sâu hẻo lánh, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số bản địa và dân nhập cư cùng sinh sống. Nhiều tập tục, thói quen sinh hoạt lạc hậu ở miền núi, nông thôn vẫn duy trì và tồn tại, có nơi coi trọng tập tục địa phương hơn pháp luật, cá biệt, nhiều người dân, nhất là ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc miền núi còn chưa có ý thức tìm hiểu pháp luật; họ coi pháp luật là sự gò bó, là để trừng phạt các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, xã hội mà chưa hiểu rằng pháp luật là để bảo vệ, tạo điều kiện cho người dân thực hiện hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo vệ, bảo đảm an toàn cho người dân trong đời sống xã hội. Người dân ở các vùng miền này ít quan tâm tới pháp luật, chỉ khi có việc liên quan hoặc vướng mắc pháp luật mới tìm hiểu pháp luật để bảo vệ quyền lợi của mình, hoặc tìm cách tránh khỏi bị xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy, hoạt động giáo dục pháp luật đối với những địa bàn này phải xác định là quá trình lâu dài và bền bỉ và phải có quan điểm kết hợp hài hòa giữa truyền thống dân tộc, phong tục tập quán, đạo đức để có chương trình giáo dục pháp luật cho phù hợp với trình độ dân trí của cư dân.

## **Kết luận Chương 2**

1. Lý luận giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk là một bộ phận của hệ thống lý luận về giáo dục pháp luật; là phạm trù cơ bản của lý luận Nhà nước và pháp luật; có vị trí, vai trò, ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao ý thức pháp luật, xây dựng và bồi dưỡng nền văn hóa pháp lý trong mỗi chủ thể, gắn liền với quá trình hình thành nhân cách của mỗi cá nhân công dân. Giáo dục pháp luật cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk là một quá trình minh chứng về sự công bằng minh bạch, về giá trị bảo vệ quyền và lợi ích cho người dân không gì thay thế được của luật pháp, với những hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục pháp luật (Nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội và các chủ thể khác) tác động lên các đối tượng giáo dục pháp luật (người dân), và quá trình tiếp nhận cũng như tinh thần tự giác, tích cực, chủ động học tập, tìm hiểu, lĩnh hội tri thức pháp luật của các đối tượng, nhằm hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm đối với pháp luật, hành vi xử sự phù hợp và cao hơn nữa là hình thành lối sống văn hoá pháp luật bền vững, đặt trong mối quan hệ hài hòa với các giá trị tiên bộ của luật tục bản địa.

2. Giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk vừa là một bộ phận của giáo dục pháp luật, đặt trong tổng thể công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, vừa có vị trí, vai trò độc lập tương đối. Đó là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục (Nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội và các chủ thể khác) tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên người dân đang sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và quá trình tiếp nhận cũng như tinh thần tự giác, tích cực, chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật của người dân tỉnh Đắk Lắk đối với hệ thống pháp luật và đời sống pháp luật nhằm hình thành ở họ tri thức hiểu biết về pháp luật, tình cảm đối với pháp luật và hành vi xử sự phù hợp với những chuẩn mực được pháp luật quy định trong mối quan hệ hài hòa với các giá trị, quy định trong luật tục của cộng đồng người bản địa tỉnh Đắk Lắk.

3. Giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk thể hiện đầy đủ các đặc trưng của hoạt động giáo dục nói chung, giáo dục pháp luật nói riêng. Ngoài ra, do xuất phát từ những đặc trưng riêng có của tỉnh Đắk Lắk, nhất là những yếu tố địa

chính trị, địa kinh tế - văn hóa, xã hội và đặc điểm tâm lý, tư tưởng của cộng đồng các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh nên nó có một số đặc trưng riêng, khác biệt so với giáo dục pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn, đối tượng khác. Sự khác biệt được thể hiện cụ thể ở mục tiêu, nguyên tắc, chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện và hiệu quả cũng như các biện pháp đảm bảo. Vì thế, khi nghiên cứu, nhận diện và làm rõ các vấn đề này cần phải đặt nó trong bối cảnh địa chính trị, địa kinh tế - văn hóa, xã hội và cấu trúc tư tưởng, ý thức pháp luật cụ thể để nhận diện.

4. Giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk chịu sự tác động của nhiều yếu tố, cả về điều kiện tự nhiên, xã hội, ý thức pháp luật và trình độ nhận thức của người dân cũng như các điều kiện bảo đảm khác. Mỗi yếu tố tác động có một vị trí, vai trò và ý nghĩa riêng, vì vậy, trong quá trình thực hiện, để đạt hiệu quả cao nhất, cần phải phân tích, đánh giá và nhận diện đầy đủ những tác động, cả tích cực và tiêu cực đặt trong mối liên hệ phổ biến, trong sự vận động, phát triển và tác động qua lại, hỗ trợ lẫn nhau của các yếu tố để từ đó có được các giải pháp tổng thể nhằm đạt mục tiêu đề ra.



**CHƯƠNG 3**  
**THỰC TRẠNG HIỂU BIẾT PHÁP LUẬT VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**  
**PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**3.1. Đặc điểm cấu trúc của hiểu biết và nhận thức về pháp luật của người dân Đăk Lăk**

**3.1.1. Sự cộng hưởng của nhận thức người dân dưới tác động của pháp luật và luật tục bản địa**

Tác giả luận án tiến hành hỏi ý kiến của 382 người dân trong đó 178 nam và 204 nữ về thói quen, mong muốn áp dụng pháp luật hay luật tục Ê Đê, M'ông trong giao dịch dân sự. Đối tượng được hỏi ý kiến có độ tuổi từ 35 đến 55 làm nghề nông nghiệp, buôn bán nhỏ và làm kinh tế trang trại ở các huyện trong tỉnh đến Văn phòng công chứng Tây nguyên, 49 Lê Thánh Tông, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đăk Lăk để ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thế chấp tài sản vay vốn sản xuất nông nghiệp, kinh doanh, chứng thực các loại giấy tờ văn bản và tư vấn pháp luật và đã nhận được kết quả cụ thể như sau:

**BẢNG ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC**

| Người dân được hỏi ý kiến độ tuổi từ 35 đến 55 | Số lượng | Giới tính |    | Thói quen, mong muốn được áp dụng pháp luật hay luật tục bản địa (ÊĐê, M'ông) trong giao dịch dân sự; hôn nhân gia đình; kinh doanh thương mại; thừa kế; bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng |          |   | Tỉ lệ % |
|--|----------|-----------|----|--|----------|---|---------|
|  |          | Nam       | Nữ | Pháp luật  | Luật tục | Vừa pháp luật vừa luật tục  |         |
| <b>1. Người nhập cư</b>                        |          |           |    |  |          |   |         |
| Kinh   | 157      | 79        | 78 | Có thói quen áp dụng pháp luật   |          | Chỉ áp dụng LT trong lĩnh vực trao đổi hàng hóa với người bản địa | 79.29   |

|                         |     |     |     |                                    |  |   |       |
|-------------------------|-----|-----|-----|------------------------------------|--|---|-------|
|                         | 41  | 19  | 22  | Chỉ có thói quen áp dụng pháp luật | Không áp dụng luật tục bất kỳ trường hợp nào |   | 20.71 |
| Nùng                    | 9   | 4   | 5   | Có thói quen áp dụng pháp luật     |  | Chỉ áp dụng LT trong lĩnh vực trao đổi hàng hóa với người bản địa | 100   |
| Tày                     | 12  | 4   | 8   | Có thói quen áp dụng pháp luật     |  | Chỉ áp dụng LT trong lĩnh vực trao đổi hàng hóa với người bản địa | 100   |
| Dao                     | 5   | 3   | 2   | Có thói quen áp dụng pháp luật     |  | Chỉ áp dụng LT trong lĩnh vực trao đổi hàng hóa với người bản địa | 100   |
| HMông                   | 8   | 4   | 4   | Có thói quen áp dụng pháp luật     |  | Chỉ áp dụng LT trong lĩnh vực trao đổi hàng hóa với người bản địa | 100   |
| <b>2. Người bản địa</b> |     |     |     |                                    |  |   |       |
| ÊĐê và M'ông            | 109 | 46  | 63  |                                    | Chỉ có thói quen áp dụng luật tục            |   | 72.6  |
|                         | 41  | 19  | 22  |                                    |  | Vừa áp dụng pháp luật, vừa áp dụng luật tục                       | 27.4  |
| Tổng số                 | 382 | 178 | 204 |                                    |  |   |       |

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy sự hiện diện song song của pháp luật và luật tục trên địa bàn Đăk Lăk nói riêng và Tây Nguyên nói chung là môi trường thực tiễn tạo nên sự cộng hưởng trong nhận thức và hiểu biết của người dân. Đặc điểm đáng chú ý nhất trong cấu trúc của hiểu biết và nhận thức của người dân các dân tộc thiểu số bản địa ở Đăk Lăk là sự nổi trội của luật tục, thói quen tư duy lâu đời theo luật tục và ưu tiên làm theo luật tục trong hành vi và ứng xử khi có sự khác nhau giữa luật tục và pháp luật của Nhà nước.

Đối với nhóm dân nhập cư vào địa bàn Đăk Lăk trong thời kỳ đổi mới đất nước mang theo thói quen ứng xử tập quán vùng miền, cấu trúc của hiểu biết và nhận thức của họ là sự nổi trội của pháp luật so với người bản địa. Khi người nhập cư tiếp cận với người dân các dân tộc bản địa tạo nên sự cộng hưởng trong nhận thức dưới tác động của pháp luật và luật tục từ đó hình thành nên hai luồng nhận thức cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, Nhận thức theo hướng tích cực, theo luồng nhận thức này, cộng đồng dân cư bản địa cũng như dân nhập cư thừa nhận pháp luật và luật tục đều là những phương tiện điều chỉnh các quan hệ xã hội, đặt ra những cách xử sự mẫu cho các chủ thể để họ thực hiện trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định, hay nói cách khác là xác định cho các chủ thể những quyền, nghĩa vụ nhất định khi tham gia vào những quan hệ xã hội cụ thể. Họ nhận thức được luật tục nảy sinh do nhu cầu của đời sống cộng đồng người dân tộc bản địa, được hình thành bằng con đường tự phát, tồn tại không qua một thiết chế xã hội nào nhưng được cộng đồng người dân nơi đây thừa nhận và thực hiện một cách tự giác. Nó là kết quả hoạt động nhận thức thực tiễn và sáng tạo tích cực của cộng đồng người bản địa, là sự kết tinh trí tuệ tập thể của cả một cộng đồng người được sàng lọc qua thời gian và kiểm nghiệm tính hợp lý trong thực tiễn nên đáp ứng được những nhu cầu cần thiết cho việc bảo vệ lợi ích của cộng đồng dân cư nói chung và dân cư bản địa nói riêng. Trên thực tế hầu hết các quy định của luật tục trong quan hệ dân sự không trái pháp luật, không đi ngược với lợi ích của dân nhập cư, nên việc hiểu biết và tiếp nhận luật tục tồn tại song song với pháp luật cùng điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực dân sự của tất cả cộng đồng dân cư là hết sức tự nhiên. Ví dụ; Một nhóm cư dân nhập cư

mở một cửa hàng thu mua cà phê tươi gần các buôn làng của người bản địa, họ kết hợp bán một số loại hàng hoá như gạo, muối và hàng tiêu dùng khác để khi có yêu cầu đổi gạo, muối lấy cà phê theo luật tục của người bản địa thì sẽ quy đổi giá trị cà phê ra gạo muối thực hiện trao đổi đáp ứng nhu cầu của cư dân bản địa. Đối với cư dân bản địa họ có thể trao đổi hàng hoá với cư dân nhập cư và cũng có thể tự lựa chọn thực hiện việc mua bán theo quy định của pháp luật dân sự hay luật thương mại của nhà nước.

Sự tồn tại của pháp luật và luật tục làm cho cư dân bản địa và cư dân nhập cư nhận thức được mặc dù pháp luật và luật tục có sự khác biệt về hình thức thể hiện, cơ chế điều chỉnh hay phạm vi điều chỉnh thì nó đều là công cụ quản lý xã hội hữu hiệu, là hành lang bảo vệ an toàn cho cuộc sống hàng ngày của họ, sự tồn tại của hai chế định này tạo cho họ cơ hội lựa chọn công cụ bảo vệ lợi ích của mình một cách hiệu quả nhất.

Thực tiễn cho thấy trong hệ tư tưởng pháp luật của cư dân nhập cư trên địa bàn Tây Nguyên nói chung và ở tỉnh Đắk Lắk nói riêng hiện nay đã có sự ảnh hưởng của tư tưởng luật tục và ngược lại, làm hình thành những thói quen ứng xử hỗn hợp dẫn đến các quy định của luật tục xuất hiện trong pháp luật cụ thể trong những năm gần đây, một số tập quán tốt đẹp lâu đời của đồng bào dân tộc thiểu số đã được cộng đồng dân cư tiếp nhận, được thể chế hóa thành những quy phạm pháp luật, nhất là khi xây dựng và ban hành các văn bản quy định về bảo vệ rừng, bảo vệ cây trồng, vật nuôi trong gia đình; các quy định về bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người như tội giết người, tội hiếp dâm, tội cố ý gây thương tích, tội ngược đãi ông bà cha mẹ, người trực tiếp nuôi dưỡng mình, chế định hôn nhân một vợ một chồng... Trong những trường hợp đó, luật tục là môi trường cho sự phát sinh, tồn tại và phát triển của pháp luật, là chất liệu tạo nên pháp luật, làm cho nội dung của pháp luật trở nên phong phú hơn, sát với thực tế hơn và đặc biệt là được cộng đồng người dân tộc bản địa tự nguyện thi hành.

Mặt khác trong tập quán sinh hoạt của người bản địa mặc dù chưa phổ biến nhưng đã xuất hiện tư tưởng pháp luật. Ví dụ: theo luật tục ÊĐê với chế độ mẫu hệ, người đàn ông dân tộc thiểu số bản địa không có quyền sở hữu tài sản và thừa kế tài

sản, tuy nhiên sự hiện hữu của pháp luật với các chế định bình đẳng nam nữ, người đàn ông đã mạnh dạn hơn khi đòi hỏi quyền và lợi ích chính đáng của mình trong gia đình, dòng họ; người phụ nữ ÊĐê cũng thấy được tính hợp lý về sự công bằng của pháp luật trong việc phân chia lợi ích vật chất của gia đình cho người chồng.

Như vậy sự cộng hưởng nhận thức pháp luật và luật tục của cộng đồng dân cư theo hướng tích cực thì luật tục sẽ được sử dụng như là công cụ song hành đặc lực cùng pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội và ngược lại.

*Thứ hai*, Nhận thức theo hướng tiêu cực, đó là luồng nhận thức cực đoan phát sinh trong môi trường luật tục và pháp luật cùng tồn tại, cùng điều chỉnh một quan hệ xã hội nhưng có sự xung đột về lợi ích.

Khi có sự xung đột giữa pháp luật và luật tục người dân tộc thiểu số bản địa luôn có tâm lý lo ngại cho sự tiêu vong của luật tục trước hệ thống các quy định mang tính hiện đại và phổ biến rộng khắp của pháp luật. Tâm lý này làm nảy sinh hệ tư tưởng đối phó pháp luật hoặc cao hơn là chống đối pháp luật của một bộ phận dân cư bản địa. Nguyên nhân nảy sinh hệ tư tưởng này là do: *Một là*, người dân tộc thiểu số bản địa thường sống ở những buôn làng xa xôi hẻo lánh, giao thông khó khăn, trình độ văn hóa thấp, điều kiện kinh tế khó khăn, tệ nạn mê tín dị đoan phổ biến, nhiều người không biết tiếng phổ thông, điều kiện phổ biến, giáo dục pháp luật của Nhà nước ta bị hạn chế. Từ việc thiếu hiểu biết bản chất tốt đẹp của pháp luật dẫn đến tư tưởng bài trừ pháp luật là không thể tránh khỏi. *Hai là*, những buôn làng người dân tộc sống ở khu vực thành phố, do ảnh hưởng đời sống văn hóa, xã hội của người nhập cư một cách thái quá, nên một số phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp của người dân tộc thiểu số không còn được nhận thức đúng mức, những quan niệm phong tục tập quán bên ngoài có điều kiện ảnh hưởng mạnh mẽ đến quan niệm và lối sống của đồng bào dân tộc thiểu số, ngoài ra một số yếu tố khách quan khác như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đạo đức bị thoái hóa xuống cấp làm xuất hiện nhiều luồng tư tưởng trái với tập quán truyền thống tốt đẹp của người bản địa từ trước tới nay làm cho họ có tư tưởng ác cảm với người nhập cư và ác cảm với pháp luật. *Ba là*, xuất phát từ quan điểm pháp luật hoá của chính quyền

sở tại nên có sự sai lầm về cách thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho người bản địa, không lồng ghép tinh thần luật tục vào pháp luật, mà áp đặt mong muốn ứng xử theo pháp luật và áp đặt xoá bỏ ngay lập tức những quy định trái pháp luật của luật tục khi cư dân bản địa chưa được chuẩn bị tâm lý và làm quen dần với việc tập quán truyền thống của họ bị bài trừ mặc dù có những tập quán không còn phù hợp với xã hội hiện nay.

Sự cộng hưởng của nhận thức người dân dưới tác động của pháp luật và luật tục bản địa ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk. Thực tiễn hoạt động giáo dục pháp luật ở Đắk Lắk cho thấy giáo dục pháp luật không vận dụng luật tục, không lồng ghép giáo dục tri thức luật tục bản địa vào tri thức pháp luật thì coi như mới chỉ mới giáo dục một nửa. Chính vì vậy hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn Đắk Lắk cần phải được nghiên cứu một cách toàn diện và cần có đường hướng lý luận cụ thể trong việc lồng ghép các tri thức tiến bộ của luật tục bản địa vào tri thức pháp luật. Thay thế khái niệm chuyên môn trong pháp luật bằng ngôn ngữ dân gian, tự nhiên dễ hiểu. Có như vậy tri thức pháp luật và tri thức tiến bộ của luật tục bản địa pháp luật mới được hoà quyện cùng thấm sâu vào tiềm thức của người dân hình thành nên thói quen chấp hành pháp luật, giống như thói quen chấp hành luật tục, phát huy tối đa hiệu quả điều chỉnh xã hội của cả hai chế định này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

### ***3.1.2. Thực trạng hiểu biết pháp luật của người dân Đắk Lắk***

Đánh giá thực trạng hiểu biết pháp luật của người dân tỉnh Đắk Lắk có thể thấy với mức độ nhận thức pháp luật cao thấp khác nhau tùy theo từng loại đối tượng, nhưng về cơ bản sự hiểu biết pháp luật của người dân Đắk Lắk là chưa cao.

Đối với dân nhập cư, đời sống văn hóa, tinh thần và nhận thức pháp luật cũng không đồng đều; nhóm dân nhập cư sống ở địa bàn gần thành phố Buôn Ma Thuột chịu ảnh hưởng nền văn minh đô thị nên có đời sống văn hoá tinh thần và tri thức pháp luật tương đối cao; nhóm dân nhập cư sống ở vùng sâu, vùng xa giao thông không thuận tiện, đời sống kinh tế khó khăn, điều kiện tiếp cận tri thức pháp luật hạn chế; đặc biệt là có những nhóm dân từ miền núi phía bắc di cư tự do đến Đắk

Lắk tự lập làng, phá rừng lấy đất trồng cà phê, tiêu ngoài sự kiểm soát của chính quyền sở tại; họ sống không chế độ về y tế, không nhà trẻ, không trường học thì sự hiểu biết pháp luật càng hạn chế hơn; thiết chế điều chỉnh đời sống của họ chủ yếu là các phong tục tập quán vùng miền và chịu ảnh hưởng của luật tục bản địa trong quá trình giao lưu, mua bán, chuyển nhượng, trao đổi đất đai.

Đối với người dân tộc thiểu số bản địa, yếu tố chi phối sự hiểu biết pháp luật của họ là luật tục bản địa. Nhìn từ góc độ khoa học thì luật tục bản địa ở Đắk Lắk là một hình thái ý thức xã hội. Nó bám rễ sâu trong tiềm thức của người dân bản địa nơi đây, trở thành thói quen trong ứng xử hàng ngày của từng thành viên trong cộng đồng. Có những quy định lạc hậu của luật tục tồn tại bó buộc cuộc sống của người bản địa hàng trăm năm nay, nhưng không đơn giản một sớm một chiều mà luật pháp có thể thay thế, mặc dù điều kiện thực tế cho sự tồn tại của các quy định lạc hậu này có thể đã mất đi. Đây là lực cản lớn trong nhận thức pháp luật của người dân bản địa ở Đắk Lắk. Để phá rào cản này hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân bản địa cần có sự chọn lọc kế thừa tinh hoa tiến bộ của luật tục bản địa; đồng thời sử dụng pháp luật làm phương tiện hữu hiệu từng bước loại bỏ quy định luật tục phản tiến bộ. Chẳng hạn, bằng các quy định cụ thể, pháp luật không cho phép, hay cấm đoán việc thực hiện những hành vi, những quy định, những phong tục tập quán lạc hậu không có lợi cho sự phát triển lành mạnh của cộng đồng người dân tộc thiểu số cụ thể như không công nhận lệ tục hôn nhân nối nôi của người ÊĐê, tục lệ đánh đuổi người bị nghi là ma lai ra khỏi làng.

Đánh giá thực trạng hiểu biết pháp luật của cư dân người dân tộc thiểu số bản địa không thể không nói đến sự hiểu biết pháp luật của một bộ phận rất quan trọng là các nhà chức trách người dân tộc thiểu số và các già làng, trưởng buôn. Như các thành viên khác, ý thức luật tục cũng chi phối, chỉ đạo hành vi của họ. Tuy nhiên hoạt động áp dụng pháp luật lại liên quan đến các tổ chức cá nhân khác trong xã hội, trong buôn làng. Vì vậy ý thức luật tục trong họ lại càng có ý nghĩa quan trọng. Người có ý thức luật tục cao, bao giờ khi đưa ra những quyết định thực hiện pháp luật cũng đều phải tính đến sự phù hợp với các phong tục tập quán của các dân tộc

nói chung và các phong tục tập quán của dân tộc mình nói riêng. Muốn vậy, pháp luật Nhà nước phải đi vào đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số bắt đầu từ những con người này. Sự lồng ghép khoa học giữa tri thức tiến bộ của luật tục với tri thức pháp luật trong giáo dục pháp luật cho lớp người tiên phong này sẽ làm xuất hiện trong luật tục những tư tưởng và nội dung mới của pháp luật, loại trừ dần những quy định lạc hậu của luật tục.

Thực tế hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân ở Đăk Lăk mới chỉ đáp ứng một phần đối với nhóm dân cư thành thị. Riêng cư dân các dân tộc Tây Nguyên nói chung và cư dân người bản địa ở Đăk Lăk nói riêng hoạt động giáo dục pháp luật trong thời gian qua là chưa đáp ứng được nhu cầu tiếp cận pháp luật của người dân; thậm chí có những nhóm người còn chưa được tiếp cận những giá trị vốn là sản phẩm kết quả, thành tựu mà quá trình đổi mới đất nước mang lại. Theo số liệu điều tra xã hội học của chương trình tổng kết, thực tiễn tiến hành gần đây ở Tây Nguyên trong đó có tỉnh Đăk Lăk, có 18,2% số người được hỏi không được nghe loa phát thanh, 49% số người được hỏi cho rằng nơi họ sinh sống không có trạm phát thanh, truyền hình phát lại, 65,8% không đọc báo hàng ngày, 27% số người được hỏi không có đài, 26,5% không có tivi, 71,5% không có điện thoại, 47% số người được hỏi nói không được xem chiếu bóng, 62,7% không được xem văn công, 64,1% không được xem các buổi biểu diễn văn nghệ, 42,7% không theo dõi chương trình phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc... và 55,8% số người được hỏi cho rằng các hoạt động văn hóa, văn nghệ chỉ mới đáp ứng được một phần nhu cầu của người dân, 13% cho rằng không đáp ứng, có 2,9% cho rằng các hoạt động văn hóa đáp ứng được nhu cầu tinh thần của người dân [57, tr.18-21]. Thực trạng này hàm chứa nhiều nguyên nhân khác nhau cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, hình thức, nội dung của hoạt động giáo dục pháp luật chưa phù hợp cơ cấu dân cư, hình thức tổ chức quản lý xã hội của chính quyền sở tại còn đang ở giai đoạn thấp. Mô hình, phương thức hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ở Đăk Lăk được xây dựng chưa tính toán đầy đủ yếu tố văn hóa xã hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số, nên nhìn chung thiết chế của hệ thống chính trị cơ sở



nơi đây chưa phù hợp với các thiết chế xã hội cổ truyền mà chúng vẫn còn chi phối nhiều đến đời sống người dân. Khi thiết kế xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở Đắk Lắk, các cấp ủy Đảng đã áp dụng mô hình giáo dục pháp luật chung của cả nước mà không tính toán đến điều kiện lịch sử, truyền thống và các điều kiện dân cư, điều kiện tự nhiên, xã hội của tỉnh Đắk Lắk.

*Thứ hai*, do am hiểu không đầy đủ phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số, hoặc có am hiểu nhưng do chấp hành quá máy móc các chủ trương, mệnh lệnh của cấp trên nên các chính sách, biện pháp cho hoạt động giáo dục pháp luật đề ra không phù hợp, không đáp ứng được yêu cầu và lòng mong đợi của nhân dân. Đặc biệt một số người nắm các chức vụ chủ chốt ở xã đều do sự bổ nhiệm từ trên xuống, chưa chú ý đúng mức đến việc cho nhân dân tự lựa chọn những người có uy tín trong thôn, buôn, những trí thức, già làng trong xã hội truyền thống, am hiểu luật tục của đồng bào các dân tộc thiểu số bản địa, nên không được sự tín nhiệm của nhân dân dẫn đến khó khăn trong tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nói chung và tổ chức thực hiện thành công hoạt động giáo dục pháp luật nói riêng cho cộng đồng dân cư vốn đa dạng và phức tạp của tỉnh. Trên thực tế đã có một thời gian dài hoạt động giáo dục pháp luật của nhà nước và chính quyền địa phương sở tại không được đặt trong mối quan hệ hài hoà với luật tục bản địa, dẫn đến sự bài trừ, đối phó pháp luật của một số bộ phận cư dân bản địa, xuất hiện luồng dư luận trong thôn, buôn đòi hỏi luật tục phải được tôn trọng và thực tế người dân bản địa vẫn tôn trọng luật tục, sống theo luật tục trong khi nhà nước và chính quyền sở tại lại ra sức thực hiện các hoạt động giáo dục pháp luật nhưng không mang lại hiệu quả mong muốn. Một yếu tố mang tính chất quy luật khách quan chưa được nhà nước quan tâm chú trọng trong hoạt động giáo dục pháp luật ở Đắk Lắk đó là các thiết chế của hệ thống chính trị chỉ đóng vai trò truyền tải tri thức pháp luật, truyền đạt chỉ thị, chủ trương từ trên xuống chứ không có vai trò điều khiển, lãnh đạo mọi mặt cuộc sống của người dân, còn đời sống thực tại của người dân thì vẫn luôn chịu sự chi phối của tồn tại xã hội nơi người dân đang sống đó là luật tục và các tập quán cổ truyền của các thiết chế xã hội truyền thống

mà các già làng, trưởng bản, người phụ nữ đứng đầu trong dòng họ là đại diện. Đây là một trong những yếu tố chi phối đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào, trực tiếp tác động đến cơ cấu xã hội và hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

### **3.2. Thực trạng giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

#### **3.2.1. Đánh giá về những kết quả đã đạt được**

##### *3.2.1.1. Trong tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh*

Những năm qua, cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của tỉnh, hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân đã được cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp, các ngành tỉnh Đắk Lắk quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện. Quan điểm pháp luật hoá Tây Nguyên trong đó có tỉnh Đắk Lắk được các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội áp dụng một cách mềm dẻo hơn. Hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk bước đầu được tổ chức triển khai đặt trong sự hài hoà với luật tục bản địa; các chủ trương, chính sách của Đảng, thể chế, pháp luật về giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh đã bảo đảm quyền được thông tin pháp luật của người dân, bảo đảm giáo dục pháp luật là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 19/12/2003 của Ban Bí thư TW Đảng, Tỉnh ủy Đắk Lắk đã ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 24/11/2005 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân trong tỉnh”. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 triển khai Đề án “Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển địa phương từ năm 2009-2012” và ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện Quyết định số 406/QĐ-TTg và các Chương trình, Đề án về PBGDPL theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg. Nhiều biện pháp bảo đảm cho hoạt động giáo dục pháp luật cho những đối tượng cụ thể đã được đưa vào kế hoạch thông qua các quyết định, đề

án quan trọng như Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 14/01/2011 của UBND tỉnh về Quy chế xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách pháp luật; Kế hoạch triển khai Đề án tăng cường công tác giáo dục, phổ biến pháp luật cho thanh, thiếu niên giai đoạn 2011-2015.

Đặc biệt, sau khi Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành được ban hành, tỉnh đã quan tâm tổ chức triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, toàn diện các quy định của Luật đến các cấp, các ngành. Đặc biệt, hàng năm các cấp ủy Đảng đều ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo lãnh đạo đối với hoạt động giáo dục pháp luật; UBND các cấp đều ban hành các Chương trình, Kế hoạch về hoạt động giáo dục pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục pháp luật thực định và giáo dục tri thức pháp luật đời sống cho người dân trong tỉnh; Đặc biệt có kế hoạch dài hạn với chương trình, nội dung giáo dục pháp luật cụ thể phù hợp với từng loại đối tượng; các đoàn thể xã hội trong tỉnh đều xây dựng các kế hoạch về giáo dục pháp luật cho thành viên, hội viên của tổ chức mình; xây dựng các chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện [10].

Đến nay, về cơ bản hoạt động giáo dục pháp luật được triển khai thực hiện theo đúng nội dung, tinh thần và các quy định của Luật PBGDPL. Ủy ban nhân dân các cấp đã thực hiện nghiêm túc chế độ đăng tải công khai, minh bạch các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản, chính sách do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và của cấp huyện, niêm yết công khai tại trụ sở xã để mọi người dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm được giao trong Luật PBGDPL, mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ. Có thể khẳng định, cùng với yêu cầu về việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, phát triển nền kinh tế thị trường, thì nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục pháp luật đối với người dân nói chung, cán bộ, công chức nói riêng trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng cao. Các cấp ủy, chính quyền đã coi hoạt động giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị tư tưởng; thường xuyên quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động

này; có nhiều hình thức, phương pháp mới, sáng tạo trong hoạt động giáo dục pháp luật được tổ chức như cử cán bộ công chức xuống địa bàn thôn của người nhập cư và buôn của người dân tộc thiểu số bản địa để xây dựng mô hình kinh tế mẫu và phối hợp hoạt động giáo dục pháp luật; bảo đảm sự phối hợp hài hoà giữa tri thức luật tục tiến bộ của cư dân bản địa với tri thức pháp luật của nhà nước trong hoạt động giáo dục pháp luật. Đội ngũ những người tham gia hoạt động giáo dục pháp luật ngày càng đông đảo hơn, chuyên nghiệp hơn, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, có sự phối hợp gắn kết, hỗ trợ nhau cùng phát huy thế mạnh riêng của từng bộ phận và tập trung thế mạnh của cả hệ thống. Việc thực hiện nghĩa vụ học tập trau dồi, tích lũy tri thức pháp luật và tri thức tiến bộ của luật tục bản địa, tìm hiểu pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật trong đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng đi vào nề nếp, thường xuyên hơn; Đội ngũ công chức trong tỉnh đã gắn công tác học tập, tìm hiểu tri thức pháp luật và tri thức tiến bộ của luật tục bản địa vào yêu cầu của hoạt động thực thi công vụ của mình và coi đó là một trong những nhiệm vụ chính trị cần được hoàn thành.

### *3.2.1.2. Về kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ tham gia hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk*

Việc củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực tham gia hoạt động giáo dục pháp luật cũng được quan tâm chú trọng; công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và việc thực hiện nghĩa vụ tự học tập nâng cao trình độ, kiến thức pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngày càng đi vào nề nếp. Hội đồng phối hợp các hoạt động giáo dục pháp luật giữa các cấp, các ngành không ngừng được củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động (Hội đồng phối hợp của tỉnh được thành lập năm 1998 trên cơ sở Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ). Qua nhiều lần kiện toàn, hiện số lượng thành viên của Hội đồng này hiện có 25 người, là lãnh đạo chủ chốt các sở, ngành, tổ chức, đơn vị của tỉnh, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng và đồng chí Giám đốc Sở Tư pháp làm Phó Chủ tịch thường trực. Ở cấp huyện, đã có 15/15 đơn vị thành lập Hội

đồng phối hợp với tổng số 273 thành viên [165]. Ngoài ra, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự và Bộ đội biên phòng tỉnh cũng đã thành lập Hội đồng phối hợp của ngành. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh cũng đã từng bước được tăng cường. Đến nay, toàn tỉnh có 76 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh là công chức làm việc tại các sở, ban ngành trong tỉnh, 371 báo cáo viên pháp luật cấp huyện, 3.039 tuyên truyền viên cấp xã và 54 cán bộ pháp chế của các sở, ban, ngành. Lực lượng này được đào tạo tiếng nói, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa, hàng năm được tỉnh uỷ Đắk Lắk cử luân phiên xuống các thôn buôn cùng sống, cùng sinh hoạt và lao động với cư dân bản địa để làm công tác giáo dục pháp luật, làm điểm sáng thắt chặt mối quan hệ giữa người nhập cư với người bản địa và hài hoà pháp luật với luật tục bản địa

Công tác bồi dưỡng và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia hoạt động pháp luật cũng được quan tâm, chú trọng. Mỗi năm, ở tỉnh tổ chức gần 200 hội nghị tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật cho hơn 13.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; ở cấp huyện, mỗi năm tổ chức hơn 600 hội nghị, lớp tập huấn cho hơn 124.000 lượt cán bộ chủ chốt cấp huyện, cấp xã, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cơ sở, trưởng thôn, buôn, tổ dân phố [165]...

Các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh cũng đã triển khai thực hiện nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ được giao về PBGDPL theo đúng quan điểm, tư tưởng chỉ đạo tại Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 9/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL và Thông báo kết luận số 74-TB/TW ngày 11/5/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW. Nhiều ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực sự quan tâm đến việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, chủ động phối hợp với ngành Tư pháp và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác PBGDPL cho nhân dân. Đến nay, hầu hết các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh đều đã nhận thức đầy đủ và coi công tác này là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

### *3.2.1.3. Về đổi mới nội dung, hình thức giáo dục pháp luật phù hợp với nhu cầu, tính chất, đặc điểm của người dân tỉnh Đắk Lắk*

Hoạt động giáo dục, phổ biến pháp luật đã hướng về cơ sở, đến các địa bàn cụ thể, bám sát các nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhu cầu của người dân về kiến thức pháp luật và nhu cầu tìm hiểu, vận dụng pháp luật để tham gia vào đời sống Nhà nước và pháp luật. Các đợt tuyên truyền, PBGDPL lưu động kết hợp với trợ giúp pháp lý lưu động, tư vấn tại chỗ đã được đẩy mạnh và tăng cường hơn trước; kịp thời đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật hoặc những vướng mắc pháp luật ngay tại cơ sở của đồng bào trong tỉnh. Đối tượng giáo dục pháp luật, phổ biến pháp luật ngày càng nhiều, đa dạng hơn theo xu hướng xã hội hoá trong hoạt động giáo dục pháp luật, cả về nhu cầu, về lĩnh vực, nghề nghiệp, lứa tuổi và thành phần dân tộc.

Nội dung, hình thức hoạt động giáo dục pháp luật được đổi mới, sát thực hơn với người dân trong tỉnh và yêu cầu của công tác tổ chức thực thi pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống. Nội dung giáo dục pháp luật được thiết kế ngắn gọn, bám sát các vấn đề mới, các nội dung có liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ cơ bản của đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Trong đó đã quan tâm hơn đến nội dung chính sách, pháp luật cũng như những điểm mới; mục đích, ý nghĩa của việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản; bảo đảm kết hợp giữa truyền tải tri thức pháp luật với thực tiễn thi hành pháp luật có so sánh, đối chiếu với điều kiện thực tiễn của từng địa bàn. Các nội dung tuyên truyền, phổ biến được định hướng rõ cả về chủ đề, mục tiêu, yêu cầu; bám sát các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị và địa phương, gắn với thực tiễn thi hành pháp luật.

Hình thức giáo dục pháp luật cũng không ngừng được đổi mới, vận dụng sáng tạo cho phù hợp với đặc điểm cụ thể về đối tượng, địa bàn, đạt hiệu quả thiết thực, ngày càng phù hợp hơn với nội dung, với khả năng nhận thức và khai thác, tiếp cận của đồng bào các dân tộc trong tỉnh, bảo đảm sự kết hợp giữa các hình thức truyền thống với các hình thức mới, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin, tin học trong hoạt động giáo dục pháp luật. Hoạt động giáo dục pháp luật trong nhà trường được

quan tâm, chú trọng theo hướng kết hợp giữa giáo dục chính khóa trong các chương trình giáo dục, lồng ghép trong các môn học kết hợp với các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ nên lớp. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh đã phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục trong trường học giai đoạn 2000-2010. Sở Tư pháp Đắk Lắk đã tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu pháp luật như Hội thi: “Trường thôn, buôn, tổ dân phố với kiến thức pháp luật”, phát động các huyện, xã tổ chức các ngày pháp luật hàng năm và những cuộc thi có nội dung sâu hơn với những đề tài mang tính khoa học về giáo dục pháp luật; tổ chức tập huấn thường xuyên cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh. Hàng năm, tỉnh tổ chức ít nhất 01 hội thi hoặc cuộc thi tìm hiểu pháp luật. Bên cạnh đó, nhiều cơ quan, tổ chức cũng đã chủ động hoặc phối hợp với các đơn vị khác tổ chức các cuộc thi, hội thi tìm hiểu pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách. Ở cấp huyện, ngoài việc tích cực hưởng ứng các hội thi, cuộc thi do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, các địa phương còn chủ động tổ chức tốt các cuộc thi, hội thi tìm hiểu pháp luật trong các lĩnh vực phòng, chống ma túy, mại dâm, an toàn giao thông, bảo vệ và phát triển rừng... trên địa bàn. Bên cạnh đó, tỉnh đã phát hành hơn 12,5 triệu tờ gấp tuyên truyền pháp luật, hơn 76.000 đề cương giới thiệu văn bản pháp luật mới, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ. Các cơ quan, đơn vị, địa phương (cấp huyện, xã) cũng phát hành hàng triệu tờ gấp, tài liệu tuyên truyền pháp luật khác. Hiện nay, toàn tỉnh có 706 tủ sách pháp luật với hơn 46.700 đầu sách (trong đó có 501 tủ sách của các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể ở tỉnh, ở cấp huyện; hơn 200 tủ sách pháp luật tại các xã, phường, thị trấn và thôn, buôn, tổ dân phố) [165].

Đặc biệt, để phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh, hoạt động giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng, các cơ quan báo chí được chú trọng và đẩy mạnh, nhất là hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước ở thôn, buôn, tổ dân phố; hòa giải ở cơ sở... cũng đã được các cấp, các ngành chú trọng, triển khai và đạt hiệu quả cao. Các hình thức giáo dục pháp luật tương đối có hiệu quả và phù hợp với đồng bào trong tỉnh là phổ biến pháp luật qua các đợt trợ giúp pháp lý lưu động. Báo Đắk Lắk đã xây dựng và

thực hiện chuyên mục “Giải đáp pháp luật”; Đài Phát thanh - Truyền hình Đắk Lắk thực hiện chuyên mục “Pháp luật và Đời sống”. Bản tin Tư pháp Đắk Lắk được duy trì phát hành hàng tháng với 3.500 cuốn. Trang tin điện tử của Sở Tư pháp - Thường trực Hội đồng phối hợp của tỉnh thường xuyên đăng tải thông tin về các văn bản pháp luật mới, các hoạt động giáo dục pháp luật trong đó có hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ; xây dựng chuyên mục "Giải đáp pháp luật" trên Báo Đắk Lắk, Chuyên mục “Pháp luật và đời sống” trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh. Thường trực Hội đồng phối hợp cấp huyện thường xuyên phối hợp với Đài Truyền thanh - Truyền hình đẩy mạnh công tác tuyên truyền các văn bản pháp luật mới, liên quan mật thiết đến đời sống của người dân ở cơ sở; chỉ đạo cấp xã tăng cường tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở (phát thanh 2 lần/ngày, thời lượng 10-15 phút /lần)...Hoạt động pháp luật cho nhóm đối tượng đặc thù, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên, người lao động trong các doanh nghiệp...được tăng cường hơn. Chính sách xã hội hóa giáo dục pháp luật bước đầu được triển khai thực hiện, qua đó huy động được một số nguồn lực xã hội tham gia hoạt động giáo dục pháp luật tương đối đông đảo. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm trong việc thực hiện pháp luật về giáo dục pháp luật và hợp tác quốc tế về giáo dục pháp luật được quan tâm, chú trọng hơn.

#### *3.2.1.4. Về các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục pháp luật*

Những năm qua, cùng với sự phát triển của cả nước và của tỉnh, nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác này, các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể đã quan tâm hơn đến việc cung cấp các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí bảo đảm cho hoạt động giáo dục pháp luật. Hàng năm, cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhiều cơ quan, đơn vị đều chỉ đạo việc lập dự toán kinh phí chi cho hoạt động giáo dục pháp luật; chính quyền sở tại đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và bố trí kinh phí để phục vụ cho các hoạt động giáo dục pháp luật; đặc biệt là huy động được một phần kinh phí trong cán bộ công chức của tỉnh cùng tham gia vào hoạt động này; đầu tư kinh phí trang bị tủ sách pháp luật, mua và cập nhật các sách mới phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học tập, tìm hiểu hệ thống pháp luật thực



định và vận dụng pháp luật của mỗi cán bộ, công chức. Cử cán bộ, công chức, viên chức đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp, kỹ năng nghiệp vụ, học tiếng dân tộc bản địa để phục vụ cho hoạt động giáo dục pháp luật; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tin học trong hoạt động quản lý nhà nước, xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật và triển khai các hoạt động giáo dục pháp luật trong địa bàn tỉnh.

#### *3.3.1.5. Về hiệu quả của giáo dục pháp luật*

Hiệu quả của hoạt động giáo pháp luật cho người dân Đắk Lắk trong thời gian qua cũng được nâng lên, không chỉ đảm bảo tính kịp thời trong việc chuyển tải thông tin pháp luật, kiến thức pháp luật phù hợp đối với người dân, mà còn bảo đảm nhu cầu tiếp cận thông tin về chính sách pháp luật, quyền tiếp cận công lý của công dân. Thông qua hoạt động giáo dục pháp luật đã góp phần nâng cao đáng kể ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cho cán bộ và nhân dân trong tỉnh, góp phần lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, thúc đẩy sự tham gia tích cực của nhân dân vào công việc của Nhà nước, của xã hội, tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn các quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Hầu hết các văn bản, chính sách pháp luật mới được ban hành, nhất là các luật, pháp lệnh mới đều được biên soạn đề cương, tổ chức quán triệt rộng rãi đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức bằng những hình thức phù hợp và cung cấp công khai, minh bạch các văn bản để người dân dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng và giám sát việc thực hiện. Với những kết quả đã đạt được, hoạt động giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh đã thực sự phát huy hiệu quả, không chỉ góp phần quan trọng nâng cao nhận thức pháp luật, mà còn từng bước có sự gắn kết hơn với công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật tiếp tục được tăng cường, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên được củng cố, kiện toàn và không ngừng nâng cao về chất lượng với nhiều hình thức, cách thức giáo dục pháp luật phong phú nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn; kịp thời tháo gỡ vướng mắc, bất cập, những vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn; chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp triển khai thực hiện tốt ngày pháp luật của Nước cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam, qua đó tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật của nhân dân. Các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đều cử cán bộ xuống cùng sống và làm việc với đồng bào dân tộc thiểu số, vừa tham gia lao động, vừa tuyên truyền pháp luật, vừa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của đồng bào với Đảng và Nhà nước. Nhờ vậy, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được nâng lên, số người biết tiếng Kinh ngày càng nhiều, có người đã đọc thạo cả văn bản pháp luật và dịch ra tiếng các dân tộc đọc cho dân bản nghe. Phong trào kết nghĩa với các buôn làng người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa của các cơ quan nhà nước trong tỉnh đã trở thành thông lệ. Pháp luật cũng từ đó mà đi vào đời sống của người dân tộc thiểu số, giúp cho người dân tộc loại trừ, tiến tới xóa bỏ các tư tưởng lạc hậu đang hình thành trong buôn làng của họ và đặc biệt là ngăn chặn các quy định lạc hậu tiếp tục hình thành trong luật tục. Việc Nhà nước ghi nhận bằng pháp luật các quy định tiến bộ của luật tục, bảo đảm cho những quy định đó được thực hiện nghiêm chỉnh trên thực tế và xử lý nghiêm những kẻ có hành vi đi ngược với các giá trị truyền thống của luật tục sẽ góp phần bảo vệ và giữ gìn các phong tục tập quán tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số. Đây là tiền đề để hình thành trong nội tâm người dân tộc thiểu số những luồng suy nghĩ mới, tạo cho họ sự tự tin vào sự chinh phục thiên nhiên, tin vào cuộc sống, từ đó hình thành trong họ những thói quen ứng xử theo ý chí. Cũng chính từ nhận thức và thái độ này, các quy định mới, tiến bộ của luật tục sẽ được hình thành, bổ sung cho sự thiếu hụt của luật pháp trong điều chỉnh các quan hệ xã hội. Khi các quy định của luật tục được hình thành phù hợp với đời sống hiện thực, phản ánh đúng những ý chí và nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, nó sẽ được cộng đồng người bản địa thừa nhận và thực hiện một cách tự nguyện tự giác. Khi đó cộng đồng người dân tộc thiểu số đánh giá một con người tốt hay xấu không chỉ dựa trên các tiêu chí của luật tục mà còn dựa trên thái độ, niềm tin đối với pháp luật, với hành vi thực hiện pháp luật của thành viên đó.

Trong hoạt động thi hành pháp luật, mặc dù chưa đồng đều trong dân cư nhưng hiện nay một số đông người dân tộc thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình

bằng hành động tích cực. Những quy phạm pháp luật bắt buộc chủ thể phải thực hiện như tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng thuế cho Nhà nước đều được người dân Đắk Lắk thực hiện đúng quy định của pháp luật. Theo số liệu Sở Thương mại - Du lịch tỉnh Đắk Lắk cung cấp, trong năm 2014 có 85% hộ kinh doanh thương mại cỡ nhỏ tự giác đóng thuế cho nhà nước. Số còn lại không có hành vi trốn thuế mà do kinh doanh đạt hiệu quả thấp nên ghi nợ thuế và được nhà nước xóa nợ thuế theo chính sách của tỉnh. Trong hoạt động chấp hành pháp luật, người dân bước đầu nhận thức được vai trò của pháp luật đối với đời sống của họ. Một số thói quen chấp hành pháp luật cũng từ đó được hình thành ở các buôn làng người dân tộc thiểu số bản địa như thói quen đóng thuế khi kinh doanh, thói quen đến tuổi trưởng thành tham gia lao động công ích, tham gia nghĩa vụ quân sự...

Ngoài những kết quả đạt được, hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk vẫn còn nhiều hạn chế cụ thể: tình hình chấp hành pháp luật của người dân ở Đắk Lắk có lúc, có nơi còn chưa cao, tỉnh Đắk Lắk là một trong những tỉnh có lượng án hình sự lớn nhất Tây Nguyên. Thực trạng này có nguồn gốc từ sự hạn chế về nhận thức pháp luật của người dân tộc - một sự hạn chế mang tính phổ biến được nhiều loại phương tiện thông tin nhắc đến. Mặt khác hạn chế này xuất phát từ nguyên nhân một số văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta chưa phản ánh đúng ý chí nguyện vọng của người dân, chưa xuất phát từ nhu cầu và mong muốn của người dân nói chung và người dân tộc thiểu số bản địa nói riêng, chưa ghi nhận, bảo vệ, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ và đặc biệt một số văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước ta từ trước đến nay còn quá khái quát, ngôn ngữ chuyên môn hiện đại, không phù hợp với trình độ nhận thức pháp luật của người dân tộc thiểu số bản địa nên không thể đi vào đời sống của họ một cách tự nhiên và hiệu quả. Những cố gắng trong những năm gần đây của Nhà nước ta về hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật dành riêng cho khu vực Tây Nguyên trong đó có tỉnh Đắk Lắk và có những văn bản pháp luật quy định một số chính sách quản lý kinh tế - văn hóa xã hội dành riêng cho người dân Tây Nguyên; mặt khác cách thức giáo dục pháp luật cũng đã có những

thay đổi tạo nên những biến chuyển mới trong nhận thức pháp luật của người dân Đắk Lắk, cải thiện được một phần mối quan hệ giữa pháp luật với luật tục bản địa. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những kết quả bước đầu mang tính cục bộ mà chưa phải là phổ biến, chưa được nghiên cứu, tổng kết và phát triển được ở diện rộng như là những bài học điển hình rút ra từ thực tiễn triển khai các chính sách mới.

### **3.2.2. Đánh giá về những tồn tại, hạn chế**

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ trên đây, song trước yêu cầu phát triển của thực tiễn đất nước nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn tỉnh vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, nội dung giáo dục pháp luật vẫn còn chủ yếu nghiêng về phổ biến các kiến thức của pháp luật thực định qua các hình thức thông tin về các văn bản pháp luật, “chạy” theo các hoạt động khác mà chưa được đặt ra trên một hệ thống tri thức pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ, dựa trên cơ sở nhu cầu và thực tiễn đời sống chính trị - pháp lý – và chưa đặt trong mối quan hệ hài hoà với phong tục, tập quán của đồng bào bản địa. Như vậy, để nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật, trước hết đòi hỏi cần phải xác định rõ nhu cầu đích thực của nhân dân về giáo dục pháp luật, “cơ cấu” của các nhu cầu đó: theo loại nhóm dân cư, theo loại nội dung, vấn đề, lĩnh vực chuyên môn, ngành nghề, địa bàn hoạt động; theo khối lượng và loại kiến thức pháp luật v.v.. Chẳng hạn, xác định nhu cầu hiểu biết pháp luật về thương mại quốc tế với đối tượng hưởng lợi nào? Nhu cầu hiểu biết về pháp luật đất đai cho nhà quản lý, cho doanh nghiệp hoặc cho người dân phải khác nhau như thế nào v.v... Tiếp đó, cần xác định đúng đắn mục đích của giáo dục pháp luật. Bởi lẽ, mục đích nào sẽ đòi hỏi nội dung, phương pháp tương ứng đó. Chỉ trên những dữ liệu khoa học đó mới có thể xây dựng được các chương trình, các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật thực sự hiệu quả sát đúng với các đối tượng của giáo dục pháp luật. Chẳng hạn, đối với tình hình và nhu cầu giáo dục pháp luật cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk thì phương pháp lồng ghép các hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, các hoạt động kinh doanh du lịch, kinh tế trang trại bằng những tấm gương người

thật, việc thật mới có thể mang lại hiệu quả cao, bởi các giá trị pháp lý ở đây được hình thành và gắn kết nhiều với các giá trị văn hóa-xã hội cổ truyền, với những tri thức đời sống của cư dân bản địa vốn đa sắc tộc ở nơi đây. Đây là những vấn đề hầu như chưa được quan tâm, chú trọng trong quá trình triển khai hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân trong tình hình thời gian qua làm ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động này.

*Thứ hai*, Nguồn lực về tổ chức bộ máy, cán bộ tham gia hoạt động giáo dục pháp luật chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Các thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp đa số là lãnh đạo đầu ngành của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh nên đều hoạt động kiêm nhiệm; việc dành thời gian đầu tư cho hoạt động này chưa nhiều, chưa phát huy được hết vai trò, trách nhiệm của mỗi thành viên trong thực hiện nhiệm vụ chung của Hội đồng. Cá biệt có nơi hoạt động của Hội đồng hầu như chỉ do cơ quan thường trực chủ động triển khai thực hiện, nhất là ở cấp huyện. Ở một số địa phương, đơn vị, cấp uỷ, chính quyền chưa thật sự quan tâm và đầu tư đúng mức cho hoạt động này. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động giáo dục pháp luật chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức. Đội ngũ báo cáo viên pháp luật của tỉnh hầu hết đều kiêm nhiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn rất hạn chế và chưa đồng đều; cả về chuyên môn, nghiệp vụ; kỹ năng, khả năng sử dụng ngôn ngữ của dân cư bản địa. Trong khi đó, chế độ đãi ngộ lại quá thấp, nên chưa thực sự khuyến khích và phát huy được tiềm năng của đội ngũ cán bộ công chức tham gia hoạt động này, nhất là từ nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao của tỉnh; một số người còn chưa thực sự tâm huyết trong thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong việc làm đầu mối để chuyển tải pháp luật đến với người dân. Một số sở, ban, ngành, địa phương chưa quan tâm tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ giáo dục pháp luật để nâng cao chất lượng cho đội ngũ Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, đội ngũ già làng trưởng buôn; chưa tận dụng, thu hút và phát huy hết khả năng của đội ngũ thanh niên tình nguyện, các chủ doanh nghiệp,

chủ hộ kinh doanh giỏi trên địa bàn tỉnh nên hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thời gian qua đạt hiệu quả chưa cao.

*Thứ ba*, với đặc thù địa bàn rộng, dân nhập cư làm nông nghiệp và dân bản địa thường sống ở vùng sâu, vùng xa thành phố, đường xá đi lại khó khăn, địa hình chia cắt, dân cư thưa thớt, lại có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sống rải rác trên một địa bàn rộng, trình độ dân trí còn thấp, đặc biệt một số nơi đồng bào còn chưa biết đọc, biết viết tiếng phổ thông. Bên cạnh đó, kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện đi lại, trang thiết bị và nguồn lực phục vụ cho hoạt động giáo dục ở địa phương, nhất là cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ... sự phối hợp giữa các lực lượng, sự lồng ghép các nguồn lực, nhất là giữa các cơ quan, tổ chức xã hội và các đối tượng giáo dục pháp luật có liên quan còn chưa chặt chẽ, thiếu tính đồng bộ cũng phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác này trong thực tiễn.

*Thứ tư*, Chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục pháp luật chưa đồng đều, có nơi, có lúc hoạt động này vẫn còn mang tính hình thức, nặng về phong trào. Nội dung giáo dục còn rập khuôn, sao chép, chưa phù hợp với nhu cầu và khả năng tiếp nhận của đối tượng, chưa gắn với thực tiễn xã hội. Hình thức giáo dục pháp luật còn đơn điệu, thiếu hấp dẫn, một số hình thức không phù hợp với địa bàn, đối tượng; chưa có sự phối hợp chặt chẽ với nhau giữa các cấp, các ngành, đoàn thể trong triển khai thực hiện. Nội dung giáo dục pháp luật hiện nay mới chỉ tập trung vào hệ thống pháp luật thực định, chưa thực sự chú trọng tri thức pháp luật đời sống và tri thức tiên bộ của luật tục bản địa; Hình thức giáo dục pháp luật đơn điệu; có những hình thức giáo dục pháp luật mang tính xã hội hoá với sự đổi mới và sáng tạo nhưng mới chỉ thực hiện thí điểm hoặc chỉ thực hiện được ở một số địa phương có điều kiện thuận lợi, chưa được triển khai rộng khắp trên toàn địa bàn như tổ chức các phiên toà xét xử lưu, cử cán bộ, công chức xuống cơ sở cùng sống, cùng lao động với người dân kết hợp thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân; các hình thức giáo dục pháp luật hiện đại chưa được sử dụng triệt để, đặc biệt là việc ứng dụng một cách có hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động giáo dục pháp luật.

*Thứ năm*, hình thức giáo dục pháp luật trong thời gian qua ở Đắk Lắk tương đối đa dạng, nhưng quá trình tổ chức triển khai chưa đồng bộ, chưa được thường xuyên và rộng khắp, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thiếu những nghiên cứu chuyên sâu về kỹ năng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số bản địa. Chương trình giáo dục pháp luật, các giáo trình, sách giáo khoa về pháp luật còn lạc hậu, chưa thật sự cập nhật với các kiến thức mới, quy định mới của Hiến pháp và pháp luật. Chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, phổ biến pháp luật với kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật, đối chiếu với tình hình thực hiện pháp luật trên địa bàn cụ thể, sự kết hợp giữa giáo dục pháp luật trong nhà trường với các hoạt động thực tiễn cả các cơ quan thi hành pháp luật và áp dụng pháp luật chưa được quan tâm đúng mức. Ngoài ra, địa bàn Đắk Lắk có hai thiết chế song song cùng điều chỉnh các quan hệ xã hội nhưng pháp luật chưa đóng vai trò làm hình thành được các quy định mới tiến bộ trong luật tục nên không đáp ứng được thói quen điều chỉnh hành vi bằng luật tục của người bản địa. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong năm 2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử 47 vụ án hình sự với 83 bị án người dân tộc thiểu số trong đó có 13 vụ với 32 người bị xét xử về tội phá rối an ninh, 8 vụ với 8 bị án vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Hai tội này chiếm gần một phần hai số án đã xử, nhưng điều đặc biệt cần chú ý ở đây là cả hai loại tội này không có trong luật tục. Trong 32 người bị xét xử về tội phá rối an ninh, trong quá trình xét xử mặc dù các bị cáo đều hối hận khi nhận thức được điều cấm của pháp luật, nhưng họ đều nói rằng vì luật tục không có quy định cấm các thành viên trong cộng đồng người dân tộc tham gia tổ chức Fulrô! Như vậy, vấn đề đặt ra ở chỗ nếu pháp luật đi vào đời sống của người dân tộc làm cho họ hiểu được điều cấm của pháp luật, tự kiềm chế hành vi của mình, không vi phạm pháp luật. Sự kiềm chế này tạo thành thói quen ứng xử hàng ngày của người bản địa và được quy định trong luật tục thì hành vi vi phạm pháp luật của người dân tộc sẽ được hạn chế, tâm lý tôn trọng luật tục của người dân được phát huy và ý thức tuân thủ pháp luật của họ cũng từ đó được nâng cao.

### **3.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

#### **3.2.3.1. Các nguyên nhân khách quan**

*Thứ nhất*, nước ta đang trong quá trình chuyển đổi; hệ thống pháp luật còn thiếu tính ổn định; thể chế, chính sách đối với các vùng miền, địa bàn đối tượng đặc thù chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ; thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới, hệ thống pháp luật thực định chưa tính đến những yếu tố đặc thù của các vùng miền, địa bàn, đối tượng; chưa tương xứng giữa mục tiêu chính sách đề ra với các điều kiện và nguồn lực bảo đảm thực hiện.

*Thứ hai*, tỉnh Đắk Lắk có xuất phát điểm thấp; những năm qua bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của tỉnh Đắk Lắk gặp rất nhiều khó khăn, thiếu lợi thế cạnh tranh. Nền kinh tế của tỉnh phát triển thiếu ổn định, chưa bền vững chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, thiên tai, hạn hán ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất của đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

*Thứ ba*, các thế lực thù địch vẫn không ngừng lợi dụng trình độ dân trí thấp, kinh tế người dân khó khăn, tình trạng đói nghèo, các vấn đề tôn giáo, dân tộc dễ kích động nhân dân, chia rẽ, lôi kéo để phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tỉnh, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Biên giới với Campuchia tồn tại những nguy cơ lớn, dễ dẫn đến bất ổn.

*Thứ tư*, cơ chế phối hợp, lồng ghép giữa các cấp, các ngành, các nguồn lực bảo đảm cho hoạt động giáo dục pháp luật còn chưa tốt. Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh thấp; phát triển chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, thiếu nguồn tài chính để bổ sung. Chưa có những nghiên cứu chuyên biệt về giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk trong bối cảnh dân cư hỗn hợp, đa dân tộc, lại có hai thiết chế pháp luật và luật tục bản địa cùng điều chỉnh các quan hệ xã hội của cộng đồng người dân Đắk Lắk (cả về nội dung, hình thức, kỹ năng cụ thể).

*Thứ năm*, tình trạng đói nghèo còn tương đối phổ biến trong cộng đồng dân nhập cư và người dân tộc thiểu số bản địa sinh sống trên địa bàn vùng sâu, vùng xa của tỉnh, trong khi đó có một bộ phận người dân tộc thiểu số bản địa không đủ trình độ để tiếp cận, nắm bắt tri thức pháp luật và những tinh hoa trong khoa học kỹ



thuật, công nghệ mới để vận dụng vào đời sống, không phát huy được tiềm lực đất đai rộng lớn, màu mỡ và nguồn lao động dồi dào của tỉnh.

### 3.2.3.2. Các nguyên nhân chủ quan

*Thứ nhất*, từ trước tới nay chưa có đường hướng lý luận về giáo dục pháp luật đặc thù cho người dân Đắk Lắk về hài hoà mối quan hệ giữa pháp luật và luật tục bản địa trong giáo dục pháp luật dẫn đến nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, địa phương và cá nhân về vị trí, vai trò của pháp luật và vị trí vai trò của luật tục trong quản lý xã hội còn chưa đầy đủ. Mặt khác quan điểm bài trừ luật tục, “Pháp luật hoá Tây Nguyên” của chính quyền sở tại mặc dù đã được xoá bỏ nhưng tàn dư của nó vẫn tồn tại trong nhận thức người dân gây ảnh hưởng xấu trong cộng đồng người dân bản địa;

*Thứ hai*, việc chỉ đạo hoạt động giáo dục pháp luật chưa sát sao, quyết liệt; thiếu năng động, sáng tạo trong áp dụng, thậm chí còn trông chờ, ỷ lại vào chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên. Chưa có cơ chế, chính sách xã hội hoá giáo dục pháp luật để thu hút nguồn nhân lực, nguồn kinh phí đầu tư của các loại đối tượng cho hoạt động giáo dục pháp luật.

*Thứ ba*, trình độ dân trí của đồng bào các dân tộc trong tỉnh còn thấp, không đồng đều giữa các vùng miền đã kìm hãm tư duy độc lập, sáng tạo trong lao động, kìm hãm tư duy sản xuất lớn, nhất là tư duy làm giàu. Từ hạn chế nhận thức pháp luật dẫn đến không nhận thức được hết những điều cấm của pháp luật, nhẹ dạ cả tin; dễ bị lợi dụng, lôi kéo tham gia các tổ chức bạo loạn, phá rối an ninh, phá hoại chính sách đoàn kết của Nhà nước ta và dẫn đến vi phạm pháp luật.

*Thứ tư*, việc xác định mục tiêu, chủ thể, nội dung, hình thức giáo dục pháp luật chưa linh hoạt, điều chỉnh thiếu kịp thời; trong một thời gian dài lại ít tổng kết, rút ra những kinh nghiệm hoạt động giáo dục hay làm bài học bổ ích phù hợp với điều kiện địa bàn và đặc trưng của người dân trong tỉnh.

### **Kết luận Chương 3**

1. Sự tồn tại của luật tục bản địa và pháp luật nhà nước cùng điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong đời sống người dân Đăk Lăk tạo nên sự cộng hưởng trong nhận thức của người dân nơi đây. Đối với nhóm cư dân bản địa với tư duy nổi trội là luật tục và ưu tiên ứng xử theo luật tục; còn đối với nhóm dân nhập cư lại ưu tiên ứng xử theo pháp luật. Thực trạng này không tránh khỏi sự xung đột giữa luật tục bản địa với pháp luật nhà nước trong trường hợp hai chế định này không phù hợp với nhau; nét đặc thù này phản ánh sự hiểu biết pháp luật của cư dân bản địa và sự hiểu biết tri thức luật tục bản địa của dân nhập cư ở Đăk Lăk còn nhiều hạn chế nên chưa phát huy tối đa hiệu quả điều chỉnh xã hội của cả hai thiết chế này. Vì vậy hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk không đặt trong mối quan hệ hài hoà với giáo dục tri thức tiến bộ của luật tục bản địa thì coi như mới chỉ giáo dục một nửa.

2. Đăk Lăk là trung tâm của vùng Tây Nguyên, cái nôi của văn hóa cộng đồng, có địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa - xã hội đặc biệt quan trọng, không chỉ của khu vực Tây Nguyên mà còn đối với cả nước. Với sự thống nhất trong đa dạng, phong phú của các nền văn hóa của các dân tộc cùng đoàn kết, gắn bó chung sống trên địa bàn tỉnh, Đăk Lăk cũng là nơi tiềm ẩn nhiều mâu thuẫn, xung đột, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đó là sự mâu thuẫn, xung đột và đấu tranh gay gắt giữa các yếu tố cũ và mới, giữa nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và nền kinh tế tự nhiên tự cung, tự cấp; giữa vai trò tác động, quản lý của Nhà nước và sự điều chỉnh của pháp luật với tự quản của cộng đồng và sự điều chỉnh các quan hệ cộng đồng của phong tục, tập quán mà biểu hiện tập trung nhất là luật tục của cư dân người dân tộc thiểu số bản địa ; giữa sự thống nhất về tư tưởng trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với đặc điểm tâm lý của cộng đồng các dân tộc thiểu số; giữa cư dân bản địa với những người dân nhập cư. Đây cũng là địa bàn tiềm ẩn những nguy cơ rất cao về tình trạng xung đột xã hội; cũng dễ dẫn đến mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thậm chí là địa bàn mà các thế lực thù địch thường lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền

để kích động, gây sức ép đối với ta. Vì vậy, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải tính đến những đặc điểm đặc thù về địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa – xã hội và tư tưởng trên địa bàn tỉnh để giải quyết cho phù hợp.

3. Những năm qua, cùng với quá trình đổi mới toàn diện đất nước, phát triển vùng kinh tế Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng, Đảng, Nhà nước ta cũng như cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp tỉnh Đắk Lắk đã rất quan tâm, chú trọng đến hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân nói chung, người dân tỉnh Đắk Lắk, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng. Nhiều chủ trương, chính sách về giáo dục pháp luật được ban hành và được tổ chức triển khai thực hiện trong thực tế mang lại hiệu quả thiết thực. Nhờ vậy, nhận thức pháp luật của đồng bào được nâng lên, không chỉ ý thức đầy đủ và toàn diện hơn về các quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân mà còn biết sử dụng pháp luật để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, tham gia quản lý nhà nước và xã hội, đấu tranh, phòng ngừa và chống các hành vi vi phạm pháp luật, hạn chế tiến tới loại trừ các phong tục, tập quán lạc hậu trong luật tục bản địa, phát huy vai trò của tri thức luật tục tiến bộ, qua đó giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc, giữ gìn trật tự xã hội; xây dựng ý thức, lối sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển của thực tiễn và tiềm năng của tỉnh, công tác giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk còn chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, chưa đạt được mặt bằng chung của cả nước, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, cả khách quan và chủ quan, trong đó yếu tố chủ quan vẫn là chính đòi hỏi phải tiếp tục quán triệt các quan điểm, đề ra các giải pháp thỏa đáng, giải quyết nguyên nhân dẫn đến những vướng mắc, bất cập.

## CHƯƠNG 4

### QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY

#### **4.1. Bối cảnh thực tiễn phát triển đất nước và tỉnh Đắk Lắk đòi hỏi phải tăng cường giáo dục pháp luật cho người dân trong tỉnh**

##### **4.1.1. Nhà nước pháp quyền XHCN và những vấn đề đặt ra đối với hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

*Một là*, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Hiến pháp nước ta khẳng định nhất quán chủ trương Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nhân dân là chủ và làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức (Điều 2). Trong Nhà nước pháp quyền XHCN tất cả các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đều là người phục vụ và là người đầy tớ trung thành của nhân dân, có trách nhiệm phục vụ nhân dân. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải thật sự gần dân, sát dân, hiểu dân, học dân; tích cực, chủ động tự giác tiếp cận, tìm hiểu, học tập để nâng cao nhận thức pháp luật theo phương châm làm nghề gì học nghề đó, nắm vững quy định pháp luật trên lĩnh vực đó. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải là một tuyên truyền viên, báo cáo viên pháp luật tích cực trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thuyết phục, vận động nhân dân tuân thủ và chấp hành pháp luật; cùng với nhân dân tổ chức thực thi pháp luật, kiểm thảo tính đúng đắn của các quy định pháp luật trong thực tiễn đời sống để nhân rộng, phát hiện những vướng mắc, bất cập, những quy định không khả thi hoặc không còn phù hợp với thực tiễn để kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung, thay thế qua đó góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật. Mọi hoạt động của Nhà nước, của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đều chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, không có lợi ích nào khác ngoài phục vụ lợi ích tốt nhất của nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát

giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện (Điều 3). Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (Điều 14 Hiến pháp). Đây là những giá trị rất cao quý mà chỉ trong một Nhà nước pháp quyền XHCN mới có đủ những điều kiện, cả khách quan và chủ quan cho việc bảo đảm thực thi trên thực tế. Các giá trị đó tác động đến tất cả các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Đối với cơ quan lập pháp, giá trị đó thể hiện trước hết ở quan điểm tiếp cận lợi ích của con người trong hoạt động lập pháp, bảo đảm để hoạt động đó xuất phát từ lợi ích của người dân, của đối tượng điều chỉnh pháp luật, bảo đảm để các quy định của pháp luật phải phù hợp với Hiến pháp. Đối với các cơ quan hành pháp, tư duy pháp quyền cần được xác lập thông qua việc triệt để khắc phục hiện tượng can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh, vào đời sống và các quan hệ dân sự, công khai, minh bạch trong các vấn đề quản lý ngân sách, tài sản công, đấu thầu, cấp phép; triệt để khắc phục thái độ quan liêu, hách dịch, sách nhiễu. Đối với các cơ quan tư pháp, bảo đảm quyền tiếp cận công lý của người dân cần được coi là ưu tiên số một trong giáo dục ý thức pháp luật cho cán bộ các cơ quan tư pháp. Điều đó đã được đặt ra tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2-6-2005 của Bộ Chính trị: “Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với các cơ quan tư pháp ngày càng cao; cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong bảo vệ công lý, quyền con người”[5]. Để bảo đảm quyền tiếp cận công lý của công dân, làm cho nền tư pháp thực sự là chủ thể duy trì và bảo vệ công lý, ở nước ta hiện nay cần có sự đột phá trong tư duy pháp luật, nhằm hướng tới việc cấu trúc lại hệ thống tư pháp với việc coi bảo vệ công lý và quyền con người làm mục tiêu số một của các cơ quan tư pháp.

*Hai là*, đi cùng với việc ghi nhận các quyền, Hiến pháp còn thiết lập các điều kiện bảo đảm như: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực

pháp luật. Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Không ai bị kết án hai lần về một tội phạm” (Điều 31). Tòa án nhân dân có nhiệm vụ, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân (Điều 102). Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm (Điều 103). Đây là những tư tưởng rất tiến bộ, tác động trực tiếp đến giáo dục pháp luật đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu, nhận diện và thể chế hóa cho phù hợp với điều kiện thực tiễn đất nước. Trong bối cảnh đó đòi hỏi công tác giáo dục pháp luật một mặt phải hướng đến đông đảo người dân trong xã hội, mặt khác, phải quan tâm đến nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội để bảo đảm sự công bằng, bình đẳng cho mọi người. Đó vừa là sự thống nhất trong đa dạng, vừa chứa đựng những mâu thuẫn đòi hỏi phải giải quyết triệt để và thấu đáo để phát huy đầy đủ các quyền, tự do của mỗi người.

*Ba là*, trong Nhà nước pháp quyền XHCN, Nhà nước tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật (Điều 8); quản lý xã hội bằng pháp luật. Đảng Cộng sản Việt Nam, tuy là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội nhưng phải gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình . Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật (Điều 4). Mặt trận Tổ quốc Việt Nam , các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật (Điều 9). Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng (Điều 46). Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam (Điều 48). Có thể nói, với các quy định này thì mọi pháp nhân và thể nhân, kể cả các pháp nhân công quyền khi đã sinh sống và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam đều phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; chịu sự quản lý, tác động của pháp luật. Đặc biệt, trong hệ thống pháp luật đó, Hiến pháp là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp. Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý (Điều 119). Trong Nhà

nước pháp quyền, để Hiến pháp và pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh và thống nhất trong cả nước thì điều kiện tiên quyết phải có là mọi người đều phải biết được các quy định của Hiến pháp và pháp luật, phải có quyền được thông tin pháp luật, dễ dàng tiếp cận với hệ thống pháp luật ngay tại cơ sở. Khi đã có tri thức hiểu biết về Hiến pháp và pháp luật, người dân không chỉ biết được giới hạn hành vi mà mình được thực hiện, mà còn biết được giới hạn quyền và khả năng gánh vác các nghĩa vụ công dân. Trong Nhà nước pháp quyền đó, đúng như nhận xét của một nhà nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh: “Dân không biết luật mà trừng trị dân là một nền pháp trị bạo ngược”. Nói cách khác, muốn dân tuân thủ, tự giác chấp hành pháp luật thì phải có các biện pháp để dân biết quy định của Hiến pháp và pháp luật. Muốn vậy, điều kiện tất yếu là phải tăng cường giáo dục pháp luật cho mỗi người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cũng như người có kiến thức hạn chế hoặc là người dân tộc thiểu số.

*Bốn là*, Nhà nước pháp quyền không phải là nhà nước pháp trị, nghĩa là Nhà nước không thể chỉ dùng pháp luật để áp đặt một cách duy ý chí đối với các chủ thể trong toàn xã hội - mà Nhà nước pháp quyền phải được xây dựng trên cơ sở xã hội dân sự tích cực và lành mạnh. Muốn vậy, cần phải giải quyết tốt các mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, mối quan hệ giữa pháp luật và đời sống, giữa pháp luật và đạo đức, phong tục tập quán của các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó có mối quan hệ giữa pháp luật và luật tục của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa ở Đắk Lắk. Lý luận và thực tiễn đã khẳng định sẽ không thể xây dựng thành công nhà nước pháp quyền XHCN và có được một xã hội dân sự lành mạnh khi vẫn còn một bộ phận công dân người dân tộc thiểu số vẫn phải chịu sự ràng buộc của những phong tục tập quán lạc hậu, khi vẫn còn bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số chưa nhận thức đầy đủ, thấu đáo về pháp luật. Qua thực trạng đời sống pháp luật của người dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk hiện nay cho thấy nhận thức pháp luật của đồng bào chưa thể đáp ứng được yêu cầu của công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN. Để khắc phục tình trạng này nhằm cải thiện tốt mối quan hệ giữa

pháp luật và luật tục dân tộc thiểu số. Pháp luật phải giữ vị trí chủ đạo động trong việc tiếp cận đời sống của người dân, xây dựng trong ý thức của họ các tư tưởng chủ đạo về nhà nước pháp quyền, về xã hội công dân mà Nhà nước ta đang phấn đấu để đạt tới.

*Năm là*, yêu cầu tất yếu đặt ra là cùng với việc ghi nhận quyền, điều kiện tiên quyết để thực hiện có hiệu quả các quyền đó trên thực tế thì phải thiết lập các cơ chế bảo đảm, bảo vệ các quyền. Đây cũng là yêu cầu khách quan từ chính đòi hỏi của hệ thống pháp luật đối với các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trong việc tổ chức thực thi pháp luật, nhất là trong điều kiện hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện và đi sâu điều chỉnh các mối quan hệ xã hội. Như vậy, giáo dục pháp luật trong Nhà nước pháp quyền cần phải được tiếp cận ở mức độ giáo dục nhận thức mới về pháp luật, giáo dục để tạo ra và củng cố các quan điểm pháp lý mới nhằm đáp ứng các yêu cầu của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN và của quá trình hội nhập theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Đây là một nội dung giáo dục pháp luật lớn, song song với việc giáo dục nhằm chuyển tải các quy định, các văn bản pháp luật đã và đang được quan tâm chú trọng triển khai thực hiện trong thời gian vừa qua.

*Sáu là*, Nhà nước pháp quyền XHCN cũng đòi hỏi quyền lực nhà nước phải bị kiểm soát, giám sát chặt chẽ để tuân theo đúng pháp luật, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; tránh tình trạng tùy tiện, lạm quyền để xâm hại các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân - Đây là tư tưởng rất tiến bộ, lần đầu tiên được ghi nhận, được cụ thể hóa trong Hiến pháp và pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước. Để kiểm soát Nhà nước, ngoài cơ chế kiểm soát bên trong, bởi chính quyền lực nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước thì điều kiện cần thiết nhất là phải huy động sự tham gia vào cuộc của các thiết chế xã hội và các cá nhân công dân. Đặc biệt, để việc kiểm soát được chặt chẽ, đúng pháp luật người dân không thể không có tri thức pháp luật, đó là chưa nói đến việc tham gia xây dựng, thi hành và bảo vệ bản Hiến pháp của chính mỗi người dân. Đây cũng là yêu cầu khách quan, có tính tất yếu tác động đến việc phải tiếp tục đổi mới giáo dục pháp luật để chuẩn bị những điều kiện cần thiết, cả về nhận thức, đến hành vi cụ thể của



mỗi người dân trước khi họ quyết định tham gia vào các quan hệ xã hội, thực thi các quyền và nghĩa vụ công dân được luật quy định.

*Bảy là*, Nhà nước pháp quyền XHCN đòi hỏi phải đưa người dân tộc thiểu số nói chung, người dân tộc thiểu số bản địa ở Đắk Lắk nói riêng vào đời sống Nhà nước và pháp luật; phải giáo dục, vận động, thuyết phục để đồng bào thấy được những giá trị ưu việt, tiến bộ mà Nhà nước và pháp luật mang lại cho mỗi người dân. Để từ đó đồng bào ý thức đầy đủ về mục tiêu xây dựng một Nhà nước pháp quyền chính là mục tiêu chung của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó có quyền và lợi ích của họ. Hiện nay, ở Đắk Lắk vẫn còn tình trạng người dân, nhất là nhóm cư dân người bản địa và người nhập cư sinh sống trong các buôn làng xa xôi, hẻo lánh thường quan tâm đến cuộc sống mưu sinh hàng ngày mà ít chú trọng đến đời sống Nhà nước và pháp luật, thậm chí thờ ơ, bàng quan. Vì vậy, để đạt được mục tiêu trên đây, khi đưa pháp luật vào trong buôn làng người dân tộc thiểu số bản địa và thôn của người nhập cư phải có những hành động rất cụ thể, nhất là của các tổ chức đoàn thể, các cơ quan nhà nước trong việc tiếp cận đời sống hàng ngày của người dân. Một tư tưởng lớn đi vào cuộc sống của người dân tộc thiểu số bản địa và người nhập cư hỗn hợp không thể chỉ bằng pháp luật, mà còn bằng nhiều con đường khác nhau như: xây dựng quan niệm đạo đức, phong tục tập quán theo định hướng chung của Nhà nước. Từng bước hình thành trong ý thức của người dân thói quen suy nghĩ gắn liền lợi ích cá nhân, buôn làng với lợi ích chung của toàn xã hội. Từ đó hình thành trong luật tục bản địa các quy định mang tính định hướng về mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong tương lai.

*Tám là*, Nhà nước pháp quyền XHCN đòi hỏi phải giải quyết thỏa đáng, hài hòa mối quan hệ giữa luật pháp của Nhà nước với luật tục của đồng bào dân tộc thiểu số trong đó có luật tục của dân tộc thiểu số bản địa ở Đắk Lắk. Lý luận và thực tiễn đã khẳng định luật tục khi được hình thành nên từ luồng tư tưởng mới - tư tưởng theo định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN nó sẽ là công cụ hữu hiệu nhất để thực thi pháp luật trong phạm vi buôn làng người dân tộc thiểu số. Nó là công cụ để cải thiện tư tưởng sai lệch của một số thành viên trong cộng đồng người dân tộc thiểu số bị

lực lượng phản động Fulrô lưu vong lôi kéo trong thời gian qua. Vì vậy, Nhà nước phải có cơ chế rõ ràng trong áp dụng luật tục để giải quyết các vụ việc cụ thể phát sinh trong buôn làng người dân tộc thiểu số, từ đó tạo nên sự hài hòa giữa pháp luật với luật tục bản địa. Đặc biệt, phải có cơ chế để các quy định tiên bộ của luật tục tuy chưa được pháp luật ghi nhận nhưng cũng phải được tất cả các công dân trong xã hội tôn trọng để giúp người dân tộc thiểu số cảm nhận được sự bình đẳng dân tộc, tránh tư tưởng kỳ thị dân tộc, bài trừ luật tục, tạo kẽ hở cho lực lượng phản động lưu vong chống phá chính sách đoàn kết của Nhà nước ta.

#### ***4.1.2. Nền kinh tế thị trường và những vấn đề đặt ra đối với hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk***

Chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm công bằng xã hội, thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách xã hội hoá hoạt động giáo dục pháp luật, gắn kết phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh quốc phòng, kết nối phát triển kinh tế đất nước với phát triển kinh tế vùng Tây Nguyên và tỉnh Đắk Lắk là một chủ trương nhất quán kể từ thời kỳ đổi mới đến nay. Chủ trương này đã và đang tác động trực tiếp đến địa bàn vùng Tây Nguyên nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng và chi phối các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của cả nước và từng địa phương. Trong điều kiện đó đòi hỏi phải tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu lại nền kinh tế, sắp xếp lại các thành phần kinh tế để phát huy tiềm năng, thế mạnh; khắc phục những hạn chế, yếu kém của chính nền kinh tế để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư. Bối cảnh đó đã và đang tác động trực tiếp đến tỉnh Đắk Lắk đòi hỏi phải có sự thay đổi từ tư duy của nền kinh tế tự nhiên, tự cung, tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường với sự cạnh tranh gay gắt, không khoan nhượng, với những thời cơ và kèm theo là những nguy cơ, những rủi ro, tác động tiêu cực từ thị trường đòi hỏi phải chuẩn bị cho mỗi người tư duy, nhận thức về những chuẩn mực, quy tắc của nền kinh tế thị trường với những luật chơi do kẻ mạnh áp đặt để không bị thiệt thòi; kiểm soát và hạn chế những rủi ro nảy sinh từ nền kinh tế thị trường.

Đặc biệt, trong nền kinh tế thị trường, các chủ thể đều bình đẳng trước pháp luật, có cơ hội và điều kiện như nhau trong tiếp cận, khai thác và sử dụng các thị trường phù hợp với điều kiện, khả năng và năng lực tham gia của mình. Cùng với việc bảo đảm công bằng xã hội, kinh tế thị trường định hướng XHCN đòi hỏi Nhà nước và xã hội phải có chính sách quan tâm đến các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội. Nhóm đối tượng này phải được quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ đặc biệt từ phía Nhà nước và xã hội để bảo đảm công bằng với chủ thể khác, trong đó trách nhiệm trước hết và chủ yếu thuộc về Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước và xã hội phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân tộc thiểu số được tiếp cận, tham gia và là đối tượng thụ hưởng các giá trị mà nền kinh tế đó mang lại; cần chi tiết hóa các văn bản pháp luật về kinh doanh như: Luật thương mại, Luật doanh nghiệp, các văn bản quy định về kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình..., dịch thành tiếng các dân tộc thiểu số và truyền bá rộng rãi vào các buôn làng người dân tộc thiểu số. Quá trình tham gia kinh tế thị trường, người dân tộc hiểu được quyền tự do bình đẳng trong kinh doanh, hiểu được quyền dân chủ cởi mở trong đời sống chính trị. Đặc biệt tham gia kinh tế thị trường, sẽ có sự chuyển dịch trong cơ cấu kinh tế của người dân tộc thiểu số, đòi hỏi phải thay đổi nếp nghĩ, cách làm, ứng dụng khoa học, công nghệ; chuyển tải từ nền kinh tế tự nhiên, săn bắt, hái lượm sang nền kinh tế hàng hóa, khi đó, đời sống kinh tế của người dân tộc sẽ được nâng cao. Tính sáng tạo năng động trong cuộc sống của người dân tộc có điều kiện phát sinh. Sự say mê lao động sẽ tạo nên thói quen ứng xử hàng ngày của họ. Mặt khác, kinh tế thị trường tạo cho người dân tộc thiểu số tiếp cận với nền khoa học công nghệ mới, đòi hỏi phải nâng cao trình độ văn hóa, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của dân tộc mình và của chính bản thân mình và gia đình mình. Đây là môi trường tốt cho việc nảy sinh phong tục tập quán tốt đẹp được ghi nhận trong luật tục và trở lại phục vụ cuộc sống của người dân. Để tồn tại và phát triển được trong nền kinh tế thị trường người dân Đăk Lăk cần được trang bị tri thức pháp luật trong lĩnh vực này đặt trong sự hài hoà với tri thức tiên bộ

của luật tục bản địa. Đây là một thách thức lớn cho hoạt động giáo dục pháp luật ở Đắk Lắk. Vì vậy hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk cần phải được thực hiện theo chính sách xã hội hoá để huy động mọi nguồn lực về người và cơ sở vật chất ở nhiều chủ thể khác nhau cùng tham gia vào hoạt động này.

#### ***4.1.3. Chủ trương tích cực, chủ động hội nhập quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk***

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta thực hiện nhất quán chính sách đối ngoại tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, trên nền tảng đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Đường lối đối ngoại đó đã và đang tác động đến hầu hết các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, trong đó có đời sống của người dân tỉnh Đắk Lắk. Bối cảnh đó đòi hỏi phải có những đổi mới trong nhận thức, tư tưởng về giáo dục pháp luật cho người dân; biết tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm tiên bộ của một số nước, rút ra bài học kinh nghiệm và tìm hướng đi phù hợp nhất với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

#### ***4.1.4. Định hướng phát triển vùng Tây Nguyên và tỉnh Đắk Lắk và vấn đề đặt ra đối với giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk***

*Một là*, định hướng phát triển vùng kinh tế Tây Nguyên và tỉnh Đắk Lắk đòi hỏi hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải được đặt trong tổng thể các giải pháp đổi mới giáo dục pháp luật cho người dân nói chung, giải quyết trong mối quan hệ và liên kết với vùng Tây Nguyên nói chung.

*Hai là*, sự ổn định và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số là nhân tố quan trọng bảo đảm sự ổn định và phát triển của toàn vùng và là cơ sở để xây dựng,

củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Vì vậy, cần phải có quan điểm, chính sách, giải pháp đúng đắn để đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh; đồng thời phải có chính sách đầu tư thoả đáng cho hoạt động giáo dục pháp luật; coi trọng tính đặc thù, đặc điểm, tâm lý, phong tục, tập quán dân tộc khi xây dựng các đề án, chương trình giáo dục pháp luật cho người dân trong tỉnh nhằm giúp người dân dễ dàng tiếp cận tri thức pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển khu vực Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng trong giai đoạn mới. Tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn; bảo đảm cho tất cả các xã, buôn làng có đường giao thông đi lại cả hai mùa, có điện, hệ thống cấp nước, trường học, trạm xá, bưu điện văn hóa và các cơ sở dịch vụ sản xuất thiết yếu tạo cơ sở thuận lợi cho hoạt động giáo dục pháp luật và các hoạt động văn hoá xã hội khác của người dân..

#### ***4.1.5. Hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải được thực hiện theo chủ trương xã hội hoá giáo dục pháp luật của nhà nước***

Xã hội hoá hoạt động giáo dục pháp luật đòi hỏi sự chuyển hoá hoạt động này từ một số cơ quan, đơn vị, tổ chức chuyên môn sang thành hoạt động của toàn dân; hay nói cách khác là sự chuyển hoá hoạt động này từ tính chất cá nhân sang tính chất xã hội. Mục tiêu xã hội hoá hoạt động giáo dục pháp luật nhằm huy động mọi nguồn lực về người, kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động này đạt được hiệu quả tối ưu. Đặc biệt đối với hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk, một tỉnh có nhiều nét đặc thù về tự nhiên và xã hội như đã phân tích trên đây thì chỉ có xã hội hoá hoạt động giáo dục pháp luật, coi hoạt động này là nhiệm vụ chung của toàn dân thì hiệu quả mới đạt được như mong muốn

Thực hiện xã hội hoá giáo dục pháp luật, Nhà nước cần giữ vai trò trung tâm, có chính sách thu hút các nguồn lực về người và thu hút các nguồn kinh phí trong nhân dân để tham gia hoạt động này; Đối với nguồn lực về người, ngoài các chủ thể giáo dục pháp luật truyền thống cần huy động lực lượng thanh niên tình nguyện đông đảo của tỉnh; lực lượng già làng trưởng buôn, người có uy tín trong các dòng họ; đặc biệt là các chủ doanh nghiệp, các chủ hộ kinh doanh, chủ trang trại cùng

tham gia hoạt động giáo dục pháp luật, với phương châm người có tri thức pháp luật ở lĩnh vực nào thì truyền tải kiến thức đó cho nhân dân; Đối với người dân có trách nhiệm chủ động tự học hỏi để tự trang bị cho mình kiến thức pháp luật phục vụ đời sống; ngoài ra có trách nhiệm chung với cộng đồng trong việc truyền tải kiến thức pháp luật mà mình có, chẳng hạn người biết nhiều truyền cho người biết ít; người biết ít truyền cho người chưa biết. Khi người dân đã tự giác tham gia hoạt động này thì nguồn kinh phí cũng sẽ được các chủ thể giáo dục pháp luật cân đối tự huy động một cách hợp lý theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng có lợi.

#### **4.2. Quan điểm tăng cường giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

##### ***4.2.1. Giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk cần gắn kết để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh đối với khu vực Tây Nguyên và tỉnh Đắk Lắk***

Quán triệt và thực hiện đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục pháp luật, Gắn hoạt động giáo dục pháp luật với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh khu vực Tây Nguyên và tỉnh Đắk Lắk cũng như thực hiện chủ trương, chính sách, quy định pháp luật gắn với phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm sự gắn kết giữa công tác xây dựng pháp luật với tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật; giữa phạm vi tác động, điều chỉnh của pháp luật với tác động, điều chỉnh của các quy phạm xã hội khác mà trọng tâm là luật tục bản địa (Ê Đê, M'ông).

##### ***4.2.2. Đa dạng hóa các hình thức giáo dục pháp luật, kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức, luật tục, giáo dục gia đình, nhà trường và cộng đồng***

Giáo dục pháp luật là hoạt động giáo dục toàn diện, có tính hệ thống vì thế phải được kết hợp và thực hiện một cách đồng bộ với nhiều hình thức, phối hợp với giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống để hình thành nhân cách; để xây dựng và hình thành con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, qua đó góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát

triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Hơn nữa, con người sinh ra trong môi trường cùng một lúc bị tác động chi phối bởi 03 môi trường gia đình, nhà trường và xã hội, vì thế cần quán triệt và thực hiện đầy đủ nguyên tắc này để bảo đảm tính hệ thống và toàn diện trong hoạt động giáo dục pháp luật, cũng như sự bổ khuyết cho nhau để kế thừa những thành tựu, ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế.

#### ***4.2.3. Dựa trên nhu cầu, phù hợp với đặc điểm cư dân, đặc thù địa bàn, trình độ dân trí của tỉnh Đắk Lắk.***

Do nguồn lực rất có hạn, cả về nhân lực, cơ sở vật chất, trong khi nhu cầu, mong muốn của người dân trong tỉnh và của xã hội là rất lớn. Vì vậy, hoạt động giáo dục pháp luật cần phải quán triệt và thực hiện nguyên tắc dựa trên nhu cầu, gắn với nhu cầu thực tế của người dân, phải có trọng tâm, trọng điểm, có nội dung phù hợp đặc điểm, trình độ dân trí của mỗi nhóm dân cư. Việc thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật cần phải tính đến sự tác động của các nhân tố khách quan và chủ quan, đồng thời gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương trong mối quan hệ với cả nước, có như vậy hoạt động giáo dục pháp luật mới thực sự thiết thực, cần thiết đối với mỗi người; mới tránh được sự lãng phí không cần thiết, cả về thời gian và tiền bạc, cả của chủ thể giáo dục và đối tượng giáo dục trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật.

Việc đổi mới giáo dục pháp luật phải phù hợp với điều kiện địa bàn, đối tượng cũng như các tác động ảnh hưởng, nhất là từ những phong tục tập quán, luật tục bản địa, với phương pháp khéo léo và phù hợp với trình độ hiểu biết của họ; có tính đến những điều kiện đặc thù, đến yêu cầu phát triển của tỉnh Đắk Lắk, kế thừa những thành tựu đã đạt được; khắc phục những tồn tại, hạn chế bất cập, dự báo và định hướng phát triển cho phù hợp với xu hướng vận động, phát triển của thực tiễn, bảo đảm tính khả thi.

#### ***4.2.4. Tham khảo kinh nghiệm các nước trong khu vực ASEAN và một số nước trên thế giới về giáo dục pháp luật cho người dân***

Đây là một quan điểm rất quan trọng trong quá trình đổi mới giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk. Quan điểm này đòi hỏi mọi thể chế, chính sách về

phổ biến, giáo dục pháp luật khi được ban hành và đi vào điều chỉnh xã hội phải xuất phát từ thực tiễn và dựa trên cơ sở nhu cầu, mong muốn của đông đảo nhân dân; lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn kiểm nghiệm tính đúng đắn và mức độ phù hợp của kế hoạch. Quan điểm này đòi hỏi hoạt động giáo dục pháp luật phải bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn, giữa học với hành, giữa tri thức với kỹ năng, giữa quá khứ với hiện tại và tương lai để hình thành nên phẩm chất toàn diện của mỗi người sau khi được giáo dục. Ngoài ra, trong quá trình hội nhập, hoạt động giáo dục pháp luật của Việt Nam nói chung và giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk nói riêng cũng phải từng bước tiếp cận đến những chuẩn mực quốc tế, hòa cùng xu hướng phát triển của thời đại; tiếp cận những giá trị tiến bộ được nhân loại thừa nhận một cách có chọn lọc phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế Việt Nam; phải nắm bắt được thời cơ, xu hướng vận động, biến đổi trong mô hình giáo dục pháp luật của các nước trong khu vực ASEAN và một số nước khác về giáo dục pháp luật cho người dân để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp, tránh rơi vào sai lầm mà các nước đi trước đã trải qua và đã phải trả giá.

#### ***4.2.5. Xác định người dân đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số bản địa, và người dân nhập cư sinh sống trên địa bàn tỉnh làm trung tâm khi xây dựng, thực hiện các chính sách và triển khai các hoạt động giáo dục pháp luật***

Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm và dài hạn khi được xây dựng cần phải bám sát nhu cầu giáo dục pháp luật của người dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là nhu cầu được tiếp nhận tri thức pháp luật của cư dân người dân tộc thiểu số bản địa, và cư dân nhập cư từ 2000 đến 2015 sống trên địa bàn tỉnh; dự liệu đầy đủ các nguồn lực và điều kiện bảo đảm cho tương xứng với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ được đề ra. Cần nghiên cứu xây dựng Kế hoạch theo hướng lấy đối tượng chính là hai nhóm người cần thụ hưởng tri thức pháp luật đã phân tích trên đây làm trung tâm, khuyến khích họ tham gia xây dựng, tổ chức thực thi các chương trình, kế hoạch cho hoạt động giáo dục pháp luật. Đồng thời tham gia tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đó, coi đó là công việc của chính mình chứ không phải



của người khác để từ đó đóng góp sức người, sức của cho hoạt động này, coi đây là công việc tự thân, hàng ngày của mỗi người dân.

Đặc biệt, cần hạn chế các rào cản, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tộc thiểu số bản địa được tham gia ngày càng đông đảo vào các công việc của Nhà nước và xã hội dưới các hình thức như: tham gia bầu, bãi miễn đại biểu dân cử, góp ý kiến vào các chính sách pháp luật nhà nước, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, góp ý kiến kiến nghị về việc làm trong sạch bộ máy cơ quan nhà nước. Trên thực tế hoạt động này đã được thực hiện ở buôn làng người dân tộc thiểu số bản địa trong thời gian qua, nhưng chủ yếu nặng về hình thức. Tham gia các hoạt động này, người dân tộc thiểu số bản địa có điều kiện tiếp cận với các tri thức pháp luật, tiếp cận với các cơ quan nhà nước. Trình độ hiểu biết xã hội của người dân tộc từ đó được nâng lên, nhận thức về tự nhiên, về xã hội, về pháp luật được mở rộng. Tư tưởng phụ thuộc thiên nhiên, phụ thuộc thần linh của người dân tộc cũng từ đó được bài trừ. Tư tưởng mới tiến bộ xuất hiện trở thành thói quen ứng xử hàng ngày của người dân tộc. Đó là môi trường hình thành nên các quy định mới tiến bộ trong luật tục. Tuy nhiên, cần lưu ý các hình thức, phương thức giáo dục pháp luật tác động lên nhận thức của người dân Đăk Lăk cần phải được thực hiện theo một trật tự quy định của pháp luật, không quyết liệt ồn ào và luôn phải xác định là quá trình lâu dài bền bỉ, tránh áp đặt làm phát sinh tâm lý đối phó pháp luật trong người dân.

#### ***4.2.6. Gắn kết giữa giáo dục pháp luật và giáo dục luật tục bản địa (Ê Đê, M'ông)***

Đây là một trong những quan điểm rất quan trọng phải được quán triệt, thực hiện đầy đủ trong quá trình đổi mới giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đăk Lăk cả hiện nay và lâu dài vì không giải quyết tốt mối quan hệ này sẽ rất khó để gắn kết người dân tộc thiểu số bản địa vào đời sống Nhà nước và pháp luật. Quan điểm này xuất phát từ yêu cầu của việc phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa sự điều chỉnh của pháp luật với quá trình điều chỉnh của luật tục bản địa trong đời sống người dân trong tỉnh thời gian qua. Sau năm 1975, khi Nhà nước tuyên bố thực hiện quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật, có ý kiến cho rằng luật tục chỉ còn là một giá trị văn hóa dân gian của thời quá khứ, không còn giá trị ứng dụng trong đời sống, trong quản lý xã hội

của cộng đồng người dân tộc thiểu số bản địa. Vì thế, trong xã hội mới, luật tục phải lùi về quá khứ nhường chỗ cho pháp luật nhà nước trong việc điều chỉnh mọi hành vi của cộng đồng người bản địa! Đã có ý kiến đặt tên cho loại quan điểm này là quan điểm “pháp luật hóa Tây Nguyên”, thể hiện một cách nhìn thiếu chính xác và phiến diện trong tư duy chính trị về quản lý xã hội trong giai đoạn đầu mới giải phóng Tây Nguyên. Trên thực tế, luật tục vẫn tồn tại với tính hợp lý riêng của nó trong quản lý điều hành xã hội đối với cộng đồng các dân tộc thiểu số ở nơi đây; vẫn có chỗ đứng bên cạnh pháp luật, cùng với pháp luật và các quy phạm xã hội khác, duy trì sự ổn định trong đời sống của các tộc người ở đây. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy luật tục chỉ là công cụ hỗ trợ cho pháp luật, không thể đảm nhận vai trò chủ đạo trong việc tạo nên các quy tắc ứng xử trong xã hội hiện đại, bởi lẽ trong đời sống hiện đại nhiều quan hệ xã hội mới phát sinh đã vượt qua khỏi giới hạn của những phong tục, tập quán của dân tộc thiểu số bản địa, khi đó luật tục tỏ rõ sự hạn chế, không đủ khả năng điều chỉnh xã hội trong điều kiện mới; đó là lúc pháp luật thể hiện vai trò chính trong quản lý nhà nước mà luật tục chỉ là công cụ hỗ trợ mà thôi. Trong hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đăk Lăk cần nhất quán quan điểm pháp luật giữ vai trò chủ đạo trong quản lý, điều hành xã hội, đồng thời tôn trọng, ghi nhận và kế thừa giá trị tiến bộ của luật tục bản địa. Tổ chức tốt hoạt động giáo dục pháp luật, kết hợp với giáo dục các tri thức tiến bộ của luật tục bản địa; pháp luật sau khi ban hành và có hiệu lực phải được thực hiện trên thực tế, tuy nhiên, tự bản thân nó, pháp luật không thể tự đi vào cuộc sống. Mặt khác, cũng có những quy định của pháp luật người dân không thể tự thực hiện được hoặc không tự giác thực hiện, vì vậy, Nhà nước phải chủ động tổ chức đưa pháp luật vào đời sống của người dân bằng các hoạt động giáo dục pháp luật thiết thực; chủ động tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho họ khi thực hiện pháp luật. Khi cần thiết có thể hỗ trợ giúp đỡ cư dân người dân tộc thiểu số bản địa về vật chất hoặc nhân lực, bảo đảm cho các văn bản pháp luật của Nhà nước ta đã ban hành được thực thi nghiêm túc. Để pháp luật được thực hiện nghiêm túc trong cộng đồng người dân tộc thiểu số bản địa, một trong những biện pháp cơ bản có tầm quan trọng hàng đầu là phải phối

hợp với việc thực thi các quy định tiên bộ của luật tục, đó là thực hiện bằng biện pháp giáo dục, thuyết phục là chính; biết phối hợp biện pháp giáo dục, thuyết phục với các biện pháp cần thiết của pháp luật; ngay cả khi áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số bản địa cũng cần phải lưu ý tính giáo dục cải tạo của biện pháp cần áp dụng. Hạn chế tối đa các biện pháp cưỡng chế tước đoạt mạng sống con người, vì trong luật tục bản địa chưa bao giờ áp dụng biện pháp này kể cả với tội ác giết người dã man. Tóm lại việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số bản địa, phải thực hiện sao cho người vi phạm pháp luật nhận rõ được lỗi lầm sai phạm của mình và có hướng phấn đấu sửa chữa. Người không vi phạm lấy đó làm bài học để phòng tránh bản thân vi phạm pháp luật.

#### **4.3 Các giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk**

##### ***4.3.1. Nâng cao nhận thức lý luận và tổng kết thực tiễn về giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk***

*Một là*, tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, quán triệt, phổ biến để nâng cao nhận thức các vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật nói chung, cho người dân tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Từ đó, nâng cao ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị mà trước hết và chủ yếu là các cơ quan nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trong việc triển khai, tổ chức thực hiện trách nhiệm được giao trong hoạt động giáo dục pháp luật.

*Hai là*, tăng cường các hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk; nâng tầm vị trí, vai trò của pháp luật trong quản lý Nhà nước và xã hội cũng như trong điều chỉnh các mối quan hệ xã hội để thay đổi cách nghĩ, góc nhìn về pháp luật và vai trò của giáo dục pháp luật. Muốn vậy, cần nghiên cứu, tìm hiểu về tâm tư, tình cảm, thái độ của người dân đối với pháp luật để xem họ hiểu về pháp luật như thế nào? Pháp luật có vai trò gì trong cuộc sống hàng ngày của họ?... Đây là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực, bởi lẽ hiện nay phần lớn cư dân bản địa trong tỉnh thường quan niệm rằng “pháp luật” là những mệnh lệnh, khuôn mẫu cứng nhắc mà bất cứ ai không phân biệt đều có nghĩa vụ phải tuân thủ, pháp

luật là hình phạt, là công cụ để cai trị, để trừng trị hành vi vi phạm, một số người khác thì cho rằng, pháp luật chỉ là công cụ để giải quyết các tranh chấp, xung đột. Thực tiễn cho thấy, người dân thường chỉ quan tâm tới pháp luật khi họ thực hiện các quyền, nghĩa vụ pháp lý được pháp luật quy định bằng các thủ tục hành chính hoặc khi quyền và lợi ích của họ bị xâm hại hoặc đe dọa xâm hại, hoặc khi họ được các cơ quan, tổ chức yêu cầu phải tham gia vào các vụ việc cụ thể có liên quan tới pháp luật (bị kiện cáo, có quyền lợi tranh chấp, bị áp dụng các biện pháp phạt, bị cưỡng chế...). Bởi vậy, thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật cần phân tích và thuyết phục để mỗi người dân hiểu được rằng, pháp luật không phải chỉ là công cụ trấn áp, cai trị, gắn với cưỡng chế, bắt buộc thi hành hoặc là biện pháp giải quyết tranh chấp mà còn là phương tiện, công cụ để bảo vệ mỗi người khỏi mọi áp bức, bất công; là công cụ thể ghi nhận và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; giúp họ phòng ngừa rủi ro, khuyến khích các giao dịch lành mạnh giữa các thành viên trong xã hội vì sự phát triển và bảo đảm trật tự ổn định. Chính nhờ công cụ pháp luật mà xã hội được duy trì trong vòng trật tự, trong ổn định và thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển ổn định, bền vững...

*Ba là*, tăng cường hoạt động giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức của người dân tỉnh Đắk Lắk về vị trí, vai trò, ý nghĩa của hoạt động này; phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể đặc biệt là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động giáo dục pháp luật. Đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng, đòi hỏi mỗi cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể, mỗi cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở từng địa phương phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, phải có sự quan tâm và chỉ đạo thường xuyên từ việc xác định nhu cầu, đến xây dựng chương trình, kế hoạch và đề ra những giải pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả, tránh hiện tượng nói mà không làm, đưa ra khẩu hiệu rồi phó mặc cho cán bộ chuyên môn hoặc các ngành đoàn thể tự triển khai. Khi đã có sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của cấp uỷ, chính quyền, sự vào cuộc của các đoàn thể xã hội thì hoạt động giáo dục pháp luật sẽ được thực hiện có hiệu quả nền nếp, đồng thời luôn nhận được sự tham gia ủng hộ tích cực của các ban,

ngành đoàn thể, các tầng lớp nhân dân đối với hoạt động này. Đây cũng là hoạt động đóng vai trò quan trọng để giữ vững ổn định tình hình an ninh trật tự ở chính địa phương.

*Bốn là*, tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động giáo dục pháp luật, kịp thời đưa các tri thức pháp luật, các chính sách pháp luật mới được ban hành đi vào cuộc sống người dân, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ngành Tư pháp cần nâng cao hơn nữa trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước; phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể, địa phương nghiên cứu, tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp. Các ngành, đoàn thể, địa phương tiếp tục rà soát và triển khai thực hiện nghiêm túc trách nhiệm được giao theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, cũng như các Chương trình, Đề án về PBGDPL do ngành, đoàn thể chủ trì thực hiện; kế thừa, phát huy những quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn; kịp thời phát hiện vướng mắc, bất cập, những vấn đề mới phát sinh đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế. Đặc biệt, cần thiết phải gắn kết chặt chẽ hơn giữa hoạt động giáo dục pháp luật với công tác xây dựng, thực thi và bảo vệ pháp luật, chú trọng tuyên truyền, phổ biến định hướng về chính sách ngay từ khâu đầu tiên của quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách. Tiếp tục đổi mới cách thức biên soạn, nâng cao chất lượng các đề cương tuyên truyền, phổ biến giới thiệu các văn bản luật mới ban hành phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn, vùng miền; chú trọng phân tích, đánh giá những vấn đề thuộc về mục tiêu, chính sách; ý nghĩa của các quy định mới; các điều kiện bảo đảm tổ chức thực hiện; trách nhiệm tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; những tác động, hiệu quả thực tế mà chính sách mới mang lại. Nâng cao chất lượng các báo cáo đánh giá tác động của văn bản, gắn với việc lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, bảo đảm thực chất, tránh hình thức để tạo sự đồng thuận cao trong xã hội trong quá trình tổ chức thực thi; kịp thời nắm bắt phản ứng của dư luận xã hội để có giải pháp định hướng dư luận cho phù hợp.

*Năm là*, tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để đánh giá, phân tích, nhận diện một cách sâu sắc, đầy đủ, toàn diện và có hệ thống các vấn đề có liên quan đến giáo dục pháp luật, nhất là đối với người dân tỉnh Đắk Lắk để có được cái nhìn khách quan, toàn diện và có hệ thống, từ đó đưa ra các giải pháp tháo gỡ, xử lý phù hợp, bảo đảm tính khả thi. Tổng kết thực tiễn công tác giáo dục pháp luật cho người dân trong tỉnh thời gian qua để rút ra những bài học kinh nghiệm; kế thừa những thành tựu, kết quả đạt được; khắc phục những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; đề ra giải pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời. Tăng cường hoạt động giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, trình độ, dân trí pháp lý cho cư dân người dân tộc thiểu số bản địa để thấy được vị trí, vai trò và ý nghĩa của pháp luật trong quản lý nhà nước và xã hội cũng như trong bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ, để từ đó người dân thấy tin yêu pháp luật, coi pháp luật như là công cụ bảo vệ mình mỗi khi tham gia vào đời sống pháp luật.

#### ***4.3.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk***

*Một là*, tiếp tục nghiên cứu, tổng kết 03 năm triển khai thực hiện Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành để đánh giá toàn diện thực trạng thể chế, chính sách về giáo dục pháp luật cho người dân trong tỉnh, nhất là cho người dân tộc thiểu số bản địa để từ đó đề xuất, hoàn thiện thể chế, chính sách về PBGDPL dành riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số ngoài những quy định chung (giải quyết sự tương đồng và khác biệt giữa các nhóm đối tượng, địa bàn, vùng miền). Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách về PBGDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số, cho vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

*Hai là*, tiếp tục nghiên cứu, đổi mới hoạt động giáo dục pháp luật cho nhóm đối tượng đặc thù, trong đó có người dân tộc thiểu số bản địa; làm mềm các quy định của pháp luật trong mối quan hệ với những chuẩn mực, quy tắc được thể hiện trong luật tục để đồng bào dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng. Do hệ thống pháp luật Việt Nam khá đồ sộ, nội dung phong phú, đa dạng, có tính khái quát cao, ngôn

ngữ chuyên môn hiện đại nên chưa phù hợp với nhận thức của người dân tộc thiểu số bản địa. Vì vậy, cần có những hướng dẫn, định hướng cả về ngôn ngữ, ý thức, nhận thức trong các văn bản hướng dẫn cho phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số bản địa ở tỉnh Đắk Lắk. Cần xác định rõ phạm vi các quan hệ xã hội được điều chỉnh bằng luật tục bản địa, chẳng hạn quan hệ xã hội nào phải điều chỉnh bằng pháp luật để bảo đảm nguyên tắc một hành vi vi phạm pháp luật của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa chỉ phải chịu một loại hình phạt (không duy trì tình trạng vừa chịu cưỡng chế của pháp luật, vừa chịu hình phạt vật chất của luật tục). Cần có các văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật cũng như kỹ năng, nghiệp vụ áp dụng pháp luật dành riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số bản địa. Trong tài liệu đó, cần lồng các quy định tiến bộ của luật tục vào nội dung của điều luật; ghi nhận luật tục một cách có chọn lọc nhằm làm mềm dẻo điều luật đáp ứng tâm lý tôn trọng luật tục của đồng bào dân tộc thiểu số. Ví dụ, khi thực hiện truyền tải tri thức pháp luật liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong các quan hệ dân sự, có thể cho phép cư dân bản địa áp dụng tinh thần bồi thường theo luật tục nhưng phải khống chế về mức bồi thường ví dụ: Theo luật tục thì nếu anh A trộm của anh B một con trâu, anh A phải trả cho anh B ba con trâu (một con trước, một con sau và một con đền ngang giá). Trong trường hợp này, pháp luật có thể quy định buộc anh A phải đền cho anh B một con trâu ngang giá với con trâu anh A đã trộm của anh B và quy định anh B không được đòi bồi thường tiếp hai con trâu khác như quy định của luật tục. Như vậy, ở đây cái cần phân tích để người dân hiểu là giữa luật tục và luật pháp đều có điểm chung khi quy định về trách nhiệm buộc anh A phải đền cho anh B một con trâu ngang giá với con trâu anh A đã trộm của anh B. Cái khác biệt là pháp luật không cho phép được phạt vạ, trong khi đó, luật tục lại cho phép phạt vạ và quy định này của luật tục sẽ không được Nhà nước thừa nhận. Hoặc trong lĩnh vực hình sự, hiện nay các tội giết người, cướp tài sản, trộm tài sản, cố ý gây thương tích, hiếp dâm được quy định trong luật tục đều đã được ghi nhận bằng pháp luật. Tuy nhiên, pháp luật vẫn chưa cho phép viện dẫn luật tục để xét xử nên tính thuyết phục của bản án đối với người dân bản địa chưa cao. Để khắc phục tình trạng này, có thể cho

phép viện dẫn các quy định tiến bộ của luật tục bản địa đã được pháp luật ghi nhận để xét xử những hành vi phạm tội của người bản địa (chỉ viện dẫn luật tục để định tội). Riêng hình phạt cần quy định cụ thể người bản địa khi phạm tội chỉ phải chịu một loại hình phạt theo quy định của pháp luật, không phải chịu hình phạt theo luật tục. Trừ các quy định làm nghĩa vụ đối với người chết theo niềm tin tâm linh và không ảnh hưởng quá nhiều đến kinh tế. Đối với lĩnh vực hôn nhân và gia đình, pháp luật cần ghi nhận cụ thể, chi tiết chế độ hôn nhân một vợ, một chồng, khuyến khích chế độ gia đình đoàn kết, thân ái, chịu trách nhiệm về các hành vi của nhau trong luật tục, cho phép áp dụng một cách có chọn lọc các quy định này vào quá trình giải quyết việc hôn nhân và gia đình ở Tòa án để người dân tộc thấy được tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, luật tục của dân tộc họ cũng được tôn trọng và bảo vệ.

*Ba là*, cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật khi có xung đột giữa các quy định của pháp luật với luật tục bản địa theo hướng ưu tiên áp dụng pháp luật nhưng phải phù hợp với đặc điểm tâm lý của người dân, có tính đến lợi ích, nguyện vọng và mong muốn của họ nếu không làm ảnh hưởng đến trật tự chung và lợi ích của chủ thể khác. Đối với các quy định gắn với bài trừ các phong tục, tập quán lạc hậu trong luật tục phải hết sức thận trọng, phải làm từng bước, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm theo phương châm “mưa dầm thấm lâu”; thực hiện theo một quy trình chọn lọc từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp, kết hợp hài hòa hoạt động giáo dục pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật với việc làm hình thành các phong tục tập quán tiến bộ mới thay thế cho phong tục tập quán cũ lạc hậu trong luật tục bản địa.

*Bốn là*, tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo để con em dân tộc thiểu số bản địa hình thành thói quen đến trường, có nhu cầu say mê học tập, có thói quen tư duy lao động theo hướng sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu kinh tế thị trường - Đây là yếu tố cần phải sử dụng sự trợ giúp của luật tục. Trong luật tục ghi nhận chế độ kinh tế tự cung, tự cấp nên hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số chỉ dừng ở mức lao động để có thức ăn vật dùng đáp ứng nhu cầu cuộc



sống hàng ngày, vì thế, nếu Nhà nước có cơ chế giáo dục pháp luật, tổ chức thực hiện tốt pháp luật trong đồng bào dân tộc thiểu số, hình thành được trong ý thức của họ nhu cầu học tập, lao động, sáng tạo để làm ra nhiều của cải vật chất, làm giàu cho bản thân, cho xã hội thì tư tưởng này nhanh chóng được ghi nhận trong luật tục. Khi đó, nó sẽ có giá trị thực tiễn và giá trị áp dụng rất lớn đối với đời sống của đồng bào dân tộc bản địa trong tỉnh, thậm chí có sức nặng hơn nhiều lần so với pháp luật. Như vậy, việc giáo dục pháp luật, nâng cao đời sống kinh tế, đời sống văn hóa, xã hội cho người dân bản địa đồng nghĩa với việc xây dựng luật tục theo định hướng và mục tiêu chung của nhà nước.

#### **4.3.3. Xã hội hoá hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk**

*Một là*, các tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là hệ thống chính trị ở cơ sở, phải thực sự trở thành chủ thể giáo dục pháp luật nòng cốt cho người dân Đắk Lắk, phải là chỗ dựa tinh thần cho người dân trong đời sống hàng ngày. Kiên trì chịu đựng gian khổ bám buôn, bám làng, sống chung với người dân, hăng say lao động, cống hiến tài năng sức lực, mang tri thức khoa học, công nghệ, tri thức pháp luật đến với người dân, hiểu lòng dân, giúp dân, dân mới tin, mới yêu, mới phục và tự giác thực hiện các bổn phận và nghĩa vụ với cộng đồng, với nhà nước.

*Hai là*, tiếp tục củng cố, kiện toàn Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật các cấp. Các cơ quan, đơn vị cử đại diện tham gia Hội đồng phối hợp PBGDPL cần cân nhắc lựa chọn thành viên cho phù hợp, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ cơ quan và nhiệm vụ Hội đồng giao. Thành viên tham gia Hội đồng chính là đại diện cơ quan, tổ chức mà mình là thành viên. Khi tham gia, thành viên Hội đồng PBGDPL phải thể hiện chính kiến, quan điểm của cơ quan, tổ chức mình chứ không phải nhân danh cá nhân mình. Sớm ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, đồng thời thống nhất về thành phần hội đồng các cấp, trách nhiệm từng thành viên để phát huy tính chủ động, vai trò, trách nhiệm của từng thành viên trong hoạt động này được triển khai nhịp nhàng, liên tục và hiệu quả, tạo ra môi trường thuận lợi để các thành viên thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

*Bà là*, đối với lực lượng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội nói chung là lực lượng vừa là đối tượng vừa là chủ thể của hoạt động giáo dục pháp luật ngoài các năng lực, trình độ chuyên môn để phục vụ công việc theo nghề nghiệp còn phải am hiểu ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa; đồng thời am hiểu phong tục, tập quán, luật tục, lối sống, tâm lý xã hội, thói quen, cách nghĩ, nếp làm của người dân nơi đây; phải cùng sống, cùng sinh hoạt, cùng lao động với người bản địa trong một thời gian nhất định, vừa thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật, vừa kết hợp tạo ra các mô hình kinh tế mẫu cho đồng bào dân tộc thiểu số để phát huy tinh thần nêu gương sáng cho đồng bào nơi theo như: mô hình kinh tế trang trại, kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình... Đặc biệt lực lượng tuyên truyền này phải thể hiện được tính tiên phong, gương mẫu, phải tạo được niềm tin cho người dân tộc vào cuộc sống mới và phải thực sự là chỗ dựa tinh thần cho họ. Muốn thực hiện được điều này, các cơ quan nhà nước khi cử cán bộ xuống nằm vùng tại buôn làng người dân tộc thiểu số phải lựa chọn các cán bộ có tư cách đạo đức tốt, có ý tưởng sáng tạo trong công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục quần chúng. Mặt khác, khi chọn cán bộ tuyên truyền phải chọn lọc những hạt nhân có tư duy năng động với nền kinh tế thị trường để khi những người này vào thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật tại các buôn làng người dân tộc thiểu số bản địa và thôn của người nhập cư xa xôi, họ phải trở thành những điểm sáng trong xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người dân. Họ phải vừa là lực lượng bảo vệ các quy định tiến bộ, bài trừ các quy định phản tiến bộ trong luật tục bản địa, vừa là người đại diện cho tri thức luật pháp hiện đại và đại diện cho công bằng, công lý.

*Bốn là*, tăng cường vai trò của đội ngũ già làng, trưởng thôn, những người có uy tín trong dòng họ, các chức sắc tôn giáo... trong hoạt động giáo dục pháp luật; biến họ trở thành những điểm sáng trong công cuộc vận động, giáo dục đồng bào dân tộc thiểu số học tập tri thức pháp luật, ứng xử theo nếp sống văn minh, tiến bộ, từng bước xóa bỏ các tập tục lạc hậu, mê tín, dị đoan của luật tục bản địa; tuân thủ, chấp hành pháp luật. Khai thác triệt để thế mạnh của lực lượng cán bộ, công chức

người dân tộc thiểu số từ nguồn tại chỗ, biến họ trở thành hạt nhân tuyên truyền, giáo dục pháp luật, thành ngọn đuốc thấp sáng xua tan màn đêm của lực lượng siêu nhiên, bí hiểm trong tư tưởng của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa. Đối với các già làng, trưởng buôn - những người tiên phong trong việc thi hành luật tục và pháp luật, Nhà nước cần có chính sách đãi ngộ, ưu đãi hợp lý để họ hoạt động để gắn kết dân với bản, với buôn làng, với chính quyền Nhà nước. Cần có giải pháp để cử đội ngũ này tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng giáo dục pháp luật cần thiết đủ để phục vụ cho yêu cầu công tác; tăng cường các giải pháp để tạo điều kiện cho họ được giao lưu với các trưởng buôn làng khác, với người Kinh, với đại diện chính quyền địa phương và giao lưu giữa các trưởng buôn với nhau để học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tạo cơ hội để họ thâm nhập cuộc sống mới và tiếp cận với các văn bản pháp luật, khai thác triệt để ảnh hưởng tích cực của họ đối với các thành viên trong cộng đồng người dân tộc thiểu số. Đối với nhóm đối tượng này, cần thiết phải xây dựng và hình thành mối quan hệ giữa tư duy luật tục của họ với tư duy pháp luật để họ thực sự trở thành cầu nối giữa pháp luật và luật tục; giữa đời sống của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong tỉnh với đời sống chính trị - xã hội của tỉnh và của đất nước. Ngoài ra, cũng cần phải biết phát huy vai trò tích cực của các trưởng buôn trong tổ chức thực hiện pháp luật và luật tục; có cơ chế khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với các trưởng buôn có nhiều thành tích trong công tác giáo dục pháp luật.

*Năm là*, Củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở cơ sở, nhất là trong đội ngũ cán bộ cấp cơ sở có các già làng, trưởng bản, Tổ trưởng tổ hòa giải, những người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Có giải pháp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc mà họ đảm nhận theo hướng cầm tay chỉ việc. Phân định rõ trách nhiệm, tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể trong hoạt động giáo dục pháp luật, lồng ghép hoạt động này với các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, trong quá trình thực thi các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động văn hóa để tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trùng lặp trong sử dụng các nguồn lực;

*Sáu là*, huy động lực lượng thanh niên tình nguyện đông đảo ở các trường đại học, các trường trung cấp trên địa bàn tỉnh tham gia vào hoạt động giáo dục pháp luật trong các hình thức giáo dục pháp luật trực tiếp tại cơ sở và hình thức lồng ghép hoạt động giáo dục pháp luật vào các hoạt động văn hoá, lễ hội của người dân; tận dụng tối đa tri thức khoa học, tri thức pháp luật đời sống, và nhiệt huyết tuổi trẻ của đối tượng này; động viên khích lệ để lực lượng hùng hậu này trở thành hạt nhân biến các hoạt động văn hoá, lễ hội của người dân trở thành cội nguồn của sự đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau, người bản địa tôn trọng tri thức pháp luật, người nhập cư tôn trọng tri thức tiên bộ của luật tục.

*Bảy là*, có cơ chế thu hút các chủ hộ kinh doanh, các chủ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cùng tham gia hoạt động giáo dục pháp luật, tận dụng nguồn tài chính, tri thức pháp luật kinh doanh, tri thức pháp luật đời sống và tri thức luật tục bản địa trong đối tượng này; coi hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk không chỉ là trách nhiệm của nhà nước mà còn là quyền lợi và nghĩa vụ của toàn dân; biến hoạt động này trở thành hoạt động tương trợ lẫn nhau giữa người biết nhiều chia sẻ kiến thức cho người biết ít; giữa người am hiểu kiến thức pháp luật ở lĩnh vực này trao đổi với người am hiểu kiến thức pháp luật ở lĩnh vực khác và ngược lại.

#### ***4.3.4. Đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho người dân Đắk Lắk***

*Một là*, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp triển khai hoạt động giáo dục pháp luật sát với nhu cầu, đặc điểm của các nhóm đối tượng, từng địa bàn, vùng miền, địa phương, có trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên, liên tục; chú trọng các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận. Việc lựa chọn thời điểm triển khai các hoạt động giáo dục pháp luật cần tránh những thời điểm người dân thu hoạch mùa màng trừ hình thức cử cán bộ và thanh niên tình nguyện trực tiếp xuống cơ sở tham gia lao động sản xuất cùng với người dân. Tăng cường các hoạt động lồng ghép giáo dục pháp luật trong quá trình tổ chức các lễ hội, các hoạt động sinh hoạt văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Gắn

kết giữa giáo dục pháp luật với các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận phát động như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, lồng ghép và đưa các nội dung về xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; từ bỏ các tục lệ lạc hậu... vào cuộc vận động. Thực hiện việc xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước cộng đồng, nhằm từng bước vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hoá, xóa bỏ các quy định của luật tục lạc hậu, mê tín, dị đoan...

*Hai là*, tăng cường các đợt trợ giúp pháp lý lưu động, thường xuyên cử công chức xuống cơ sở thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật; tổ chức các buổi xét xử lưu động đối với những vụ việc nổi cộm tại địa bàn cơ sở; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục pháp luật với giáo dục luật tục, các phong tục, tập quán tốt đẹp của cư dân người dân tộc thiểu số bản địa trong tỉnh. Các hoạt động giáo dục pháp luật như: trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật và hoà giải ở cơ sở phải có mối quan hệ mật thiết hỗ trợ cho nhau trong việc xây dựng ý thức pháp luật, tăng cường sự hiểu biết pháp luật, khuyến khích thói quen ứng xử xã hội bằng pháp luật trong nhân dân;

*Ba là*, lựa chọn nội dung pháp luật thực định phải có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng loại đối tượng và bám sát nhiệm vụ chính trị phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội trong tỉnh. Có thể tập trung theo thời gian hoặc không gian, ví dụ như theo không gian: Những địa bàn xảy ra các loại tội phạm về ma túy, tệ nạn xã hội cần gắn vào đó việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy, về hiểm hoạ của ma túy đối với cuộc sống... Theo thời gian, cần tuyên truyền, giáo dục pháp luật gắn với thời điểm, có thể gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương hoặc của Đảng bộ, ví dụ thời điểm sắp diễn ra bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, có thể chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng báo chí để tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu những nội dung cơ bản của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp, các quyền và nghĩa vụ của cử tri cũng như những lợi ích thiết thân đối với người dân mà việc bầu cử mang lại...

*Bốn là*, kiên trì bền bỉ thực hiện hoạt động truyền tải tri thức pháp luật đời sống và tri thức luật tục tiến bộ cho người dân; coi đây là một trong những nội dung giáo dục pháp luật quan trọng cần phải được ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn có đặc thù dân cư hỗn hợp và đa dân tộc như Đắk Lắk; tận dụng mọi nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung giáo dục pháp luật này với mục tiêu hài hoà mối quan hệ giữa tri thức pháp luật và tri thức tiến bộ của luật tục bản địa, giải quyết hợp lý xung đột giữa pháp luật và luật tục bản địa.

#### ***4.3.5. Tăng cường nguồn lực bảo đảm thực hiện tốt hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk***

*Một là*, Bảo đảm điều kiện về nguồn nhân lực, kinh phí cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục pháp luật tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, nhất là tại các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách chi cho hoạt động giáo dục pháp luật cho nhóm đối tượng đặc thù. Các ngành, các cấp cần quan tâm bố trí hợp lý kinh phí, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực cho hoạt động giáo dục pháp luật tương xứng với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, đãi ngộ lực lượng tham gia hoạt động giáo dục pháp luật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác có hiệu quả các văn bản pháp luật cập nhật, lưu trữ trên mạng tin học của Chính phủ, mạng Internet; xây dựng và đưa vào sử dụng rộng rãi các cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử; sử dụng có hiệu quả mạng lưới truyền thanh cơ sở, các cơ quan báo chí, truyền thông để đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tới đây. Khai thác, tận dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.

*Hai là*, trong hoạt động giáo dục pháp luật cần tận dụng tối đa đội ngũ thanh niên tình nguyện của tỉnh, đề cao vai trò, uy tín của các già làng, trưởng thôn, cán bộ hoà giải cơ sở, những người có uy tín trong các dòng họ, đặc biệt là những người làm kinh tế giỏi, các chủ doanh nghiệp, các chủ hộ kinh doanh; có cơ chế thu hút họ tham gia hoạt động giáo dục pháp luật, tạo nên lực lượng chủ thể giáo dục pháp luật hùng hậu; khai thác tiềm năng tri thức khoa học công nghệ, tri thức pháp luật, tri thức luật tục, các

tri thức đời sống và nguồn tài chính của các đối tượng này phục vụ cho hoạt động giáo dục pháp luật; đưa họ vào dòng chảy của hoạt động giáo dục pháp luật của toàn xã hội.

*Ba là*, cần quan tâm đến những vấn đề có tính chiến lược, lâu dài, như: Nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật về trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật; tiếp tục đổi mới hình thức giáo dục pháp luật theo hướng đa dạng hoá, áp dụng nhiều hình giáo dục pháp luật trên cùng một địa bàn trên cơ sở phân loại theo các đối tượng khác nhau; chú trọng hình thức giáo dục pháp luật trực tiếp tại cơ sở; tích cực đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động giáo dục pháp luật, coi hoạt động giáo dục pháp luật không chỉ là nhiệm vụ của một số đơn vị, tổ chức nhà nước mà là nhiệm vụ của toàn dân; từng bước làm thay đổi tư duy nhận thức về hoạt động giáo dục pháp luật và việc học tập tri thức pháp luật của cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

#### ***4.3.6. Thay đổi phương thức giáo dục pháp luật cho người dân, có chính sách hợp lý về đất đai cho người bản địa***

*Một là*, cơ cấu lại dân cư, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh; thay bằng chính sách đưa đồng dân tộc thiểu số bản địa từ buôn làng, từ rừng ra sống với người nhập cư thành đưa người nhập cư vào sinh sống cùng với người dân tộc thiểu số bản địa; lập các làng người nhập cư bao quanh khu vực buôn của người dân tộc bản địa, tạo ảnh hưởng lẫn nhau giữa người nhập cư và người bản địa để hỗ trợ cho nhau cùng phát triển. Khi thực hiện giải pháp này, làng người nhập cư phải tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc không phá vỡ mô hình buôn của người dân tộc bản địa, nghĩa là làng người nhập cư được lập ở một khoảng cách nhất định không được quá gần buôn của người bản địa, không sinh hoạt chung bến nước, không xâm nhập nương rẫy của người dân tộc thiểu số bản địa...Giải pháp này tác giả rút ra được trong chuyến khảo sát thực tế ở buôn Tuor xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột (là một buôn dân cư nguyên thủy của người ÊĐê, cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột 10 km về phía nam) vào tháng 04/2015. Hiện nay trong buôn vẫn còn nguyên dạng cây đa, bến nước của người ÊĐê và vẫn còn những *Sadrông* (căn nhà dài) có nhiều thế hệ cùng sinh sống;

giữa các căn nhà dài trong buôn không có ranh giới cụ thể để phân chia lãnh thổ giữa nhà này và nhà khác. Điều hành trực tiếp trong buôn là ông Y Thút Byă, có sự phối hợp thường xuyên của ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột. Buôn Tuor hiện có 89 hộ gia đình và 515 nhân khẩu; các năm gần đây các tranh chấp dân sự xảy ra trong buôn đều do trưởng buôn xử lý theo luật tục ÊĐê, tôn trọng sự thỏa thuận giữa các bên. Hình thức phạt đền trong xử lý người vi phạm luật tục ÊĐê cũng được sửa đổi theo hướng của pháp luật, thấp hơn mức phạt của luật tục ÊĐê nguyên thủy. Ông Y Thút Byă cho biết: Trong Buôn không có người tham gia tổ chức Pul Rô, không tham gia biểu tình bạo loạn, không vượt biên trái phép và không có án giết người, cướp tài sản trong nhiều năm; 100% trẻ em trong buôn đều đến trường. Buôn có trường học cấp tiểu học, có giáo viên người kinh và có cả giáo viên người ÊĐê và đặc biệt là khoảng 95% dân trong buôn biết tiếng phổ thông, 69% dân trong buôn biết chữ và có ảnh hưởng của người nhập cư nên biết trồng lúa nước, biết lập trang trại chăn nuôi bò, heo (mặc dù chưa có trang trại lớn); trình độ dân trí của buôn Tuor là khá cao so với các buôn khác của người ÊĐê.

*Hai là*, giải quyết tốt vấn đề đất đai cho người dân tộc bản địa vì đây là vấn đề mang tính thời sự cấp bách hiện nay. Theo luật tục, đất đai Tây Nguyên là của người Tây Nguyên do PôLan (tức người phụ nữ) quản lý. Quan niệm này theo suốt cộng đồng người Tây Nguyên từ thế hệ này sang thế hệ khác. Cho đến nay, khi nhà nước ta đã là một quốc gia thống nhất, tự chủ, đang tiến tới một nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Nhà nước Việt Nam tuyên bố đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện quản lý. Một số người dân tỉnh Đắk Lắk vẫn chưa nhận thức được một cách thấu đáo vấn đề sở hữu đất đai theo luật đất đai hiện hành. Người dân tộc bản địa nơi đây quan niệm đất đai thuộc sở hữu chung của cộng đồng nên trong buôn làng của họ không tìm thấy ranh giới lãnh thổ giữa từng gia đình như người bản địa. Khi nhà nước có quy định cấp quyền sử dụng đất cho nhân dân trong cả nước, thì một số người thuộc các dân tộc thiểu số bản địa không ủng hộ chính sách này mà đòi quyền sở hữu đất đai theo luật tục dẫn đến tình trạng biểu tình đòi quyền sử dụng đất làm ảnh hưởng an ninh chung trên khu vực Tây Nguyên.



Đây là sự xung đột thực tế xảy ra giữa luật tục bản địa và pháp luật nhà nước trong lĩnh vực sở hữu đất đai. Để giải quyết tốt vấn đề này Nhà nước ta cần có chính sách quản lý đất đai hợp lý, với quan điểm nhất quán: đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện quản lý, tuy nhiên việc thực hiện chính sách quản lý này phải tế nhị và mềm dẻo. Đối với người dân tộc thiểu số bản địa việc cấp quyền sử dụng đất cần phối hợp với việc thừa nhận và tôn trọng sự dàn xếp thời hạn sử dụng đất theo luật tục. Nghĩa là có thể kéo dài thời hạn sử dụng đất theo quy định luật tục và áp dụng luật tục trong bảo vệ, cải tiến và phát triển nguồn tài nguyên trong khuôn khổ pháp luật đất đai hiện nay. Nhà nước có thể cho người dân tộc thiểu số bản địa sử dụng đất theo chế độ cộng đồng theo quy định của luật tục, nếu họ lựa chọn hình thức sử dụng này. Song phải thống nhất thỏa thuận về bảo tồn phát triển nguồn tài nguyên đất giữa những người sử dụng chung đất trong cộng đồng. Như vậy, muốn xúc tiến việc cấp quyền sử dụng đất cho người bản địa được nhanh chóng, pháp luật về quản lý đất đai trong khu vực đồng bào dân tộc bản địa phải tương ứng với những hiểu biết hiện có của họ và tương ứng với các thiết chế điều hành truyền thống ở đây, đó là luật tục. Việc triển khai thực hiện luật đất đai cần phải được thực hiện trong mối quan hệ với luật tục và các mâu thuẫn nảy sinh cũng cần được giải quyết trên cơ sở đó. Quá trình triển khai thực hiện luật đất đai trong khu vực người dân tộc thiểu số phải hết sức linh hoạt, thận trọng và phải bảo đảm tính minh bạch. Những người tham gia quản lý đất đai phải chịu trách nhiệm trước cộng đồng và phải chịu trách nhiệm trước nhà nước. Một điểm đáng lưu ý là cần có cơ chế cho người phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia quản lý đất đai, đáp ứng tâm lý tôn trọng luật tục của người dân ở đây. Để tránh sự tranh chấp đất đai giữa các thành viên trong cộng đồng với nhau khi quyền sử dụng đất trở nên có giá trị lớn bởi chính sách định cư làng người Việt vào khu vực các buôn làng, Nhà nước ta cần phải sử dụng linh hoạt luật tục trong quá trình tổ chức cấp quyền sử dụng đất cho cá nhân và tổ chức.

## **Kết luận Chương 4**

1. Giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải đáp ứng yêu cầu phát triển của thực tiễn đất nước và của tỉnh Đắk Lắk, cả trước mắt và lâu dài, đồng thời quá triết 06 quan điểm chỉ đạo cụ thể. Các quan điểm này mang tính tất yếu, khách quan, phản ánh đúng đắn nhu cầu thực tiễn phát triển đất nước và của tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu của công tác hoàn thiện chính sách pháp luật về giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn tỉnh, vì vậy, nó cần phải được xây dựng phù hợp với yêu cầu, bám sát các đặc trưng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và đặc trưng của thể chế chính trị nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện và sát với tình hình thực tiễn nước ta nói chung, vùng Tây Nguyên nói riêng, trong đó đặc biệt lưu ý những điều kiện đặc thù của tỉnh Đắk Lắk trong mối quan hệ với cả nước và khu vực. Với mỗi quan điểm đều có nội dung, yêu cầu riêng và đòi hỏi phải được các chủ thể, đặc biệt là các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức và Đảng viên quán triệt và tuân thủ đầy đủ trong giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Các giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk bao gồm 06 nhóm chủ yếu. Các nhóm giải pháp này được đề xuất trên cơ sở bám sát các vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk, kế thừa những kết quả, thành tựu đã đạt được, khắc phục hạn chế, yếu kém trong giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk thời gian qua có tính đến yêu cầu của thực tiễn và xu hướng thời đại; tương ứng với mỗi nhóm giải pháp sẽ có các nhiệm vụ và hoạt động chủ yếu cần phải được triển khai thực hiện nghiêm túc, có hệ thống và đặt trong tính chính thể nhằm đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra. Đây là những giải pháp chủ yếu, có tính khả thi, vừa cấp bách, vừa lâu dài, vì thế cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong giáo dục pháp luật cho người dân nói chung, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng.

## KẾT LUẬN

1. Giáo dục pháp luật là một phạm trù, một bộ phận cấu thành của khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật. Những năm qua, xuất phát từ vị trí, vai trò và ý nghĩa của nó, nhất là trong bối cảnh đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và chủ động hội nhập quốc tế, giáo dục pháp luật nói chung, cho người dân và trên từng lĩnh vực, địa bàn cụ thể nói riêng, trong đó có người dân tỉnh Đắk Lắk trở thành đề tài nghiên cứu của nhiều công trình, đề tài, chuyên khảo khoa học, cả trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên, đến nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống, cả cơ sở lý luận, tổng kết thực tiễn và xây dựng những quan điểm, đề ra phương hướng và giải pháp đổi mới giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk. Công trình nghiên cứu này là một bổ sung cần thiết cho sự thiếu hụt đó, nhất là nghiên cứu giáo dục pháp luật đặt trong mối quan hệ với giáo dục tri thức luật tục bản địa.

2. Giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk là một hoạt động giáo dục chuyên biệt, vừa là bộ phận cấu thành quan trọng của giáo dục pháp luật, đặt trong mối liên hệ gắn bó chặt chẽ, hữu cơ và tác động qua lại với giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, vừa có vị trí độc lập tương đối. Ngoài những thuộc tính thể hiện đặc trưng chung của giáo dục pháp luật (tính định hướng, tính tổ chức, tính hệ thống...), xuất phát từ đặc thù của người dân và điều kiện thực tiễn của tỉnh, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk còn có những đặc thù riêng, thể hiện ở mục tiêu, nguyên tắc, đối tượng giáo dục, chủ thể giáo dục, nội dung, hình thức, phương tiện và hiệu quả giáo dục pháp luật. Ứng với mỗi nhóm đối tượng, địa bàn khác nhau, do những đặc trưng xã hội - nhân khẩu, văn hóa, chính trị, tư tưởng và địa lý khác nhau nên có những đòi hỏi, yêu cầu khác nhau, cả về mục tiêu, nội dung, hình thức giáo dục pháp luật. Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk có những đặc trưng chủ yếu sau đây:

*Một là*, về mục tiêu, ngoài những mục tiêu chung về nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức tuân thủ, tự giác chấp hành pháp luật, hình thành tình cảm pháp luật, văn hóa pháp lý, mục tiêu đặc thù trong giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk là hướng đến giải

quyết hài hòa mối quan hệ giữa các yếu tố bản địa, vốn là truyền thống – giá trị văn hóa thể hiện trong luật tục với các yếu tố ngoại lai, vốn là những cái mới, được du nhập đến địa bàn và phù hợp với lợi ích, chuẩn mực chung – giá trị văn hóa mới thể hiện trong pháp luật; đưa các yếu tố bản địa tiến dần đến những giá trị chung được cộng đồng thừa nhận, từ đó loại bỏ những quy định đã lạc hậu, không còn phù hợp với luật tục để hình thành nên những chuẩn mực giá trị mới trong cộng đồng.

*Hai là*, về chủ thể giáo dục pháp luật, bao gồm các thiết chế Nhà nước và xã hội, cả trung ương và của địa phương (các cơ quan nhà nước, tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, người lao động...), các tổ chức xã hội, nhà trường, các cơ quan thông tin, truyền thông đại chúng báo chí; các thiết chế tự quản của cộng đồng và từng cá nhân trong gia đình. Do đặc thù của tỉnh, một nhóm chủ thể giáo dục cần đặc biệt quan tâm xây dựng, thu hút, khai thác và sử dụng để phát huy đầy đủ vai trò của họ trong hoạt động giáo dục pháp luật là cộng đồng là các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong buôn làng; đội ngũ thanh niên tình nguyện hùng hậu của tỉnh và đội ngũ chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp. Đây là đội ngũ có khả năng tài chính, có tri thức pháp luật đời sống, có điều kiện gần gũi đồng bào, nắm bắt và am hiểu sâu sắc phong tục, tập quán, luật tục, vì thế họ có đủ điều kiện tham gia hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân và thực sự là tấm gương để dẫn dắt mỗi người trong tiếp cận pháp luật. Cần phải quan tâm xây dựng và bồi dưỡng nguồn nhân lực tại chỗ, từ chính con em của đồng bào các dân tộc trong tỉnh để chính họ chứ không phải ai khác phải là người giải quyết các công việc của cộng đồng mà họ là thành viên, đồng thời vận động, giáo dục, thuyết phục các thành viên khác tuân theo và chấp hành pháp luật.

*Ba là*, đối tượng giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk mang sắc thái của cơ chế xã hội hoá giáo dục pháp luật đó là trong những điều kiện cụ thể họ có thể là chủ thể của hoạt động giáo dục pháp luật; ứng với mỗi nhóm đối tượng khác nhau do nhu cầu, khả năng nhận thức, năng lực thực tiễn khác nhau nên ngoài những nội dung chung cũng cần xác định nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật riêng biệt phù hợp với từng nhóm đối tượng. Cần đặc biệt quan tâm tới nhóm đối tượng là cư dân người dân tộc thiểu số bản địa sinh sống trên địa bàn

tinh, đối xử với họ như chính những gì họ vốn có để từng bước vận động, thuyết phục và dẫn dắt họ tiếp cận dần với những giá trị, chuẩn mực chung được cộng đồng ghi nhận để họ thêm yêu quê hương, đất nước, yêu Đảng, yêu Nhà nước, gắn bó mật thiết với Đảng và Nhà nước. Đó là quá trình giáo dục hòa đồng, lôi kéo, trực quan bằng những việc làm cụ thể, bằng những tấm gương cụ thể thiết thực để người dân thấy và tự nguyện, tự giác đi theo.

*Bốn là*, về nội dung, hình thức giáo dục pháp luật, ngoài nội dung, hình thức giáo dục pháp luật chung, việc xác định nội dung, hình thức giáo dục pháp luật đặc thù cho người dân trong tỉnh phải bám sát những yếu tố địa chính trị, địa kinh tế - văn hóa – xã hội của tỉnh Đắk Lắk và tâm lý, tư tưởng của người dân trong tỉnh để lựa chọn cho phù hợp. Trong đó cần đặc biệt chú ý giáo dục tri thức về quyền làm chủ, về nghĩa vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc XHCN, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội gắn với bảo tồn, bảo tàng, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, với bảo vệ, duy trì và phát triển môi trường sống phù hợp với đời sống văn hóa, tâm linh của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh.

*Năm là*, về phương pháp thực hiện, ngoài những phương pháp chung, cần kết hợp hài hòa giữa phương pháp giáo dục thuyết phục, vận động kết hợp với giáo dục trực quan để đề cao tính tích cực, chủ động, tự giác của mỗi người dân với phương pháp cưỡng chế, bắt buộc thực hiện đối với hành vi vi phạm pháp luật; bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ giữa hình ảnh trực quan với nêu gương người tốt, việc tốt, điển hình trong tuân thủ, chấp hành pháp luật; phê phán những biểu hiện, nhận thức lệch lạc, trái với chuẩn mực của pháp luật.

*Sáu là*, hiệu quả giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phụ thuộc vào nhiều yếu tố, từ chất lượng của hệ thống pháp luật thực định, đến nhu cầu tự nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng pháp luật và năng lực cảm thụ các giá trị, tác động của pháp luật trong cuộc sống của mỗi người dân và những vấn đề mà đời sống Nhà nước và pháp luật đặt ra đối với xã hội cũng như chất lượng nguồn nhân lực làm công tác giáo dục pháp luật, các nguồn lực bảo đảm triển khai thực hiện nó trong thực tế và cơ chế

phối hợp, huy động các nguồn lực xã hội hướng đến mục tiêu cao nhất là giữ gìn xã hội trong vòng trật tự, bảo đảm an toàn đời sống của mỗi cá nhân và cả cộng đồng.

**3.** Giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk chịu sự tác động, chi phối bởi nhiều yếu tố, trong đó đáng kể là: i) Sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật (tính thống nhất, đồng bộ, toàn diện và khả thi, kỹ thuật lập pháp cao, tính ổn định, dễ tiếp cận, công khai, minh bạch...); ii) Nhu cầu, khả năng nhận thức, ý thức pháp luật, văn hóa pháp lý của cộng đồng; tính chủ động, tích cực của mỗi cá nhân; iii) Sự tác động, chi phối của các công cụ điều chỉnh xã hội khác (thói quen, phong tục tập quán, luật tục, tín ngưỡng tôn giáo...); iv) Điều kiện địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa xã hội; v) Chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức (năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm tinh thần nêu gương...); vi) Sự tham gia của các thiết chế xã hội (các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, các cơ quan báo chí, truyền thông, những người hành nghề pháp luật, đội ngũ già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, hòa giải viên...) và vii) Các điều kiện bảo đảm (về bộ máy, nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất). Đây là những yếu tố tác động quan trọng cần phải được phân tích, đánh giá một cách chính xác, khách quan, toàn diện trong quá trình triển khai công tác giáo dục pháp luật; giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa cái chung với cái riêng, giữa cái phổ biến và cái đặc thù.

**4.** Đắk Lắk là trung tâm của vùng Tây Nguyên, cái nôi của văn hóa cộng đồng, có vị trí địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa - xã hội đặc biệt quan trọng đối với cả nước. Những năm qua, nhất là trong bối cảnh đổi mới toàn diện đất nước, Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm, ban hành nhiều chủ trương, chính sách, văn bản về giáo dục pháp luật để ghi nhận và bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền được thông tin pháp luật của mọi người dân, trong đó có người dân tỉnh Đắk Lắk. Cùng với việc đề cao trách nhiệm tích cực, chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật của mỗi người dân, Nhà nước cũng đề cao trách nhiệm và xác định rõ vị trí, vai trò của mình trong bảo đảm thực hiện quyền được thông tin pháp luật của người dân (như xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; xác định phạm vi thông tin pháp luật cần phải được đăng tải công khai...); đồng thời thu

hút, huy động và khuyến khích mọi nguồn lực xã hội tham gia theo chủ trương xã hội hóa. Nhờ vậy chất lượng công tác giáo dục pháp luật và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của người dân được nâng lên; người dân dễ dàng hơn trong việc tiếp cận hệ thống pháp luật và các thiết chế tổ chức bộ máy; biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, thực hiện các quyền, nghĩa vụ công dân, hạn chế và không thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật hoặc xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể khác, từ đó tích cực, chủ động tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung của cả nước, người dân tỉnh Đắk Lắk vẫn chưa được thụ hưởng đầy đủ các chủ trương, chính sách đó. Tình trạng pháp luật chậm đi vào cuộc sống, không đến được với đồng bào, thậm chí xa lạ với người dân cũng như tình trạng vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết pháp luật vẫn còn. Người dân, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh vẫn còn xa lạ với pháp luật, chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò, ý nghĩa của pháp luật trong quản lý đời sống xã hội cũng như trong bảo vệ và bảo đảm thực hiện các quyền, tự do dân chủ của mỗi người dân. Một số phong tục, tập quán, luật tục tuy đã lạc hậu, không còn phù hợp với đời sống xã hội vẫn còn được duy trì trong một số cộng đồng dân cư; một số phong tục, tập quán, luật tục tiến bộ chưa được nhận diện đầy đủ để kế thừa, phát triển trong điều chỉnh các quan hệ xã hội nảy sinh trong cộng đồng.

5. Trước yêu cầu đổi mới toàn diện đất nước, thực hiện thắng lợi chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chủ động hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi phải tiếp tục nhận diện và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục pháp luật nói chung, cho người dân tỉnh Đắk Lắk nói riêng, cả về mục tiêu, nội dung, hình thức và cách thức tổ chức thực hiện. Trong bối cảnh đó, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải hướng đến mục tiêu bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền được thông tin pháp luật của người dân; nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật gắn với phát triển kinh tế - xã hội với giữ gìn bản sắc văn hóa bản địa, tín ngưỡng, tôn giáo; xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh

chống các âm mưu và hoạt động chia rẽ nhân dân, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Để đạt được mục tiêu đó cần quán triệt và thực hiện các quan điểm chủ yếu sau:

*Một là*, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải quán triệt và thực hiện đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục pháp luật, về phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên và tỉnh Đắk Lắk cũng như chủ trương, chính sách, quy định pháp luật gắn với phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm sự gắn kết giữa công tác xây dựng pháp luật với tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật; giữa phạm vi tác động, điều chỉnh của pháp luật với tác động, điều chỉnh của các quy phạm xã hội khác mà trọng tâm là luật tục.

*Hai là*, giáo dục pháp luật phải kết hợp chặt chẽ với giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, giữa giáo dục gia đình với nhà trường và xã hội để xây dựng và hình thành con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, qua đó góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Ba là*, giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk phải bám sát nhu cầu của người dân, phù hợp với đặc điểm cư dân, đặc thù văn hóa bản địa, tập quán và tục lệ của cư dân, với phương pháp khéo léo và phù hợp với trình độ hiểu biết của họ; có tính đến những điều kiện đặc thù, đến yêu cầu phát triển của tỉnh Đắk Lắk, kế thừa những thành tựu đã đạt được; khắc phục những tồn tại, hạn chế bất cập, dự báo và định hướng phát triển cho phù hợp với xu hướng vận động, phát triển của thực tiễn, bảo đảm tính khả thi.

**6.** Để đáp ứng mục tiêu, quan điểm trên đây, cần thực hiện tốt các giải pháp đổi mới giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk sau đây:

*Một là*, tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để nhận diện đầy đủ và sâu sắc hơn về vị trí, vai trò, ý nghĩa của pháp luật và giáo dục pháp luật trước yêu



cầu của thực tiễn pháp triển đất nước để mỗi người phát huy tinh thần chủ động, tích cực, tự giác trong nghiên cứu, học tập, tìm hiểu pháp luật; hình thành thói quen lựa chọn hành vi xử sự theo pháp luật, trong khuôn khổ các quy định của pháp luật, tôn trọng trật tự chung, quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, của xã hội và của các chủ thể khác.

*Hai là*, hoàn thiện thể chế, chính sách về giáo dục pháp luật và chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, không đánh đồng đối tượng mà phải tính đến các yếu tố đặc thù của các nhóm đối tượng mà đề ra chính sách phù hợp. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, pháp luật về PBGDPL cho đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới và những vùng miền đặc thù khác.

*Ba là*, Hoàn thiện cơ chế tổ chức triển khai thực hiện công tác giáo dục pháp luật, chú trọng các điều kiện bảo đảm để phù hợp giữa mục tiêu chính sách và các điều kiện bảo đảm thực thi chính sách; kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ gắn với quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác giáo dục pháp luật tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp để huy động gắn với khai thác và sử dụng có chất lượng, hiệu quả các nguồn lực vốn rất khan hiếm.

*Bốn là*, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, tin học trong hoạt động giáo dục pháp luật; nâng cao chất lượng công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội về ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm trước cộng đồng, trước người khác, bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa giáo dục chính khóa với hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp.

*Năm là*, Tăng cường công tác quản lý nhà nước về PBGDPL; tiếp tục đổi mới nội dung quản lý nhà nước; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện để kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện; nhân rộng gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến trong tuân thủ, chấp hành pháp luật.

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

### LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Tĩnh (2015), “Vận dụng luật tục trong công tác giáo dục việc thực hiện pháp luật cho cư dân người dân tộc thiểu số”, *Tạp chí nghiên cứu Lập pháp* (số 01) trang 49-58.
2. Nguyễn Thị Tĩnh (2013), “Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử tại Toà án”, *Tạp chí nghiên cứu Lập pháp* (số 24) trang 48-53.
3. Nguyễn Thị Tĩnh (2013), “Giáo dục pháp luật trong hoạt động hoà giải”, *Tạp chí nghiên cứu Lập pháp* (số 14) trang 42-46.
4. Nguyễn Thị Tĩnh (2013), “Giáo dục pháp luật trong hoạt động thu thập chứng cứ tại Toà án”, *Tạp chí nghiên cứu Lập pháp* (số 04) trang 49-55.
5. Nguyễn Thị Tĩnh (2012), “Giáo dục pháp luật trong hoạt động khởi kiện và thụ lý vụ án”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp* (số 20) trang 42-50.
6. Nguyễn Thị Tĩnh (2011), “Một số vấn đề về giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử dân sự, hôn nhân và gia đình của Toà án”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật* (số 4) trang 17-20.
7. Nguyễn Thị Tĩnh (2006), “Một vài suy nghĩ về thủ tục kiểm toán đối với doanh nghiệp nhà nước khi tiến hành thủ tục phá sản”, *Tạp chí Toà án* (số 2) trang 12-13.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

1. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam Văn hoá sử cương*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
2. Ban Bí thư (2003), *Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân*, Hà Nội.
3. Ban Bí thư (2011), *Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân*.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến 2020*.
6. Bộ Chính trị (2011), *Kết luận số 12-KL/TW ngày 24/10/2011 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW khóa IX của Bộ Chính trị về phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011-2020*.
7. Bộ Chính trị (2001), *Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18/01/2001 Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2010*.
8. Bộ Tư pháp (1957), *Tập luật lệ về Tư pháp*, Hà Nội.
9. Bộ Tư pháp (1996), *Một số vấn đề giáo dục pháp luật ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Bộ Tư pháp (2010-2015), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp các năm 2010 – 2015*.
11. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 1*. Nxb Chính trị quốc gia.
12. Vũ Hoàng Công (2009), *Xây dựng và phát triển nền dân chủ XHCN trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

13. Mai Ngọc Cường (2006), *Chính sách xã hội nông thôn, kinh nghiệm cộng hòa liên bang Đức và thực tiễn Việt Nam*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
14. Daron Acemoglu và James A. Robinson (2013), *Tại sao các quốc gia thất bại*, Nxb Trẻ, Hà Nội
15. David S.Landes (2001), *Sự giàu và nghèo của các dân tộc: Vì sao một số giàu đến thế mà một số lại nghèo đến thế*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Nxb Thống kê, Hà Nội.
16. Diễn đàn Kinh tế - Tài chính Việt - Pháp, Khoá họp lần thứ tư (2004), *Vì một sự tăng trưởng và một xã hội công bằng* (báo cáo tổng kết), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Lê Đăng Doanh và Nguyễn Minh Tú (2001), *Tăng trưởng kinh tế và chính sách xã hội ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi từ 1991 đến nay, kinh nghiệm các nước Asean*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Nxb Lao động, Hà Nội.
18. Trương Minh Dục (2003), *Những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng hệ thống chính trị ở Tây Nguyên. Trong cuốn: “Một số vấn đề về xây dựng hệ thống chính trị ở Tây Nguyên”*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Nguyễn Đăng Dung (2005), *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
20. Nguyễn Đăng Dung (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền (Sách chuyên khảo)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
21. Trần Ngọc Dũng (2010), “Hoàn thiện hệ thống giáo dục pháp luật ở Việt Nam nhằm thi hành hiến chương Asean”, *Tạp chí Luật học* (số 01), tr 19-22
22. Nguyễn Duy Dũng (1998), *Chính sách và biện pháp giải quyết phúc lợi xã hội ở Nhật Bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Nguyễn Sĩ Dũng và Hoàng Minh Hiếu (2010), “Việc tổ chức thực hiện pháp luật trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp* (số 13), tr 17-23

24. Phan Hồng Dương (2014), *Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
25. Dương Văn Đại (2015), *Vai trò giáo dục pháp luật đối với phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam thuộc Bộ Công an (Nghiên cứu trường hợp trại giam Nam Hà)*, Luận án tiến sĩ xã hội học, Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Lưu hành nội bộ.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, Khóa VII*, Lưu hành nội bộ.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ III Ban Chấp hành Trung ương, Khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 7*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Các Nghị quyết của Trung ương Đảng 2001 – 2004 (Sách phục vụ thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội X)* Lưu hành nội bộ, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương, Ban chỉ đạo tổng kết lý luận (2005), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Nxb Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
39. Đêvít Auxbót và Tét Gheblơ (1997), *Đổi mới hoạt động của Chính phủ (Sách tham khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Nguyễn Minh Đoan (2002), *Hiệu quả pháp luật những vấn đề lý luận và thực tiễn (sách tham khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Nguyễn Minh Đoan (2009), *Thực hiện và áp dụng pháp luật ở Việt Nam (sách tham khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Nguyễn Minh Đoan (2009), *Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội (sách tham khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Mạc Đường (1983), *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Sở Văn hóa – Thông tin tỉnh Lâm Đồng, Lâm Đồng.
45. Trần Ngọc Đường (2004), “Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật - Nhiệm vụ trọng tâm xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật* (số 7), tr 19- 25.
46. Trần Ngọc Đường (2011), *Bàn về quyền con người quyền công dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội xã hội chủ nghĩa*, *Sách tham khảo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

48. Trần Ngọc Đường, Chu Văn Thành (1994), *Mối quan hệ pháp lý giữa cá nhân công dân với nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Vũ Minh Giang (1993), “Xây dựng lối sống theo pháp luật - nhìn từ góc độ lịch sử truyền thống”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật* (số 1), tr 18-25.
50. Võ Nguyên Giáp (2000), *Tổng Hành dinh trong mùa xuân toàn thắng*, Hồi ức, Phạm Chí Nhân thể hiện, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Gorshunov D.N (2006), “Những yếu tố tâm lý xã hội trong thực thi pháp luật”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp* (số 79), tr 27-31-.
52. Phạm Hào và Trương Minh Dục (2003), *Một số vấn đề về xây dựng hệ thống chính trị ở Tây Nguyên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Lê Thu Hằng (2003), *Chức năng xã hội của nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
54. Trương Thị Hiền (2015), *Mối quan hệ giữa luật tục và luật pháp trong quản lý xã hội (nghiên cứu trường hợp luật tục Ê đê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*, Luận án tiến sĩ xã hội học, Học viện Khoa học xã hội-Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
55. Dương Phú Hiệp và Vũ Văn Hà (1998), *Phân hóa giàu nghèo ở một số quốc gia khu vực Châu Á Thái Bình Dương*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
56. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2001), *Cộng đồng làng xã Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2012), *Kết quả thống kê thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo ở nước ta hiện nay (qua khảo sát một số tỉnh Tây Nguyên)*, Hà Nội.
58. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (2002), *Từ điển bách khoa Việt Nam, Quyển 2 (E-M)*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
59. Hội Luật gia ASEAN (2009), *Kỷ yếu Hội thảo: “Hiến chương ASEAN-đưa ASEAN lên những tầm cao mới”*, Hà Nội, tr 45-51
60. Hội Luật gia Dân chủ quốc tế (2006), *Hội thảo: “Giáo dục pháp luật trong kỹ nguyên toàn cầu hóa”*, Kỷ yếu Hội thảo, Paris, tr 39-44

61. Hội nghị Tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam (2003), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2004 Nghèo*, Báo cáo chung của các nhà tài trợ.
62. Hội nghị Tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam, (2007), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2008, Bảo trợ xã hội*, Báo cáo chung của các nhà tài trợ.
63. Hội nghị Tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam (2009), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2010, Các thể chế hiện đại*, Báo cáo chung của các nhà tài trợ.
64. Đoàn Thị Thanh Huyền (2014), *Giáo dục pháp luật cho con cái trong gia đình hiện nay*, Luận án tiến sĩ xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
65. Nguyễn Đình Hương (2005), *Chuyển đổi kinh tế ở Liên bang Nga lý luận - thực tiễn và bài học kinh nghiệm*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
66. Nguyễn Thị Việt Hương (2004), “Dân chủ làng xã: Truyền thống và hiện tại”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật* (số 8), tr 21-24.
67. Nguyễn Thị Việt Hương (2009), “Giá trị của luật tục từ góc nhìn pháp lý”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* (số 2), tr 25-30.
68. Dương Thị Hường (2009), “Các yếu tố văn hoá - xã hội ở Tây Nguyên và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", *Tạp chí Mặt trận* (số 72), tr 32-37.
69. Phạm Khiêm Ích và Hoàng Văn Hào (1995), *Quyền con người trong thế giới hiện đại – nghiên cứu và thông tin (Tài liệu tham khảo nội bộ)*.
70. Jean-Jacques Rousseau (2004), *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
71. Lê Đình Khiên (1999), *Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở nước ta hiện nay*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
72. Vũ Đức Khiên (1982), *Ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ luật học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô.



73. Kulcsar Kalman (1999), *Cơ sở xã hội học pháp luật* (Đức Uy biên dịch), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
74. Nguyễn Duy Lâm (1997), *Một số vấn đề về phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
75. Hà Quế Lâm (2009), *Xóa đói, giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Trương Đắc Linh (2005), *Chính quyền địa phương với việc bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Nguyễn Đình Lộc (1978), *Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật ở Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Tổng hợp Matxcova.
78. Tạ Thị Minh Lý (2011), “Bàn về tổ chức thực hiện pháp luật”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp* (số 2 + 3), tr 36-41.
79. Nguyễn Đình Đăng Lục (2004), *Giáo dục pháp luật trong nhà trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
80. Nguyễn Đình Đăng Lục (2013), *Vai trò của pháp luật trong quá trình hình thành nhân cách*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Phan Trung Lý (2009), “Bảo đảm thi hành pháp luật ở địa phương - khó khăn, thuận lợi và giải pháp”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước* (số tháng 4), tr 28-33.
82. Dương Thị Thanh Mai (1996), *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam (bằng thực tiễn của tòa án và luật sư)*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
83. Nguyễn Văn Mạnh (2010), *Thực hiện pháp luật, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
84. Hồ Chí Minh (1985), *Về công tác tư tưởng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
85. Hồ Chí Minh (1985), *Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
86. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, Tập 7*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Montesquieu (1996), *Tinh thần pháp luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
88. Ngân hàng phát triển Châu Á (2003), *Báo cáo đánh giá nghèo theo vùng tại vùng ven biển Miền Trung và Tây Nguyên*.

89. Ngân hàng thế giới (1997), *Nhà nước trong một thế giới chuyển đổi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Ngân hàng thế giới (2003), *Báo cáo phát triển thế giới 2004, Cải thiện các dịch vụ để phục vụ người nghèo*, Nxb Chính trị quốc gia.
91. Lê Hữu Nghĩa, Hoàng Chí Bảo, Bùi Đình Bôn (2008), *Đổi mới quan hệ giữa Đảng Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị ở Việt Nam (sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
92. Phạm Duy Nghĩa (2004), *Pháp luật và những nhân tố tích cực của Nho giáo*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
93. Ngô Văn Nhân (2010), “Về cấu trúc, vai trò, chức năng của văn hóa pháp luật”, *Tạp chí Triết học* (số 7) tr 23-30.
94. Trần Thị Tuyết Oanh (2015), *Giáo trình Giáo dục học*, tập 2, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
95. Peter F. Drucker (1995), *Xã hội hậu tư bản*, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Trung tâm thông tin tư liệu, Hà Nội.
96. Hoàng Khê (2006), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng – Trung tâm từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng.
97. Lê Du Phong, Hoàng Văn Hoa, Nguyễn Văn Áng (2000), *Giải quyết vấn đề phân hóa giàu nghèo ở các nước và Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
98. Đỗ Nguyên Phương, Trần Ngọc Đường (1992), *Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
99. Vũ Thị Hoài Phương (2008), *Giáo dục pháp luật trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
100. Pierre Jacquet, Roland Hureauux, Vincent Denby – Wilkes, (2004), *Báo cáo tổng kết: Vì một sự tăng trưởng và một xã hội công bằng*, Sách tham khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

101. Quốc hội (2002), *Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980, 1992 và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Hoàng Thị Kim Quế (2002), “Cơ chế điều chỉnh pháp luật và cơ chế điều chỉnh xã hội”, *Tạp chí Khoa học xã hội* (chuyên đề Luật - Kinh tế), tr 18-25.
103. Hoàng Thị Kim Quế (2004), “Đưa cuộc sống vào pháp luật và đưa pháp luật vào cuộc sống”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật* (số Chuyên đề về thực hiện chỉ thị 32-CT/TW của Ban Bí thư), tr 35-41.
104. Hoàng Thị Kim Quế (2004), “Văn hóa pháp lý - Dòng riêng giữa nguồn chung của văn hóa truyền thống Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* (số 10), tr 24-31.
105. Hoàng Thị Kim Quế (2005), *Luật tục Tây Nguyên – Giá trị văn hóa pháp lý, quản lý cộng đồng và mối quan hệ với pháp luật*, Khoa học kinh tế - Luật (1) , Hà Nội.
106. Hoàng Thị Kim Quế (2007), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
107. Hoàng Thị Kim Quế (2011), “Bàn về hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Khoa học pháp lý* (số 8), tr 39-45.
108. Hoàng Thị Kim Quế, Ngô Huy Cương (2011), *Văn hóa pháp luật – Những vấn đề lý luận cơ bản và ứng dụng chuyên ngành (Sách chuyên khảo)*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
109. R.C.Bainiazov (2001), *Ý thức pháp luật và tiềm thức pháp luật ở nước Nga*, Luận án tiến sĩ luật học, Saratov.
110. S.Chiavo-Campo và P.S.A.Sundaram (2003), *Phục vụ và duy trì: Cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh (sách tham khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
111. Phạm Văn Sáng, Ngô Quang Minh, Bùi Văn Huyền, Nguyễn Anh Dũng (2008), *Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội (phân tích thực tiễn ở Đồng Nai)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

112. Trần Thị Sáu (2012), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
113. Bùi Ngọc Sơn (2004), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hóa Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
114. Stiglitz Joseph và Shahid Yusuf (2002), *Suy ngẫm lại sự thần kỳ Đông Á*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
115. Stern, Dethier và Rogers (2005), *Tăng trưởng và trao quyền pháp lý - Tạo điều kiện cho phát triển*, MIT Press.
116. Súc Ni Lăn Đon Kun Lạ Vông (2015), *Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
117. Nguyễn Quốc Sửu, Lê Thiên Hương, Ngô Văn Nhân, Bùi Huy Tùng, Trần Anh Hùng, (2014), *Tăng cường giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk, Sách chuyên khảo*. Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
118. Lê Minh Tâm (1998), “Vấn đề văn hóa pháp luật ở nước ta trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Luật học* (số 5), tr 19-25.
119. Phạm Hồng Thái và Đinh Văn Mậu (2009), *Lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
120. Đinh Xuân Thảo (1996), *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay*, Luận án phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
121. Hoàng Minh Thảo (2004), *Chiến đấu ở Tây Nguyên*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
122. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
123. Vũ Viết Thiệu (2007), “Mối quan hệ giữa xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp* (số 107), tr 37-44.

124. Ngô Đức Thịnh (2008), *Các giá trị luật tục ở Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
125. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012, Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2012 và các Chương trình, Kế hoạch, Đề án khác về phổ biến, giáo dục pháp luật*.
126. Nguyễn Thu Thủy (2006), “Chất lượng giáo dục pháp luật và các tiêu chí đánh giá”, *Tạp chí Luật học*, Trường Đại học Luật Hà Nội (số 5), tr 28-33.
127. Trần Thị Hồng Thúy, Ngô Văn Nhân (2004), *Tác động của dư luận xã hội đối với ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
128. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2005), *Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 24/11/2005 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân trong tỉnh”*.
129. Ngô Văn Trù (2013), *Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam: Sách chuyên khảo*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
130. Dương Thành Trung (2013), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
131. Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn về Phát triển - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam (2012), *Đề tài TN3/X09: "Xây dựng luận cứ khoa học cho việc bổ sung và đổi mới hệ thống thể chế phát triển bền vững Tây Nguyên"* (Chủ nhiệm đề tài" PGS.TS Hà Huy Thành).
132. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật*. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
133. Đào Trí Úc (1993), *Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
134. Đào Trí Úc (1997), *Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
135. Đào Trí Úc (1997), *Giáo dục ý thức và lối sống tuân theo pháp luật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

136. Đào Trí Úc (2005), “Xã hội học thực hiện pháp luật - những khía cạnh nhận thức cơ bản”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* (Số 02), tr 39-44.
137. Đào Trí Úc (2005), *Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
138. Đào Trí Úc (2009), *Cơ chế giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng và Nhà nước một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
139. Đào Trí Úc (2011), “Thực hiện pháp luật và cơ chế thực hiện pháp luật”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* (số 7), tr 38-45.
140. Đào Trí Úc, Phạm Hữu Nghị (2009), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
141. UNDP (2007), *Báo cáo phát triển con người 2007 – 2008*.
142. Ủy ban Dân tộc (2010), *Đề án chính sách phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020 (Dự thảo)*, Hà Nội.
143. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2009), *Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 22-6-2009 triển khai Đề án “Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển địa phương từ năm 2009-2012”*.
144. Đặng Nghiêm Vạn (1993), *Tây Nguyên trên đường phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
145. V.I.Kaminskaja, A.P.Rachinov (1974), *Ý thức pháp luật với tính cách là một yếu tố của văn hóa pháp luật – Văn hóa pháp luật và các vấn đề giáo dục pháp luật*, Luận án tiến sĩ luật học, Matxcova
146. V.I.Lê-nin (1979), *Toàn tập, Tập 8*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
147. V.I. Lê nin (1997), *Toàn tập, Tập 30*, Nxb Tiến bộ Mátxcova.
148. V.I.Lê-nin (1979), *Toàn tập, Tập 33*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
149. V.I.Lê-nin (1997), *Toàn tập, Tập 39*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

150. V.I.Lê-nin (1997), *Toàn tập, Tập 44*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
151. V.I. Lê-nin (1979), *Toàn tập, Tập 53*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
152. V.M. Bô-erơ (1993), *Tình hình được thông tin về pháp luật với việc hình thành văn hóa pháp luật của cá nhân*, Luận án Tiến sĩ luật học, Matxcova.
153. V.N.Siniukov (2010), *Đào tạo pháp luật trong bối cảnh văn hóa pháp luật Nga (Trong cuốn: “Hệ thống pháp luật của nước Nga”*, Nxb Norma, Matxcova.
154. Phạm Thái Việt (2009), *Vấn đề điều chỉnh chức năng và thể chế của nhà nước dưới tác động của toàn cầu hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
155. Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2005), *Dịch vụ pháp lý ở Việt Nam: Thực trạng, nhu cầu và định hướng phát triển*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
156. Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2005), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành tư pháp*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
157. Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2011), *Luận cứ khoa học và thực tiễn triển khai thực hiện nhiệm vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
158. Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2011), *Kỷ yếu Hội thảo Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật*, Hà Nội.
159. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (1992), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
160. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (1995), *Thông tin khoa học pháp lý, Chuyên đề tuyên truyền giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
161. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (1998), *Thông tin Khoa học pháp lý, Chuyên đề về: Pháp luật của một số nước Đông Âu trong quá trình chuyển đổi cơ chế*, Hà Nội.

162. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2001), *Một số biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật của một số đối tượng bị thiệt thòi trong xã hội*, Thông tin khoa học pháp lý, Hà Nội.
163. Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (1996), *Điều tra việc thực hiện pháp luật*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
164. Viện Nhà nước và pháp luật, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn (1995), *Đề tài cấp Nhà nước, mã số KX 07-17 “Xây dựng ý thức và lối sống tuân theo pháp luật”* (Chủ nhiệm Đề tài: GS.TSKH Đào Trí Úc).
165. Viện Nhà nước và Pháp luật, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (1997), *Dự án điều tra, khảo sát đánh giá tổng thể về hiểu biết pháp luật và ý thức pháp luật của người dân trên địa bàn 4 quận nội thành Hà Nội*.
166. Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam (2012), *Đề tài TN3/X18: Vai trò của một số nhóm xã hội các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững Tây Nguyên* (Chủ nhiệm đề tài TS Bùi Văn Đạo).
167. Viện Xã hội học (2003), *Chính sách và chiến lược giảm bất bình đẳng và nghèo khổ: Sách tham khảo*, Nxb Chính trị quốc gia.
168. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người, Tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
169. Nguyễn Văn Vĩnh (2007), *Aristotle và Hàn Phi Tử con người chính trị và thể chế chính trị*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
170. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

### **Tiếng Anh:**

171. Albert J.Harno (1953), *Legal Education in the United States: A Report Prepared for the survey of the Legal Profession*, pp. 28-32 .



172. Bruce H.Kobayashi & Larry E.Ribstein (2011), *Law's Information Revolution*, 53 Ariz.L.Rev.
173. Eric Ostrov, J.D, Police/law enforcement and psychology, *The Law. Rush – Presbyterian –St.Luke' Medical Center*, Chicago and Associate Professos Psychology, Rush Medicaí College.
174. Joh T.Johnsen (1978), *Innovations in the Legal Services*, Nxb OG &H, Đức.
175. Harold D. Lasswell & Myres S.McDougal (1943) *Legal Education and Public Policy: Professional Training in the Public Interest*, 52, Yale L.J.203, 206.
176. Larry E.Ribstein, *Practicing Theory: Legal education for the Twenty-First Century*.
177. Olga Shepeleva & Asmik Novikova (2014), “The quality of legal education in Russia: The stereotypes and real problems”, *Russian Law Journal* (Volume II Issue 1), pp. 106-120.
178. S.Muralidhar (2004), *Law, poverty and Legal Aid - Access to criminal justice*, Nxb LexisNexis.
179. Setsuo Miyazawa (1999), *Legal Education and the Reproduction of the Elite in Japan*, 1 Asian-Pac. L. & Pol'y J. 2" (PDF). Hawaii.edu. Retrieved 2012-11-12.
180. SujanSingh (1998), *Legal aid, Human Right to Equality*, Nxb Deep &Deep publication, New Delhi.
181. UNDP (2008), *Making the Law work for everyone: Volume I Report of the Commission on Legal Empowerment of the Poor*.
182. World Bank (2008), *Poverty and regional development in Eastern Europe and central Asia/William Dillinger-Washington*, D.c (World Bank Working Paper; No. 118).
183. World Bank (2002), *World Developmen Report*.

**Tiếng Nga:**

184. Лукашева А.Е. Право, Мораль, Личность. Москва, Наука, 1986, стр. 55.

185. Байнязов Р.С. Правовое сознание и правовая ментальность в России. Саратов, 2001
186. Боеров В.М. Состояние правовой информированности и формирование правовой культуры личности, Москва, 1993.
187. Каминская В.И., Ратинов А. П. Правовое сознание как фактор культуры- Правовая культура и проблемы правового воспитания. Москва, 1994.
188. Синюков В.Н. Правовое обучение в контексте Российской правовой культуры (в книге: Российская правовая система. Изд. Норма, Москва, 2010, стр. 590-700 )